

JEAN POUGET

# TUÔNG NAVARRE

VỚI TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ



NHA XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

# Tướng Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

**Jean Pouget**

Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

# Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10 \(Đoan kết\)](#)

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

# Chương 1

Nguyên bản tiếng Pháp “Nous étions à Dien Bien Phu”,  
Nhà xuất bản Presses de la Cité

Buổi vỡ lòng

Ngày 11 tháng 5 năm 1953, tôi đang đóng quân ở Tây Đức thì nhận được công điện: “Pouget được làm sĩ quan tùy tùng của Tổng chỉ huy Đông Dương”

Từ đó trở đi, tôi được theo tướng Navarre trong các chuyến đi công tác liên tục tại Đông Dương. Tôi được ngồi ngay bên cạnh tướng quân trên máy bay và trong xe ô tô. Trong phòng họp báo cáo tình hình chiến sự có một chiếc ghế dành riêng cho tôi, đặt sát cửa ra vào. Cánh cửa được khép kín ngay sau lưng tôi bên ngoài có treo biển “Họp bàn chiến sự. Tuyệt mật”.

Trong những buổi chiều dài chính thức, tôi được báo trước một chỗ ngồi. Nhiều khi vô tình tôi được nghe những lời tướng Navarre bộc lộ từ đáy lòng. Tôi được cất giữ những hồ sơ mật ngoài bì ghi rõ “tuyệt đối dành riêng cho Genechef” (tức tổng tư lệnh, viết tắt).

Tại Sài Gòn, tôi sống ngay trong cơ quan Tổng chỉ huy của tướng Navarre. Bàn giấy của tôi trấn ngay phía cửa ra vào. Tướng Navarre cùng ăn cơm với tôi trên một chiếc bàn, giáp mặt nhau.

Giữa đám đông nhân viên các cục, các ban, tôi là người gần gũi tướng quân nhất, có thể nhận xét vị tổng chỉ huy khi ông ngồi lặng lẽ một mình. Tôi cũng là người được chứng kiến một cách bất lực và thảm lặng tất cả những nỗ lực của tướng quân trong công tác miệt mài. Tôi đã theo dõi trên khuôn mặt Đại tướng một khuôn mặt hoàn toàn bộc lộ không cần che đậy trước mắt tôi tất cả cuộc đấu tranh riêng tư chống lại sự hoài nghi và lo lắng, mà khi đứng trước mặt công chúng ông đã phải che giấu dưới nụ cười làm ra vẻ tin

tướng và những câu chủ lạc quan trong những bản thông báo do ông soạn thảo.

Chúng tôi rời Paris đi Tokyo trong cuộc hành trình tới Viễn Đông trên chiếc máy bay mang tên Constellation vào hồi 22 giờ 30 phút cất cánh từ sân bay Orly. Chuyến bay chở rất ít hành khách và chỉ có hai người đáp xuống Sài Gòn là tướng Henri Navarre và viên sĩ quan tùy tùng là tôi.

Tướng Henri Navarre mới chỉ được biết tin được bổ nhiệm làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương được chín ngày. Trong suốt một tuần, ông phải bù đầu rối bận vì những cuộc thăm hỏi tìm hiểu tình hình, nghe những lời khuyên do chính tướng quân yêu cầu hoặc bắt buộc phải nghe. Chỉ tới lúc trên máy bay, tướng quân mới được rảnh rang thoát khỏi những cuộc đón tiếp bận bịu, những người đến cầu cạnh và những cú điện thoại thăm hỏi. Trong máy bay tướng quân ngồi trầm lặng, đầu ngoẹo về một phía, hai ngón của bàn tay phải chống vào má, một động tác quen thuộc giúp ông tập trung tư tưởng.

Bất chợt cô chiêu đãi viên bằng một giọng ngọt ngào báo tin máy bay đang vượt qua đỉnh Núi Trắng. Lúc đó, tướng quân mới chợt bừng tỉnh cơn suy nghĩ. Ông bắt đầu nói chuyện với tôi, nhưng vẫn cứ như nói một mình.

- Số mình thật lắm chuyện bất ngờ. Từ ngày tốt nghiệp trường Cao đẳng quân sự Saint Cyr, sự nghiệp của mình toàn hướng về các chiến trường Đức và châu Âu. Đúng là mình cũng có tham gia các chiến dịch ở Syrie và Maroc, nhưng chủ yếu vẫn là ở Alsace và ở Đức. Làm đủ mọi việc: quân báo, tham mưu rồi chánh văn phòng lực lượng Pháp chiếm đóng Tây Đức. Mình đã tưởng sẽ yên vị giữ mãi chức Tổng tham mưu trưởng lực lượng quân khối NATO khu vực Trung Âu.

Thế mà đùng một cái lại được chọn làm Tổng chỉ huy ở Viễn Đông. Quả là không tưởng tượng nổi.

Mình đang được các đồng minh ở châu Âu hiểu rõ và tín nhiệm. Mình cũng đang say mê làn sương mù sông Rhin, cái giá băng vùng châu thổ miền Bắc, vẻ nên thơ của khu rừng Đen trên đất Đức... Thế mà nay lại phải cầm quân

trong cái nóng bỏng ở Sài Gòn.

Rồi tướng quân lắc đầu như muốn lộ vẻ khó thông và nói:

- Có lẽ, đến chín mươi phần trăm là mình sẽ ngã gục ở đó mất.

Nói xong câu đó, Đại tướng xoay người nhìn thẳng vào tôi. Thì ra không phải ngài suy tưởng một mình mà là nói chuyện với tôi. Do đó, tôi mới dám hỏi lại:

- Vậy thì, thưa Đại tướng, tại sao ngài lại chấp nhận sang Đông Dương?

Buột miệng xong tôi mới biết thật là một câu hỏi ngớ ngẩn. Thế nào mà chẳng được trả lời một câu chung chung là: “vì nhiệm vụ quân nhân” hoặc “vì vinh dự của trọng trách”. Nhưng tướng Navarre không trả lời ngay. Ông chần chừ, có lẽ đang muốn tìm một câu trả lời nào không có vẻ công thức. Cuối cùng thay cho câu trả lời trực tiếp ông đã kể lại cho tôi nghe cụ thể câu chuyện đã “bị chỉ định sang Đông Dương” như thế nào.

Hồi tháng 5 năm 1953, Đại tướng Henri Navarre đang ở Đức thì nhận được điện thoại của Thủ tướng René Mayer từ Paris gọi tới. Hai vị biết nhau từ hồi tướng Navarre làm chánh văn phòng các lực lượng Pháp chiếm đóng Tây Đức và ngài René Mayer làm Cao uỷ Pháp phụ trách các vấn đề Đức và Áo khi tướng Navarre chuyển sang chỉ huy một sư đoàn Pháp ở Constantine, Algérie, thì ngài Mayer cũng là nghị sĩ đại biểu tỉnh Constantine thuộc Pháp. Vì vậy đã thân càng thêm thân.

- Thưa tướng quân, theo đề nghị của tôi, ngày mai Chính phủ sẽ họp và ra quyết định cử ngài làm Tổng chỉ huy Quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương.

Lúc này, tướng De Lattre đã qua đời. Tướng Raoul Salan được cử lên thay cũng đã trở về Pháp từ nhiều tháng nay. Người ta đã tiến cử một loạt các vị tướng khác như Valluy, Morlières, Magnan, Cherrières... và nhiều vị nữa, nhưng tất cả đều bị loại bỏ, bởi vì, người thì bị coi là “tả” quá, người lại bị coi là “hữu” quá. Tướng Navarre là người vừa mới được giới thiệu, xếp cuối cùng trong danh sách đề cử. Đúng là khi được báo tin, tướng Navarre đã vin vào nhiều lý do để khước từ, nhưng ngài Thủ tướng vẫn khẳng khái nói:

- Này ông bạn ạ. Nếu tôi báo trước cho ông biết tin này thì... điều đó không phải để hỏi ý kiến ông đâu. Tôi đã quyết định rồi. Tôi biết ông rõ đến mức đủ để hiểu rằng, ông không từ chối một trọng trách đầy khó khăn nguy hiểm như thế này.

Năm đó, tướng Navarre 55 tuổi. Ông đã từng là sĩ quan từ năm 1916, giữa cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhưng, tướng quân vẫn giữ ý kiến, ông chưa được chuẩn bị chút gì cho nhiệm vụ này.

Sở trường của ông, sở thích của ông và cả cuộc đời binh nghiệp của ông đã hướng ông vào các vấn đề thuộc địa cũ kỹ, một căn bệnh bị nhiễm độc do thiếu được chăm sóc đã chuyển thành ung thư.

Bệnh hoại thư đang ngày càng lan đến những tế bào lành của cơ thể. Có lẽ phải cắt bỏ. Tướng Navarre đã nói như vậy với Thủ tướng Mayer và tự coi mình không đảm đương được chức vụ này.

Nhưng Thủ tướng nói:

- Đây không còn là vấn đề thuộc địa nữa. Nhiệm vụ tôi giao phó cho ông không phải là để thiết lập lại chủ quyền của Pháp ở nơi này? Chúng ta đã sa lầy suốt sáu năm trong vụ việc Đông Dương, những tài nguyên quân sự đang kiệt quệ, chính trị đang rối ren. Chúng ta phải tìm ra một giải pháp tháo gỡ trong danh dự. Chính do ông hiểu biết sâu sắc các vấn đề chính trị của châu Âu và chưa biết gì mấy về các vấn đề thuộc địa lại giúp ông nhìn nhận sự việc bằng cặp mắt mới mẻ.

Tôi đề nghị ông đi ngay Sài Gòn sau khi thu xếp xong hành trang, tìm hiểu tình hình tại chỗ rồi trở về báo cáo. Tôi hạn cho ông một tháng. Cần phải hành động gấp.

Trước khi lên đường, tướng Navarre hỏi hỏi tìm gặp Thống chế Juin, người kỳ cựu nhất trong quân đội, được coi là bậc lão thành có nhiều kinh nghiệm, có thể đưa ra những lời khuyên tốt. Nghe tướng Navarre giải bày tâm sự xong, Thống chế Juin thẳng thừng đáp lại như tác phong vốn có:

- Dứt khoát, đây là một cú... gay go cho ông đấy. Nhưng dù sao cũng phải có một người dám tận tụy lao vào.

Tướng Navarre hỏi lại:

- Tình hình quân sự đã tuyệt vọng rồi hay sao, thưa Thống chế!

Thống chế Juin đáp:

- Tôi không thể nghĩ một cách tuyệt đối như vậy. Không tình hình chưa đến mức không còn hy vọng. Tất nhiên, trước hết phải giải quyết là vấn đề chính trị. Ta phải có một đường lối kiên quyết và kiên trì. Với điều kiện phải không ngừng đẩy mạnh nỗ lực trong hai năm. Hai năm đó, có thể đạt được việc phát triển quân đội các quốc gia liên kết trong xứ Đông Dương, có được các lực lượng vũ trang người bản xứ để Việt Minh hiểu rằng họ không có cơ hội giải quyết tình hình bằng biện pháp quân sự. Đó là điều tôi đã trình bày trong bản báo cáo trình Chính phủ sau chuyến đi thị sát của tôi hồi đầu năm. Ông sẽ đọc bản báo cáo này.

Thống chế tóm tắt bản báo cáo đệ trình Chính phủ Pháp sau chuyến đi thanh tra Đông Dương từ ngày 15 tháng 2 đến ngày 7 tháng 8 như sau:

“Nếu để mất Thượng Lào sẽ dẫn đến những hậu quả không sao kể hết về mặt chính trị... Từ đó, cộng sản sẽ có thể thâm nhập vào Thái Lan mà không gặp khó khăn trở ngại nào. Chính phủ Bang Kok sẽ có thể sụp đổ như một toà lâu đài làm bằng những quân bài, trước sức ép của cộng sản. Chính phủ Campuchia cũng bị ảnh hưởng, dẫn đến hậu quả là công cuộc bình định ở Việt nam sẽ lại bị đảo lộn.

Đặt trường hợp việc bảo vệ Thượng Lào được bảo đảm chắc chắn, thì phải... hướng các nỗ lực vào vùng đồng bằng Bắc kỳ. Trên thực tế, dù cho người ta có nói hay viết gì đi nữa thì vùng đồng bằng này vẫn chưa bao giờ được bình định hoàn toàn. Năm 1951 đã có nhận định rằng đây là một vùng bị một ruồng không chỉ riêng về mặt chính trị, mà còn cả về mặt quân sự. Bởi vì Việt Minh đã có thể huy động đa số trai tráng trong vùng vào du kích, trang bị vũ khí cho họ. Trong khu vực do ta phụ trách dù cần đi quét lại liên tục kết quả vẫn là số không. Trong vòng một năm qua, về mặt chính trị thì con số những thôn xóm do ta thật sự kiểm soát thường xuyên, chưa được chọn 12%”.



Cuối cùng, Thống chế kết luận:

- Ông đừng tự huyễn hoặc mình. Chiến dịch 1953-1954 sẽ khó khăn đấy. Trước hết ông cần phải tránh giao tranh với Việt Minh ở vùng đồng bằng bằng đủ mọi cách. Mặc dù trong khu vực này ta có ưu thế hơn Việt Minh về máy bay, pháo binh, xe bọc thép, Việt Minh vẫn có điều kiện thuận lợi hơn. Đó là vì, đồng bằng Bắc kỳ hiện nay đang bị các đơn vị bộ đội địa phương Việt Minh làm cho mọt ruỗng. Những đơn vị tại chỗ này có thể làm tê liệt hậu phương của chúng ta, nhằm hỗ trợ cho chủ lực Việt Minh từ bên ngoài, đang sung sức, nguyên vẹn, lại được Trung Quốc giúp đỡ trang bị sẽ tiến công mạnh mẽ vào quân Pháp. Ông phải tìm cách giành lại thế chủ động. Từ ngày tướng De Lattre qua đời, ta không còn giữ được thế chủ động nữa. Ông cũng sẽ phải giành lại thế tiến công vì tiến công là biện pháp tốt nhất để phòng ngự...

Tướng Navarre và tôi tiếp tục đi dạo rồi dừng lại trước một quầy hàng trong sân bay. Một người Italy đứng trong quầy đang rao bán các khăn quàng dệt bằng tơ lụa. Anh ta tận dụng tất cả vốn liếng ngoại ngữ, cố mời chúng tôi mua hàng. Vì tâm trí đang còn đặt vào nhiều chuyện khác, chúng tôi bất giác bị thu hút vào lời mời của anh ta. Tay tôi sờ vào các khăn voan trong khi tướng Navarre vẫn tiếp tục câu chuyện; ông cho biết vài hôm sau thì ông nhận được lời mời của Tổng thống tới điện Elysée theo nghi lễ khá đầy đủ đã ấn định trong những chương trình tiếp khách của Tổng thống Vincent Auriol. Tổng thống nói với tướng Navarre:

- Hội đồng bộ trưởng trong phiên họp cuối cùng đã quyết định cử tướng quân làm Tổng tư lệnh Đông Dương; việc đề cử này đã trình lên tôi là Tổng thống khối Liên hiệp Pháp. Tôi đã đồng ý với Thủ tướng cho tướng quân đi Đông Dương khảo sát tình hình soạn báo cáo trình Chính phủ về các biện pháp thích ứng nhằm phục hồi sức mạnh cho Đông Dương. Tướng quân sẽ trực tiếp báo cáo với tôi sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Liên sau đó Tổng thống chuyển giọng, nói với tướng Navarre một cách thân mật theo ngôn ngữ xứ Languedoc:

- À! Tướng quân này? Tôi biết rất rõ cụ thân sinh ra tướng quân. Cụ là giáo sư Navarre, thầy học của tôi đấy! Thật tình, càng tưởng nhớ tới cụ, tôi càng sung sướng và tự hào được trao nhiệm vụ này cho tướng quân.

Làm sao từ chối được nhiệm vụ vừa là vinh dự, vừa là trách nhiệm? Tất nhiên một vị tổng tư lệnh không chấp hành mệnh lệnh máy móc như một thiếu úy. Nhưng, làm sao từ chối được một sứ mệnh mà tất cả mọi người đều nói là mạo hiểm, nhưng danh dự cá nhân lại thúc giục phải chấp nhận? Làm sao từ chối được khi các bộ trưởng, các nguyên soái, thủ tướng, tổng thống đều mời chào thúc ép, buộc phải chấp nhận.

Cũng như làm thế nào từ chối được lời mời của người bán khăn quàng. cứ nài ép mua chiếc khăn mà mình không thích?

- Đây là một chức năng trang điểm cho quý bà, quý cô, quý tiểu thư, mời các ngài mua tặng vợ con hoặc bạn tình (kèm theo một cái nháy mắt và một nụ cười tinh quái). Xin các quý vị mua ngay cho. Giá rẻ. Tôi nói thật giá. Chỉ có một ngàn Franc. Tôi cam đoan phu nhân ở nhà sẽ hài lòng. Hoặc cứ để lại cho tôi địa chỉ. Tôi sẽ gửi đến tận nơi. Khăn rất hợp thời trang. Đúng một Paris cũng như Roma...

Cả tướng Navarre và tôi đều mua mỗi người một chiếc khăn quàng. Sau đó, tôi đã quên phắt người bán hàng thì cũng là lúc tôi nhận được thư của vợ. Cô vợ tôi cảm ơn chồng vì đã mua tặng chiếc khăn nhưng cũng nói rất thật là chiếc khăn nom rất lố lăng nên không bao giờ cô quàng cả!

Trong cuộc hành trình tiến đến chiến trường Đông Dương Sài Gòn đối với tướng Navarre chỉ là một chạng vạng chân nóng nực và ngột thở có những bữa tiệc chiêu đãi và những buổi lễ chào đón nghi thức, được ấn định trong thời gian biểu tính toán chi li đến từng phút. Tướng quân không bộc lộ ra ngoài một nét gì tỏ vẻ sốt ruột, nhưng rõ ràng trong lòng ông bức bối vì đã làm ông mất thời giờ.

Vẻ hào nhoáng trong bộ lễ phục của những tên lính gác các dinh thự, vẻ xa hoa lộng lẫy trong phòng làm việc và phòng tiếp khách vẻ trịnh trọng quá đáng của các nhà ngoại giao Pháp và nét nhăn nhó khó hiểu trên gương mặt

Thủ hiến Sài Gòn Nguyễn Văn Tâm, tất cả mọi vật mọi người đều không nói lên được một điều gì có liên quan đến cuộc chiến tranh mà tướng quân sẽ phải đảm đương.

Chúng tôi nghỉ tại trụ sở làm việc cũ của tướng Salan. Đó là một biệt thự to lớn, kiến trúc theo kiểu thuộc địa có hàng hiên và nhiều cột chống, mà trước đó tướng Leclere đã trưng thu, đặt đại bản doanh.

Vừa rảnh việc là tướng Navarre rút ngay về phòng riêng. Cuộc hành trình đi Hà Nội được ấn định vào tám giờ sáng ngày hôm sau.

Còn tôi, tôi rất yêu thành phố Sài Gòn. Tôi yêu cái dáng vẻ đường bệ của những công sở và những đại lộ. Tôi yêu cái náo nhiệt của cuộc sống sôi động tại Chợ Lớn. Tôi yêu những mái nhà tranh ở ngoại thành và ở thị trấn Gia Định mà tôi đã từng sống trong những tháng đầu tiên khi tôi đặt chân tới đây lần trước. Tôi đã đi xuyên qua thành phố trong đoàn công xa có hàng rào lính cuời mô tô bảo vệ, đi qua đại lộ nào đó mà lần này tôi không nhận ra được nữa.

Vì vậy, ngay sau khi vừa tới Sài Gòn cùng với tướng Navarre, khi ông lui vào phòng riêng của mình thì tôi vội trút bỏ bộ quân phục, mặc chiếc quần dân sự, áo sơ mi trắng - đó là trang phục của “chủ đồn điền” - rồi bước qua cổng sắt có lính gác đêm đang hé mở, đi nhanh ra đường phố mang tên tướng De Gaulle.

Khu phố hành chính chìm trong những vòm lá cây rậm rạp mọc trong vườn, được bố trí bên trong những con đường ngang dọc đều đặn như bàn cờ đang trở nên tĩnh mịch vì trời đã tối khuya. Trên những vỉa hè rộng và dài, những người đi bộ đã thưa thớt. Tới một nơi có con đường đất nhỏ chạy ngoằn ngoèo trên đám cỏ dại, một người phu xe vắng khách đang ngồi trong bóng tối. Nhìn thấy tôi, anh chỉ vào chiếc đệm trắng của chiếc xích lô, ra hiệu mời chào. Tôi đồng ý và nói bằng tiếng Việt:

- Di vé, mao len?(1)

Những tiếng này, tôi vẫn thường xuyên nghe thấy trên đường phố có xe kéo, nhớ lại không khó khăn gì. Nhưng phát âm theo kiểu Pháp và phát đi từ cổ

họng cửa những người Âu, đã trở thành méo mó, không thật chính xác. Phải có thêm địa điểm và thời điểm mới thật rõ nghĩa.

- Di vé, mao lên?

Người phu xe đáp ứng theo cử chỉ, điệu bộ, thái độ của khách ngồi trên chiếc xe đẩy bằng xe đạp. Hẳn anh ta đang đoán nghĩ đây là một ông sĩ quan Tây, diện bộ đồ của chủ đồn điền. Vẻ mặt trắng trẻo, hồng hào thế này thì hẳn là từ bên Pháp mới đến. Nhưng vẻ nhàn nhã lại như mách bảo rằng ông ta đã sang đây lần thứ hai rồi. Ông ta không cho địa chỉ nơi cần đến. Có nghĩa là muốn đi dạo mát. Hẳn là một khách sộp, hào phóng hơn các bà đầm da trắng ngồi trên xe với đồ đạc hành lý nặng nề mà cò kè từng một hai đồng. Ông ta nói “đi nhanh lên” nhưng có vẻ như chẳng vội gì cả.

Người phu xe đội nón nỏ nụ cười tiếp nhận câu nói của tôi. Anh đạp từ từ theo con đường thẳng trước mặt. Trên đường phố vẫn còn vang lên tiếng gõ lách cách của người bán phở đêm. Bóng lá hàng cây me có quả rất chua mọc hai bên đường che lấp cả ánh đèn điện thành phố. Thỉnh thoảng, người phu xe lại rẽ ngoặt theo góc thước thợ vào một đường phố khác, những đường phố đã từng được mang tên các nhà truyền giáo như Pellerin hoặc các vị đô đốc trở thành thống đốc của thời chinh phục thuộc địa như Richaud. Tới một công viên, chúng tôi nghe thấy ở cuối đường phố văng vẳng tiếng đàn, tiếng hát, tiếng kêu, tiếng cười rú của đàn bà bị kích thích. Người phu xe nói bằng một thứ tiếng Pháp ngô ngọng:

- Tôi biết chỗ có con gái xinh lắm. Tốt lắm!

- Không! Để tôi yên.

Người xích lô dừng chân trên bàn đạp. Tôi ra hiệu dừng xe trước một gánh phở rong. Lúc mới chập tối, tôi được dự cùng với tướng Navarre bữa tiệc chiêu đãi toàn các món ăn nấu theo kiểu Pháp. Nhưng tôi chỉ nhăm nháp qua loa vì hoàn toàn không hợp với khí hậu Sài Gòn. Bây giờ tôi cảm thấy đói bụng.

Tôi ngồi chen lẫn với đám bồi bếp đã hết giờ phục vụ tại các dinh thự người Âu, và đám phu xe xích lô đêm ăn một bát phở nóng, rưới thêm nước mắm

và điêm thêm ớt màu đỏ. Mùi vị không đâu có được của phở Sài Gòn, thịt bò được ninh rất lâu trong những chiếc nồi cổ lỗ sĩ đến hàng trăm năm, được coi là món ăn thích thú của dân địa phương.

Tôi lại được ngửi thấy mùi mồ hôi, mùi cá khô và ẩm trên da thịt những người dân lao động, đồng thời lại được cảm nhận vẻ duyên dáng và tinh tế, vẻ châm biếm lộ liễu hoặc kín đáo về cảm giận hoặc yêu mến mà họ che giấu dưới vẻ bẽn lẽn.

Sau khi thưởng thức xong món phở tôi bước lên xích lô và lúc đó tôi lại hồi tưởng đến một kỷ niệm cũ, mặc kệ người phu xe muốn đưa đi đâu cũng được. Xe đã tới phố Mayer, trên đường đi Đa Kao, một khu phố dài có nhiều căn hộ giống nhau ở hai bên đường mỗi hộ có hai hoặc ba phòng, tiếp nối theo chiều sâu của gian nhà phía trước mặt là khu vườn nhỏ, phía sau cùng là bãi đất bùn lầy dùng làm sân. Tôi có một người bạn cũ tên là Diệu, ở căn hộ trước kia mang biển số 114. Nếu anh ta còn ở đây thì chắc giờ này vẫn còn thức vì gần như anh ta chẳng ngủ đêm bao giờ. Cánh cổng gỗ vẫn còn mở to như thường lệ.

Tôi đi qua khu vườn nhỏ, rộng vài mét, rồi đẩy cửa ra vào. Gian phòng hẹp như xưa, gần như chỉ có một chiếc sập gụ đã sẫm màu và nhẵn bóng. Phía giữa sập đặt một bàn đèn thuốc phiện, hai bên là hai mảnh chiếu cói. Diệu đứng sát tường nhà hầu như không nhìn thấy vì anh mặc bộ đồ đen, nói vọng ra:

- Vào đi, đại úy tôi đang chờ ông.

Lúc này tôi mới nhìn thấy gương mặt anh dưới ánh sáng ngọn đèn thuốc phiện. Đôi mắt anh sau cặp kính gọng kim loại lóe lên niềm vui: anh thích thú được gặp lại tôi hay được bất ngờ tìm thấy tôi? Tôi quen biết Diệu từ năm 1948.

Tôi được biết ít nhiều về cuộc đời anh, ghi trong hồ sơ cảnh sát. Dần dà, chúng tôi trở thành đôi bạn ràng buộc với nhau bằng những sợi dây liên hệ không đàng hoàng chỉ gặp nhau vào lúc tối đêm, hai bên cùng giữ bí mật cho nhau trong sự tin cậy lẫn nhau.

Diệu được gọi là “nhà hiền triết” không phải vì anh có văn bằng triết học mà là do những nhận xét khôn ngoan ít khi bộc lộ ra ngoài. Tôi được biết, sau khi anh được giải thoát khỏi nhà tù Nhật Bản vào năm 1945, hầu như anh không bao giờ bước chân ra khỏi căn hộ của mình ở phố Mayer. Anh đọc rất ít, hầu như không bao giờ hỏi người khác, chỉ ngủ ban ngày, thức ban đêm vậy mà không hiểu sao biết rất rõ tình hình Sài Gòn từ trong các dinh thự đến những nếp nhà tranh. Những tin tức thu lượm được, anh giữ riêng cho mình, thỉnh thoảng cũng trao đổi với một người bạn thân nhằm phát biểu một quan niệm về một lĩnh vực chính trị nào đó hoặc một dự đoán về một chiến dịch quân sự. Nhưng Diệu không làm nghề tình báo gián điệp vì anh coi đó là một nghề nguy hiểm, phù phiếm và thô bạo. Nhà hiền triết này chỉ ăn một bát cơm với mười gam ma túy đủ để giữ thẳng bằng nhịp sống và bán lại cho bè bạn vài điều thuốc phiện hảo hạng trị giá vài đồng bạc còm giá rẻ. Khách hàng của anh phần lớn là các sĩ quan lính thủy từ những tàu chiến đậu trên sông Sài Gòn tìm đến. Vài ông chủ đồn điền người Pháp cũng biết địa chỉ của anh.

Thỉnh thoảng lại có một người Việt nam đến nằm trên sập nhà anh, hầu như bất động, không nói câu gì. Đây là một nơi tạm nghỉ giao tranh, một nơi nương náu, trú ẩn như trong các nhà thờ thời Trung Cổ. Việt Minh lên án ma túy rất nghiêm khắc hơn là đạo lý Phương Tây. Nhưng tại đây, người nào cũng chỉ chìm đắm trong giấc mơ của người đó, không làm phiền người bên cạnh.

Trong gian phòng này người ta thường bắt gặp một trung tá hải quân Pháp ngồi đọc một tập thơ. Còn người viết nằm trên sập cứ việc hút thuốc, chẳng suy nghĩ gì cả. Sáng sớm hôm sau, xe xích-lô lại tới, chở khách hút đi các ngả khác nhau.

Năm 1950, tôi đã qua một đêm cuối cùng tại Sài Gòn với Diệu trong gian phòng này. Lần này gặp anh, tôi hỏi:

- Ông đang chờ tôi à? Sao ông biết được rằng tôi đã trở lại đây?

Diệu nở nụ cười rạng rỡ của một người như vừa tìm được của giấu kỹ:

- Anh đến bằng máy bay buổi trưa nay đúng không? Tướng Navarre thấy Sài Gòn thế nào? Chắc ông khổ vì nắng nóng. Phòng tiếp tân ở chỗ ông rất nóng vì nước tắm hoa sen lại gặp trực trực. Anh có muốn dùng một hai điều thuốc phiện không? Tôi rất vui sướng được tự tay chuẩn bị mỗi thuốc cho anh.

Diệu nói tiếng Pháp rất thạo, bằng một âm điệu thánh thót như hát của những người An nam cộng với ngữ điệu miền Tây Nam nước Pháp là nơi đã từng là phiên dịch trong xưởng thuốc súng ở Angoulême, hồi chiến tranh 1914-1918.

Trong khi chúng tôi nằm dài trên chiến chiếu, Diệu tiếp tục nói:

- Mãi đến tám giờ sáng mai anh mới bay đi Hà Nội cơ mà. Còn đủ thời giờ. Ma túy không quyến rũ tôi và tôi đặc biệt rất ghê sợ, không muốn làm nô lệ cho nghiện ngập. Nhưng tôi thích môi trường chung quanh bàn đèn, hương vị toả ra từ khói thuốc phiện, vẻ tĩnh mịch trong căn phòng sau một ngày căng thẳng vì cuộc sống.

Trước kia, tôi thường đến đây cùng với Jacqueline một vài lần. Cô là con gái một quan chức thuộc địa người Pháp say mê đất nước này và một phụ nữ gia đình quyền quý người Nam tại Trung Kỳ. Cô không bao giờ hút thuốc phiện, dù chỉ ướm thử trên môi. Cô hay kể cho tôi nghe thời thơ ấu nghỉ hè trong dinh thự quan lại của ông bà cô tại Huế, hoặc những câu chuyện cổ tích dân gian nước Lào mà những người hầu đã kể lại cho bố cô là một quan cai trị tại Viêng Chăn. Cô cũng dịch sang tiếng Pháp câu hò mà người “nhà quê” thường hát ví von khi cấy lúa và cả những câu chuyện bậy bạ mà những người dân trên đường phố thường bịa ra để chế giễu những người da trắng. Từ khi trở về Pháp tôi có gửi cho cô khoảng hai ba lá thư.

Chừng như đoán được dòng suy tưởng của tôi, con người ranh ma này nói luôn:

- Anh có biết cô Jacqueline B. đã đi lấy chồng rồi không? Ừ, lấy cậu M. con trai nhà hàng xuất- nhập khẩu. Đẹp đôi, nhiều tiền, nhưng không có con. Cô ta buồn lắm. Họ vừa trở về Pháp. Nghỉ ba tháng ở Vai d Isère và Paris. Tôi

sẽ cho anh số điện thoại.

Tôi lắng sang chuyện khác:

- Tình hình chính trị hiện nay như thế nào? Miền Nam có vẻ như chưa yên ổn, chưa bình định xong.

- Ô đại úy ơi! Đó là chuyện chính trị, anh đừng bao giờ dính vào đó.

Tuy nhiên, trong câu chuyện trao đổi giữa hai chúng tôi, thỉnh thoảng Diệm của tôi cũng nói về cuộc chiến tranh Đông Dương, nhất là ở miền Nam Việt nam, trước tình hình tranh cử đang khá sôi nổi. Các giáo phái: Cao Đài ở Tây Ninh, Hoà Hảo ở Mỹ Tho, những dân quân Thiên Chúa giáo của trung tá Le Roy tại các tỉnh cũ chung quanh Sài Gòn đang tranh giành nhau ngoạm lấy những miếng bánh ngon nhất của lúa gạo Nam Bộ. Còn Việt Minh thì đang trấn giữ vùng đầm lầy rộng lớn ở khu vực Đồng Tháp Mười và một chiến khu trong rừng ở phía Bắc Biên Hoà.

Diệm nói thêm:

- Bảy Viễn, tướng giặc Bình Xuyên đã duy trì được quyền lực ngay tại Sài Gòn-Chợ Lớn, đã thiết lập được an ninh trật tự chung quanh việc mở sòng bạc kiếm tiền. Nhưng cũng chẳng có điều gì cần phàn nàn cả, bởi vì hiện nay tướng Viễn đang chăm chú vào việc kinh doanh. Ngài Lê Văn Viễn đã thay đổi cách thức làm giặc cướp. Việc tống tiền hiện nay thay bằng việc biết nộp thuế một cách có lý có kiểm soát, chính thức và... biết hợp pháp.

Dưới ánh đèn dầu lạc, Diệm chậm rãi nhào nặn sợi thuốc phiện bằng một chiếc kim nhọn làm bằng bạc. Anh đưa ra nhận xét, không thay đổi giọng nói:

- Nhìn chung thì việc bình định cũng có đôi chút kết quả.

Chỉ đến khi Diệm nói hết câu, tôi mới nhận ra sự châm biếm trong nín lặng.

Nhưng rồi lại nói tiếp như giải thích:

- Đừng xá được tự do đi lại. Chủ nhật, có thể từ Sài Gòn đi tắm biển ở Vũng Tàu hoặc đi săn bắn ở Đà Lạt. Chúng tôi đã thiết lập được một “tạm ước” để sống không cần thương lượng cũng chẳng cần hội họp. Tình thế có vẻ như vững hơn năm 1947. Bây giờ là chuyện kinh doanh. Hoà bình trong



tờ giấy bạc.

Được hơi nóng trên ngọn lửa, viên thuốc phiện bắt đầu cháy phát ra những tiếng xèo xèo. Diệu lại nói:

- Đất Nam Kỳ ngày nay ít quan tâm đến chính trị. (Diệu là một trong số rất ít dân Sài Gòn còn dùng từ Cochinchine, có nghĩa là Nam Kỳ, trong khi những người khác đều gọi là Nam Việt nam). Vận mệnh của chúng tôi là do miền Bắc định đoạt. Nhưng tôi không biết tình hình Bắc kỳ ra sao. Chỉ biết là ở Trung Quốc, sáu trăm triệu dân đang sống dưới chế độ cộng sản. Ở đây, chúng tôi vẫn còn vài tháng nữa.

Tôi quay trở về nhà nghỉ. Bảy giờ sáng hôm sau tôi đã thấy tướng Navarre đứng trong vườn chờ đợi giờ khởi hành. Ông nói với tôi:

- Một đêm kinh khủng! Nóng quá đi mất. Tôi không chớp mắt được chút nào. À mà này anh đã nói với viên quản lý dinh thự của tướng Salan là vòi hoa sen trong phòng tắm bị hỏng chưa?

- Thưa tướng quân, đã!

Tướng Navarre nhìn tôi một cách tò mò.

Ông vốn không ưa tính đui đui đoảng trong công việc phục vụ. Nhưng ông đổ lỗi tất cả cho khí hậu nóng nực.

Đến buổi trưa chúng tôi tới Hà Nội.

Trên sân bay Bạch Mai chói chang ánh nắng mặt trời những binh sĩ mặc bộ đồ ra trận lập hàng rào danh dự đón chào. Hà Nội nghênh đón Tổng tư lệnh Navarre theo đúng nghi lễ đã tiến hành tại Sài Gòn. Chỉ khác một điều, binh sĩ không mặc lễ phục. Cũng không phải là đội Cảnh vệ mà toàn là lính chiến đấu, thắt lưng đeo đầy băng đạn, súng sẵn sàng nhả đạn. Chỉ nhìn thấy vài bộ lễ phục màu trắng trong số các quan chức dân sự người Việt..

Đoàn xe chúng tôi xuyên qua sân bay, trên con đường đầy bụi, hai bên có những bốt gác rào kẽm gai những lô cốt tua tủa nòng súng tự động. Chung quanh lô cốt là những binh lính cởi trần, mặc quần cộc đang tắm nắng, bình thản chẳng quan tâm gì đến đoàn công xa đi qua trước mặt.

Vào đến trung tâm thành phố, trên những đại lộ trồng cây toả bóng mát

chúng tôi bắt gặp những chiếc xe taxi phủ đầy bụi. Hà Nội là thủ đô của chiến tranh Đông Dương. Cuộc sống chợ búa, buôn bán lúi sâu trong những phố nhỏ có người Hoa sinh sống làm ăn, hoặc chỉ thể hiện trong những tủ kính phố Paul Bert.

Đoàn xe đưa chúng tôi tới khu hành chính của Pháp gồm một loạt biệt thự xây theo kiểu thuộc địa có những công viên rợp bóng cây xanh. Đây là một quần thể do tướng De Lattre trước kia có sáng kiến quy hoạch nhằm làm cho Hà Nội có vị trí tương xứng với tầm vóc. Tuy nhiên, dinh Toàn quyền cũ trước kia gọi là lâu đài Puccini thường dùng làm dinh thự của các quan cai trị hàng đầu của Pháp ở Đông Dương, nay đã trao lại cho Thủ hiến Nguyễn Văn Trị, khâm sai đại thần, gọi là món quà của nước Pháp tặng Nhà nước Việt nam của Bảo Đại.

Vì vậy, ông Letourneau sáng nay mở tiệc chiêu đãi chào mừng Tổng tư lệnh mới đến tại trụ sở cơ quan đại sứ quán Pháp. Bữa cơm được dọn trong phòng ăn nhỏ hẹp. Khách mời không nhiều, dĩ nhiên có mặt tướng Salan đang giữ chức quyền Tổng tư lệnh, tướng Allard Tổng tham mưu trưởng, tướng Linarès Tư lệnh chiến trường Bắc bộ, cuối cùng là hai tướng Dodelier và Cogny tư lệnh các chiến trường.

Tháng 5 là tháng nóng nhất. Chúng tôi uống nước giải khát có đá, đựng trong những chiếc cốc dài do các chủ khách sạn người Hoa dọn tiệc mang đến.

Đại úy Saint Julien đã từng là sĩ quan tùy tùng của Thống chế De Lattre, nay chuyển sang làm thư ký riêng cho Bộ trưởng Letourneau, giữ nguyên một bộ đồ ăn “theo kiểu Pháp” trong ngôi nhà này.

Linarès cùng đến với Salan. Mọi người đã quen thuộc với dáng cao cao kiểu quý tộc của ông.

Từ hơn hai năm nay ông đã đáp máy bay, hoặc ngồi trên xe Jeep, hoặc đi bộ bằng đôi chân dài của người sĩ quan pháo thủ, tới thăm các đồn bốt, khen thưởng trấn an, cổ vũ các binh lính chiến đấu suốt từ Lai Châu tới Phát Diệm. Các bác sĩ buộc ông nghỉ ngơi nhưng ông từ chối. Sau những chuyến

đi vất vả này người ta thường nhìn thấy ông xuất hiện ban đêm trong bộ đồ thường phục của chủ đồn điền, tại các hộp đêm có ca sĩ và gái điếm trong thành phố, chăm chú lắng nghe giọng hát của một cô gái lai Âu. Vì tướng Navarre là bạn học cùng một khoá tốt nghiệp với tướng Linares nên Linares đã ôm chặt lấy vai Navarre, gọi Tổng tư lệnh bằng tên nhỏ một cách thân mật:

- Ôi! Anh bạn Henri thân mến! Mình nghe tin cậu đang chỉ huy ở Fontainebleau cơ mà? Sang cái đất chết tiệt này làm gì?

- Mình cũng đã từng ngạc nhiên như cậu đấy!

Tướng Navarre kể lại vắn tắt câu chuyện được chỉ định sang Đông Dương như thế nào.

Trong khi đó, tướng Salan, sau khi trao đổi vài câu với Bộ trưởng Letourneau, tỏ vẻ hoàn toàn hồ hững không muốn nghe tướng Navarre nói. Còn Linares thì ngồi vắt vẻo ngay trên tay vịn của chiếc ghế bành rộng rãi mà tướng Navarre đang ngồi, chăm chú lắng nghe người bạn cùng khoá, rồi hỏi lại:

- Nhưng mà cậu sang đây có một mình thì xoay sở thế quái nào được. Cậu đã biết, bọn mình chuồn hết cả rồi. Không phải chỉ có Salan với mình, mà cả các tham mưu trưởng Allard và Dulac với hầu hết các trưởng ban. Điều đó cũng bình thường và đã được dự kiến từ trước vì bọn mình đã sang đây cùng với De Lattre. Nhiệm kỳ đã kéo dài tới ba mươi một tháng, có người tới ba mươi ba tháng. Thế là đủ bào mòn một con người rồi quá niên hạn được ấn định rồi. Này anh bạn già? Cậu đã biết rõ rồi đấy, mình không có nhiều thời gian để tổ chức một bộ máy mới. Tướng Valluy là người nghĩ rằng sẽ được chỉ định, có khuyên mình chọn Bodet làm phó và Gambiez làm tham mưu trưởng. Vài ngày nữa họ sẽ tới đây Bodet thì được rồi. Hắn là một phi công đứng đắn, đã biết rõ đất nước này. Còn Gambiez làm tham mưu trưởng thì cần phải suy tính lại. Hắn không thể thay Allard được đâu. Nghe này hồi De Lattre mới đến Hà Nội, Gambiez đã là tham mưu trưởng rồi. Vừa nhìn thấy Gambiez, ông vua “Jean” đã nói ngay: “Sao? Anh làm gì ở đâu? Tham mưu

trưởng cơ à? Này ông cố đạo, nghe tôi nói đây? Với cái mồm cha cố của anh tôi sẽ cử anh đi Bùi Chu. Phát Diệm chỉ huy ở đó. Nếu trong vòng ba tháng anh không làm tròn nhiệm vụ, tôi sẽ tổng khứ anh. Mười lăm ngày sau Gambiez phải rời khỏi chức tham mưu trưởng để đi Phát Diệm...

Tướng Navarre không nói gì. Tướng Linares hỏi tiếp bằng một giọng nghiêm chỉnh:

- Thế ai sẽ thay tôi làm Tư lệnh Bắc kỳ?

Tướng Navarre cũng nghiêm chỉnh đáp lại:

- Tôi hy vọng là anh đã dự kiến người thay thế rồi. Còn nếu anh để tôi tự quyết định thì tôi cũng khó tìm chọn được nhiều người. Ở Paris, hình như không ai còn thích hợp được với chức vụ tổng tham mưu trưởng chiến trường Đông Dương. Còn ở đây thì người nào yên vị người ấy rồi. Langlade, Leblanc, Bondis không thể rời khỏi các chiến trường hiện đang phụ trách. Ở Lào cũng đang thiếu người chỉ huy. Còn ở Bắc kỳ sau anh chỉ còn có Cogny, nhưng mới chỉ là thiếu tướng và hãy còn quá trẻ để chỉ huy một trăm hai lăm ngàn quân.

Linares chăm chú nghe không nói chen ngang. Chờ Navarre nói hết ông mới nhìn thẳng vào Navarre, nói khẽ nhưng rất rành rọt bởi vì ông vẫn có thói quen bộc lộ thẳng thừng quan điểm của mình:

- Đừng! Henri! Đừng chọn Cogny. Nó là một thằng tồi. Hãy hỏi Salan xem.

Nhưng Salan lộ rõ vẻ không muốn bắt chuyện. Ông ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành lơ đãng nhìn về phía công viên bên ngoài. Tôi có cảm giác thái độ đó làm tướng Navarre phật ý. Ông nói với tướng Linares:

- Thế đây? Các anh ra đi, bỏ lại tất cả các vị trí trống rỗng, không có người phụ trách. Thế rồi, anh lại khuyên tôi không nên sử dụng một con người đang cần để phụ trách một vị trí chỉ huy rất khẩn thiết, một con người thích ứng và có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, cũng không tiến cử cho tôi người nào.

Linares đứng lên đi ra bàn rượu, rót một cốc Whisky nhẹ và vẫn không trả lời. Navarre tiếp tục nói:

- Vài phút nữa Cogny sẽ tới đây. Tôi không biết anh ta nhưng qua lời Bộ trưởng Letourneau thì Cogny là một chỉ huy năng nổ. Và lại Cogny tình nguyện ở lại thêm một nhiệm kỳ. Nếu anh không giới thiệu cho tôi một người nào khác, hoặc ở đây hoặc ở Pháp thì khi gặp Cogny tôi sẽ báo tin sẽ giao chiến trường Bắc kỳ cho anh ta chỉ huy.

Salan tiếp tục mơ màng. Linarès tiếp tục uống từng ngụm nhỏ. Letourneau chen vào câu chuyện bằng một giọng nói vui vẻ và một nụ cười làm điệu bầu không khí:

- Tướng Linarès bao giờ cũng nói những câu gay gắt hợp với tính khí chiến đấu của ông. Nhưng mà thôi, thưa các ngài theo tôi thì tướng Cogny đúng là có một. Vài điều đáng chê trách nhưng dù sao đây cũng là một vị tướng có khả năng.

Câu chuyện về Cogny kết thúc. Tướng Navarre quay sang phía tôi, nói:

- Anh ra cổng đón tướng Cogny rồi dẫn vào phòng làm việc của tôi.

Tướng Cogny đã gặp tướng Navarre. Đây là cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa hai người. Sau khi gặp nhau xong, tôi thấy cả hai người đều tươi cười vui vẻ bước ra khỏi phòng làm việc. Tướng Cogny mặc bộ quân phục mùa hè bằng vải kaki, quần cộc, áo sơ mi ngắn tay, cầm trong tay chiếc mũ mềm gắn phù hiệu pháo binh và chiếc gậy chống to tướng.

Khi bước ra cửa phòng làm việc trước khi tới ngưỡng cửa phòng khách trong đó có đội ngũ của ê-kíp De Lattre vẫn đang ngồi nói chuyện, tướng Cogny dừng lại và nói to với tướng Navarre, cốt để mọi người cùng nghe thấy:

- Thưa Đại tướng, xin đa tạ ngài đã tin cậy tôi. Tôi xin đảm bảo ngài sẽ không hối tiếc sau khi trao nhiệm vụ này cho tôi.

Ngày 25, tướng Cogny dọn lên Hà Nội. Sau khi được tướng Allard báo tin đã gửi điện về Paris để có quyết định của Bộ Quốc phòng Pháp, tướng Cogny đáp lại bằng một giọng rắn rỏi:

- Tôi đồng ý ở lại tiếp tục công tác. Nhưng phải được đền bù xứng đáng.

Cuộc mặc cả công xá đã xong. Trong phòng làm việc quét vôi màu đỏ mà trước kia tướng Salan đặt bàn giấy tại một nhánh của dinh thự mang tên

Norodom ở Sài Gòn, tướng Allard tự tay thảo một bức điện gửi Chính phủ Pháp đề nghị nâng thiếu tướng Cogy lên cấp trung tướng.

Tướng Navarre và tôi ở lại Hà Nội cho tới ngày 24 tháng 5. Tiết trời quả thật rất nóng và ẩm.

Trong phòng tôi, hơi ẩm thoát ra từ vách tường và cả gạch lát sàn. Thi thoảng có những cơn dông ập đến nhưng cũng không giải phóng được hết sự nóng nực. Sau những buổi tiếp khách đến chào và làm việc chính thức ngay từ ngày đầu mới tới, lúc này tướng Navarre bắt đầu rảnh rỗi. Sau khi được tướng Salan cho biết sẽ bàn giao công tác tại Sài Gòn chứ không phải ở đây tướng Navarre quyết định đi thăm một số nơi tìm hiểu một số địa phương và tiếp xúc với các sĩ quan ở đó. Khu tự trị Tây Bắc (gọi tắt là Zano hoặc thượng du) và Bắc Lào đã từng là những khu vực có hoạt động chiến sự chủ yếu trong các chiến dịch trước. Tên các địa danh Lai Châu, Nà Sản, Sầm Nưa, Cánh đồng Chum đã chiếm hàng đầu trong các thông báo chiến sự và phòng tin báo chí. Cuộc chiến đấu phòng ngự tuyệt vọng ở Mường Khoa đã thu hút sự chú ý của mọi người.

Cứ điểm Mường Khoa được xây dựng trên ba quả đồi bố trí theo hình tam giác giữa nhánh sông Nậm Hu chảy xuống Luang Prabang và nhánh sông Nậm Bạc chảy đi Mường Sài, bị tiến công đêm 13 tháng 4. Đại úy Teulier với ba trăm quân lính đã chống giữ được tới ba mươi năm ngày.

Báo chí phương Tây gọi đây là một chiến công lịch sử. Còn Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles thì ca ngợi đây là một “tinh thần cố thủ” theo phương châm: “Không lùi một thước đất, không bỏ rơi một con người cho chủ nghĩa cộng sản”. Pháo đài nhỏ bé xây dựng trên đất Lào này được thế giới tự do coi là cột mốc cuối cùng không để chủ nghĩa cộng sản vượt qua.

Quả thật, nếu Mường Khoa giữ được tám ngày nữa thì Việt Minh sẽ mất thế diện. Nhưng trong đêm 17 rạng ngày 18 tháng 5, cả ba quả đồi này đã bị quân lính của trung đoàn 148 Việt Minh đánh chiếm.

Tướng Navarre muốn tận mắt nhìn thấy trận địa này. Ông chỉ thị cho tướng Linarès đưa một sĩ quan tham mưu tới để trả lời các câu hỏi do ông đề ra.

Sáng ngày 21 tháng 5, tướng Navarre cùng chúng tôi ngồi trên một chiếc máy bay Dakota, lượn trên vùng trời thượng du.

Cầm một tập bản đồ địa hình trong tay, tướng Navarre ngồi ngay trong chiếc ghế của lái phụ, bên cạnh lái chính, trong phòng lái đặt ở phía mũi máy bay. Sĩ quan tham mưu Boisredon và tôi ngồi ở phía sau. Tiếng động cơ nổ âm ỉ rất khó nói chuyện. Tôi trầm ngâm nhìn ra ngoài trời. Đôi cánh máy bay màu bạc đung đưa nhẹ nhàng giữa những đám mây màu trắng và mặt đất phủ cây rừng màu xanh thẫm như một tấm thảm len trải rộng.

Đột nhiên, tôi thấy một quang lửa kỳ lạ khoan thủng một chiếc cánh. Tôi hiểu ngay đó là một mảnh đạn phòng không vừa mới bắn lên, chỉ cách khoang chứa chất đốt vài centimet. Hai tiếng nổ tiếp theo làm thủng sàn khoang sau. Ngay từ phát nổ đầu tiên Boisredon đã lập tức nằm soài trên sàn, chân duỗi thẳng căng, hai tay ôm chặt lấy đầu. Tôi nhảy bổ vào buồng lái, thấy tướng Navarre đang đánh dấu trên bản đồ vị trí ổ súng trọng liên đặt dưới đất căn cứ vào vết lửa đạn từ phía dưới bắn lên. Thợ máy lập tức kiểm tra. Vết thủng không có gì nghiêm trọng, nhưng dù sao cũng phải hạ cánh khẩn cấp. Mười phút sau, chúng tôi bay tới Nà Sản.

Tổng tư lệnh Navarre đột ngột “rơi” xuống giữa cứ điểm như một viên đá ném xuống mặt đất đang ngủ yên. Sở chỉ huy Nà Sản lập tức gọi điện thoại tới các đồn bốt chung quanh. Chỉ vài giây sau các đường dây đã truyền tin này tới mọi người ở vành ngoài cứ điểm. Một chiếc Jeep phóng thật nhanh tới chiếc máy bay bị thương. Trung tá Berteil chỉ huy cứ điểm Nà Sản, nhảy vội xuống xe, chạy đến trình diện. Lúc này tướng Navarre vẫn chưa biết viên sĩ quan trong bộ quần cộc áo sơ mi ngắn tay, dáng người hơi khô, đã được giữ lại để đảm đương một chức vụ quan trọng tại Tổng hành dinh đặt tại Sài Gòn và sau này trở thành phó ban tác chiến của ông. Trong số sĩ quan tại Nà Sản hôm đó. Ông chỉ mới quen có thiếu tá Vaudrey với bộ mặt thanh niên rậm nắng, bộ giò rắn rỏi của người leo núi, được coi là một chuyên gia vùng thượng du. Thiếu tá Vaudrey đã báo cáo rành rọt với tướng Navarre về toàn bộ diễn biến chiến dịch năm trước, những khó khăn của binh lính, những

cảnh đẹp của xứ Thái, và nói một cách say sưa về dân tộc Thái.

Trong cuộc gặp mặt hôm đó tại Nà Sản có ba sĩ quan: Vaudrey sau này chết vì tình, Berteil thất bại vì quá kiêu căng, còn Boisredon thì được lên cấp tướng.

Hai giờ sau chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình trên một chiếc máy bay khác, vẫn quan sát như cũ. Tướng Navarre mang theo từ Nà Sản nhiều suy nghĩ. Từ nay, ông đã hiểu thế nào là một cuộc chiến tranh vùng rừng núi, trong một địa hình mà ông đã nhìn thấy tận mắt và đã hiểu rõ hơn.

Đề tiến quân từ lưu vực sông Hồng tới lưu vực sông Mêkông, xứ Thái hoặc Thượng Lào, đối phương phải chọn một trong hai con đường giao thông đã được làm theo địa hình. Con đường phía Nam từ Mộc Châu đi Sầm Nưa, cao nguyên Trần Ninh, Cánh đồng Chum dẫn đến Viêng Chăn. Con đường phía Bắc qua Điện Biên Phủ đến Luang Prabang, Mường Khoa và lưu vực sông Nậm Hu.

Công binh của tướng Giáp có thể thay đổi hình thức chiến đấu, nhưng không thể thay đổi được địa hình vẫn buộc phải tiến theo hai con đường này. Những chiến dịch tiến công năm 1952, 1953 đã chứng minh rõ điều đó.

Giai đoạn đầu của chiến dịch được tiến hành trong mùa thu 1952. Ngay sau khi vừa chấm dứt mùa mưa, nhiều tiểu đoàn chủ lực của Việt Minh đã từ nơi đóng quân bí mật ở Phú Thọ, giữa hai con sông Hồng và sông Thao tiến vào xứ Thái, đập đổ hệ thống đồn bốt nhỏ bé làm nhiệm vụ bình định của Pháp, như những lâu đài bằng cát biển sụp đổ dưới lớp sóng.

Tướng Salan lúc đó đã bị “bất ngờ một nửa” vì tính chất mãnh liệt của cuộc tiến công này. Trước mặt các nhà báo tướng Navarre đã tuyên bố về “phòng tuyến sông Đà” nhưng thật lòng chẳng tin tưởng gì về các phòng tuyến này. Vì vậy ông đã phải vội vã xây dựng thêm một cứ điểm phòng ngự chung quanh đường băng có thể cho phép các máy bay vận tải loại Dakota hạ cánh. Tập đoàn cứ điểm này được gọi là căn cứ lục - không quân Nà Sản, là nơi tập trung các đơn vị nhỏ bị thất lạc trong rừng rậm và được tăng cường thêm bằng những đơn vị từ đồng bằng sông Hồng đưa tới bằng máy bay.



Cứ điểm Nà Sản nằm liền trục đường giao thông số 41, có thể ngăn cản không cho các đoàn xe vận tải chở hàng tiếp viện của Trung Quốc qua lại trên đường từ Tuần Giáo đến Điện Biên. Là thủ phủ của xứ Thái, thị xã Lai Châu cũng được tăng thêm lực lượng phòng thủ. Các vị trí phòng ngự vành ngoài đều được củng cố thêm. Suy cho cùng vị trí này chưa thật vững chắc lắm nhưng dù sao cũng đủ làm cho đối phương phải ngần ngại tiến công. Có thể, tướng Giáp cũng hiểu Lai Châu nằm quá xa tầm với, còn Nà Sản ở ngay ven đường. Vì vậy, đã thử tiến công Nà Sản nhưng đã không thành công.

Vì vậy, trước khi mùa mùa bắt đầu, lại bùng nổ giai đoạn thứ hai của chiến dịch, hướng về phía Thượng Lào. Cùng trong lúc làm một con đường mới từ Tạ Khoa đi Sơn La, tránh con đường 41 ra; Việt Minh đã chuẩn bị các căn cứ xuất phát từ Mộc Châu và Điện Biên Phủ. Từ bảy năm nay Việt nam vẫn đang ủng hộ giúp đỡ một Chính phủ dân chủ của Pathet Lào đứng đầu là Hoàng thân Souphanouvong. Đây là lúc Việt Minh cần phải bám chân trên một mảnh đất Lào để thúc đẩy cách mạng Lào tiến triển.

Với hướng tiến công mới này, Nà Sản không trở ngại lắm đối với Việt Minh. Chỉ cần bao vây, vô hiệu hoá Nà Sản là đủ. Còn Lai châu thì ở mãi đầu cùng xứ Thái. Đèo Văn Long đứng đầu lực lượng thân Pháp hiện nay không dừng cảm bằng Đèo Văn Tri đã từng làm tướng giặc và là ông nội của Đèo Văn Long.

Từ tháng 4 năm 1952, các đoàn quân Việt Minh hầu như xuất phát cùng một lúc trên hai tuyến đường lên Tây Bắc. Từ Điện Biên Phủ những tiểu đoàn chủ lực được bộ đội địa phương đi trước dẫn đường tiến theo con đường phía Bắc. Trước cửa ngõ thung lũng Nậm Hu: cứ điểm Mường Khoa cố chống cự được vài tuần, quá mức chờ đợi. Nhưng trên đường từ Mường Khoa đến sát Luang Prabang, Việt Minh hầu như chỉ gặp khó khăn về vận chuyển tiếp tế.

Từ năm 1952, lúc mới chỉ là thiếu úy, Salan đã đóng quân trong vùng này nên ông hỏi rất rõ những con đường mòn ở đâu. Trong cuộc tiến quân của Việt Minh năm 1953, tướng Salan lúc đó là quyền chỉ huy Trưởng tư lệnh Đông Dương quyết định lui quân về tập trung tại kinh đô Vương quốc Lào

được bảo vệ bằng hai trăm kilômét rừng rậm vây quanh. Mùa mưa đang tới. Trong bảy mươi ngôi chùa ở Luang Prabang, khói hương bay nghi ngút để cầu mưa. Tổng tư lệnh Salan (2) đi thị sát các công trình phòng ngự rồi nói chuyện rất lâu với một vị sư già mắt đã mù nhưng vẫn còn sáng suốt, có thể đoán được tương lai hậu vận. Sau đó, tướng quân ra đi, có vẻ yên tâm.

Trên tuyến đường tiến công từ hướng Nam hoạt động của Việt Minh có thể gây nhiều rủi ro nguy hiểm lâu dài. Những chiếc xe tô vận tải Molotova do Liên xô sản xuất có thể đi được đến tận Mộc Châu. Vị trí phòng ngự đầu tiên của Pháp đặt tại Sầm Nưa là một tỉnh lỵ. Trung tá Maxim Maieplate chỉ huy một doanh trại có một nghìn bảy trăm quân, phần lớn thuộc quân địa phương.

Nhưng không ai hiểu rằng Sầm Nưa khó có thể chống lại một cuộc tiến công của Việt Minh.

Tháng 2 năm 1953. Thống chế Juin là Tổng thanh tra quân đội đã lên thăm các công trình phòng ngự Sầm Nưa. Trước vẻ bi quan của Thống chế Juin, tướng Salan đưa ra phương án nếu Việt Minh tiến công thì sẽ rút ngay khỏi Sầm Nưa để bảo toàn lực lượng. Công việc bảo vệ Viêng Chăn được tổ chức tại Cánh đồng Chum gần Xiêng Khoảng cách Viêng Chăn một trăm năm mươi kilômét. Bộ tộc Mèo ở đây đều nằm dưới quyền một tộc trưởng tên là Tu Bi làm nghề buôn thuốc phiện. Trên cao nguyên này có một đường băng cất cánh, hạ cánh cho loại máy bay Dakota, nằm giữa cứ điểm phòng ngự kiên cố.

Cuộc rút bỏ Sầm Nưa đối với Pháp là một cuộc rút lui thất bại, nhưng đã được dự liệu từ trước. Ngày 12 tháng 4 khi những đơn vị xung kích đầu tiên của Việt Minh còn cách Sầm Nưa hai ngày đường đi bộ, Salan đã ra lệnh di tản Sầm Nưa ngay lập tức.

Trong đêm đen được soi sáng bởi những đám cháy phát đi từ những tiếng nổ phá hủy các kho tàng, trung tá Maxim Maieplate với đôi chân ngắn của mình dẫn đầu các đại đội tháo chạy.

Tám ngày sau chỉ còn lại được khoảng hai trăm hai mươi người tả tơi hỗn

độn kéo về Cánh đồng Chum. Số còn lại: vừa mới chạm trán với các đơn vị bộ đội địa phương của Việt Minh hoạt động trong dãy núi Mường Sơn đã vội chạy vào rừng rồi tan biến hết. Nhiều tuần sau, những người của Tu Bi đã thu nhặt được khá nhiều sĩ quan Pháp bị rơi rụng chạy vào các bản Mông hoặc lạc trên đỉnh núi. Riêng Maleplate bị liệt vào danh sách mất tích.

Một tháng sau khi phát động chiến dịch Thượng Lào, tướng Giáp đã chiếm được Xiêng Khoảng nhưng không đủ sức để đánh chiếm hoặc bao vây Cánh đồng Chum. Trong lưu vực sông Nậm Hu, bộ đội Việt Minh cũng dừng lại trước tuyến phòng ngự Luang Prabang.

Như vậy là Salan đã có phương án đúng. Sau khi rút khỏi Sầm Nưa, Salan đã làm cho tuyến đường vận chuyển tiếp tế của Việt Minh kéo dài trên mấy trăm kilômét đường rừng núi. Ban tham mưu của Salan đã trở nên già dặn khi viết “Quãng đường xa mà Việt Minh phải hành quân trên địa hình rừng núi này đòi hỏi phải mất tám ngày đi bộ. Nếu trung bình mỗi dân công mang theo từ hai mươi đến hai mươi nhăm ki lô gạo một người, thì suốt dọc đường họ đã ăn hết mười lăm kilô, chỉ còn lại mỗi người từ sáu đến chín ki lô gạo tiếp tế cho bộ đội. Có thể từ đó suy ra số dân công cần phải huy động”.

Tướng Salan hồi đó còn dựa vào một đồng minh nữa là thời tiết. Ông viết “Trong phương án phòng ngự, ban chỉ huy Pháp đã tính đến mùa mưa và cho rằng Việt Minh sẽ buộc phải rút quân chậm nhất vào những ngày đầu tháng 5”.

Lúc tướng Navarre và tôi bay trên vùng trời này đã là ngày 21 tháng 5 năm 1953. Trong chuyến bay về Hà Nội, chiếc Dakota chở chúng tôi đã cẩn thận bay cao để đảm bảo an toàn. Trong khoang lái, tướng Navarre vẫn trầm ngâm suy nghĩ. Vùng rừng rậm ông bay qua đang ẩm ướt vì những trận mùa đầu mùa. Việt Minh đã bắt đầu hướng về phía trung du để lại những cán bộ chính trị lại vùng thượng du để làm công tác dân vận gieo mầm và bí mật ủ men trong suốt mùa mưa.

Cù điếm Nà Sản nằm trên đường 41 giữa hai tuyến tiến công của Việt Minh, trở thành một tên lính gác vô tích sự.

Tướng Navarre đã rút ra được nhiều kết luận từ niềm suy tư của mình. Ông nhận định việc rút quân khỏi Sầm Nưa là một bằng chứng cụ thể, nói lên rằng ta không thể tiến hành được một cuộc vận-động-chiến trong địa hình rừng núi. Những đơn vị quân đội của chúng ta, cho dù đó là những binh lính người địa phương đi nữa, cũng quá nặng nề, có thói quen ăn uống theo đồ hộp mang sẵn trong người, đi giày vừa với bàn chân, hành quân phải dùng xe ô-tô, tác chiến phải có hỏa lực yểm trợ. Trong khi đó, các tiểu đoàn chủ lực Việt Minh đã có bảy năm trong nghề. Họ đi chân đất, ăn hai bát cơm một bữa, thức ăn là măng rừng, tiến công vào ban đêm. Tướng Navarre buộc phải thừa nhận, biện pháp duy nhất để bảo vệ không gian chiếm lĩnh là phải áp dụng chiến lược “con nhím”, tổ chức các cứ điểm phòng ngự thật kiên cố để tự bảo vệ. Chiến lược “con nhím” co mình lại để phòng ngự không mang lại chiến thắng nhưng cũng đảm bảo được sự tồn tại để chờ thời cơ. Phải chăng, một phần là phải lo bảo toàn lực lượng theo kiểu “con nhím”?

Những diễn biến thời cuộc vẫn bám chặt suy tư của tướng Navarre.

Khi về đến sân bay Bạch Mai, tướng Navarre được báo cáo, đã tìm thấy trung tá Maleplate còn sống trong một bản Mông. Một chiến máy bay được lệnh đi đón Maleplate, đưa về Hà Nội.

Trong trụ sở làm việc của tướng Salan hiện vẫn giữ chức Tổng tư lệnh, chưa bàn giao cho tướng Navarre, những người thân cận rất ít.

Salan không có ai tâm sự, ngoài vợ ông và vài nhà sư già trông nom những ngôi chùa nghi ngút khói hương. Lúc này, ông rất khó nghĩ vì không thể đối xử với Maleplate theo logic thông thường và duy nhất. Ông phải áp dụng biện pháp như thế nào đối với Maleplate đây? Maxim Maleplate là một đồng đội của ông từ thời thanh niên và người ta thường rỉ tai nhau thậm thỉ rằng Salan với Maleplate là bạn đường theo cùng một phe phái.

Người lính già thuộc lực lượng bộ binh thuộc địa Maleplate quả là một dân quê có sức khỏe nên đã sống sót được suốt một tháng trong rừng rậm mà không mất tinh thần. Nhưng Maleplate vẫn phải chịu trách nhiệm về sự hoảng loạn trong cuộc lui quân đã làm tan rã toàn đơn vị do ông chỉ huy.

Dư luận hồi đó đã bàn tán rùm beng về chuyện này. Khi dư luận vừa mới tạm lắng xuống thì người chịu trách nhiệm là Maleplate lại vụt xuất hiện trở lại, có thể sẽ thức tỉnh những lời phê bình chỉ trích, có nguy cơ tổn hại đến Salan trong những ngày cuối cùng ở Đông Dương.

Tất nhiên sự rủi ro đối với Maleplate không lớn lắm. Chưa bao giờ quân đội Pháp xử bắn một đại tá. Các đại tá phạm lỗi, nặng nhất, cũng thường chỉ bị thải hồi, đưa về Pháp giữa một nhiệm kỳ.

Tướng Salan, thường được gọi là “Quan cai trị”(3) ngồi suy nghĩ trong phòng làm việc khép kín.

Sáng nay, ngay trước khi ra khỏi nhà riêng bên bờ hồ Tây để đi làm, tướng Salan trong bộ quân phục chỉnh tề đã đặt đĩa quả và thắp hương trước tượng Phật bằng đồng trên bàn thờ Phật chiếm cả một góc phòng khách của ông.

Tại Pháp, dư luận báo chí hồi đó phê phán nghiêm khắc Salan. Hai nhà báo Lucien Bodard và Max Clos của tờ Nước Pháp buổi chiều và tờ Thế giới cùng cho rằng Salan phải chịu trách nhiệm về việc rút bỏ Sầm Nưa. Bây giờ thời tiết đang ủng hộ ông. Mùa mưa đã tới. Việt Minh đã rút khỏi Lào.

Salan đang chuẩn bị cãi lại những lời buộc tội trước khi rời khỏi sân khấu Đông Dương.

Trên chiến trường Cánh đồng Chum và Luang Prabang, Salan đã phát động những chiến dịch mang tên các loài hoa, gọi là “cuộc hành quân Myosotis” và “cuộc hành quân Mimosa”. Dọc những con đường mòn lầy bùn, bộ binh Lào và lính dù Pháp đang tiến dần theo những dấu vết của địch. Ngày 15 tháng 5 Salan đã cho chụp ảnh ông theo đội quân hậu bị tiến vào Xiêng Khoảng.

Buổi trưa ngày 22 tháng 5, tướng Salan từ trụ sở làm việc tại Hà Nội trở về nhà riêng. Với gương mặt thanh thản và giọng nói bình tĩnh ông chỉ thị cho văn phòng chuẩn bị một loạt huân chương và gửi giấy mời quan khách đến dự tiệc Cocktail.

Đúng 19 giờ trước mặt đông đủ chức sắc Hà Nội cả dân sự lẫn quân sự, là lễ gắn huy chương thưởng công cho trung tá Maleplate. Qua là một lễ khen

thường lý lạ! Maleplate được thưởng huy chương không phải vì thắng trận mà chỉ cốt để đánh lừa dư luận là đám thương lưu tập hợp trong phòng này. Chiếc “Chiến công bội tinh”, gắn cho Maleplate được mang đến cùng một lúc với chai rượu sâm-banh.

Buổi lễ thưởng công rực rỡ hào nhoáng bởi số đông quan khách sang trọng tới dự, nhưng khá buồn tẻ. Một cô gái Pháp chưa chồng, vừa già, vừa xấu hình như muốn sử dụng vóc người cao lớn quý tộc như một sự thách thức, cứ sán lại gần Tổng tư lệnh Navarre, càng làm cho ông sợ hãi, chỉ có Linarès là người duy nhất dám đánh bạt cô ta. Sau khi cô gái già đã lánh đi nơi khác, tướng Linarès bèn kéo tướng Navarre ra một chỗ, nói nhỏ:

- Ông tìm một chánh văn phòng à? Tôi sẽ chọn cho. Đó là đại tá Revol xuất thân là sĩ quan bộ binh thuộc địa đã bổ túc chính trị tại Paris. Tôi nghĩ anh ta sẽ đáp ứng được ý muốn của ông.

Tướng Salan được hỏi ý kiến, cũng đồng ý với nhận xét của tướng Linarès. Thế là đại tá Revol được cử làm chánh văn phòng của tướng Navarre ngay lập tức.

Chánh văn phòng của Tổng tư lệnh là một người phức tạp, khó gọi mở. Tôi nghĩ, ông thường che giấu sự thiếu hiểu biết của mình về cuộc chiến tranh này cũng như ông vẫn che giấu tính khí nóng nảy hung hãn của ông dưới một vẻ ngoài khắc khổ.

Trong bữa cơm tại Sứ quán Pháp, tướng Navarre và tôi lại ngồi đối diện nhau, vì Bộ trưởng Letourneau đã quay về Pháp hôm trước, khi được tin chính phủ René Mayer vừa sụp đổ.

Mười bảy tháng trước đây, ông Letourneau đã có quyết định thay tướng De Lattre làm Cao ủy Đông Dương. Bây giờ làm Bộ trưởng các nước liên kết, ông có vẻ muốn thúc đẩy chính phủ xúc tiến cuộc chiến tranh. Ông là một người chân thật, trung thực, nhân hậu, không thiếu đầu óc sáng suốt và giàu trí tưởng tượng. Ông cũng là người dám hy sinh và vì thế đã được nhiều người tín nhiệm. Ngày 22 tháng 5 năm 1953 ông đã rời Hà Nội với một sự vui vẻ bộc lộ khá lộ, và không bao giờ quay trở lại đây nữa.

Như vậy là chỉ còn lại tướng Navarre và tôi trong gian nhà này. Đến bữa ăn, tướng Navarre không nói câu nào vì có đông người hầu bàn bên cạnh. Ông chỉ kêu rên vì trời nóng. Khi vừa ăn xong ông lập tức kéo tôi ra vườn hóng mát.

Đến buổi chiều, tướng Navarre đáp một chiếc máy bay Morane nhỏ bé đi Hải Dương. Tướng Cogny đang đợi ông ở đó. Tướng Navarre vừa tới nơi đã được tướng Cogny dẫn luôn vào Sở chỉ huy, tại đó đã chuẩn bị sẵn một buổi “báo cáo tình hình” trong gian phòng treo kín bản đồ.

Với dáng vẻ vội vã, tôn kính, lễ phép, tướng Cogny triển khai tất cả sự hấp dẫn của mình để chinh phục Tổng tư lệnh mới. Đúng là lúc nào muốn, Cogny cũng có thể tỏ ra căm dỗ được cấp trên. Trước kia, ông đã được tướng De Lattre ưa thích, ~éo về làm chánh văn phòng rồi làm cục trưởng các cơ quan dân sự và quân sự, những De Lattre bao giờ cũng để Cogny ở xa một khoảng cách. Đối với tướng De Lattre, Cogny là một sĩ quan cấp dưới có những ham thích tầm thường, không thể để vượt quá mức cho phép được.

Thỉnh thoảng, vào giờ nghỉ trưa, nếu có ai đó ví dụ như Royer hoặc Dannaud muốn tìm gặp Chánh văn phòng Cogny vì một việc cần kíp thì De Lattre giao tay ngăn lại nói bằng một câu đôn hậu:

- Đừng quấy rầy. Cứ để ông ta đi kiếm một cái hôn. Việc đó sẽ làm cho ông ta thêm thông minh.

Đến 5 giờ chiều Cogny mới quay về nhiệm sở, tươi tỉnh, sung sức.

Cogny là người đã làm việc lâu trong các văn phòng chính trị, cho nên quen biết nhiều người, nhiều việc. Trên thực tế, ông thông thạo nhiều lĩnh vực, trừ có lĩnh vực tác chiến do không được De Lattre giao cho phụ trách. Vì thông minh nên Cogny cũng hiểu rõ điều đó. Hồi còn làm tư lệnh chiến trường đồng bằng đặt sở chỉ huy ở Hải Dương người ta thường nhìn thấy ông trên sân bãi, trên đường phố, trong buồng giấy và trong các hộp đêm. Ông khôn khéo không bao giờ tự chỉ huy một chiến dịch nào mà thường tin cậy giao cho các phó của mình là các đại tá Vannuxen, Castries, Gilles và vài đại tá có tham vọng khác. Từng người được trao nhiệm vụ, tự tìm lấy quyền lợi của

mình trong đó. Cái quyết định của một trận đánh, không phải chỉ nhờ ở sự thông minh.

Khi tiếp chuyện tướng Navarre ở Hải Phòng thì Cogy không còn là “ông tướng vùng đồng bằng” nữa mà đã là người chỉ huy chiến trường toàn bộ Bắc kỳ. Ông đã được tướng Navarre chỉ định vào chức vụ này. Ông muốn tỏ cho quan thầy mới của mình biết ông là người xứng đáng với chức vụ đó ông biết rõ vấn đề của mình và đã dễ dàng trình bày trước Tổng tư lệnh Navarre tình hình khu vực mà ông phụ trách. Cogy hoặt bát nói:

- Vùng châu thổ sông Hồng, thực tế là một khu tam giác đông dân, có nhiều ruộng nước, nhiều sông ngòi, tiếp giáp với bờ biển. Con đường nối liền Hà Nội với Sài Gòn là một trục bộ giao thông có tính chất sống còn. Từ năm 1951 ta đã bị mất dân trong khu vực này. Trong khi ta dồn quân tiến đánh Hoà Bình thì Việt Minh đưa nhiều tiểu đoàn chủ lực thâm nhập vùng châu thổ: tiến đánh các đồn bốt, phá hủy hạ tầng cơ sở chính trị của ta.

Cho tới nay Việt Minh có tới bảy mươi ngàn quân chính quy biên chế thành các đơn vị tiểu đoàn và đại đội đang tung hoành khắp nơi, làm cho vùng đồng bằng của ta một ruộng. Ba trung đoàn chủ lực của Việt Minh, cụ thể là các trung đoàn 42, 46, 50 gồm tổng cộng chín sư đoàn tự do ra, vào vùng đồng bằng không gì ngăn trở nổi. Vành đai phòng thủ bê tông mà tướng De Lattre có sáng kiến xây dựng bằng một loạt đồn bốt ngoại vi che chở cho vùng châu thổ, thực tế đã trở thành ảo tưởng, chẳng khác gì dùng tấm lưới sắt để ngăn nước. Ba mươi tiểu đoàn chủ lực của ta đã phải chôn chân trong các đồn bốt này mà cũng chẳng làm được việc gì ra trò. Trong khi đó lại phải huy động thêm ba mươi tiểu đoàn nữa dùng vào việc bảo vệ các cứ điểm trọng yếu và cả việc thường xuyên phải đi càn quét bình định. Như vậy phần lớn tiềm lực của ta đã phải sử dụng một cách lãng phí vào việc chiếm đóng, tiếp tế, bảo vệ. Đúng là ta có ưu thế về máy bay, pháo binh có thể tạo ra một lưới lửa đạn chéo khắp vùng đồng bằng, nhưng không đạt kết quả mong muốn. Còn việc xây dựng một đội quân người Việt cho chính quyền Bảo Đại thì mới chỉ đang trong thời kỳ thai nghén. Cho tới nay mới chỉ có được một



binh đoàn cơ động gồm các tiểu đoàn khinh quân trang bị nhẹ vừa mới thành lập, đang cần huấn luyện thành thạo trong các khu vực bình ổn và tôi luyện dần trong chiến đấu. Hiện nay, những tiểu đoàn này đang nằm ở vùng Phát Diệm và Bùi Chu.

Trong vùng châu thổ, tương quan lực lượng đang tạm thời cân bằng. Nhưng ở bên ngoài, tình hình có thể nghiêm trọng tại Phú Thọ, Thanh Hoá hiện nay Việt Minh có một lực lượng tác chiến chủ lực được trang bị tốt do Trung Quốc giúp đỡ. Lực lượng tác chiến này có tới năm sư đoàn bộ binh: sư đoàn 308 và sư đoàn 312 được coi như hai mũi lao xung kích của tướng Giáp, sư đoàn 320 và sư đoàn 304 đang thâm nhập vào vùng đồng bằng, sư đoàn 316 đang hướng các hoạt động về phía xứ Thái ở Tây Bắc và Lào. Bắt đầu từ tháng tư năm nay, phát hiện thêm sư đoàn 351, gồm hai trung đoàn pháo binh, một trung đoàn pháo cao xạ, một trung đoàn công binh. Lực lượng tác chiến này của Việt Minh hiện nay đang nằm im trong vùng đóng quân ngoài tầm đánh phá của ta, nhưng sẽ có thể tung ra hoạt động từ tháng 10. Trong khi đó, hiện nay ta mới chỉ có sáu binh đoàn cơ động và tám trung đoàn dù.

Ở khu vực Tây Bắc, hiện quân ta đang chiếm đóng Lai Châu và Nà Sản. Lai Châu là lãnh địa của Đèo Văn Long, có thể tung biệt kích đi phá hoại hậu phương của Việt Minh. Những về mặt quân sự, Lai Châu rất yếu. Đó là một địa điểm vây quanh đều là núi cao bốn phía và chỉ có một sân bay nhỏ. Chỉ một trung đoàn 148 của Việt Minh cũng có thể đánh chiếm Lai Châu. Cho nên phải tính đến chuyện rút bỏ địa điểm này. Còn Nà Sản lại chẳng có giá trị gì về chính trị cũng như về quân sự, cũng nên tính đến chuyện thay Nà Sản bằng một cứ điểm khác. bởi vì ta không thể bỏ được xứ Thái. Chúng ta phải chọn trong vùng Tây Bắc một căn cứ để phòng ngự, để tiến công, có thể từ đó tung biệt kích khắp nơi và toả khắp Lai Châu. Chỉ có duy nhất một địa điểm có thể đáp ứng tất cả mọi điều kiện này: đó là thung lũng lòng chảo Điện Biên Phủ.

### ***Chú thích:***

*(1) Đi về mau lên*

*(2) Salan đã học và nói được tiếng Lào*

*(3) Trong đợt công tác đầu tiên tại Đông Dương từ 1924 đến 1937, Salan là một sĩ quan cấp úy đã đảm nhiệm nhiều chức vụ cai trị hành chính ở Việt nam và Lào*

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 2**

Kế hoạch Navarre

Tướng Navarre chưa vội trả lời. Ngày 23 tháng 5 năm 1953, tướng quân đáp máy bay dân sự trở lại Sài Gòn. Trong ba ngày khảo sát nghiên cứu tình hình Bắc bộ, ông đã nhận thức được cuộc chiến tranh này không giống bất cứ cuộc chiến tranh nào mà ông đã trải qua hoặc hình dung tới. Ông đã được sống trong bầu không khí nóng nực đến ngột ngạt tại Hà Nội, đã hít thở bầu không khí mọt ruỗng ở vùng châu thổ sông Hồng, đã ước lượng trên đôi cánh máy bay khoảng không gian vùng Tây Bắc.

Ông đã cảm thấy trong những con người mà ông đã gặp sự trống rỗng về tinh thần mà duy nhất chỉ có nhiệm vụ bó buộc mới làm cho họ thôi nản trí. Ông cũng bắt đầu hiểu biết sự hiện diện của lực lượng tác chiến chủ lực của Việt Minh, tựa trên cơ sở góp nhặt từng người lính, từng khẩu súng, xây dựng tổ chức trong suốt bảy năm qua.

Ông biết, mấy tháng mưa sắp tới sẽ là thời gian tạm thời ngưng chiến. Nhưng sau mùa mưa, ông sẽ phải đối mặt với tướng Giáp trên chiến trường Bắc bộ. Ông cũng đã cảm thấy một phần lo ngại khi nhìn thấy toàn bộ đội ngũ “ra đi” lộ rõ vẻ vui mừng được trở về Pháp.

Tại Sài Gòn, những buổi tiệc chiêu đãi tiếp tục được tổ chức tại nhà hàng Cầu Vòng nổi tiếng có nhiều món ăn Âu và ở cả Chợ Lớn, nơi có những món ăn Tàu của người Hoa. Tiệc tùng kéo dài cho tới cuối tháng. Trong khi đó ở Tổng hành dinh đặt tại doanh trại Demares, các sĩ quan tiếp tục lập các hồ sơ tổng kết các trận đánh: thống kê các trang bị nội thất, đánh giá tình trạng nhà ở để bàn giao cho ông chủ mới. Hàng ngày, trong phòng làm việc

treo đầy bản đồ. Tướng Navarre đều đặn nghe báo cáo tình hình chiến sự. Ông cũng nghiên cứu kỹ bản kiến nghị đệ trình Bộ trưởng quốc phòng do người tiền nhiệm là tướng Salan soạn thảo từ ngày 19 tháng 3 năm 1953, trong đó ghi rõ:

“Đối với một kẻ địch đã được trang bị mạnh đang có trong tay không chỉ lực lượng du kích thường trực mà cả một đội quân chính quy thật sự, ta phải có một lực lượng cơ động tác chiến ít nhất cũng ngang bằng về khả năng chiến đấu và trội hơn về quân số. Để có thể tiến hành một cuộc chiến mang lại chiến thắng cuối cùng có thể sẽ diễn ra trên chiến trường Bắc bộ, ta phải:

- Hoàn toàn bình định vững chắc tất cả các vùng chiếm đóng, ngăn chặn triệt để các tiềm năng kinh tế, quân sự, chính trị của các khu vực này, không để lọt vào tay Việt Minh.

Tuần tự tiến đánh các mặt trận thứ yếu, nhằm vào các khu vực có những nguồn lợi kinh tế đang tạo điều kiện cho Việt Minh tiến hành chiến tranh và duy trì chế độ chính trị.

- Tổ chức và hoàn tất việc huấn luyện chiến đấu cho mọi lực lượng cơ động, không bị ràng buộc, phụ thuộc vào việc chiếm đóng”.

Phân tích này quả là chính xác, giải pháp này quả là hợp lý. Đây cũng là kết quả của một thử nghiệm cụ thể. Năm 1951-1952 Pháp cũng đã thử bẻ gãy lực lượng cơ động tác chiến chủ lực của Việt Minh, tạo điều kiện cho việc hoàn tất bình định, nhưng đã gặp thất bại. Bây giờ cần phải đổi lại. Trước hết là bình định xong các vùng chiếm đóng ở đồng bằng rồi sau đó mới tập trung toàn bộ lực lượng tiêu diệt các sư đoàn chủ lực Việt Minh trên chiến trường Việt Bắc. Phải chăng lực lượng cơ động chủ lực của Việt Minh là nguyên nhân hay là kết quả đang làm cho vùng chiếm đóng ở đồng bằng bị “thối rỗng”?

Ngày 28 tháng 5 năm 1953, chiếc tàu biển Marseillaise, được coi là con tàu mới nhất và sang trọng nhất trên tuyến đường hàng hải Viễn Đông nổ máy rời bến cảng Sài Gòn trong bầu không khí náo nhiệt. Tướng Salan và tất cả đội ngũ các sĩ quan thân cận đều đứng trên boong tàu. Khi con tàu đã rời

bến, tướng Linarès là người duy nhất giơ tay vẫn chào tướng Navarre. Vị tổng tư lệnh mới nhậm chức cảm thấy hoàn toàn đơn độc. Hôm nay đã là ngày thứ hai mươi kể từ khi ông được bổ nhiệm và là ngày thứ tám kể từ khi ông đặt chân tới Việt nam. Nhiệm vụ của ông là phải nghiên cứu “thật minh mẫn” để tìm ra một giải pháp đệ trình chính phủ. Tất cả khoản gọn trong một tháng. Tối nay, một mình trên đất Đông Dương, ông cảm thấy tất cả sức nặng của trách nhiệm đè nặng trĩu đôi vai.

Ở Paris vẫn chưa thành lập được chính phủ mới cuộc khủng hoảng kéo dài. Ngày hôm qua, ông Paul Reynaud từ chối, không đồng ý được đề cử. Bộ trưởng Letourneau đã rời khỏi Đông Dương, cũng chẳng để lại một người nào có đủ thẩm quyền ký các giấy tờ nhân danh Cao uỷ. Nhưng, cả ông René Mayer lẫn ông Letourneau đều quan tâm trả lời các thư và điện của Tổng tư lệnh Navarre từ Đông Dương gửi về, tỏ thái độ thông cảm và nhiệt tình, hoặc tỏ ra bất lực và nuối tiếc. Đông Dương không phải là vấn đề được theo dõi thường xuyên. Chẳng có ai chỉ huy cuộc chiến tranh này.

Thế nhưng, chiến tranh tự nó vẫn cứ tiếp tục.

Ngay lập tức, tướng Navarre thấy cần phải vận hành guồng máy chiến tranh khổng lồ của Tổng chỉ huy: đó là ban tham mưu liên quân và các lực lượng lục quân. Được sự giúp đỡ của của tham mưu trưởng Allard đang đột ngột đề nghị ở lại thêm vài ngày và tân tham mưu trưởng Gambiez vừa mới đến, tướng Navarre bắt đầu ra sức vận dụng. Suốt một tuần liên tục, với gương mặt căng thẳng, ý chí vươn cao, ông hỏi chuyện các trưởng ban, các tư lệnh binh chủng, các tham mưu trưởng, đi thăm các cơ quan, công binh xưởng kho tàng; thái hỏi những người vô tác dụng và bổ sung các vị trí còn thiếu người. Chỉ trong vòng một tháng, đã có sáu mươi sĩ quan lần lượt bị trả về Pháp. Việc củng cố tổ chức được tiến hành một cách lạnh lùng, không chút nể nang chiếu cố, các phóng viên báo chí cũng vấp phải một bức tường kín như bưng.

Không còn ai nhìn thấy Tổng tư lệnh ở đâu cả.

Tướng Navarre rất ghê sợ cái kiểu đưa tin có dụng ý xấu của báo chí đệ trình

chính phủ. Tất cả khoán gọn trong một tháng. Tối nay một mình trên đất Đông Dương, ông cảm thấy tất cả sức nặng của trách nhiệm đè trĩu đôi vai. Ở Paris vẫn chưa thành lập xong Chính phủ, cuộc khủng hoảng chính trị vẫn kéo dài. Nhưng ở đây chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Từng ngày từng giờ. Tổng chỉ huy Navarre liên tục nhận được các báo cáo tình hình chiến sự, các bức điện tối khẩn đề nghị tăng thêm viện binh các thống kê đau buồn về tổn thất. Trong những vùng rừng núi và đầm lầy các binh sĩ đang chờ đợi tướng quân có những quyết định nhanh chóng, hoặc là ra lệnh chiến đấu như thế nào hoặc là báo tin sẽ chi viện ra sao.

Ngay khi tới đây tướng Navarre cũng đã nghiên cứu tập hồ sơ về việc thành lập một đội quân của chính quyền Bảo Đại, đội quân người Việt trong xứ Đông Dương liên kết với Pháp. Tuy nhiên, mặc cho Pháp dày công soạn thảo kế hoạch và Mỹ ra sức viện trợ quân sự cái đội quân bản xứ người Việt này vẫn chỉ là một cơ thể to xác mà không có linh hồn. Trước tướng Navarre, tướng De Lattre cũng đã hiểu rõ vấn đề này. De Lattre đã thề sẽ thực hiện thành công nhưng rốt cuộc cũng chẳng đạt được một bộ quân phục nào ra hồn từ phía Bảo Đại. Navarre không có được ánh hào quang như De Lattre. Ông là một vị tướng thuần túy quân sự vào loại nhất của phương Tây.

Ngay khi mới tới Việt nam, tướng Navarre đã nghiên cứu tập hồ sơ về việc thành lập một đội quân của chính quyền Bảo Đại, tìm hiểu các giai đoạn trong việc phát triển đội quân này. Tướng Navarre đã gặp tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng tham mưu trưởng, tại trụ sở Bộ Quốc phòng đặt trên đại lộ Gallieni, giữa đoạn đường từ thành phố Sài Gòn đầy màu sắc phương Tây đến Chợ Lớn đượm nét châu Á.

Nguyễn Văn Hinh là một người Việt lai Pháp, con trai của đốc sứ Nguyễn Văn Tâm được thừa hưởng hai nền văn hoá: một trăm phần trăm huyết thống Việt nam một trăm phần trăm văn hoá Pháp. Từ thời thơ ấu Nguyễn Văn Hinh đã được theo học ở Pháp, sau đó vào trường không quân. Trong chiến tranh, Hinh là phi công lái máy bay trinh sát rồi thành lập gia đình với một cô gái Pháp ở miền Nam nước Pháp. Là người Việt nhập quốc tịch Pháp sĩ

quan lực lượng không quân Pháp, năm 1949 Hinh được điều động đi phục vụ tại Đông Dương với nhiệm kỳ một năm. Tướng De Latour, Tư lệnh chiến trường Nam Bộ đã rút Hinh ra khỏi hàng ngũ quân đội Pháp, đưa vào đội quân Bảo Đại. Tướng De Lattre, Tổng chỉ huy Đông Dương, đã cất nhắc Hinh lên chức vụ cao nhất. Để trợ giúp Hinh, tướng De Lattre đã cử trung tá Bertin làm phó cho viên tướng người Việt hãy còn non trẻ này. Bertin có dòng máu Pháp và được hưởng thụ văn hoá Việt. Bertin làm phiên dịch cho Hinh, bởi vì Hinh mang họ tên Việt nam nhưng lại không nói thạo tiếng Việt vì sinh sống ở Pháp từ thuở bé. Bertin đã chỉ dẫn cho Hinh, góp ý với Hinh, trợ lực cho Hinh, và bí mật dạy Hinh học tiếng Việt, một ngôn ngữ rất khó học.

Nguyễn Văn Hinh hãy còn trẻ năng động, thông minh và thực tế. Hơn nữa, Hinh lại dễ thu hút tình cảm của mọi người do bề ngoài dễ gần, dễ chịu. Ông ta có mọi đức tính để thành đạt, chỉ trừ một điều: ông không coi nước Việt nam là Tổ quốc của mình, chiếc mặt nạ ái quốc mà ông khoác lên người rất khó thích nghi cũng như chiếc áo dài mỏng tang kiểu Việt nam khoác lên thân hình to lớn phương tây của cô đầm Pháp vợ ông.

Mặc dù Pháp xây dựng kế hoạch và Mỹ giúp đỡ vật chất, quân đội Việt nam trong tay Hinh vẫn như một cái xác to lớn không có hồn.

Khi ra khỏi trụ sở Bộ Tổng tham mưu quân đội của Hinh, tướng Navarre ghi trong sổ tay: “Điều kiện thứ nhất, các nước liên kết với Pháp nhất định phải thật sự tham gia cuộc chiến tranh này. Điều kiện này chỉ có thể được thực hiện nếu các nước liên kết nhận thức rõ họ chiến đấu vì các mục đích quốc gia, và tình cảm này phải được dân chúng, nhất là những người theo chủ nghĩa dân tộc, thật sự chia sẻ, kể cả những người hiện đang đứng trong hàng ngũ Việt Minh, cũng như những người đang chờ thời”.

Trước tướng Navarre, tướng De Lattre cũng nhận định như vậy. Tướng De Lattre đã từng thề chiến thắng chủ nghĩa chờ thời bạc nhược và phải tìm cách quản lý những sĩ quan trong từng khoá tốt nghiệp. Trong cuộc đấu tranh này ông đã dốc toàn tâm, toàn lực, nhất định giành thắng lợi. Bài diễn văn

tướng De Lattre đọc tại trường trung học Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, mà thư ký riêng của ông là Dannaud đã mất tám ngày soạn thảo trong một gian phòng ở bệnh viện Grand, thật sự là một tác phẩm, một lời kêu gọi tâm huyết, khơi gợi trí thông minh, niềm tự hào dân tộc, rất xúc động tới mức làm rơi nước mắt những thánh giả... là người Pháp. Nhưng hồi đó De Lattre vẫn không được Bảo Đại cung cấp cho một thanh niên học sinh trung học nào chịu mặc quân phục.

Navarre không có được ánh hào quang toả sáng như De Lattre. Đầu óc máy móc của ông chỉ thích ca ngợi tính chính xác dựa trên những phân tích tình báo(1) lạnh lùng, chỉ muốn thừa nhận những dữ liệu kỹ thuật của vấn đề, những số liệu của nhu cầu, những thời gian biểu hoạt động. Đó là tất cả sự tinh thông của một tổng tư lệnh. Tướng Navarre cũng thường hay ghi chú những điều kiện chính trị và tâm lý bên cạnh những cột dài về số lượng xe cộ, dù nhảy, khẩu phần dã chiến, trong những đề nghị gửi lên chính phủ coi đó là những yếu tố nhằm thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra. Ông là một điển hình của loại tướng lĩnh thuần túy nhất trong giới quân sự phương Tây. Ở cách Sài Gòn một ngàn hai trăm kilômét, giữa trung tâm bí mật của Việt Bắc, có lẽ tướng Giáp cũng bắt đầu nghiên cứu tính cách đối thủ “mới” của mình. Theo phân tích biện chứng, đối thủ mới này cũng chẳng khác gì lắm so với các đối thủ cũ. Đằng sau vẻ bề ngoài: phục vụ Tổ quốc Danh dự Kỷ luật bên trong hoàn toàn trống rỗng.

De Lattre cũng vậy. Sở dĩ De Lattre được trao thêm nhiệm vụ chính trị, kiêm thêm chức Cao uỷ, chỉ vì ông là một quân nhân tốt. Ngược lại, tướng Giáp được giữ chức Tổng tư lệnh trước hết vì ông là một nhà hoạt động chính trị. Tướng Giáp chỉ huy các chiến dịch quân sự đúng quá rồi, nhưng trước hết ông là một uỷ viên đầy uy tín trong Bộ Chính trị điều khiển chiến tranh. Tướng Giáp không sợ tướng Navarre, bởi vì tướng Giáp đứng cao hơn, chứ không ngang tầm với tướng Navarre.

Trong khi đó, tướng Navarre chưa có thời gian để tìm hiểu đối thủ của mình và cũng có thể ông chỉ chưa nghĩ đến chuyện tìm hiểu đối thủ. Hơn nữa theo



tướng Navarre thì một quân nhân không bao giờ nhân cách hoá kẻ địch của mình. Kẻ địch là một chủ thể và cần phải căm ghét, tấn công tiêu diệt, thanh toán. Tướng Navarre rất có cảm tình với tướng Nga xô Zukov. Nếu lúc nào đó tướng Navarre có nghĩ đến tướng Giáp hoặc ông Hồ, thì nhất định đó không phải là những tình cảm thù ghét. Vì vậy để giải thích thế nào là Việt Minh, tướng Navarre chỉ nhận định chung chung: đó là địch thủ, trù tượng và không nhân cách hoá. Trong vùng châu thổ sông Hồng, nhận xét tại chỗ tính năng của những lô cốt bê-tông, nghiên cứu tại chỗ địa bàn hoạt động cho những chiến dịch sắp tới, ông hỏi rất nhiều và chỉ đưa ra vài mệnh lệnh ngắn gọn.

Trong chuyến đi trên khắp các nẻo đường chiến trường Bắc bộ này, hai vị tướng đã nhiều lần trực tiếp đối thoại với nhau. Tướng Cogny, xuất thân là một sĩ quan pháo binh thiên về phòng ngự tĩnh tại. Tự coi là người biết rõ vùng đồng bằng này, tướng Cogny cho biết sẽ tổ chức lại trận tuyến, rút bỏ các đơn vị kém tác dụng, tăng cường các cứ điểm quan trọng, tập trung binh lực và bảo vệ “vùng đồng bằng của mình” bằng một lưới lửa pháo binh và không quân mãnh liệt. Tướng Navarre xuất thân là kỵ binh, đề xuất những phương án phòng ngự cơ động linh hoạt bằng cách tháo gỡ sự “chôn chân” của các đơn vị chiếm đóng, tổ chức các đơn vị cơ động làm lực lượng dự trữ, tán thành cách tiến công để phòng ngự bằng cách tổ chức những cuộc tập kích bằng lính dù vào vùng hậu phương của Việt Minh, như cuộc nhảy dù xuống Lạng Sơn vào ngày 26 tháng 6 năm 1953.

Khi Tổng tư lệnh rời Hà Nội thì “ê-kíp mới” có vẻ như đã được gắn chặt với nhau. Những “bất đồng nội bộ” đã hoà hợp dần trong hy vọng chiến thắng: Bởi vì những bất đồng và chống đối chỉ có thể phát sinh từ những thất bại. Và lại, tướng Cogny không phải là người thuộc đội “đồng ca trong nhà thờ”. Cụm từ “đồng ca trong nhà thờ” thường được dùng để gọi những người dựa dẫm vào nhau để tiến lên. Tướng Cogny cũng không bao giờ chen vào một ê-kíp trong đó có các thành viên chen vai thích cánh để phục vụ một ông chủ hoặc vì một mục đích nào đó.

Tướng Navarre không bao giờ tin tưởng ở những đội ngũ gọi là “cánh hâu” do ghê sợ những “đội đồng ca trong nhà thờ”. Ông chỉ tin vào những khả năng của các ban tham mưu. Có lẽ tướng Cogny mong chờ sự thân mật ngoài lề công việc sẽ dẫn đến sự tin cậy. Về lịch sử, lạnh nhạt của tướng Navarre mới chỉ tạo cho Cogny có được sự tín nhiệm về tâm tính, chứ không phải về khả năng của mình.

Trên đường từ Hà Nội vào Sài Gòn tướng Navarre ghé qua Viêng Chăn trong chốc lát. Tướng Gilles đang giữ chức Quyền tư lệnh các lực lượng vũ trang ở Lào, tỏ ra thờ ơ với cảnh đẹp thanh bình ở đây. Mặc dù chung quanh tướng Gilles là một đội ngũ lính dù vững chắc, ông vẫn buồn chán vì phải sống xa Sài Gòn và không được tham dự các hoạt động quân sự ở đồng bằng Bắc bộ.

Trong khi đó, Thủ tướng Lào là Hoàng thân Xuvanna Phuma lại bày tỏ một cách rất nhiệt tình với Tổng tư lệnh Navarre là Chính phủ Lào muốn Tổng tư lệnh cử tới Viêng Chăn một vị tư lệnh chính thức để chỉ huy các lực lượng trong khối Liên hiệp Pháp đóng tại Lào.

Thái độ thờ ơ chệnh mảng dù không nhiều lắm của tướng Gilles và các sĩ quan trong Bộ Tư lệnh của ông đặt trụ sở tại thành phố nhỏ bé như một thị trấn này, đã chọc vỡ tính dè dặt của các vị đại thần Lào, là những người luôn coi việc gì cũng quan trọng. Chỉ còn có một vị tướng duy nhất có thể đáp ứng sự mong mỏi của ông hoàng Phuma. Đó là tướng Gardet, hiện đang làm phó cho tướng Bondis ở Sài Gòn, thường được sử dụng như một nhân viên đại diện cho Bộ Tư lệnh tham dự các nghi lễ chính thức thường diễn ra rất nhiều tại đây.

Tướng Navarre quyết định cử Gardet thay Gilles làm Tư lệnh chiến trường Lào để tướng Gilles được trở về với các hoạt động chiến đấu.

Bây giờ, chỉ còn chuyến đi thăm Campuchia là hoàn tất chương trình. Nhưng dự án này đã bị hủy bỏ.

Tại Campuchia, Quốc vương Norodom Sihanuk đang trị vì, Cao uỷ Risterrucci đang cai trị, tướng Langlade đang chỉ huy toàn bộ lãnh thổ. Bộ ba

này thi thoảng có gặp nhau, nhưng không bao giờ thích thú, người nào cũng bị ràng buộc chặt chẽ vào tầm quan trọng của nhiệm vụ và nghi lễ.

Tướng Lenglade, được coi là “người lính Châu Phi” và “đại lãnh chúa”, đang trải rộng kho tàng về tính dũng cảm và lòng kiên nhẫn của mình để duy trì một mức độ uy quyền nào đó trên đầu các binh sĩ, cao uỷ Risterrucci thì thường hay thờ dài, tưởng nhớ tới thời kỳ mà các viên toàn quyền cai trị các thuộc địa có uy quyền lớn hơn vua có thể trao vương miện và vứt bỏ vương miện của quốc vương những nước phụ thuộc vào Pháp. Còn Quốc vương Sihanuk thì đang bực tức. Nhà vua được cựu Toàn quyền Gauthier đặt lên ngai vàng từ thừa còn là một hoàng tử Khmer nhỏ bé, do tính nết ngoan ngoãn, dễ bảo.

Thế mà nhiều tháng, nhiều năm gần đây lại cứng đầu cứng cổ đòi cho Campuchia được độc lập hoàn toàn “trong khối Liên hiệp Pháp”, theo một qui chế tương tự như Ấn Độ trong khối Thịnh vượng chung của Anh. Những yêu sách này đã làm náo động những thành viên chính phủ cứng rắn muối bảo vệ tính vững chắc của Hiến pháp nước Pháp.

Từ một năm nay Sihanuk đã trực tiếp nắm trong tay các công việc hành chính của vương quốc và quyền chỉ huy quân đội hoàng gia Campuchia.

Nhà vua tiến hành các hoạt động quân sự chống lại Kơ me Issarak và lực lượng Sơn Ngọc Thành.

Những cuộc tuần du của nhà vua tới các tỉnh làm thức tỉnh cả tinh thần quân chủ lẫn tinh thần dân tộc của nhân dân. Những phần tử chống đối đã chịu khuất phục và đang thúc đẩy quốc vương đòi độc lập.

Đức vua nói với các nhà chức trách Pháp:

- Trên toàn bộ đất nước Campuchia của chúng tôi không có quá ba người, kể cả tôi, tán thành khối Liên hiệp Pháp.

Bực tức trước sự trì trệ của Pháp, nhà vua quyết định đưa vấn đề Campuchia ra trước công luận quốc tế: ông đã đi Mỹ, Nhật Bản vận động các nước lên tiếng ủng hộ Campuchia độc lập nhưng không đạt kết quả. Ngày 14 tháng 6 nhân một chuyến đi thăm các tỉnh thuộc khu vực biên giới, ông đi luôn sang

Thái Lan rồi đọc một bài diễn văn, tỏ thái độ quyết tâm tự đi đày ở Thái Lan cho tới khi giành được độc lập hoàn toàn cho Vương quốc Campuchia. Nước Campuchia đứng trước nguy cơ trở thành một nước chống Pháp.

Tại Paris, Chính phủ Pháp náo động. Cố vấn ngoại giao Pháp tại Sài Gòn là ông Raymond Offroy tới tập gửi điện mật mã, thông báo tình hình Campuchia với Tổng tư lệnh Navarre. Trong một bản thông điệp dài tới hai nghìn từ chọn lọc và bóng bẩy theo ngôn ngữ ngoại giao, Bộ Ngoại giao Pháp tố cáo Sihanuk gây ra tình hình nghiêm trọng, đòi áp dụng các biện pháp trừng phạt và gửi tới Sihanuk những lời đe dọa bằng các từ ngữ văn hoa. Cùng trong lúc đó, tùy viên quân sự đại sứ quán Pháp ở Thái Lan cũng thương lượng một cách mềm dẻo. Kết quả là Sihanuk không được triều đình Thái Lan tiếp đón, mọi lời khuyên đều là ông nên trở lại kinh đô Campuchia, nơi tất cả mọi người đã quên những lời tuyên bố của ông tại Thái Lan rồi. Cuộc trốn chạy của Sihanuk sang Băng Cốc kết thúc trước khi Chính phủ Pháp quyết định huy động bộ máy chiến tranh ngoại giao đòi Thái Lan trục xuất Sihanuk về Campuchia.

Thay vì ra oai sấm sét, Tổng tư lệnh Navarre kín đáo gửi tới ông vua nhỏ bé những lời bày tỏ thiện cảm với đất nước và sự dũng cảm của nhà vua. Sihanuk tự tay viết thư trả lời: “Tôi xin phép được gửi tới tướng quân lá thư này để nồng nhiệt cảm tạ tướng quân đã can thiệp tại Paris để cho Campuchia được độc lập hoàn toàn”

Trong suốt thời gian tiến hành công tác ngoại giao đứt quãng này, tướng Navarre không ngừng nghĩ đến nhiệm vụ chính của mình. Ông chỉ còn mười lăm ngày nữa để tổng hợp các ý niệm do ông suy nghĩ hoặc do người khác đóng góp vào bản kế hoạch hành động, phân tích các hậu quả, thống kê các nhu cầu, ấn định các thời gian thực hiện. Trước khi kết luận, ông muốn gặp lại một lần nữa những cán bộ cấp cao dưới quyền, cho họ những huấn thị mới, củng cố các vị trí trong cơ quan Bộ Tổng tư lệnh và tiến hành một vài cải cách.

Ngày 17-6-1953 có một cuộc họp quan trọng tại Sài Gòn để nghe Báo cáo

tình hình và góp ý kiến đề xây dựng bản kế hoạch chiến lược. Tham dự có đô đốc Auboyneau, tướng Bodet, tướng Lauzin (vừa mới tới giữ chức Tư lệnh các lực lượng không quân Đông Dương) cùng với các tư lệnh chiến trường: Bondis, Langlade, Leblanc, Cogny, Gardet. Nếu đến cuối buổi họp vào lúc xế chiều, hội nghị chuyển sang phần thảo luận các đề án trong tương lai, nhưng vẫn chưa góp được ý kiến vào bản kế hoạch mang tên Navarre, là vì cho tới giờ phút đó bản kế hoạch chiến lược này vẫn chưa soạn thảo xong. Tuy nhiên nội dung thiết yếu vẫn được sử dụng để soạn thảo bản huấn thị số một được Navarre ký vài ngày sau đó.

Trong bản báo cáo tường trình tướng Navarre nhận xét những điều tai nghe mắt thấy từ ngày đặt chân tới Đông Dương. Các mệnh lệnh không được chấp hành hoặc thi hành sai lệch, bí mật các hoạt động quân sự không được giữ kín, phần lớn các đơn vị đều chôn chân trong các đồn bốt rào dây kẽm gai để phòng ngự, không được tung đi tác chiến tiến công, việc huấn luyện quân sự cần phải tiến hành lại theo chương trình thích hợp, không có đủ sĩ quan chỉ huy trong các đơn vị lực quân. Hải quân vừa không hiện đại vừa không hiệu lực, hết như một bà đầm già ngồi suy tư bên cạnh tấm ảnh chân dung đô đốc Rigaul de Genouilly, thời kỳ tung hoành chinh phục các thuộc địa. Lực lượng không quân cũng lạc hậu, các phi công lái những chiếc máy bay cánh quạt đang mơ tưởng có trong tay những loại phản lực ở Reims hoặc ở Mong de Marsan. Lực lượng viễn chinh nằm chết gí. Cần phải thay đổi các thói quen cũ. Đang thiếu một ngọn lửa... Bản báo cáo tường trình của tướng Navarre có thể sẽ khởi động lớp tro tàn nhưng vẫn cứ thiếu một làn gió thổi để tia lửa trong than bùng cháy.

Tướng Navarre đặt tất cả những hy vọng của ông trong cuộc tranh luận sắp tới với hội đồng chính phủ tại Paris.

Ngày 28-6-1953 bản kế hoạch chiến lược đã viết xong. Cô thư ký của tướng Navarre là Léone Mougénot lập tức đánh máy ngay sau khi tướng Navarre sửa chữa xong bản viết. Toàn bộ dày tới hai mươi năm trang đánh máy mang tên “Giác thư của tướng Navarre về tình hình Đông Dương”, kèm theo

một hồ sơ dày cộm những văn bản ghi chú và phụ lục: Buổi tối, tôi gửi một bức điện cho Thủ tướng Joseph Laniel, báo tin Tổng tư lệnh Navarre sẵn sàng trở về Paris vào đầu tháng 7 để báo cáo tình hình hoàn thành nhiệm vụ”. Ngày hôm sau, tôi nhận được điện trả lời, ngắn gọn và bất ngờ. Trong điện, ông Laniel viết: “Tôi ngạc nhiên khi thấy mới sau một tháng, Tổng tư lệnh đã nghĩ đến chuyện trở về Paris. Tôi cho rằng trong tình hình hiện nay, vắng mặt tại Đông Dương là không đúng lúc”(2).

Chỉ riêng tướng Navarre khi đọc bức điện này đã không bật cười. Ông tự tay thảo điện trả lời, nói rõ lý do tại sao lại về Paris. Trong khi đó, ông Laniel ở Paris cũng đã nghe người tiền nhiệm Navarre là Salan báo cáo. Ông lại gửi điện báo tin cho phép Tổng tư lệnh Navarre được trở về Paris trong vài ngày tới.

Chúng tôi ở lại Paris một tháng. Tiếp theo ánh nắng mặt trời của Sài Gòn, từ ngày 4 tháng 7 năm 1953 khi đặt chân tới sân bay Orly, chúng tôi đã nhìn thấy đám mây buồn tẻ của mùa thu, dù được gọi là một mùa đẹp. So với múi giờ Sài Gòn thì chúng tôi chậm mất bốn giờ nhưng căn cứ vào lịch đón tiếp tướng Navarre thì vẫn còn sớm hơn một giờ. Tôi không biết rõ, bốn giờ qua ở Đông Dương đã xảy ra những diễn biến gì ảnh hưởng tới thời cuộc.

Trước khi lên đường đi Đông Dương, tướng Navarre đã được Thủ tướng hồi đó là René Mayer đảm bảo là không bỏ nhiệm chức Cao uỷ Đông Dương trước khi Tổng tư lệnh Navarre trình bày bản kế hoạch chiến lược. Tuy vậy, từ tháng 4 đã ban hành một nghị định tổ chức lại cơ quan đại diện của Pháp tại Đông Dương, bằng cách tách các công việc chính trị và hành chính của Cao uỷ khỏi các nhiệm vụ chỉ huy quân sự do Tổng tư lệnh đảm nhiệm. Nhưng ngay khi tới thị sát tình hình tại chỗ, tướng Navarre cho rằng Tổng tư lệnh Đông Dương vẫn phải có thêm một số quyền hành chính trị. Ông đã trình bày điều này trong thư cá nhân gửi cựu Thủ tướng René Mayer và ông Mayer đã hứa sẽ chuyển ý kiến này tới Thủ tướng mới, đồng thời cũng nhấn mạnh, ông hoàn toàn tán thành quan điểm của tướng Navarre.

Ông Joseph Laniel ngay khi nhậm chức Thủ tướng đã nắm trong tay Bộ Các

nước liên kết và gửi tới Tổng tư lệnh Navarre một cơ quan đại diện có thẩm quyền ký các giấy tờ thuộc phạm vi chức trách của Cao uỷ.

11 giờ ngày 4 tháng 7 tướng Navarre tới Orly, mang theo một bản nghiên cứu theo yêu cầu của chính phủ. Đây là bản nghiên cứu mà từ Tổng thống Cộng hoà, Thủ tướng chính phủ, Thống chế Tổng thanh tra quân đội đến các quan chức cấp thấp..., đều tuyên bố sẽ dùng làm cơ sở để thảo ra một đường lối chính trị một đường lối tiến hành chiến tranh và một kế hoạch tác chiến.

Ngồi trên xe từ sân bay Orly về nhà riêng tại phố Georges Ville, tướng Navarre nghe qua đài thu thanh đặt trong ô tô, lời bình luận nhận xét, hết chính phủ này đến chính phủ khác những đường lối chủ trương vẫn cứ khác nhau. Đến buổi trưa, tờ báo nói công bố bản tuyên bố ngày 3 tháng 7 của chính phủ công nhận trao trả độc lập cho các nước liên kết và mời những nước này ký với Pháp những bản hiệp định song phương để gia nhập khối Liên hiệp Pháp. Ngay trong ngày hôm đó, Nội các chính phủ đã chỉ định ông Dejean, đại sứ Pháp tại Tokyo làm Tổng cao uỷ toàn Đông Dương.

Tôi đến Bộ Các nước liên kết đặt trụ sở làm việc tại toà nhà số 78 phố Lille để thu lượm các tin tức về Đông Dương, thấy nhiều cơ quan làm việc còn trống rỗng. Đại tá Brebisson được cử làm người quản lý toà nhà này cho tôi thoải mái chọn một phòng làm việc dành cho Tổng tư lệnh Navarre trong thời gian ông ở Pháp. Vội giờ sau tôi mới thấy ông Marc Jacquet vừa được chỉ định làm Quốc vụ khanh phụ trách các nước liên kết tới. Ông báo tin muốn giữ đại tá Brebisson làm việc tại Đông Dương nhưng Brebisson từ chối.

Tướng Navarre thản nhiên trước việc ông Dejean được chỉ định làm Tổng Cao uỷ Đông Dương, trù lên trên chức vụ Tổng tư lệnh quân đội toàn Đông Dương của Navarre. Tướng Navarre không sợ ông Dejean. Bởi vì, ngài đại sứ vừa được cử làm Cao uỷ Dejean xuất thân chỉ là một nhân viên văn thư lưu trữ trong Cục Tình báo Bộ Chiến tranh. Đây là một viên chức được cấp trên rất tin cậy giao cho giữ chìa khoá tủ sắt đựng các hồ sơ tuyệt mật. Là một công chức dân sự làm việc trong Bộ Chiến tranh, ông Dejean đã

được tận dụng tư cách dân sự để làm đại sứ Pháp ở Berlin hồi trước chiến tranh, nhưng thực tế là làm công tác tình báo. Nhiệm vụ hồi đó của ông là gửi những bức điện ngoại giao, với tư cách là của đại sứ Pháp ở Đức về Bộ Ngoại giao Pháp, đặt địa chỉ ở Quai d Orsay Paris, nhưng thực chất là gửi về cho Cục Quân báo Bộ Chiến tranh của Pháp. Sau khi từ Đức trở về Pháp, ông Dejean được làm việc trong Văn phòng Thủ tướng Paul Reynaud. Ông là một người siêng năng lễ phép, soạn thảo các văn bản rất hoàn hảo.

Ông Paul Reynaud có nhiều ấn tượng tốt đẹp về nhân viên tận tụy trung thành nên đã đề nghị ông Dejean giữ chức vụ và chiếm lĩnh toà lâu đài của Tổng Cao uỷ Pháp ở Đông Dương.

Tổng tư lệnh Navarre không lo ngại về cá nhân Tổng Cao uỷ, nhưng lo ngại về chức vụ và thẩm quyền của cơ quan Tổng Cao uỷ Pháp ở Đông Dương, lúc này các chính quyền thân Pháp ở Campuchia, Lào, Nam Việt nam đã thiết lập quan hệ cấp đại sứ với Pháp. Đại diện Pháp ở từng nước này được gọi là Cao uỷ. Nay lại có thêm một Tổng Cao uỷ toàn Đông Dương, đặt trụ sở tại Phủ Toàn quyền cũ, tức là dinh Norodom tại Sài Gòn, thực hiện tất cả mọi uy quyền và thừa hưởng tất cả gia tài của các viên Toàn quyền cũ. Cần phải nêu lên một tấm gương của Anh quốc. Ngài Malcolm Mac Donald là Tổng Cao uỷ toàn bộ các nước trong khối Thịnh vượng chung của Anh ở khu vực Đông Nam Á. Nhưng ông không đặt trụ sở làm việc ở Singapore ngài làm phiên cả Chính phủ liên bang Malaixia lẫn đại sứ Anh quốc. Ông làm việc tại Bukit Serene, cách thủ phủ Singapore khoảng mười dặm, trong một toà nhà tiện nghi và kín đáo. Ở Đông Dương Phủ Cao uỷ Pháp đã đặt trụ sở tại Đà Lạt, buộc Bảo Đại phải chuyển xuống Sài Gòn sự việc này có thể làm cho Quốc trưởng Bảo Đại bức tức. Bây giờ, trụ sở Tổng Cao uỷ Pháp lại đặt tại dinh Norodom tức Phủ Toàn quyền cũ. Có thể coi đó là bước đầu để làm cho chính quyền Bảo Đại tham chiến cùng với Pháp được chăng?

Ngay trong cuộc họp đầu tiên giữa hai người với nhau tại trụ sở Bộ Các nước liên kết, tướng Navarre đã bộc lộ những thắc mắc này với ông Dejean. Sau cuộc nói chuyện, tôi thấy tướng Navarre bước ra ngoài phòng khách về



mặt buồn rầu. Tôi hỏi lý do, tướng Navarre cho biết ông Dejean đã không nghe theo những ý kiến đóng góp của tướng Navarre.

Tháng 7 này cũng là khoảng thời gian tôi rất bận việc vì phải đi thăm nhiều nơi, nghe thuyết trình, tham gia các buổi họp, bàn bạc công việc và dự các bữa cơm giao dịch. Tôi chỉ có thể ngồi một mình trong phòng làm việc vào lúc bảy giờ sáng nhưng lúc đó cũng lại phải cập nhật tình hình diễn biến hằng ngày tại Đông Dương và buổi tối khuya lại phải giải thích tình hình trước tấm bản đồ. Còn tướng Navarre thường có mặt vào lúc 8 giờ, nghe các báo cáo đọc các bức điện Đến 9 giờ ông mới thực sự bắt tay vào công việc chính.

Trong thời gian này, có hai sự kiện quan trọng. Đó là cuộc họp các tham mưu trưởng ngày 6 tháng 7 và cuộc họp của Hội đồng Quốc phòng ngày 24 tháng 7. Ngoài những cuộc gặp riêng rẽ với các bộ trưởng, các tham mưu trưởng và Tổng thanh tra quân đội, chính tại hai cuộc họp quan trọng này tướng Navarre sẽ phải thuyết minh bản kế hoạch chiến lược mang tên ông. Nội dung bản “Kế hoạch Navarre” như thế nào?

Bản kế hoạch này đã được xây dựng trên cơ sở giác thư mà tướng Navarre đã đệ trình chính phủ, gồm bốn vấn đề: những mục đích của cuộc chiến tranh, cách tiến hành chiến tranh, kế hoạch tác chiến, những phương tiện cần thiết để thực hiện thắng lợi kế hoạch chiến lược.

Ngay trong trang đầu tiên tướng Navarre đã viết: “Những điều tôi dự kiến chỉ có thể thực hiện được trong chừng mức viện trợ của Trung Quốc cho Việt nam giữ ở qui mô như hiện nay. Nếu viện trợ này tăng ồ ạt và nhất là nếu có một sự can thiệp trực tiếp của Trung Quốc bằng những lực lượng lục quân và không quân thì toàn bộ bản kế hoạch chiến lược này phải làm lại”.

Trung Quốc bắt đầu viện trợ cho Việt nam từ năm 1950. Vào thời kỳ bấy giờ, sự viện trợ này là một thực tế đặt điều kiện cho việc giải quyết chiến tranh Đông Dương. So sánh tình hình bán đảo Triều Tiên với bán đảo Đông Dương hồi đó, ta thấy tướng Mỹ Mac Arthur đã bị đánh bại trên sông Áp Lục bởi các đơn vị Chí nguyện quân Trung Quốc; các binh đoàn Lepage và

Chartron của Pháp bị đánh tan ở giữa Cao Bằng và Lạng Sơn bởi các đơn vị Việt Minh được Trung Quốc giúp đỡ huấn luyện và trang bị vũ khí. Hai sự kiện này còn nóng hổi trong ký ức mọi người.

Nếu không có sự can thiệp của Trung Quốc, cuộc chiến tranh Đông Dương sẽ là một cuộc thử sức có thể tìm lối thoát bằng một giải pháp tay đôi giữa Pháp với Việt nam. Nhưng nếu Trung Quốc can thiệp, sự viện trợ của Trung Quốc cho Việt nam không phải chỉ là vấn đề thay đổi tương quan lực lượng giữa hai bên tham chiến là Pháp và Việt nam mà còn nâng vấn đề lên tầm quốc tế.

Sau giai đoạn mở đầu đó, hai phần đầu của kế hoạch Navarre đề cập những vấn đề chính trị: định nghĩa mục đích chiến tranh và đường lối tiến hành chiến tranh. Đó là hai vấn đề hoàn toàn thuộc về chính phủ. Vai trò của giới quân sự chỉ là thực hiện kế hoạch tác chiến theo những huấn thị của chính phủ. Từ hồi chiến tranh thế giới thứ nhất. Tổng thống Pháp Clemenceau đã từng tuyên bố có tính chất châm ngôn: “Chiến tranh là chuyện rất nghiêm trọng tới mức không thể giao phó cho giới quân sự”. Vậy mà, cho mãi tới nay, vẫn chưa có một nhà chính trị có trách nhiệm nào của Pháp định nghĩa những mục đích cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương là gì, không một thành viên chính phủ nào đưa ra những chỉ thị đúng đắn để tiến hành chiến tranh, buộc tướng Navarre phải đưa ra trước những kiến nghị xây dựng kế hoạch tác chiến. Ông đã giải thích những kiến nghị này, và để cho chính quyền quyết định.

Đối với chính phủ, áp dụng “kế hoạch Navarre” có nghĩa là chọn lọc, ban bố, cụ thể hoá bằng các đạo luật, các chỉ thị các mệnh lệnh. Tôi không tìm thấy cả trong trí nhớ lẫn trong các tài liệu, một dấu tích nào chứng tỏ Chính phủ Pháp lúc đó đã làm như vậy. Những người cầm quyền không có lỗi, mà chính là do qui chế làm việc hồi đó đã tỏ ra không có khả năng.

Về “những mục đích của cuộc chiến tranh”, tướng Navarre kiến nghị ba điểm, gắn liền với những cách thức tiến hành chiến tranh.

Một là giữ các nước liên kết trong khuôn khổ khối Liên hiệp Pháp. Mục đích

thành lập khối Liên hiệp Pháp đã được ấn định trong các hiệp định ký kết giữa Pháp với từng nước liên kết năm 1949, nhưng theo tướng Navarre “chỉ có thể thực hiện được bằng một chiến thắng quân sự, hoặc ít nhất cũng bằng những thắng lợi đủ mức tạo điều kiện thuận lợi cho Pháp trong những cuộc thương lượng có khả năng được tiến hành giữa Pháp với Việt Minh.

Hai là lặp lại tư tưởng của tướng De Lattre đã làm hài lòng Mỹ: “Xây dựng Đông Dương thành một con đập chắn lớp sóng của chủ nghĩa cộng sản quốc tế”. Tướng Navarre viết: “Trong trường hợp này, phải thực hiện càng nhanh càng tốt việc thay quân đội Pháp tại Đông Dương bằng quân đội các nước liên kết, trao trả các nước này nền độc lập hoàn toàn không hạn chế, và thúc đẩy họ tham gia vào cuộc đấu tranh chung, cùng với các nước có liên quan như Mỹ, Anh, Australia...”

Ba là, rút toàn bộ các lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương về nước một cách đơn giản và thuận tụy. Tướng Navarre viết: “Đây là một hành động quân sự khó khăn nếu không được đảm bảo bằng các thoả thuận thoả đáng với Việt Minh”. Kế hoạch hành động này của tướng Navarre xuất phát từ ý tưởng đầu tiên, và phù hợp với những lời căn dặn rất chung chung mà ông René Mayer hồi đang giữ chức Thủ tướng đã nói với tướng Navarre khi cử tướng Navarre đi Đông Dương: “Tướng quân phải đi tới chỗ tạo ra được tình huống để chúng ta có thể thương lượng với Việt Minh trong những điều kiện tốt, thuận lợi cho chúng ta”.

Tướng Navarre đã nêu lên những nét lớn về các hoạt động quân sự, và không đi vào chi tiết.

Tức là, trong giai đoạn đầu tiên tiến hành vào Thu-Đông 1953-1954, Tổng tư lệnh dự định xây dựng một lực lượng chủ lực tác chiến gồm những đơn vị lớn có khả năng đối chọi với các sư đoàn Việt Minh, và phát triển các đội quân của các nước liên kết sẽ thay thế quân đội Pháp tại Đông Dương.

Ông cho rằng đến năm sau tức 1954-1955 sẽ có thể tiến công Việt Minh, để chứng minh cho Việt Minh biết, Pháp có thừa khả năng giải quyết vấn đề bằng quân sự, nhằm buộc Việt Minh ngồi vào bàn thương lượng.

Phần bốn, cuối cùng là xin tăng cường các phương tiện để thực hiện kế hoạch chiến lược. Đó là bản hoá đơn.

Trong bản kế hoạch chiến lược rất đại cương này, dĩ nhiên tướng Navarre chưa một lần đề cập tới Điện Biên Phủ. Mặc dù đã dự kiến từ lâu nhưng kế hoạch đánh chiếm Điện Biên Phủ như thế nào vẫn chưa từng được nghiên cứu. Có lẽ, tướng Navarre đã tự mình quyết định chiếm lĩnh thung lũng này nhưng chưa nói ra một lời nào cả. Kinh nghiệm nhiều năm làm công tác tình báo của ông đã dạy ông là, ngay trong các cơ quan cấp chính phủ cũng không thể bảo vệ được bí mật. Thống chế Juin trong thư ngày 29 tháng 9 năm 1953 gửi tướng Navarre cũng đã viết: “Chú ý giữ bí mật các hoạt động quân sự. Đừng tiết lộ quá nhiều với bất cứ ai”. Qua những báo chí mà tướng Navarre ngày nào cũng đọc, ông càng thấy phải giữ bí mật. Chính vì hai lẽ đó, địa danh Điện Biên Phủ đã không một lần được nói đến trong các bản trình bày miệng cũng như trong văn bản của tướng Navarre.

Ngày 6 tháng 7, trong cuộc họp các tham mưu trưởng ba quân chủng gồm có tướng Blanc thuộc lục quân, tướng Fay thuộc không quân, đô đốc Nomy thuộc hải quân, đặt dưới sự chủ tọa của Thống chế Juin, đã được biết đến bản kế hoạch chiến lược mang tên Navarre. Mỗi người dự họp đều có một bản sao giắc thư của Navarre gửi chính phủ, được nghe chính Tổng tư lệnh Navarre trình bày và được đặt nhiều câu hỏi. Trong bản báo cáo ngày 8 tháng 7 đệ trình Bộ trưởng các nước liên kết, thư ký cuộc họp viết: “Hội đồng các tham mưu trưởng cho rằng, trong các giải pháp do tướng Navarre trình bày tại cuộc họp ngày 6 tháng 7, thì việc trao độc lập hoàn toàn cho các nước liên kết trong khuôn khổ khối Liên hiệp Pháp là giải pháp duy nhất cần thực hiện”.

Đưa ra nhận định này, các chuyên viên quân sự đã tính đến khả năng đang mong đợi và có thể được là sự giúp đỡ nghiêm chỉnh của các nước hên kết “trong khuôn khổ cuộc đấu tranh chung chống sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản”. Các tham mưu trưởng cũng nhất trí tán thành những biện pháp chính trị do tướng Navarre đề xuất, coi đó là tạo điều kiện cho việc thực hiện

kế hoạch quân sự.

Tuy nhiên, Hội đồng các tham mưu trưởng cũng cho biết, họ đã không thảo luận đề nghị tăng viện của tướng Navarre ghi ở phần 4 bản kế hoạch, với lý do không có thời gian nghiên cứu. (Trong đề nghị này, tướng Navarre yêu cầu lục quân cung cấp thêm 12 tiểu đoàn bộ binh, một cụm pháo binh có thể chuyển vận bằng máy bay đổ bộ đường không, một tiểu đoàn công binh, và bảy trăm bốn mươi ba sĩ quan, hai ngàn năm trăm mười ba hạ sĩ quan để bổ sung cho các đơn vị hiện đang thiếu chỉ huy; yêu cầu không quân cung cấp thêm hai trăm máy bay vận tải C47, hai mươi máy bay ném bom B26; yêu cầu hải quân cung cấp thêm một tàu sân bay, một thông báo hạm hoặc một tàu khu trục có trang bị pháo 138 mm, hai tàu đổ bộ, một tàu vận tải). Những yêu cầu này nằm trong phần 4, kết thúc bản kế hoạch chiến lược.

Ngày 17 tháng 7, ý kiến các tướng lĩnh tham mưu được chuyển lên Bộ trưởng. Trong báo cáo gửi cấp trên, họ thừa nhận việc yêu cầu tăng viện là đúng đắn, có nghiên cứu kỹ và mong mọi những phương tiện này sẽ được đưa sang Đông Dương trước ngày 1 tháng 10, tức là trước thời hạn mà tướng Navarre yêu cầu hai tháng.

Riêng với lục quân, việc thoả mãn yêu cầu về nhân sự của tướng Navarre có thể dẫn đến nhiều tác động vì số sĩ quan và hạ sĩ quan cần đưa sang Đông Dương quá đông “có thể phải động viên một phần, hoặc phải huy động lực lượng trừ bị” nếu còn muốn duy trì những “nguồn lực đã được ấn định vì lợi ích của phương Tây” nghĩa là còn phải đóng quân ở Đức.

Không quân cũng ngán ngẩm. Với đề nghị liên quan đến máy bay vận tải Dakota C47, số phi công có thể đưa sang Việt nam được, nhưng còn số máy bay thì phải chờ xin Mỹ. Về số máy bay ném bom loại nhẹ B26, có thể đưa sang đủ hai mươi chiếc nhưng thiếu thợ máy. Hải quân có thể đáp ứng được yêu cầu sau khi điều chỉnh. Nhìn chung, ý kiến này có thể đáp ứng những yêu cầu của tướng Navarre. Mọi việc chỉ còn chờ sự quyết định của chính phủ. Ngày 24 tháng 7, Tổng thống Cộng hoà Pháp triệu tập cuộc họp của Hội đồng Quốc phòng tại điện Elysée.

Tôi cấp cặp đi theo tướng Navarre. Tổng thống Auriol là người rất chú trọng đến vấn đề bảo vệ bí mật, dặn mọi người không được ghi chép và lệnh cho tôi rời khỏi phòng họp trước khi tướng Navarre bắt đầu báo cáo. Dù sao tôi cũng được đọc bản tường trình của tướng Navarre, được xem cả những dòng chữ ông đã ghi thêm bằng bút chì bên lề bản báo cáo và chính tôi đã được đánh máy bản báo cáo này để đưa cho ông Mons, thư ký thường trực Hội đồng Quốc phòng một bản.

Tuy tôi không được dự họp nhưng sau đó đã được nghe thuật lại. Khi đề cập vấn đề Lào, tướng Navarre cho rằng nếu Lào bị tiến công thì đó là vấn đề đau đầu nhất. Theo tướng quân, Bắc Lào là nơi đặt kinh đô, chỉ có ý nghĩa chính trị, không có lợi ích gì về quân sự. Ông đề nghị chính phủ quyết định một giải pháp hai chiều: Thứ nhất là gây sức ép ngoại giao để Việt Minh không tiến công Bắc Lào; thứ hai là, nếu Việt Minh tiến đánh Bắc Lào thì cho phép ông không dẫn thân vào việc bảo vệ khu vực này để khỏi bị mất quyền chủ động, ảnh hưởng đến các hoạt động quân sự dự định tiến hành vào tháng 10 sắp tới.

Bộ trưởng Ngoại giao Bidault là người phản ứng rất mạnh, đòi “không được bảo vệ Lào” vì nước này là “nước đầu tiên và duy nhất” ngày 3 tháng 7 năm 1953 đã tuyên bố nhận lời mời gia nhập khối Liên hiệp Pháp và một trong những đặc điểm của khối này là “phòng thủ chung”. Bộ trưởng Quốc phòng Pleven ít gay gắt hơn nhưng cũng ít rõ ràng, dứt khoát, nói chính phủ không thể ban bố những chỉ thị như vậy nếu không tự làm mất uy tín của mình. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận việc bảo vệ Lào đòi hỏi có nhiều phương tiện quân sự rất quan trọng mà như tướng Navarre nhận xét, Lào chỉ là một mục tiêu rất ít giá trị chiến lược. Còn ông Pierre de Chevigné, Quốc vụ khanh phụ trách quốc phòng thì tuyên bố là “không thể hứa hẹn đảm bảo điều gì cả”. Ông “đang nghiên cứu các đề nghị” để rồi “xem xét sẽ đáp ứng như thế nào”.

Cuối cùng, Tổng thống Cộng hoà Pháp kết thúc cuộc họp bằng mấy câu nói với tướng Navarre.

- Các thành viên Hội đồng Quốc phòng cảm ơn tướng quân về kết quả đạt được. Ngay bây giờ, tướng quân có thể quay trở lại Sài Gòn. Chính phủ sẽ báo cho tướng quân biết quyết định của chính phủ sau.

Tướng Navarre đã mang theo một cảm tưởng khá hài lòng về những cuộc nói chuyện ở Paris.

Việc thảo luận về tăng viện đôi khi mang dáng dấp của những cuộc mặc cả bủn xỉn khiến tướng quân đã phải xem xét lại những con số đề nghị và rút bớt những khoản chi cho việc bổ sung cán bộ khung. Nhưng mặt khác, các ban tham mưu của ba quân chủng đều biểu thị nhiệt tình ủng hộ.

Ngoại trưởng Bidault vừa từ Mỹ trở về có vẻ như đã đạt được kết quả nhiều hơn là những lời tuyên bố hữu nghị. Thủ tướng Edgare Faure cũng không có những ý kiến bác bỏ nữa. Mỹ sẽ trả tiền. Kế hoạch chiến lược mang tên Navarre đã có những chỗ phân. Địa danh Lạng Sơn từng hai lần để lại kỷ niệm cay đắng trong lịch sử thuộc địa của Pháp thì trận tập kích dù vừa qua được coi như một thắng lợi, được in đậm trên đầu trang báo. Mọi người đã nghĩ đến chuyện nghỉ hè.

Tướng Navarre nói với tôi:

- Chúng ta đi về thôi!

Tôi hiểu tướng quân nói câu đó như mọi người đều nói sau một chuyến đi vất vả: “Chúng ta về nhà đi thôi”. Có nghĩa là, không lúc nào tướng quân không nghĩ đến những con người đang chiến đấu ở một nơi cách xa những phòng làm việc trải thảm tại Paris tới 12.000 kilômét.

Ngay hôm chúng tôi vừa quay lại Sài Gòn, một cơn dông ập xuống vào lúc 7 giờ tối. Nước mưa trút xuống thành phố gây úng ngập các khu phố thấp, cống rãnh...

Đến 11 giờ đêm, tôi đội mưa chạy đến nhà Diệu, người bạn cũ của tôi. Phố xá vắng ngắt. Nước mưa từ những cây cao trút xuống thấm qua bộ quần áo vải thô quyện vào mồ hôi, làm da thịt tôi dính chặt vào quần áo. Đêm Sài Gòn vang rộn tiếng ếch ương kêu.

Nhà hiền triết vẫn còn thức, đang nằm một mình bên khay đèn. Anh đưa cho

tôi một mảnh vải màu sắc rực rỡ để quần ngang người như chiếc xarông của người Campuchia, thay bộ quần áo ướt sũng. Sau khi đã thay xong quần áo, tôi nằm dài trên phản gỗ bên cạnh anh. Giữa hai chúng tôi là một quyển sách mở to, anh đang đọc dở dang lúc tôi đến. Đó là tập hai cuốn “Lịch sử Cách mạng Pháp 1789” của nhà xuất bản Michelet, bìa bọc da màu xanh lá cây chữ mạ vàng. Cuối trang 390, Điều ghi hàng chữ: “Khó mà thống kê được hết những nhà chính trị đã qua đời vì quá say sưa lý luận, cứ tưởng rằng lý thuyết có thể dẫn dắt được thế giới đi theo”.

Mãi tới quá khuya Diệm vẫn còn nói với tôi về chủ nghĩa Mác biện chứng.

***Chú thích:***

*(1) Tướng Navarre đã một thời gian làm Cục trưởng tình báo quân sự.*

*(2) Joseph Laniel là Thủ tướng chính phủ mới thành lập, không biết hoặc đã quên là cựu Thủ tướng René Mayer cùng với Tổng thống đã trao nhiệm vụ cho Navane “thời hạn là một tháng” để khảo sát tình hình Đông Dương rồi về Paris báo cáo.*



**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 3**

Việt Minh chuẩn bị tiến công

Tháng 8 và tháng 9, mưa rơi trên toàn cõi Đông Dương, chỉ trừ có dải đất dài và hẹp vùng bờ biển miền Trung, nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn che chắn cho Huế và Đà Nẵng trước những đợt gió mùa. Mưa rơi hàng giờ có khi suốt cả ngày.

Nước mưa tràn ngập ruộng đồng rừng núi, biến những lớp bụi thành bùn sâu làm những con đường mòn trở thành dốc trượt patanh. Cả một thế giới cá và ếch tràn lên mặt đất. Những con rùa to tướng cổ dài và mềm oặt với cái đầu giống như mỏ vịt thò ra khỏi mai, cố bò lên mặt đường và mặt đê nhưng lại bị trượt xuống. Những vết nấm mốc huy hoại sợi vải, thấm vào da người, thành những nốt đỏ dễ ngứa giống như rôm sảy và nốt đậu mùa.

Chiến tranh như đang ngủ li bì. Nhưng nó vẫn sống, vẫn đang thở phập phồng vẫn có mặt ở khắp mọi nơi. Bởi vì hai tháng mùa mưa là mùa chuẩn bị cho những chiến dịch lớn, không cản trở “cuộc chiến tranh nhỏ”. Trong khi những trận mưa rào giảm dần thì cơn sốt chiến trận của con người lại tăng lên, Bộ Tổng chỉ huy ở cả hai phía đều chuẩn bị hoạt động.

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đang bước vào giai đoạn cuối cùng. Tướng Giáp đã và sẽ còn giữ quyền chủ động chiến dịch. Tương quan lực lượng cơ động hai bên và chiến thuật mà tướng Giáp sẽ áp dụng đảm bảo cho ông chiến thắng. Ông còn có thuận lợi ở chỗ có quyền chọn địa điểm tiến công theo ý muốn của mình. Ông cũng đang nghiên cứu kế hoạch và chuẩn bị lực lượng. Tại vùng trú quân ẩn kín ở miền Trung du Bắc kỳ, các sư đoàn Việt Minh phân khởi trước những thắng lợi vừa qua, đang ra sức tập

luyện cho những trận chiến đấu mới.

Tướng Henri Navarre quay trở lại Sài Gòn vào cuối tháng 7. Ông lại đắm chìm trong thực tế hồi hải của cuộc chiến tranh, bù đầu đọc các bức điện, trong khi tại các cơ quan cấp Bộ bên Pháp vẫn đang nghiên cứu bản kế hoạch chiến lược dài hạn của tướng Navarre trong không khí ôn hoà.

Tướng quân chỉ có sáu mươi ngày chuẩn bị để đối phó với tám tháng tiến công của Việt Minh. Chắc chắn đối phương sẽ tiến đánh bằng sức mạnh chưa từng thấy kể từ ngày bùng nổ cuộc chiến tranh Pháp - Việt.

Trước hết, Tổng tư lệnh Navarre phải tập trung quân, tổ chức lại lực lượng dự bị để đối phó với tất cả các mặt trận trên một chiến trường rộng tới 750.000 kilômét vuông.

Với tính năng nổ và tác phong tỉ mỉ đôi khi làm điên đầu những người giúp việc, tướng Navarre quyết định xây dựng các tiểu đoàn chủ lực cơ động bằng cách rút tía từng trung đội đang bị dính chặt vào hàng ngàn đồn bốt nhỏ lẻ được phản ánh trên tấm bản đồ Đông Dương bằng hàng ngàn những mũi đinh đánh dấu nhiều màu sắc. Những tiểu đoàn cơ động được xây dựng từ những binh lính rút khỏi những ruộng nước khi được tổ chức, tăng cường và huấn luyện sẽ trở thành những binh đoàn cơ động, rồi trong vòng một năm sẽ là những sư đoàn hoàn chỉnh có khả năng đối chọi với các sư đoàn chủ lực của tướng Giáp.

Tại những vùng ổn định nhất, tức là những nơi mà đồn bốt chỉ làm nhiệm vụ bình định khi cần thiết, quân đội Bảo Đại sẽ thay chân quân Pháp.

Với đội quân thay thế này cũng phải tổ chức trang bị huấn luyện, bố trí cán bộ vực nó lên.

Đồng thời, tướng Navarre cũng chỉ thị tiến hành, và kiểm soát việc tiến hành các hoạt động ở khắp mọi nơi có thể hoạt động khi thấy cần thiết.

Tướng quân dự tính đến mùa khô sẽ tiến hành các hoạt động lớn ở Trung Kỳ, ở Thượng Lào, Luang Prabang, Cánh đồng Chum mặc dù mưa nhưng vẫn có thể cải thiện được các vị trí của Pháp. Còn ở Bắc kỳ thì phải luôn luôn chống lại sự thâm nhập của Việt Minh đang làm cho vùng đồng bằng

trở nên một ruồng.

Từng giờ, từng giờ, tướng Navarre chăm chú đọc các bản tin tức tình báo của Ban 2(1) và các bản dịch những tin tức nghe lén được từ các đài dịch. Ông theo dõi cẩn thận sự chuẩn bị và những ý định của đối phương, với hy vọng có thể cản phá hoặc ngăn chặn bằng các hoạt động phòng ngừa.

Tướng quân cảm thấy không được để mất một phút nào. Ngay từ ngày 24 tháng 7 khi mới tan cuộc họp của Hội đồng Quốc phòng, vừa ra khỏi điện Elysée, tướng Navarre đã điện cho đô đốc Abogneau phải “ký ngay huấn thị chuẩn bị cho chiến dịch mùa mưa”, để lệnh cho cấp dưới thi hành.

Bản huấn thị này tướng Navarre đã soạn thảo từ tháng 6 ở Sài Gòn và xem lại khi về Paris. Nhìn chung, đó là bản huấn thị đề phòng địch tiến công.

Hãy còn quá sớm để có thể biết được kế hoạch tiến công của Bộ Tổng chỉ huy quân đội Việt Minh những chúng tôi cũng đã có thể ước tính được lực lượng và dự kiến khả năng hoạt động của họ. Có ba nguy cơ rõ rệt: Một là, ngay khi mở màn chiến dịch, tướng Giáp có thể tập trung tiến đánh vùng đồng bằng Bắc kỳ. Hai là cùng trong lúc tiến đánh đồng bằng, có thể mở thêm một mũi tiến công phối hợp đánh vào miền Trung Đông Dương, cắt đứt Đông Dương làm hai ở chiến trường đánh thông từ Vinh sang Thà Khẹt. Ba là, cuối cùng có thể mở một mũi tiến công nữa đánh lên Thượng Lào theo những con đường mòn đã sử dụng để hành quân năm trước.

Cùng trong lúc đặt ra những giả thiết chính và phụ như trên, bản huấn thị cũng nghiên cứu các biện pháp đề phòng nhằm cản trở những mũi tiến công của Việt Minh, hoặc ít, hoặc nhiều. Đây mới là lúc tướng Navarre liên hệ tới Điện Biên Phủ lần đầu tiên. Nhằm cản phá sự uy hiếp của Việt Minh đối với Thượng Lào và Luang Prabang (mà trong bản tường trình gửi chính phủ ông đã nhấn mạnh kinh đô Lào là mục tiêu “chán nhất” nhưng vẫn cần phải được bảo vệ) tướng Navarre chỉ thị cho các Tư lệnh Bắc kỳ và Lào phải nghiên cứu phối hợp tiến hành mọi hoạt động đề phòng, bằng cách bất ngờ chiếm lĩnh Điện Biên Phủ biến thung lũng này thành một căn cứ lực - không quân.

Trong một cuộc họp ngày 31 tháng 7 năm 1953, tướng Cogny là Tư lệnh Bắc

kỳ phát biểu ý kiến của mình trước đông đủ mọi người. Trên cương vị tư lệnh Bắc kỳ, tướng Cogy không chịu trách nhiệm bảo vệ Luang Prabang. Theo quan điểm của ông việc chiếm đóng Điện Biên Phủ là một thung lũng lớn nhất miền Tây Bắc mới thật sự đáng quan tâm, vì có Điện Biên Phủ trong tay sẽ nắm được nhiều lợi thế mà ông đã nhiều lần đánh giá. Trước hết là vì lợi ích chính trị của xứ Thái, việc chiếm đóng Điện Biên Phủ có thể tạo lá chắn để bảo vệ Lai Châu và cũng có thể tiếp nhận Lai Châu khi cần rút bỏ địa điểm trống trải và biệt lập ở tận đầu cùng thượng nguồn sông Đà. Điện Biên Phủ cũng là điểm có thể đón nhận lực lượng từ Nà Sản rút về, vì từ lâu mọi người đã tính đến việc rút bỏ cái đồn canh vô ích này nhưng chưa có dịp và điều kiện thực hiện.

Tướng Cogy cũng đã nghiên cứu và nhận định việc chiếm đóng Điện Biên Phủ sẽ là một hành động tiếp theo việc rút bỏ Nà Sản. Những đơn vị cuối cùng ở Nà Sản không rút được bằng máy bay sẽ đi theo đường bộ rút về thung lũng Điện Biên Phủ. Tướng Cogy còn phác họa giai đoạn cuối của cuộc hành quân rút khỏi Nà Sản bằng một chuỗi hoạt động liên tiếp và tập trung. Cánh quân chính có thể xuất phát từ Lai Châu theo con đường mòn Pavie, trong khi lính dù được thả xuống các điểm vành đai như Mường Phăng, Tuần Giáo, Bản Cang để yểm trợ. Giai đoạn cuối cùng là “tổ chức phòng ngự” cứ điểm Điện Biên Phủ trên cơ sở xây dựng những cứ điểm, mỗi cứ điểm do một tiểu đoàn quân trấn giữ, có hệ thống lưới lửa đan kết với nhau, không cho địch tiến đến gần sân bay, liền sau đó xây dựng thêm các cứ điểm phòng ngự trên các mỏm đồi phía Đông có trận địa pháo, cối. Đây là ý tưởng nảy mầm cho các dự án trong tương lai.

Cogy kết luận trong ban tường trình gửi Tổng tư lệnh Navarre: “Tôi đề nghị ngài cho lệnh rút bỏ ngay Nà Sản. Chỉ có biện pháp duy nhất là rút bỏ Nà Sản mới cho chúng ta có được số quân cần thiết để chiếm đóng Điện Biên Phủ”.

Vấn đề khẩn cấp lúc này là rút bỏ tập đoàn cứ điểm Nà Sản đã được nghiên cứu từ thời tướng Salan. Ngay khi vừa nhậm chức Tư lệnh Bắc kỳ, tướng

Cogny cũng đã đề nghị. Nhưng hồi đó, nhiều người còn lo ngại xảy ra rủi ro khi rút quân nên đã phản bác. Đến đầu tháng 7 năm 1953, theo lệnh của tướng Navarre dự án này mới lại được nghiên cứu trở lại. Nay chỉ còn chờ một quyết định dứt khoát.

Ngay từ buổi bình minh sáng thứ hai, ngày 3 tháng 8, tướng Navarre đã rời Sài Gòn, thoát khỏi những bữa tiệc tùng chiêu đãi hội hè chào mừng ngài Tổng Cao uỷ mới đến. Cuối buổi sáng, chúng tôi đã bay tới Hà Nội, ngay trước cơn dông vào buổi trưa. Tướng Cogny có mặt ngay tại chân cầu thang máy bay. Cuộc đón tiếp rất nồng nhiệt như tấm thảm đỏ trải dưới chân. Từ sau chiến công nhảy dù đánh úp các kho tàng của Việt Minh ở Lạng Sơn đến nay hai người mới lại gặp nhau. Báo chí và dư luận đang ca ngợi ê-kíp mới, có vẻ như đang dẫn dắt đội quân viễn chinh Pháp ra khỏi sự dờ dẫm trước kia, và nay đã có thể tiến công mỗi lần đối phương sơ hở. Đó là điều dễ hiểu, kế hoạch Navarre đã được Paris tiếp nhận, và thắng lợi của Cogny ở Lạng Sơn cũng đang được biết đến.

Hai người cùng ca ngợi lẫn nhau nhưng chưa nhiệt liệt lắm. Phải chờ đến ngày kia, khi tướng Cogny được Tổng tư lệnh Navarre gắn Huy chương Chiến công trước lễ duyệt binh các tiểu đoàn dù đã đánh úp Lạng Sơn lúc đó hai người mới ôm hôn nhau đúng nghi thức.

Tướng Navarre đến Hà Nội để tổ chức việc rút quân khỏi Nà Sản.

Suốt buổi chiều hai vị tướng cùng ngồi làm việc với ban tham mưu trong thành Hà Nội, một doanh trại xây dựng từ lâu tối tăm và ẩm thấp.

Cho mãi đến đêm khuya, mới có quyết định dứt khoát giữa những cơn mưa như trút nước. Đội quân đóng tại Nà Sản sẽ di tản về Hà Nội bằng máy bay. Như vậy là lúc này chưa chiếm đóng Điện Biên Phủ như tướng Cogny đề nghị. Tiểu đoàn bộ binh số 3 gồm toàn lính Thái là đơn vị cuối cùng bảo vệ sân bay Nà Sản không thể đưa lên máy bay được sẽ rút vào rừng, gia nhập các đội biệt kích hoặc sẽ... biến mất? Thời gian di tản được quyết định sau khi bộ phận theo dõi tình hình thời tiết báo cáo thời điểm thuận lợi nhất, như các thầy bói thời xưa thường đoán ngày lành tháng tốt cho các vị tướng xuất

quân đi đánh trận.

Buổi tối, tướng Navarre dự cơm do Thủ hiến Trí mời rồi rút về biệt thự dành riêng cho ông, lúc này tâm trí ông mới được nghỉ ngơi. Ông đã quyết định rút bỏ Nà Sản, đồng thời cũng đã rút bỏ sự hoài nghi khỏi đầu óc và sự lo ngại khỏi trái tim.

Tất cả ý chí và khả năng của ông trong lúc này tập trung vào việc điều hành cuộc di tản. Ông đã ngủ được một giấc thanh thản. Tám giờ sáng hôm sau tướng Cogny đến gặp, đề dẫn ông đi thị sát chuỗi đồn bốt trên đường Phủ Lý, bảo vệ vùng đồng bằng ở mặt phía Tây.

Hai vị tướng cùng ngồi một xe. Ngay lập tức, tướng Cogny lại nghĩ đến Nà Sản. Ông đang lo ngại. Ông nhớ đến những rủi ro mà các sĩ quan tham mưu, căn cứ vào những yếu tố không thuận lợi đã trình bày trong những lá phiếu thăm dò ý kiến. Nhìn thấy vẻ đăm chiêu, lo lắng của Cogny, Tổng tư lệnh Navarre ngạc nhiên và rồi cũng bối rối theo. Ông hỏi Cogny, liệu có xuất hiện những yếu tố mới nào dẫn đến việc hoãn rút bỏ Nà Sản vào một dịp khác không? Không! Cogny vẫn luôn luôn muốn rút bỏ Nà Sản, nhưng mà... Sự quanh co tế nhị của Cogny về vấn đề Nà Sản ông đã tự viết ra trong thư đề ngày 2 tháng 7 gửi Navarre. Có thể nói, đây là một tác phẩm tinh vi có những đoạn nổi bật đáng lưu trữ làm hồ sơ tài liệu về tính cách con người ông. Cogny viết:

Trong khi thông báo với Đại tướng về những thuận lợi trong việc chuyển quân từ Nà Sản về Điện Biên Phủ, tôi vẫn lưu ý ngài là cuộc hành quân di tản này, ngược lại cũng có những khó khăn nguy hiểm

Nếu tôi nghiêng về giải pháp chờ đợi thời cơ, đó là vì tôi nghĩ rằng, tự đi vào canh bạc, chuốc lấy những rủi ro không tránh khỏi.

Mãi ba tuần sau đó, sau khi đã cân nhắc rất lâu những may mắn có thể, tôi mới đi đến chỗ quyết định đề nghị ngài cho lệnh di tản. Tướng Bodet sẽ nói với ngài là chính ông đã thấy tôi nghiên cứu kỹ vấn đề và tôi đã biểu lộ niềm vui rất cao khi ông cho tôi biết, ngài muôn xem xét lại.

Tôi cũng đã đoán được sự ngạc nhiên của ngài khi không thấy tôi nêu lên

điểm cuối cùng trong bản nghiên cứu của tôi đệ trình ngài. Đó là một thiếu sót chắc chắn chưa được bỏ khuyết, nhưng phù hợp với ý muốn của tôi, muốn được thể hiện tất cả trách nhiệm của tôi trước ngài, phần nữa tôi cũng được yên tâm vì đã không làm phiền ngài”.

Phải chăng, đây chỉ là những do dự, ngần ngại chính đáng mà bất cứ người nào có tinh thần trách nhiệm cao cũng suy nghĩ trước khi hoạt động? Điều rất rõ là tướng Cogne là người có trí thông minh sâu sắc. Ông có những phân tích mạnh mẽ, rõ ràng, kiên quyết, nhưng lại dao động lắc lư sau khi có quyết định. Phải chăng đó là sự yếu đuối trong tính cách của ông. Trong phần lớn cuộc đời hoạt động của mình, tướng Cogne toàn làm việc trong văn phòng Bộ hoặc các cơ quan khác. Ông đã quá quen thuộc với những thủ thuật những quanh co uốn khúc những do dự dè dặt trong các hoạt động chính trị, sự co giãn trong thái độ kỳ cục của ông riêng với vấn đề Nà Sản, ông đã dự liệu trước rồi. Thất bại hay thành công: ông đã đề nghị rút bỏ Nà Sản trước khi có lệnh cấp trên đó sao? Nếu thất bại, ông đã trình bày những rủi ro khi có lệnh rút và những điều ông trình bày rõ ràng đã chứng tỏ là những suy nghĩ đúng. Tùy theo từng trường hợp, ông sẽ đưa từng loại hồ sơ lập luận ra đối chứng.

Những biến động trong ý nghĩ kiểu như thế này, tướng Cogne đã bày tỏ trước khi thực hiện cuộc nhảy dù đánh úp Lạng Sơn mang tên cuộc hành quân “Con chim nhạn”. Đó là tập hồ sơ “thắng lợi” mà ông đã đưa ra trình bày trước các nhà báo, hồi tháng 6, tháng 7.

Ông tiếp tục đi theo những con đường như thế này trong việc trình bày những quan điểm khác nhau của ông đối với nhiều ẩn ý trong luận điệu phù hợp với tính phức tạp và tầm quan trọng không lường trước được của trận đánh.

Trước khi đoán biết kết quả việc di tản Nà Sản, có nhiều lý do chính đáng để lo ngại. Thời tiết xấu trong mùa này có thể cắt đứt việc vận chuyển đường không hoặc làm chậm nhịp độ bốc quân lên máy bay một cách nguy hiểm. Tướng Giáp, được cấp báo kịp thời có thể có thời gian điều quân tới bao vây,

tiến công đánh chiếm tập đoàn cứ điểm đã quá suy yếu không thể chống cự nổi và chưa rút hết quân để không thể trở thành một mục tiêu không thú vị nữa.

Những dè dặt của Cogny sau khi đã có quyết định rút bỏ Nà Sản là điều rất dễ hiểu. Lần này, những do dự đó đã trở thành vô ích. Dù sao thì đã quyết định rồi những biện pháp đề phòng cũng đã đủ liệu rồi, chi còn mong vận may sẽ đến.

Trước giờ “G”, một hoặc hai tiểu đoàn dù đóng tại Hà Nội được lệnh sẵn sàng bay lên Nà Sản.

Đây là một biện pháp nghi binh, nhằm đánh lừa mạng lưới tình báo của Việt Minh trong thành phố cho rằng “Pháp chuẩn bị tăng cường Nà Sản” để truyền tin tình báo này tới cấp trên. Trên thực tế những chiếc máy bay Dakota đầu tiên hạ cánh sáng ngày 7 tháng 8 xuống Nà Sản có chở theo một số lính dù “mũ bê-rê đỏ”. Có điều, khi bay trở về Hà Nội, chiếc máy bay nào cũng chạt lèn quân.

Nhịp độ rút quân được tiến hành với mốc từ năm mươi đến một trăm chuyến bay một ngày trong thời gian đầu. Đột nhiên, ngày 10 tháng 8 thời tiết đột ngột xấu, không cho phép máy bay tới gần hoặc hạ cánh trong vùng thượng du. Cuộc di tản phải dừng lại. Mọi người lo ngại nếu tướng Giáp được biết tin, nhất định sẽ điều động các tiểu đoàn chủ lực tới tiến công. Nà Sản đang bị suy yếu vì rút quân sẽ là mồi ngon. Nhưng đến ngày hôm sau, thời tiết lại tốt dần. Chiếc cầu hàng không tiếp tục được duy trì và đến ngày 12 thì kết thúc cuộc di tản. Chiếc máy bay cuối cùng chỉ chở theo vài người còn lại đã cất cánh trên đường băng hoang vắng mà không có dấu hiệu nào chứng tỏ Việt Minh có mặt.

Tuy nhiên, phía Việt Minh cũng có những tổ chức quan sát theo dõi vị trí Nà Sản. Chiều ngày 6 tháng 8, nhóm trinh sát của Việt Minh đã nhìn thấy những lính “mũ nồi đỏ” từ máy bay Dakota bước xuống sân bay Nà Sản. Họ nghĩ rằng Pháp tăng cường cho cứ điểm. Đến chiều hôm sau, trinh sát Việt Minh phát hiện thấy có cả những viên chức dân sự gia đình vợ con và có cả lính



Thái tử Nà Sản bước lên máy bay. Đến tối ngày 8 tháng 8 thì Việt Minh không còn nghi ngờ gì nữa: một cầu hàng không đã được thiết lập, Pháp đang di tản Nà Sản. Do trục trặc về kỹ thuật, đến tối ngày 9 tháng 8 bức điện đầu tiên từ trạm thông tin của Việt Minh ở khu vực Nà Sản mới được gửi đi, báo tin quân Pháp rút. Khi những đơn vị bộ đội đầu tiên tiến vào Nà Sản thì vị trí này đã trống rỗng.

Trong lúc đó, tướng Cogy tổ chức một cuộc họp báo tại Hà Nội. Ông đích thân trình bày bản thông báo thắng lợi, lúc nghiêm nghị lúc tươi cười, lúc thân mật, lúc dối trá, ông luôn luôn tỏ ra hấp dẫn quyến rũ được người nghe. Ông còn cường điệu những rủi ro ghê gớm mà ông đã chấp nhận, và pha trò khi nói đến chuyện ông đã đánh lừa được Việt Minh.

Lucien Bodard là phóng viên tờ Nước Pháp buổi chiều ngồi ngay trên hàng ghế đầu, trong chiếc ghế bành của vị trưởng lão. Nhưng, trong giới báo chí, ông không hề được công nhận là người đứng đầu. Tại trụ sở cơ quan báo chí tại Hà Nội, có hai biệt thự tiện nghi, gồm cả quán rượu sàn nhảy, phòng tắm vòi hoa sen, giường nghỉ, tạo ra một khung cảnh tự do thoải mái rất đáng yêu. Trụ sở này được coi như một cái chốt ngoài vòng cương tỏa. Báo chí tha hồ đến đây thu thập các tin tức được thông báo chính thức, và có thể moi móc cả những nguồn tin mật. Do thông thạo tình hình Đông Dương, có nhiều kinh nghiệm, lâu năm trong nghề và cũng có tài nữa, Bodard nổi lên như một “lãnh tụ” làng báo, có trách nhiệm trước hàng triệu bạn đọc. Ông thường khai tâm, dạy lớp vỡ lòng cho các đặc phái viên, khuyên bảo các phóng viên thường trú, dạy cách đánh tin điện. Tướng De Lattre thường dành ưu tiên cho Lucien Bodard.

Đối với tướng De Lattre thường được gọi là “vua Jean” những sự kiện thực tế thường kém giá trị hơn những sự mô tả bên ngoài. Một trận đánh không rõ rệt có thể trở thành một chiến thắng nếu biết cách tuyên truyền rùm beng. Ngược lại, một chiến thắng sẽ không được công nhận nếu chẳng ai biết đến. Các chính phủ thay nhau cầm quyền ở Pháp đều theo dõi dư luận thông qua giới báo chí.

Vì vậy, tướng De Lattre đã trực tiếp phụ trách và giữ độc quyền thông báo tin tức chiến sự với báo chí.

Ông cũng to ra ưu ái với Bodard. Nhà báo này được quyền xộc thẳng vào phòng làm việc của Tổng tư lệnh De Lattre vào bất cứ lúc nào được một chỗ ngồi trong chuyên cơ của De Lattre và một ghế ngồi trong các cuộc họp hạn chế. Lucien Bodard là nhà báo được biết tình hình chiến sự đầu tiên- ngoài ra còn được biết cả những dự định, những phương án bí mật, những sự kiện không thể được tiết lộ. De Lattre thường hay xét người căn cứ vào dáng vẻ bên ngoài. Nhà báo Lucien Bodard có vóc dáng cục mịch, quần áo xộc xệch đầu tóc bù xù, nhưng theo De Lattre ông lại giấu kín bên trong một tinh thần năng động và một lá cờ Tổ quốc ba màu nhỏ bé.

Còn Tổng tư lệnh Navarre thì chỉ tin tưởng vào giá trị thực chất của sự kiện đáng ghi vào lịch sử một cách trung thực, không thể thay đổi. Ông thường nói:

- Hoặc là tôi sẽ thành công và sẽ được báo chí bốc lên tận mây xanh, hoặc là tôi sẽ thất bại và sẽ bị chìm xuống tận đáy bùn.

Khi tôi nài nỉ ông tiếp các nhà báo, ông vẫn không đồng ý vì cho rằng đây chỉ là những con người có tâm hồn hời hợt. Dù có ý thức hay dù vô ý, họ vẫn dễ đánh lừa dư luận. Ông nói thêm: “Vả lại, tôi rất sợ họ viết về tôi”.

Tại Sài Gòn những người có vai vế trong giới báo chí cũng chỉ được gặp tướng Navarre qua những trung gian không chính thức, không chịu trách nhiệm, chỉ được biết tình hình chiến sự qua những thông báo chính thức, khô khan, và chỉ tìm hiểu những ý định của Tổng tư lệnh sau khi các cơ quan bao mật đã kiểm duyệt chặt chẽ.

Trong thời kỳ đầu tiên giới báo chí cũng đã có điều kiện thuận lợi để làm việc với vị Tổng tư lệnh mới. Từ ngày Thống chế De Lattre qua đời, Bodard đã được chứng kiến sự thiếu thống nhất trong quân đội viễn chinh Pháp, mới đầu chỉ biết một phần, do Bodard không thích tướng Salan. Khi tới Hà nội thay Salan: tướng Navarre cũng đã vài lần tiếp các nhà báo. Trong những cuộc tiếp xúc này tướng Navarre thường tỏ ra gian dị, thẳng thắn, khiêm tốn.

Ông không có gì để nói ngoài mấy nét đại cương về sự cần thiết phải giành lại thể chủ động chiến dịch. Thế cũng đủ để ê-kíp mới thoát ra khỏi sự so sánh giữa tinh thần tiên công của Tổng tư lệnh mới với tinh thần nhẫn nhục phòng ngự của người cầm quân cũ. Salan đã đọc được những lời bình luận này trên đường trở về Pháp. Ông rất bức tức, đã viết một bức thư chua chát gửi Navarre. Từ đó trở đi, Navarre gằn như ác cảm với giới báo chí.

Buổi tối ngày 5 tháng 8 sau lễ duyệt binh mừng chiến thắng “Con nặn” nhảy dù đánh úp kho tàng Việt Minh ở Lạng Sơn, tướng Navarre đã cho mở một tiệc rượu chiêu đãi các nhà báo. Ông đã chìa bàn tay lạnh nhạt, hờ hững bắt tay từng người, nhãn mặt điểm một nụ cười xã giao lạnh tanh như cốc nước giải khát ướp đá mà người hầu bàn Hoa kiều vừa mang lại. Ông đã khôn khéo trả lời các câu hỏi mà không hề tiết lộ một chút gì về thân thế, về ý định, về bất cứ một chuyện gì vượt ra ngoài phạm vi mẫu giấy thông báo chính thức.

Tan tiệc khách mời nghiêng rặng ra về. Vậy mà ngay buổi tối hôm đó, cơ quan kiểm duyệt của Navarre còn cắt xén tất cả những tin, bài của họ, kể cả những câu ca ngợi Tổng tư lệnh mới.

Sáng sớm ngày 7 tháng 8 năm 1953 trong lúc bắt đầu thiết lập cầu hàng không tới Nà Sản và sân bay Bạch Mai hãy còn sương ẩm, chúng tôi rời Hà Nội bay vào Sài Gòn. Ngày hôm sau chúng tôi lại cùng đi với Tổng Cao ủy tới Lào và Campuchia trình thư uỷ nhiệm tới các Quốc vương nước này. Đây là một hành trình dễ chịu. Máy bay đưa chúng tôi thẳng một mạch từ thế kỷ 20 đến nền văn minh xa xưa của châu Á. Tôi tham gia tập sĩ quan tháp tùng vị chúa tể là Tổng Cao ủy toàn quyền Đông Dương tới thăm các vị hoàng đế những nước chư hầu, vấn đề này không phải ai cũng hài lòng.

Vị đại diện cao nhất của Pháp ở Đông Dương cũng cảm thấy bị đặt trong một tình thế khó khăn. Trong khi đặt trụ sở tại dinh Norodom ở Sài Gòn với vẻ đồ sộ của thủ đô toàn Liên bang, có vẻ như ông đã đi đôi ủng của các Toàn quyền cũ. Nhất định, ông không có tư tưởng càng không có uy thế và quyền lực như quan Toàn quyền cũ, nhưng dưới con mắt của người châu Á,

Ông vẫn phải chịu đựng một cách oan ức tình cảm không hài lòng và sự đấng cay, chua chát của các xứ thuộc địa cũ, nay được gọi là các nước liên kết với Pháp.

Hoàng đế An nam Bảo Đại là người có phản ứng đầu tiên theo cách riêng của mình.

Trước mặt các quan chức Pháp, Bảo Đại vẫn thường tỏ ra giản dị, cởi mở theo những nguyên tắc xã giao phương Tây. Khi Tổng Cao uỷ Dejean đến Buôn Ma Thuộc thăm Bảo Đại, lúc đó Cựu vương đang ở trong một ngôi nhà nghỉ mát làm bằng gỗ, náu mình trong một thái độ thanh bình cao cả đượm màu sắc thiêng liêng của nghi lễ triều đình.

Với khung cảnh này, khó mà trông mong vào một sự hợp tác tin cậy. Bảo Đại thường bộc lộ với những người Pháp thân cận nhất:

- Các ông nghĩ thế nào nếu như đại sứ Hoa kỳ ở Pháp lại ở trong điện Elysée là Phủ tổng thống Cộng hoà Pháp, viện cứ ông là đại diện của một nước giàu nhất và mạnh nhất thế giới phương Tây.

Từ ngày trở về Việt nam, Bảo Đại chỉ ở Sài Gòn vài giờ trong tháng. Ông cho rằng, Quốc trưởng như ông thì phải ở trong dinh Norodom, tức Phủ Toàn quyền cũ. Nay trụ sở này thuộc về Tổng Cao uỷ, vì vậy Bảo Đại đã lên Tây Nguyên, còn gọi là “Hoàng triều cương thổ” tức đất đai của nhà vua, và cũng phần nào của riêng mình. Ông thường ở lâu nhất trong ngôi nhà làm bằng gỗ, vẫn dùng làm nơi tạm trú lúc đi săn. Đó là một toà biệt thự bốn phòng xây dựng trên một quả đồi nhỏ bên cạnh hồ Buôn Ma Thuật giữa khung cảnh hùng vĩ của núi rừng. Các ghế ngồi đều lót da thú trên tường treo đầy những đầu con vật đã săn bắn được, trên giá có nhiều vũ khí hiếm thấy. Hoàng đế chỉ sống với vài cận thân, lặng lẽ chờ đợi những diễn biến thời cuộc trong một cuộc sống hoàn toàn nhàn hạ. Hằng ngày, mãi tới gần buổi trưa Ngài mới thức dậy đọc sách báo nghe nhạc, xem các báo cáo gửi tới đệ trình. Đến nửa đêm, Ngài mới lên chiếc xe ô tô Cadillac có thể bỏ mui, hoặc đi bộ vào rừng săn bắn thú hiếm, với chiếc mũ đội đầu có gắn đèn soi chạy pin. Thi thoảng Ngài bỏ nhà đi vào rừng suốt mấy ngày cùng với một hoặc

hai người bạn để tìm bắn voi có sừng và bò tót. Bảo Đại không bao giờ mệt mỏi trên những con đường mòn trong rừng trong những chuyến đi săn. Ngài ăn cơm nắm với cá khô uống nước suối, ngủ bất kể chỗ nào, trong túp lều đầy chấy rận và ám khói đen của người Thượng, hồi đó còn gọi là một cách miệt thị là người Mọi.

Bảo Đại không thiếu tinh thần can đảm và đầu óc thông minh. Ông hiểu rất rõ, ông không tượng trưng cho một sức mạnh năng động nào trong nước Việt nam sôi động này. Nhưng ông nghĩ, ông đại diện cho truyền thống. Trong khi lánh xa Việt Minh và lánh xa cả Pháp ông tin rằng sau này sẽ giữ được một vai trò trung gian hoà giải giữa đôi bên.

Sau hết nền độc lập của Việt nam mà nước Pháp đã tuyên bố trong văn bản ngày 3 tháng 7 năm 1953 mà Tổng Cao ủy Dejean lãnh sứ mệnh trao cho Bảo Đại, liệu có khác gì bản Tuyên ngôn độc lập mà chính Nhà vua đã tuyên đọc tại Huế từ ngày 11 tháng 3 năm 1945. Bản Tuyên ngôn này nói rõ:

Chính phủ Việt nam tuyên bố: “Bắt đầu từ ngày hôm nay Hiệp ước Bảo Đại ký kết với Pháp chính thức huy bỏ và nước Việt nam giành lại mọi quyền độc lập”. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, Bảo Đại yêu cầu các cường quốc Đồng minh công nhận nền độc lập của Việt nam. Trong thư gửi De Gaulle, ông viết: “Chúng ta có thêm dễ dàng hoà giải và trở thành những người bạn của nhau nếu các ngài từ bỏ mưu toan trở lại làm chủ chúng tôi”. Sự thừa nhận về mặt quốc tế này có lẽ Bảo Đại đã gần đạt được, nhưng cuộc cách mạng đã bùng nổ. Vua Bảo Đại đã “thoái vị”. Ba ngày sau, Hồ Chí Minh tiến vào Hà Nội đã trao cho ông vua thất sủng danh hiệu “Cố vấn tối cao của Chính phủ” phải chăng để trấn an phương Tây.

Tám năm đã trôi qua. Chiến tranh vẫn kéo dài, không hy vọng có thể giải quyết được bằng một giải pháp quân sự. Trong thời điểm có thể thương lượng đàm phán này có khả năng người ta sẽ tìm đến Cựu hoàng để hợp nhất hai miền Nam, Bắc Việt nam. Trong lịch sử An nam đã có tiền lệ.

Nhưng Bảo Đại không phải là Gia Long. Ông không có tham vọng để tạo thành ý chí, không có niềm tự hào để tạo thành sức mạnh chinh phục toàn bộ

lãnh thổ triều đình. Và lại ông bỏ mặc tất cả.

Ngày 1 tháng 8, Bảo Đại đáp chiếc máy bay cá nhân đi sang thành phố Nice ở miền Nam nước Pháp để nghỉ ngơi.

Sau khi Cựu hoàng An- nam bỏ đi rồi. Tổng Cao uỷ Dejean chọn Lào là nước thứ hai trong chuyến thăm xã giao. Đây là miếng ăn mềm nhất, và ngài Tổng Cao uỷ đã chọn miếng này để đáp lại sự ngưng nguẩy của ông vua bé nhỏ nước Campuchia láng giềng. Chặng đầu cuộc hành trình là Viêng Chăn, được coi là thủ đô hành chính của Chính phủ Lào. Chúng tôi được Thái tử Savông tiếp đón, bởi vì Quốc vương Vivanông Vông đã đi Pháp nghỉ mát từ ngày 22 tháng 5 mãi đến nay vẫn chưa về. Nhà vua lợi dụng thời gian ở Pháp để đàm phán tay đôi với Chính phủ Pháp nhằm ký kết những hiệp định song phương tiếp theo bản Tuyên bố ngày 3 tháng 7 của Pháp trao trả độc lập hoàn toàn cho Lào. Cuộc đàm phán về Lào được tiến hành ở Paris vì Viêng Chăn không có tầm vóc chính trị. Chuyến thăm của Tổng Cao uỷ Pháp tại Viêng Chăn thuần túy theo nghi thức. Nhưng cuộc đón tiếp tại Luang Prabang vẫn do Thái tử Savông chủ trì đã đem đến cho chúng tôi những vinh dự rất thấm thiết.

Thời tiết xấu. Chiếc Dakota chuyên cơ phải bay thấp dưới mây, dọc theo sông Mêkông, viên phi công cố chọc thủng mây đen do đợt gió mùa đưa tới để bay tới kinh đô Lào. Đi máy bay là cách duy nhất hồi đó để tới được kinh đô Lào vì thành phố này không có con đường bộ nào nối với thế giới bên ngoài. Luang Prabang vào thời điểm này coi như biệt lập trong không gian, không thay đổi theo thời gian, thủ phủ Vương quốc Lào như nằm ở đầu cùng thế giới tự do.

Những chiếc xe Cadillac nặng nề của Nhà vua chờ sẵn chúng tôi ở sân bay cũng có dáng vẻ khác thường. Những con quái vật sắt thép này từ các xí nghiệp ô tô General Motors ở Mỹ đã được đưa tới đây bằng máy bay. Đàn quái vật ô tô uể oải chạy vào thành phố trên những con đường đất lồi lõm, với tốc độ ngang với những con ngựa trong nước.

Những khu phố lầy lội đều nằm giữa những khu vườn trồng cây anh túc có

nhựa thuốc phiện đang nở những bông hoa màu đỏ, trắng, vàng trong khung cảnh không vội vã, mặc dù đang là giờ phút mua bán ngoài chợ. Đàn ông đi bộ uể oải la cà giữa những thùng đựng trái cây, những lồng chim, những súc vật bị trói đem đi bán. Đàn bà dân tộc Lô-lô mặc áo thêu sặc sỡ như nữ thần, chăm chăm nhìn đoàn xe chở chúng tôi đi qua. Đàn ông chấp tay cúi chào chúng tôi tùy theo kiểu cách của từng người. Các cô gái mặc váy dài, ngực nịt chặt trong nếp áo màu, thêu chỉ vàng, đôi vai để trần nhìn chúng tôi mỉm cười vô cớ.

Hôm nay là sáng chủ nhật. Nhưng đối với người dân Luang Prabang tươi cười, thanh bình cởi mở, ngày nào cũng là chủ nhật. Khi rời khỏi đất nước Lào, tôi không hề nghĩ rằng sáu tháng sau tôi lại đến Đông Dương để bảo vệ các đường biên giới của vương quốc này. Nhưng ngày hôm nay, khi nghĩ về Mường Sải bị Việt Minh bao vây và đang đi tới chỗ sụp đổ, tôi cho rằng tôi đã không chiến đấu vì các hiệp định mà tôi không hề biết. Tôi chỉ chiến đấu vì một cái gì đó cao quý hơn, vì một ngọn lửa leo lắt, vẫn được thắp sáng một cách lạ lùng trước những trận gió lịch sử, những biến động trong thế kỷ chúng ta, mà tôi đã từng nhìn thấy sự toả sáng trong thành phố nằm ở tận cùng thế giới này.

Tại Campuchia, bản Tuyên bố ngày 3 tháng 7 của Pháp trao trả độc lập cho nước này chẳng làm thay đổi tình hình một chút nào cả. Norodom Sihanuk vẫn đòi Pháp phải trao cho Campuchia mọi quyền hành không hạn chế, kể cả quyền chỉ huy trực tiếp các lực lượng vũ trang. Việc ngài Tổng Cao uỷ Dejean đến thăm kinh đô Phnôm Pênh có nguy cơ bị coi như một sự khiêu khích.

Sihanuk không thể làm gì khác hơn là phải tiếp Dejean, nhưng đã đón tiếp với tất cả triều đình để phô trương uy lực. Vị đại diện tối cao của nước Pháp được nhà vua cho phép triều kiến ngay tại cung vua, trong chính điện có đặt ngai vàng.

Đi sau ông Dejean mặc lễ phục màu trắng là tướng Navarre trong bộ quân phục vải ka ki. Đoàn khách người Pháp đi giữa hai lớp hàng rào các cận thân

và bộ trưởng Khmer đeo các loại huân chương, huy chương tiến về phía nhà vua người trên ngai vàng, đặt trước bình phong cũng bằng vàng. Những người hầu trong cung đình dưới sự điều khiển của quan đại thần phụ trách lễ tân mời các quan chức Pháp ngồi xuống hai hàng ghế đặt hai bên ngai vàng. Với kiểu xếp đặt như thế này khó trao đổi với nhau những câu chuyện tâm tình thầm kín giữa chủ và khách.

Dejean trình bày lý do tới Campuchia. Đó là để trình thư uỷ nhiệm. Nghe nói như vậy, nét mặt Đức vua vẫn lạnh như ngọc thạch. Bộ trưởng Dejean cầm giấy trong tay thể hiện rõ vẻ bói rôi của mình. Về phía triều đình Campuchia, không một bộ trưởng nào, một cận thần nào đung dậu mi mắt. Dejean cố tỏ vẻ nản nì. Điều quy định của triều đình có nguy cơ bị sụp đổ.

Đột nhiên ông vua nhỏ bé đứng phắt dậy làm viên quan đại thần phụ trách lễ tân bói rôi ra mặt.

Nhà vua kéo Dejean và Navarre vào sau tấm bình phong với dáng vẻ kích động. Lính hầu lập tức khiêng chiếc bàn gập vẫn dùng để chơi bài và ghế ngồi đến. Nhà vua, Tổng Cao uỷ, Tổng tư lệnh ngồi chung quanh chiếc bàn phủ thảm xanh. Dejean đặt lên bàn thư uỷ nhiệm hãy còn để trong phong bì, tỏ vẻ cầu xin nhà vua đón nhận. Đến lúc đó Đức vua mới nói.

- Ông Tổng Cao uỷ, ông làm tôi ngạc nhiên đấy, ông là người đã được chính phủ duy nhất của các ông chỉ định làm người đại diện cho nước Pháp, đến đây yêu cầu được tiếp nhận. Nhưng các ông đã quên là Pháp và Campuchia đã cùng trao đổi đại sứ với nhau rồi. Ông đại sứ Risterrucci đã trình thư uỷ nhiệm của Chính phủ Pháp. Tôi đã chấp nhận sau khi đã tham vấn về tư cách cá nhân của ông đó. Ông Risterrucci thích hợp với tôi. Tôi thấy không có lý do gì để công nhận thêm một vị đại sứ thứ hai nữa.

Dejean hoàn toàn mất hết vẻ đường bệ của mình. Ông nói lí nhí mấy câu rồi cố đẩy chiếc phong bì có thư uỷ nhiệm về phía Quốc vương Campuchia.

Vua Campuchia lại đẩy chiếc phong bì về phía Tổng Cao uỷ. Cuối cùng, sau nhiều lần đùn đi đẩy lại, Sihanuk đành cầm lấy chiếc phong bì có in Quốc huy Pháp rồi hờ hững đưa cho một tên thị vệ. Dejean vừa ghi được một bản



thắng. Không còn nghi ngờ gì nữa, chắc hẳn ông phải mở hội ăn mừng.

Vài ngày sau, Tổng Cao uỷ về Pháp cưới vợ, trong lúc cuộc chiến tranh ở Đông Dương từ từ thức giấc. Mặc dù vẫn đang còn những trận mưa tháng 8, quân đội Pháp vẫn cố tiến hành một số hoạt động nhằm cải thiện các vị trí trước khi chiến dịch lớn xảy ra vào mùa khô.

Tại miền trung Trung Kỳ, lợi dụng những ngày đẹp trời, tướng Leblanc mở một cuộc tập kích bất ngờ theo kiểu điều hâu vô mồi, đánh vào căn cứ Việt Minh ở ngay cửa ngõ thành phố Huế. Nhưng ông đã cất vó hụt. Trong lưới không có cá. Trung đoàn 95 Việt Minh vẫn lọt lưới sau vài trận đụng độ nhỏ. Giữa tháng 8, nỗ lực của Pháp hướng vào Phan Thiết ở cửa ngõ Liên khu. Cuộc hành quân Concarneau đã rơi vào khoảng trống. Cuộc tiến công này do đại tá Berteil chỉ huy. Thời tiết lúc này rất nóng. Tiểu đoàn bộ binh thuộc địa lính da đen người Senegal phải lũng sục các cồn cát để tìm Việt Minh nhưng không thể. Đến 10 giờ sáng binh lính đòi nước uống. Trên toàn bộ lãnh thổ Đông Dương không chỗ nào có cát mà lại có nước. Vì vậy phải dùng máy bay thả dù xuống cho đám lính những thùng nước giải khát mua của xí nghiệp rượu bia và nước đá từ Sài Gòn.

Tại Lào, lính Pháp từ Mường Sài và Phong Xa Lỳ mở những cuộc tiến quân thăm dò về phía Mường Khoa và càn quét thung lũng Nậm Hu.

Trên trục giao thông Xiêng Khoảng-Sầm Nưa, lính Pháp chiếm được Bản Ban. Những cuộc hành quân này cho phép Pháp ngăn chặn được Việt Minh bám chân trên hai trục đường giao thông tiến đánh Lào.

Trong vùng đồng bằng Bắc kỳ, Từ sáng sớm ngày 5 tháng 8 đã mở màn cuộc hành quân Tarentaise. Những tiểu đoàn khinh quân lính bản xứ đã thay thế các tiểu đoàn thuộc lực lượng viễn chinh Pháp ở vùng Bùi Chu, đi đầu cuộc hành quân càn quét. Đây là thử nghiệm đầu tiên để rút kinh nghiệm. Vì vậy, chiến trường được chọn trong khu vực có những điều kiện thuận lợi nhất để dành thắng lợi. Bùi Chu là một tỉnh có nhiều người theo đạo Thiên chúa, quyền hành chính thực tế nằm trong tay giám mục địa phận. Hầu hết mỗi làng đều có một nhà thờ, đứng đầu là một linh mục. Các tiểu đoàn trang bị

nhẹ, gọi là tiểu đoàn khinh quân, phần lớn binh lính đều là thanh niên đi đạo. Trung tá Đồng là sĩ quan đầu tiên được cử làm chỉ huy lực lượng cơ động duy nhất gồm toàn lính bản xứ, đích thân chỉ huy cuộc hành quân càn quét. Đi theo sau là các nhóm bình định sẵn sàng quản lý các khu vực được “giải phóng” khỏi sự kiểm soát của Việt Minh.

Từ ngày 1 tháng 9 không còn một đơn vị lính Pháp nào đóng tại Bùi Chu nữa. Trách nhiệm dân sự và quân sự trong địa phận hoàn toàn chuyển giao cho chính quyền Bảo Đại.

Tướng Navarre theo dõi cuộc hành quân với một sự quan tâm đặc biệt. Ông đã soạn thảo các kế hoạch xây dựng một quân đội tương lai cho chính quyền người Việt thân Pháp: với sự năng nổ, nhiệt tình. Ông cũng ấn định một phần thời gian biểu thay quân. Vấn đề còn lại là thử xem đội quân này có đối đầu được với Việt Minh không. Không có thử nghiệm này, sẽ không có giải pháp rút lui.

Câu trả lời cho thử nghiệm này đến nhanh chóng.

Ngay từ thượng tuần tháng 12, một hoạt động sôi nổi về chiến tranh du kích đã bùng nổ sớm hơn thường lệ tại vùng tứ giác Hưng Yên ở phía Đông Hà Nội. Vùng này vẫn là nơi ẩn náu từ xưa của trung đoàn Việt Minh 42. Nhờ sự mưu trí của trung đoàn trưởng cánh quân này hầu như luôn luôn thoát khỏi những cuộc càn quét. Từ năm 1951, trung đoàn đã phát động một cuộc thi đua yêu nước bằng các hoạt động đánh mình phá hoại, phục kích..., trong toàn khu vực.

Ngày 5 tháng 9, trung đoàn chiếm gọn một đồn binh cách thị trấn Kẻ Sặt có 5 kilômet do hai trung đội bộ binh địa phương đóng giữ. Đến ngày 9, vẫn trung đoàn này lại đánh tiếp một cứ điểm lớn hơn cũng ngay gần Kẻ Sặt, do một tiểu đoàn lính Mường trấn giữ tiêu diệt nhanh chóng ba trung đội. Ngày 14, cứ điểm Lệ Khu bị đánh chiếm. Một cụm pháo 105 mm cùng với ba xe tăng tạm trú trong đồn này đêm hôm đó cũng bị Việt Minh phá hủy.

Ngày 22 tháng 9 Bộ chỉ huy Pháp quyết định mở một chiến dịch lớn, mang tên Brochet, kéo dài đến tận ngày 10 tháng 10, cố càn quét tiêu diệt trung

đoàn Việt Minh “lần như ma” này. Cơ quan báo chí ở Hà Nội tung ra một bản thống kê số thiệt hại của Việt Minh. Trong mười tám ngày liên tục chiến đấu Pháp đã huy động 17 tiểu đoàn bộ binh có nhiều xe bọc thép pháo binh, không quân, hải quân yểm trợ diệt 672 Việt Minh bắt sống 569 tù binh, nhưng phía Pháp cũng có 121 binh sĩ thiệt mạng, 621 người bị thương. Căn cứ vào tương quan lực lượng về binh lực, hỏa lực, nhiều người cho rằng, trong cuộc càn quét này chính Việt Minh mới là người chiến thắng. Mỗi làng do Việt Minh kiểm soát biến thành một pháo đài, phía Pháp phải dùng xe tăng mở đường xung phong đánh chiếm, các ngả đường nhỏ dẫn vào làng đều gài mìn và cạm bẫy. Chiến tranh du kích lan rộng khắp tỉnh Hưng Yên.

Cùng trong lúc đó, dường như muốn chứng tỏ rằng mình vẫn giữ thế chủ động, ngay trong vùng đồng bằng là khu vực Pháp chiếm ưu thế Việt Minh mở cuộc tiến công đánh vào Bùi Chu. Từ ngày 20 tháng 9 nhiều đơn vị Việt Minh thuộc hai trung đoàn chủ lực 46 và 50 đã thâm nhập sâu, vượt qua những mắt lưới phòng ngự của các tiểu đoàn khinh quân do Pháp huấn luyện. Đêm nào Việt Minh cũng tiến công và chiếm được trung bình mỗi đêm một đồn bốt. Trong đêm 4 rạng ngày 5 tháng 10, Việt Minh tiến công vào khu vực có bốn tiểu đoàn khinh quân đang co cụm để bảo vệ lẫn nhau như đàn gà trong đêm tối. Kết quả là: 200 lính khinh quân bị chết và bị thương, 200 người bị mất tích. Nhưng phải chờ đến ngày 18 tháng 10 mới thật sự xuất hiện một kỷ lục thuộc loại này: trong số 3 tiểu đoàn khinh quân bị đánh ở gần Vạn Lý chỉ có 8 lính bị chết và 25 bị thương, nhưng có tới 424 binh sĩ bị mất tích với gần 500 vũ khí và 16 điện đài.

Ngày 29 tháng 9, tướng Navarre tới thị sát sở chỉ huy của trung tá Đồng đang chỉ huy lính khinh quân càn quét trong khu vực Bùi Chu. Việt Minh đã mở một loạt cuộc tiến công liên tiếp trong ba đêm trước, buộc Bộ chỉ huy Pháp phải rút một số binh đoàn cơ động đang tham gia chiến dịch Brochet về ứng cứu cho Bùi Chu. Nhưng bất cứ điểm nào quân Pháp kéo tới cũng không bắt liên lạc được với lính khinh quân.

Tướng Navarre lại quay trở về Hà Nội. Ngay buổi tối hôm đó ông cùng với

tướng Cogny nghiên cứu tập hồ sơ tình báo do Ban 2 đệ trình: những tin tức thu lượm được đều nghiêm trọng.

Mãi tới trung tuần tháng 9, kế hoạch tiến công của Việt Minh vẫn mới chỉ là những giả thuyết dựa theo phán đoán của Cục Quân báo Pháp. Càng phán đoán nhiều khả năng tiến công của tướng Giáp, càng bộc lộ nhiều nguy cơ về phía quân đội viễn chinh Pháp. Tướng Giáp đã chọn những phương án nào. Nhằm vào những điểm nào?

Cho mãi tới những tuần cuối cùng của mùa hè 1953, chúng tôi mới dần dần thu lượm được một số tin về những dự định của đối phương. Tại Sài Gòn, trung tá Guibaud là trưởng Ban 2 tập hợp tất cả những thông tin mà các cơ quan tình báo đã thu lượm được trên toàn lãnh thổ Việt nam. Guibaud nghiên cứu, phân tích sàng lọc, vạch kế hoạch theo dõi. Nguồn tin chủ yếu của chúng tôi là nghe trộm điện, đài Việt Minh vì đó là những tin tức thường xuyên, chắc chắn thời sự nhất.

Việt Minh có ba khoá mã khác nhau để đánh các điện mật. Mật mã tác chiến của Việt Minh hầu như rất khó giải nếu dựa vào kỹ thuật phương Tây. Còn mật mã dùng trong các bức điện chính trị thì thỉnh thoảng chúng tôi vẫn giải được, dù đối phương có thay đổi mã số. Mật mã dùng trong các bức điện yêu cầu cung cấp hậu cần thì mỗi năm mới thay đổi một lần vào quãng cuối tháng 9 đầu tháng 10. Đây là loại mật mã chúng tôi dễ giải nhất, thường được sử dụng để lập các biểu đồ, các thống kê. Chỉ vài ngày sau khi đối phương thay đổi mã số, nhóm giải mã của chúng tôi đặt tại một biệt thự vô danh ở Đà Lạt đã có thể tìm được cách giải. Chúng tôi thu được và giải được nhiều bức điện mật mã xoay quanh các mệnh lệnh, các báo cáo về hậu cần của Việt Minh.

Chính vì vậy cho nên chúng tôi đã giải được những điện mật về việc Trung Quốc viện trợ ồ ạt nhiều súng tự động cho Việt Minh và những vũ khí này được nhập vào các kho hậu cần ở Lạng Sơn.

Đại đội công binh cùng nhảy dù theo tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 xuống Lạng Sơn trong trận đánh úp ngày 17 tháng 7 đã phá hỏng được hàng ngàn tấn vũ

khí đang chất đông trong các hang động. Có bức điện mật, ra lệnh chuẩn bị “khẩu phần đặc biệt”.

Có nghĩa là sẽ có cố vấn Trung Quốc tới. Những báo cáo về việc bố trí kho tàng lương thực theo từng cung đường, giúp chúng tôi biết được đối phương đang chuyển quân sẽ đi theo những tuyến đường nào số quân là bao nhiêu. Những bức điện mật mà chúng tôi đã giải mã được, đã cho chúng tôi biết trước về điểm và hướng tiến công sắp tới của Việt Minh.

Nhờ tổng hợp các nguồn tin khác nhau, chúng tôi được biết khá chi tiết về lực lượng chủ lực cơ động tác chiến của Việt Minh, về số quân, cách biên chế tổ chức, trang bị, phương thức tác chiến, hệ thống cung cấp tiếp tế, thậm chí biết được cả họ tên và tính cách một số cán bộ chỉ huy đơn vị. Hơn nữa, chúng tôi còn biết được quan điểm tiến hành chiến tranh từ đó suy ra kế hoạch tác chiến của họ.

Trong lúc này, thành phố Sài Gòn đang mê say bởi những vụ buôn tiền và các thú ăn chơi chỉ bị lôi cuốn nhẹ nhàng theo nhịp thở của chiến tranh. Còn tại Hà Nội nơi thường tổ chức những cuộc diễu binh mừng thắng trận và những tiếng hò hét của lính chiến cũng vẫn không sao rũ bỏ được sự buồn chán dính chặt như hơi ẩm đọng trên tường nhà. Vào những giờ trước bữa cơm tối phòng trà tiệm nhảy mang tên Normandie thường chật ních người, hầu hết là quan chức dân sự và sĩ quan không quân tụ tập trong căn phòng bé nhỏ. Trong vài ba hộp đêm, các nhạc công Philippin và gái điếm từ Đài Loan tới biểu diễn như một cái máy, không chút hào hứng. Thi thoảng, lại nhìn thấy hai hoặc ba sĩ quan sơ cấp vội vã đi ngang qua thành phố trong lúc đêm khuya để trở về nơi đóng quân tại các đồn binh nhỏ lẻ. Trong tiếng cười của họ có vẻ như bị kích thích giả tạo và thú vui nhưng không vui mà họ vừa tìm đến chỉ là để tìm sự quên lãng.

Trong những ký ức, những tài liệu mà tôi thu lượm được, và cả những bức thư tôi viết hồi đó đều bộc lộ sự lo ngại thể hiện sự lo lắng nặng nề trong các buổi hội ý tại cơ quan tham mưu rồi lan đến các binh lính, tăng dần theo nhịp độ phát hiện được kế hoạch tiến công sắp tới của tướng Giáp.

Những dấu hiệu đầu tiên của ý đồ tiến công là những huấn thị từ Bộ chỉ huy tối cao Việt Minh gửi cho các chỉ huy sư đoàn. Những tài liệu này chỉ thị cho các sư đoàn, trong thời gian mùa hè phải luyện cho bộ đội tập chiến đấu trên địa hình bằng phẳng, đánh chiếm các cứ điểm phòng ngự kiên cố trên địa hình đó với lực lượng bộ binh được yểm trợ bằng pháo binh và súng phòng không. Ngoài ra còn luyện tập tác chiến trên đường phố. Một số đơn vị như sư đoàn 312 đã di chuyển địa điểm, tìm đến những nơi có địa hình bằng phẳng để tập luyện.

Cùng trong khoảng thời gian này, Bộ chỉ huy và cơ quan các sư đoàn đã được sắp xếp lại, cán bộ được tăng cường, quân số được bổ sung bằng các thành phần tốt nhất rút từ các đơn vị bộ đội địa phương đưa lên.

Theo nhận định của thiếu tá Levain, trưởng Ban 2 tại Hà Nội thì trong mùa hè năm 1953 các sư đoàn của tướng Giáp đều nhận được huấn lệnh “thuần túy hướng về đồng bằng”.

Một dấu hiệu quan trọng nữa là hoạt động của các đại đội trinh sát thuộc các đơn vị lớn của Việt Minh. Những đại đội này có nhiệm vụ trinh sát chiến trường, vận động nhân dân và các đơn vị bộ đội địa phương chuẩn bị cho hoạt động sắp tới của các sư chủ lực.

Từ tháng 9 năm 1953, đại đội trinh sát của sư đoàn 312 đã bám chân trên trục đường Vĩnh Yên, Phúc Yên hướng về Hà Nội.

Đại đội trinh sát của sư đoàn 308 hoạt động trên trục Lục Nam - Bắc Ninh. Đại đội trinh sát của sư đoàn 320 hoạt động tại Bắc Phủ Lý, trong vùng Tây Nam khu vực đồng bằng.

Cuối cùng, vào nửa cuối tháng 9, các sư đoàn đã tập trung đầy đủ tại các vị trí tập kết ở vành ngoài vùng đồng bằng, phía sau các đại đội trinh sát. Cùng lúc này, tại khu vực Phủ Nho Quan và Bắc Thanh Hoá xuất hiện lực lượng đầu tiên gồm hai sư đoàn hình như có nhiệm vụ thâm nhập vùng đồng bằng.

Một lực lượng thứ hai gồm các sư đoàn 308, 312 và sư đoàn pháo 351 đóng ở khu vực phía Bắc đồng bằng: giữa hai tỉnh Phú Thọ và Thái Nguyên.

Trong bản phân tích hồi tháng 9, trung tá Guibaud viết:

“Lực lượng cơ động tác chiến của địch tập trung ở vành ngoài đồng bằng đã được nghỉ ngơi, củng cố tổ chức, sẵn sàng giáng cho chúng ta những đòn đáng gờm. Tất cả tin tức thu lượm được đều khẳng định mục tiêu chính của đối phương sẽ là vùng đồng bằng Bắc kỳ...”

Guibaud phán đoán, trong giải đoạn đầu của chiến dịch, tướng Giáp sẽ cho sư đoàn 320 thâm nhập những vùng hậu cứ của Pháp ở đồng bằng. Sư đoàn này xuất phát từ Phủ Lý sẽ tiến vào Hưng Yên gặp trung đoàn 42. Có thể sư đoàn 304 cũng sẽ tiến vào vùng Bùi Chu, Phát Diệm là khu vực đã có hai trung đoàn độc lập 46 và 50 chiếm đóng, cũng dễ dàng hình dung được những gì sẽ xảy ra trong vòng hậu phương của chúng ta (tức quân Pháp) do sự phối hợp của chiến tranh du kích được tiến hành bởi mười tám tiểu đoàn chủ lực đang phân tán thành từng đơn vị nhỏ, hoạt động phá hoại, cắt đứt các tuyến đường giao thông, tập kích các đồn bốt nhỏ lẻ mà không một đồn bốt nào có khả năng cầm cự được vài giờ. Các căn cứ không quân của chúng ta cũng có thể bị tiến đánh.

Tôi đã quan sát gương mặt tướng Cogy khi tóm tắt hình hình, báo cáo với Navarre. Cả hai vị tướng đều đứng trước tấm bản đồ treo trên tường phòng làm việc của Tổng tư lệnh tại Hà Nội. Hai vị đang đứng với nhau thì tôi bước vào đưa tướng Navarie ký bức điện báo cáo với Chính phủ Pháp mà tôi nào tướng Navarre cũng gửi về Paris, tóm tắt tình hình trong ngoài dự kiến kế hoạch hôm sau.

Tướng Cogy đang nói, thỉnh thoảng lại khua tay trên tấm bản đồ:

- Sau một tháng đối phương phát động cuộc chiến tranh du kích với cường độ hiện nay vẫn chưa lường hết được, tôi không thể đảm bảo chắc chắn cho việc tự do vận chuyển, ngoại trừ một hoặc hai trục lộ giao thông chính. Tuy nhiên đến tháng 11 này hoặc chậm hơn một chút, lực lượng địch ở mặt Bắc gồm 308, 312, 351 có thể sẽ sẵn sàng tiến công Vĩnh Phúc và Bắc Ninh nhằm tiến về Hà Nội hoặc về Hải Dương, cắt đứt đường số 5 nối liền Hà Nội với Hải Phòng. Căn cứ vào giả thuyết này và dù không bi quan tôi vẫn có nhiệm vụ phải nghĩ đến chuyện cho di tản khỏi Hà Nội nếu không có các

phương tiện cần thiết để chiến đấu ngăn chặn Việt Minh.

Cho tới hôm nay, tôi vẫn nghĩ rằng Cogny hồi đó đã nhìn nhận đúng. Ông được coi là người của đồng bằng. Ông sẵn sàng tiến hành một cuộc chiến tranh có trận tuyến nếu Việt Minh cũng mạo hiểm tiến hành chiến tranh chính quy. Thế nhưng, muốn như vậy thì tướng Cogny phải có đủ các phương tiện chiến tranh của toàn lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Tướng Cogny đã đề nghị, muốn “giữ được đồng bằng Bắc kỳ” thì phải có trong tay 8 binh đoàn cơ động, trong khi trên toàn lãnh thổ Đông Dương mới có 7 và nếu Hà Nội thất thủ thì đó chẳng phải là mở đầu cho sự sụp đổ đó hay sao? Tướng Navarre không muốn mạo hiểm bằng cách chỉ sử dụng một lá bài bởi vì tướng Giáp còn có thể tiến công ở nhiều địa điểm khác và đã bộc lộ rõ các phương án này.

Để tiến đánh xứ Thái và Thượng Lào, tướng Giáp đã có một sư đoàn hoàn chỉnh chuyên trách khu vực này. Đó là sư đoàn 316 trong đó có tiểu đoàn 910 đang chiếm lĩnh Điện Biên Phủ. Sau cuộc diễn tập thành công hồi mùa xuân vừa qua, sư đoàn này đang sẵn sàng tiến quân lên vùng thượng du. Mục tiêu đầu tiên của sư đoàn 316 là Lai Châu, chỉ cần sử dụng một trung đoàn 910 cũng đủ để đánh chiếm thị xã này. Rồi, không vội vã có thể đến tháng 5, các tiểu đoàn trong sư đoàn mới tiến đánh Luang Prabang, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn.

Tại khu vực nam Thanh Hoá, sư đoàn 325 cũng chuẩn bị hành quân mở chiến dịch. Sau khi vượt dãy Trường Sơn mà sư đoàn đã mở được những cửa đột phá Đông-Tây, sư đoàn này sẽ tiến về Thà Khẹt, mở một con đường tiến quân dễ dàng xuống phía Nam, tới Campuchia, Tây Nguyên rồi từ đó có thể tiến xuống khắp Nam Kỳ.

Cuối cùng, các lực lượng vũ trang Liên khu 5 có tới bốn trung đoàn chủ lực, đã bắt đầu mở những hoạt động trinh sát ở khu vực Bắc và Đông cao nguyên, đánh chiếm Tây Nguyên, nơi được coi như một bao lơn khổng lồ chế Nam Kỳ và Campuchia.

Đó là đại cương sự phán đoán của cơ quan tình báo Pháp về kế hoạch tổng



phản công của Việt Minh hồi đầu tháng 10 năm 1953. Để làm việc này, tướng Giáp đã rèn được một vũ khí sau cuộc chinh quân mùa hè, nay là lúc đem thử lực để tôi luyện.

***Chú thích:***

*(1) Tức Cục tình báo quân sự, còn gọi là Cục Quân báo*

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 4**

Chống cự và giáng trả

Chiếc cầu chữ Y bắc ngang dòng kênh lạch giữa đoạn đường từ Sài Gòn đi Chợ Lớn. Tướng Lê Văn Viễn, tức Bảy Viễn chỉ huy đám giặc Bình Xuyên, đặt sở chỉ huy tại một địa điểm trong khu vực này chỉ cách Bộ Tổng Tham mưu quân đội Bảo Đại đúng tầm đạn cối. Nói chính xác hơn, Bảy Viễn ở bên bờ Nam con lạch đi của Bình Xuyên một vùng đầm lầy gần Nhà Bè, có hàng ngàn kênh lạch, thảm thực vật và ruộng nước. Bảy Viễn sinh ra ở đất Bình Xuyên. Nghề nghiệp đầu tiên là đi ăn trộm trâu, vì vậy đã biết rõ các con hẻm, các lối đi, các đường ngang ngõ tắt trong khu vực khó thâm nhập.

Năm 1945, vừa được Nhật Bản thả khỏi nhà tù Côn Đảo, Bảy Viễn đã về đây hùng cứ tụ tập một bọn lâu la mà chính Viễn gọi là “giặc” rồi tự tuyên bố là người theo “chủ nghĩa dân tộc” đấu tranh đòi độc lập và đã có lần tuyên bố trên đầu lưỡi là hợp tác với tướng Nguyễn Bình của Mặt trận Việt Minh.

Năm 1948, lũ giặc Bình Xuyên của Bảy Viễn bị Việt Minh tiêu trừ. Nhờ thông thạo thủy thổ và có sức dẻo dai, Lê Văn Viễn thoát khỏi mọi cuộc vây bắt của cộng sản và hiểu rằng thời kỳ được hưởng “độc lập” đã hết. Viễn tìm một chỗ đứng mới, xin hàng tướng Pháp De La Tour rồi sau đó xin hàng Bảo Đại được giao nhiệm vụ giữ cầu Bình Xuyên. Thế là Viễn đóng quân ngay tại khu vực này.

Nhìn từ xa, cái gọi là Sở chỉ huy quân sự của Bảy Viễn chẳng khác gì một thôn xóm nhỏ bé với những nếp nhà tranh vách đất bên ngoài là một hàng rào tre vót nhọn. Bảy Viễn không phải chỉ thích có trâu mà còn sưu tập đủ mọi chim muông thú vật nhốt trong chuồng: những con chim quý, những con

khí hiếm, những thú rừng có bộ lông mượt và những loài hươu nai hiền lành. Viễn bỏ ra hàng giờ liền để chăm sóc chim muông. Tôi đã nhìn thấy ông ta đứng bên chuồng sắt, đầu đung đầu với con hổ cái nhốt bên trong đang ngáy như một con chó lớn. Tướng Lê Văn Viễn quả là người có tình cảm.

Năm 1948 tôi đã từng chỉ huy nhiều trận đánh liên tiếp chống lũ quân của Viễn. Viên tướng giặc này đã đốt cháy của tôi một, hai chiếc xe bọc thép và tôi cũng đã bắn chết vài người của ông ta.

Sau khi xin hàng, Viễn tới trình diện tại sở chỉ huy của tôi đặt trong rừng, cạnh cột cây số 113 trên đường Sài Gòn đi Đà Lạt, là nơi có lần Viễn đã nghĩ đến chuyện tới đây khai thác gỗ, mây tre.

Lúc này Bảy Viễn đeo lon đại tá. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau, khó khăn hơn là bắn nhau, vì Viễn không biết tiếng Pháp, về một vài kỷ niệm chiến đấu. Bảy Viễn hoàn toàn vô học nhưng ông ta có một tính cách có thể khuất phục người khác và một sức mạnh không phải chỉ sử dụng vào việc giết người cướp của. Tất nhiên ông buộc phải gây dựng một ngân quỹ riêng để trả lương và trang bị cho quân lính. Vài ngày sau khi đầu hàng, ông mua được một chiếc xe tô đầu tiên đó là một chiếc Renault do Pháp sản xuất, giá 32.000 đồng Đông Dương, hoàn toàn trả bằng tiền mặt, gồm những tờ trị giá một hoặc hai đồng, chứng tỏ ông đã phải góp nhặt từ lâu. Từ ngày bỏ các dự án làm nghề thủ công và nếp nhà tranh gàn cầu chữ Y, ông đến ở tại một ngôi nhà rộng rãi, giàu có của một người Hoa giữa Chợ Lớn, và trở thành chủ tài sản nhiều cơ sở thương nghiệp và công nghiệp, trong đó có Đại thế giới. Đây là một cơ sở du hí, gồm sòng bạc và các trò giải trí lớn nhất, nổi tiếng nhất khu vực Đông Nam Á. Hơn nữa, Viễn còn kiểm soát chặt chẽ để thu thuế tất cả các ngành nghề buôn bán thuốc phiện, các sòng bạc và các ổ điếm.

Từ ngày Hoàng đế Bảo Đại tiếp nhận việc nhượng quyền khai thác Chợ Lớn cho tới khi Ngô Đình Diệm lên nắm quyền với chính sách độc tài, khu vực Chợ Lớn vẫn thịnh vượng trong hoà bình, công bằng mà xét sự thanh bình này có được là nhờ ở công cuộc bình định Nam Kỳ. Đây không phải là công

việc dễ dàng, trước khi xuất hiện Bảy Viễn, nhiều tướng lĩnh và các nhà cai trị xuất sắc của Pháp đã thất bại.

Viễn còn là một người trọng chữ tín, trung thành với bạn bè và “sòng phẳng” trong việc kinh doanh. Đối với Hoàng đế Bảo Đại, Viễn vừa thể hiện lòng biết ơn, vừa to rõ sự thần phục bằng cách tháng nào cũng cống hiến một vali nặng, lèn chặt các tờ giấy bạc mệnh giá 100 hoặc 200 đồng.

Bảy Viễn rất căm ghét những chúa ngục người Pháp ở Côn Đảo. Ông cũng đã giết và trừng trị vài chủ điền và nhà buôn thực dân Pháp mà không hề một chút ăn năn hối hận. Nhưng ngay từ khi mới được biết nước Pháp trong bầu không khí ôn hoà, ông đã yêu đất nước này rất say mê.

Chuyến thăm Paris đầu tiên đã dẫn ông tới việc quyết định liên minh với sự nghiệp của Pháp ở Đông Dương. Ông đã ngắm nhìn với cặp mắt ngây thơ đột ngột sự sạch sẽ trong các đường phố thủ đô Pháp, tính kỷ luật của những người đi đường tuân thủ các tín hiệu giao thông, vẻ nhã nhặn của cảnh sát và thái độ lịch sự của các lái xe tắc xi. Ông cũng đã thấy rõ tính chất phức tạp về mặt kỹ thuật của một nền văn minh hiện đại.

Bảy Viễn thường nói với lũ đàn em mà ông vẫn có thói quen thuyết phục:

- Không có người Pháp thì đến một cái kim ta cũng không làm được.

Xuất phát từ lẽ đó, Bảy Viễn quyết tâm duy trì sự có mặt của Pháp ở Đông Dương. Ông là người duy nhất trong số thủ lĩnh các giáo phái trung thành với ý tưởng này đến cùng.

Từ ngày trở lại Sài Gòn tôi thường gặp Bảy Viễn luôn. Tôi còn được gặp cố vấn thân cận của ông là đại tá Sang nhiều hơn nữa. Sang đã tốt nghiệp cử nhân luật và sau đó đã có thời kỳ được cử làm giám đốc Sở Cảnh sát Sài Gòn - Chợ Lớn.

Thời kỳ bấy giờ, Sang chưa có danh hiệu chính thức nhưng đã có quyền hành thực tế. Vì vậy, ông được giao nhiệm vụ tổ chức vật chất và là tổng thư ký Hạ viện Sài Gòn. Một buổi trong lúc cùng ngồi ăn sáng tại khách sạn Continental, Sang nói với tôi:

- Chúng tôi đang phải chứng tỏ cho các dân biểu biết rằng chúng tôi đang

làm chủ Sài Gòn.

Tổ chức Hạ viện là một sáng kiến của Bảo Đại. Nhà vua vừa được mời đi Pháp để đàm phán về việc Việt nam gia nhập khối Liên hiệp Pháp sau khi có bản tuyên bố ngày 3 tháng 7. Bảo Đại hy vọng Hạ viện tập hợp được các phong trào dân tộc chủ nghĩa để cùng đoàn kết đấu tranh.

Cái tổ chức thuần túy nghị lễ chính trị - nghị viện này sẽ chỉ là hình thức và hoàn toàn không có được một tầm quan trọng nào, nếu khi quyết định Việt nam gia nhập khối Liên hiệp Pháp lại không đồng thời quyết định tham gia các mục đích chiến tranh của Pháp. Kế hoạch chiến lược mang tên Navarre đã nhấn mạnh, “chỉ có các hiệp định ghi nhận nỗ lực về người và của do các nước liên kết ở Đông Dương ký kết với Pháp mới là điều duy nhất xác minh lợi ích của Pháp”.

Hạ viện Sài Gòn họp ngày 12 tháng 10 năm 1953, tức tám ngày sau buổi tôi cùng ngồi ăn sáng với Sang.

Trong bữa ăn, Sang cho tôi biết, Lê Văn Viễn không tin vào những lời phát biểu ba hoa mị dân của đa số tuyệt đối các dân biểu Hạ viện. Tướng Viễn lo ngại những người theo chủ nghĩa dân tộc sẽ lại hăng hái hơn trong việc đòi độc lập hoàn toàn, mặc dù chẳng một ai trong bọn họ dám hy sinh các tiện nghi đang hưởng để mạo hiểm giành độc lập. Đó là chưa kể những người di cư từ Bắc vào Nam, những người được gọi là dân Bắc kỳ, đang bị Sài Gòn nghi ngờ, cần phải đề phòng.

Ngày 11 tháng 10 tức trước khi khai mạc Hạ viện một hôm, tướng Lê Văn Viễn mời tất cả các vị dân biểu tới dự tiệc Cocktail sang trọng tại dinh thự của Viễn ở Chợ Lớn. Giấy mời ghi rõ, bắt buộc phải tới dự. Đây là một kiểu họp kín trước khi Hạ viện họp công khai. Không một người Âu nào được mời tới dự.

Lê Văn Viễn không có tài diễn thuyết một chút nào. Một trong những dáng vẻ thể hiện cá tính mạnh mẽ của ông là sự kín đáo nguồn gốc của hành động bất ngờ. Viễn nói rất ngắn gọn:

- Không có tôi và tổ chức bảo vệ của tôi toả khắp thành phố này thì các vị

không thể sống nổi tới hai mươi phút trong phòng nghỉ tại khách sạn. Không có nước Pháp, các vị cũng không có khả năng đóng nổi một tàu thủy, một máy bay hoặc một chiếc xích-lô. Tôi nghĩ, hai dẫn chứng này đủ tác động đến đường lối của Nghị viện cũng như Cương lĩnh của Mặt trận bình dân do tôi làm chủ tịch.

Ngày 16 tháng 10, Nghị viện Sài Gòn tiến hành bỏ phiếu trong không khí yên tĩnh. Đại đa số phiếu chống lại việc gia nhập khối Liên hiệp Pháp. Giới báo chí Pháp tỏ ý phần nộ với mức độ khác nhau, tùy theo vị trí trong nền chính trị.

Chính phủ Pháp chấn động, Tổng Cao uỷ và Tổng tư lệnh Pháp ở Sài Gòn viết những lá thư đầy lời lẽ bức tức gửi tới Thủ tướng Hội đồng Sài Gòn.

Những người Mỹ ở Sài Gòn lặng lẽ cười chế giễu.

Tóm lại các mục đích chiến tranh của Pháp đều rơi xuống nước.

Tất cả các dân biểu Sài Gòn đều sững sờ trước phản ứng đó. Nghị viện lại họp để thông qua với đa số phiếu tương tự, một điều khoản bổ sung do Hoàng thân Bửu Lộc đệ trình được soạn thảo theo thư gợi ý của Tổng Cao uỷ. Bảo Đại cố giải thích trong thư gửi Dejean: “Tu tưởng của Nghị viện không phải là hoàn toàn ác cảm với Pháp. Trên thực tế, cũng giống như tư tưởng của tôi. Mọi người đều biết Hoàng đế An nam không thể diễn đạt được ý tưởng này nếu không có ngôi nhà nghỉ mát ở Côte d Azur bên Pháp. Người dân châu Á thường không thể bộc lộ trần trụi những ý nghĩ của mình. Ngược lại ông bạn của tôi là Lê Văn Viễn mà ai cũng rõ là rất thân Pháp lại tỏ ra rất hài lòng về thái độ của các dân biểu trong cuộc họp vừa qua.

Lúc này tôi đang điều trị tại một bệnh viện ở Đà Lạt để chữa một chứng bệnh cũ do trùng amip gây ra hồi tôi còn hoạt động trong rừng. Một tùy viên của Bình Xuyên tới thăm tôi. Ông kể cho tôi nghe những diễn biến tình hình mới nhất ở Sài Gòn. Khi ra về, ông để lại tặng tôi, theo kiểu mọi người vẫn tặng hoa quả cho người ốm một... ki lô thuốc phiện sống. Ông ta còn nói với tôi đây là loại nhựa thuốc phiện hảo hạng, thu hoạch được trong mùa sai quả. Tôi giấu gói thuốc phiện dưới đệm nằm, chỉ lo bác sĩ trưởng phát hiện ra vì

ông thường tới thăm bệnh tôi luôn. Cuối cùng tôi chuyển gói thuốc phiện này cho một ông bạn làm chủ đồn điền và ông ta lại phân phối nó cho một công ty sản xuất ở Đà Lạt.

Vấn đề đang làm xao xuyến dư luận vẫn là quan niệm mơ hồ lẫn lộn trong giới chính trị.

Chính sách do Chính phủ Pháp công bố nằm trong công thức: “Nền độc lập của các quốc gia liên kết nằm trong khối Liên hiệp Pháp phù hợp với các đạo luật trong hiến pháp phù hợp với những nguyên tắc, những truyền thống, những khát vọng tiến bộ, lợi ích và sự độ lượng của nước Pháp, nhưng đã không được sự thống nhất noi theo trong các nước liên kết với Pháp. Lào là nước duy nhất chấp nhận gia nhập khối Liên hiệp Pháp vì không thể tồn tại mà không có người bảo vệ. Ngược lại, Campuchia muốn có ngay nền độc lập hoàn toàn và dứt khoát. Còn Việt nam của Bảo Đại cũng như Việt nam của Việt Minh đều trả lời “không”, một bên do nhu nhược, một bên do dửng dưng cảm.

Tháng 10 là tháng thường mở màn cho các chiến dịch lớn, giữa lúc chính sách của Pháp ở Đông Dương đang rạn nứt. Những vết rạn ngày càng lộ rõ. Mỗi ngày trôi qua lại làm lộ thêm vết vôi vữa trắng mà người ta sơn quét ngay trang với hy vọng sẽ củng cố được sự thống nhất.

Những mục đích chiến tranh của Pháp ở Đông Dương ngày càng cạn dần, thực chất, giống như chúng bệnh kiết lỵ đang làm kiệt dần lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Các bạn cùng phòng bệnh với tôi cũng đang chảy máu, trơ xương trên tấm khăn trải giường vậy máu chờ ngày được hồi hương về Pháp. Nhưng cuộc chiến tranh Đông Dương, tự nó không cần quan tâm đến các lý do mà chỉ quan hệ đến tình hình thời tiết, trời mưa hay trời đẹp. Về các trận mưa thì nay chỉ còn lại vài cơn dông rải rác hàng ngày và đang yếu dần. Chiến tranh như một con thú dữ sau trận mưa đang liếm khô lông trước đợt gió mùa để rồi lại lao vào cuộc săn mồi.

Ngày 15 tháng 10. Bộ chỉ huy Pháp bắt đầu mở chiến dịch Mouette với cách tiến hành khá rầm rộ.

Từ những ngày đầu tháng 10, Cục Quân báo của Pháp đã biết tin sư đoàn 320 (với nhiệm vụ thâm nhập vào vùng đồng bằng để mở màn cuộc tiến công trên toàn Bắc bộ của Việt Minh) đã hoàn thành mọi việc chuẩn bị. Với cung cách hăm hở và tở mĩ như đàn kiến, sư đoàn này tích lũy lương thực, đạn dược đủ dùng trong suốt mùa đông sắp tới. Để tránh bị đánh úp bất ngờ như hồi tháng 7 ở Lạng Sơn, số lương thực đạn dược nay hiện được phân tán từng các kho nhỏ, cất giấu dưới những rặng cây tre hoặc trong các hang động của dãy núi đá vôi bao quanh mặt Tây Nam khu vực đồng bằng. Tối nào viên tướng Việt Minh chỉ huy sư đoàn cũng kiểm tra tở mĩ tiến trình hoạt động của cơ quan hậu cần. Đồng thời, tối nào cơ quan tình báo quân sự của chúng tôi cũng nghiên cứu các báo cáo đã được giải mã và theo dõi hàng giờ công việc chuẩn bị của đối phương.

Tháng 10 năm 1953 cũng là thời điểm chúng tôi được biết về số lượng các đơn vị Việt Minh, đánh giá khả năng hoạt động của những đơn vị này - kinh nghiệm cuộc càn quét lần trước (mang tên chiến dịch Brochet) cho biết, một khi sư đoàn đối phương đã luôn được vào phía sau quân ta thì không thể nào vây quét hoặc tiêu diệt được chúng.

Ngược lại, sau khi đã lọt được vào vùng hậu cứ của Pháp, sư đoàn này phân tán thành các tiểu đoàn: sẽ có thể giáng những đòn tiến công đáng gờm vào hệ thống phòng ngự và làm tê liệt phần nào việc tự do chuyển vận của quân ta.

Tướng Navarre quyết định ra quân trước khi sư đoàn 320 bắt đầu hoạt động, bằng cách đánh vào nơi bố trí các kho hậu cần của sư đoàn này.

Ông cũng hy vọng, cuộc tiến công này sẽ đủ sức gây rối loạn, làm trì hoãn cuộc tiến công của tướng Giáp vào vùng đồng bằng. Cuộc chạy đua thời gian bắt đầu.

Bộ chỉ huy Pháp điếm lại các phương tiện trong tay. Bằng cách vét tận đáy ngăn kéo, thu gom tất cả các lực lượng dự trữ của toàn cõi Đông Dương, phía Pháp chỉ có thể tập trung trên chiến trường Bắc kỳ 21 tiểu đoàn bộ binh, lính thủy, lính lái máy bay. Con số này đủ để chọi với 10 tiểu đoàn của sư



đoàn 320, bảo vệ các tuyến đường giao thông và các điểm bị nguy hiểm. Nhưng sẽ không đủ nếu sư đoàn 304 cũng tham chiến. Sư đoàn 304 đóng quân cách sư đoàn 320 có một ngày đường.

Tin tình báo cho biết, sư đoàn 304 lúc này cũng đang chuẩn bị thâm nhập vùng đồng bằng. Vì vậy tướng Giáp đã bố trí sư đoàn này tại một địa điểm vừa có thể bảo vệ Thanh Hoá và Vinh là khu vực do Việt Minh kiểm soát, năm đó vừa được mùa lúa gạo, vừa có thể tiến đánh miền Nam đồng bằng Bắc bộ. Để tìm chân sư đoàn 304, tướng Navarre đã sáng tạo ra một “cuộc hành quân làm địch thất vọng” mang tên Pelican. Trước khi mở màn chiến dịch Mouette, một hạm đội Pháp tiến sát vùng bờ biển Thanh Hoá làm ra vẻ đe dọa đổ bộ để tiến công lớn. Do chính những tin tức bị tiết lộ từ phía Pháp, tướng Giáp đã biết trước kế hoạch này và đã có chuẩn bị đối phó, như đã tiếp nhận các nguồn tin từ những mạng lưới tình báo của Việt Minh bố trí ngay tại các bến cảng Hai Phòng nơi xuất phát của các tàu chiến Pháp.

Ngày 14 tháng 10, sư đoàn 320 đã hoàn tất mọi việc chuẩn bị, sẵn sàng tiến hành thâm nhập vùng đồng bằng. Các kho lương thực đạn dược đã đầy ắp. Những đơn vị trong sư đoàn xuất phát về phía bờ sông Đáy. Đêm hôm đó, từng tiểu đoàn vượt sông bằng những chiếc thuyền nan, nhẹ nhàng không kém gì những chiếc xuồng cao su bơm hơi của Pháp.

Ngay tối hôm đó, tướng Gilles được Sài Gòn điều ra để chỉ huy cuộc hành quân, ban hành lệnh đầu tiên tiến hành cuộc hành quân Mouette.

Tướng Gilles, được mọi người gọi là “cha cô đạo Thiên Chúa” nhưng lại là người thích “làm chiến tranh” hơn làm lễ nhà thờ. Ông thích sống trong các doanh trại đã chiến cùng với binh lính, giữa sự vây bọc của những người lính chiến có cái mồm của bầy ác thú ăn thịt. Ông có niềm vui thích thú của một người chơi bài thích lập phương án và tiến hành các cuộc hành quân, hơn nữa còn ưa thích đánh lừa địch lôi kéo địch rơi vào cạm bẫy bằng một hoạt động đơn giản, dễ dàng. Những buổi tối sau chiến thắng “đúc cha” Gilles chân đi tập tễnh, một mắt bị chột phải lòng mắt giả bằng thủy tinh, thường xuyên đến với các sĩ quan cấp úy, uống với họ một hai chén rượu mừng. Ông

rất tự hào về lực lượng lính dù dưới quyền và thường nói:

- Lính dù ư? Đó là lính của tôi!

Những buổi tối đó là những buổi nhậu nhẹt suốt đêm. Cả những phục vụ người Việt đều nằm trong mạng lưới tình báo của Việt Minh, và khá nhiều người trong bọn họ lại được tuyển vào làm việc trong cơ quan cảnh sát của Pháp. Họ rất khó chịu khi nghe thấy tiếng cười của tướng Gilles mà họ cho là tiếng cười của con ác thú chột mắt. Đối với họ, khi tiếng cười này cất lên cũng là lúc thi hài các chiến sĩ bộ đội bị Gilles giết hại đang phân hủy.

Sáng hôm nay, tướng Gilles đã lệnh cho sư đoàn A do Castries chỉ huy, xuất phát đầu tiên, mở đường tiến cho cánh quân. Giữa tướng Gilles chỉ huy lính dù và đại tá Castries là viên sĩ quan quý tộc tốt nghiệp trường đào tạo kỵ binh, hai bên không có nhiều điểm tương đồng. Nhưng tướng Gilles là người biết rõ các sĩ quan dưới quyền.

Castries là một chỉ huy biết đánh thọc sâu một cách khôn khéo. Castries đã nổi tiếng từ các trận đánh trên tất cả các chiến trường mà ông tham gia. Đây là giá trị thật sự, chứ không phải do báo chí thổi phồng, giả tạo.

Chính vì vậy cho nên sau này, tức là ngày 29 tháng 11 trên đường băng sân bay Điện Biên Phủ mà tướng Gilles vừa chỉ huy cuộc nhảy dù đánh chiếm trước khi lên máy bay Dakota trở về Hà Nội, Tổng tư lệnh Navarre đã hỏi tướng Gilles:

- Ông thử nghĩ xem ai có thể thay ông chỉ huy tập đoàn cứ điểm này?

Gilles đã trả lời ngay, không do dự:

- Chỉ có hai người. Xếp theo thứ tự: Castries rồi đến Vanuxem.

Trở lại cuộc hành quân Mouette ngày 15 tháng 10, tướng Gilles đã trao nhiệm vụ cho đại tá Castries chỉ huy một sư đoàn đánh chiếm Lai Cáp, cách phía Tây thị xã Ninh Bình 20 kilômét.

Khoảng cách không xa, nhưng mà phải sửa lại đường gồ mìn, cẩn thận quan sát từng bước tiến và tổ chức bảo vệ mọi mặt. Để tới đích nhanh chóng an toàn phải có khả năng tinh khôn từ mũi đến mạch máu.

Buổi chiều hôm đó, Castries đến Lai Cáp. Tướng Gilles theo sau, gặp

Castries giữa ngã tư đường đi vào phía rừng núi. Những dấu vết để lại trên nền đường cho biết trong đêm đã có những đoàn xe của Việt Minh chở vũ khí đạn dược do Trung Quốc viện trợ, từ Hoà Bình đi Thanh Hoá. Trời rất nóng. Đoàn xe tăng của Pháp bốc tung rất nhiều bụi.

Tướng Gilles nghỉ lại bên đường gọi rượu cognac và nước giải khát sô-đa. Lính hầu khiêng từ xe Jeep xuống một lều bạt, giường gấp và thùng đựng khẩu phần dã chiến. Cha cố Gilles không vội vã. Ông quyết định để ra ba ngày trọn vẹn thiết lập sở chỉ huy chiến dịch: chung quanh là vành đai bảo vệ gồm các cứ điểm đại đội hoặc tiểu đoàn có thể yểm trợ lẫn nhau, chính giữa là vị trí pháo. Tướng Gilles cho rằng lúc này Việt Minh bố trí bên bờ sông Đáy đã biết quân Pháp tiến đến Lai Các là trung tâm căn cứ tiếp vận của họ và họ sẽ tới.

Qua nhiên, trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng 10, Việt Minh tiến đến. Trong nhiều giờ liên tục, các đại đội Việt Minh lao vào các hàng rào kẽm gai của hai cứ điểm. Pháo binh Pháp tạo thành những bức tường bằng hỏa lực ngăn chặn. Lúc tờ mờ sáng, quân Việt rút lui.

Lúc đó tướng Gilles mới bắt đầu công việc đã đưa ông tới đây, tức là đích thân chỉ huy việc phá hủy các kho tiếp tế của Việt Minh. Ngày nào ông cũng tung ra một, ít khi hai, đơn vị tiến công trình sát sục sạo bên phải, bên trái, phía trước, phía sau.

Xe bọc thép đi trước mở đường, lính bộ binh đi sau sục vào các rừng cây hoặc các núi đá để tìm các kho cất giấu vũ khí đạn dược. Sau đó lại quay trở về Việt Minh cũng biết như vậy, cho nên thỉnh thoảng lại tổ chức tiến công đánh các đơn vị ngon ăn đang uể oải rút về trên các đường mòn trong khu vực. Cha Gilles cũng đã tính đến chuyện đó nên đã sử dụng pháo binh, không quân đánh nhanh và không bao giờ để cho đàn con đi xa quá tầm pháo 105mm.

Ngày 24 tháng 10 trung úy Christian de Reboul chỉ huy một trung đội xe bọc thép tiến theo đường lũng. Reboul là một sĩ quan kỵ binh nhà nòi có cặp cẳng dài đôi mắt sắc, người xứ Gascon thích tán chuyện và thích đánh nhau.

Hồi được cử làm sĩ quan báo chí tại Hà Nội Reboul “buồn đến chết” khi phải sống giữa đám nhà báo chỉ biết có mỗi một chuyện là cầm bút viết. Từ vài tuần nay Reboul được cử làm chỉ huy trung đội trinh sát tuần tiểu số 1 và đã nắm giữ vững đơn vị trong tay.

Hôm đó, trời đẹp, ánh sáng ban mai tràn ngập những màu sắc tươi vui. Binh lính trong đoàn xe của Reboul đều thông thạo nghiệp vụ, họ cho xe tiến từng đoạn rồi dừng lại quan sát. Không thể không phát hiện được một cái gì đó. Riêng điều đó cũng đủ làm cho trung đội trưởng Reboul hài lòng.

Một cánh đồng cỏ đi ngang qua con đường rừng, toàn là loại cỏ voi, thân cao, lá rộng và sắc như những lưỡi kiếm, vươn thẳng lên tận tháp súng xe tăng. Trước khi tiếp tục cuộc hành trình, Reboul lệnh cho đoàn xe dừng lại để quan sát. Một máy bay quan sát nhỏ bé lượn trên đầu đoàn quân.

Trên kênh 16 điện đài thường trực đường dây liên lạc vẫn được giữ vững.

- Piper de Centaure, có phát hiện thấy gì không?

- Không? Các anh cứ việc tiến. Không thấy có dấu vết gì của Việt Minh trong đám cỏ này.

Chiếc xe tăng đầu tiên vừa tiến được 800 mét thì vấp phải mìn. Ngay lập tức, hàng ngàn quân Việt nấp kín nhiều giờ trong đám cỏ cao, vụt vùng dậy từ hai bên đường, xung phong tiến đánh đoàn xe.

Những chiếc xe tăng lập tức bắn trả bằng đại liên chiếc xe tăng này bắn luôn vào chiếc xe tăng khác nhằm xua đuổi giúp nhau những nhóm bộ đội đang bám vào thành xe. Một xe tăng bốc cháy.

Christian de Reboul đứng trên tháp pháo xe tăng theo dõi tình hình cuộc chiến đấu. Với khẩu tiểu liên trong tay trung úy cố làm nản lòng những người lính Việt đang muốn tiến sát để phá xe tăng bằng thuốc nổ. Anh cũng gọi điện cho đại úy cấp trên, yêu cầu được cứu viện bằng hỏa lực pháo binh và không quân.

Đột nhiên, Reboul có cảm giác như bị một chiếc gậy đập mạnh vào đầu. Mặt anh chảy đầy máu. Anh lấy tay sờ lên hộp sọ bên trái. Cứ ngỡ là sẽ vấp phải một cục bướu, nhưng lại có cảm giác đây là một chất nóng và nhầy dính vào

kẽ tay. Reboul văng tục một câu, nghĩ rằng đã bị thương. Anh trèo xuống xe tăng dùng điện đàm báo cáo. Anh cố nói chậm chạp, chính xác, ta lại tình hình trận đánh, chỉ rõ toạ độ cho pháo binh và máy bay bắn. Nhưng lần nào từ sở chỉ huy vẫn có tiếng trả lời:

- Anh nói gì, không hiểu.

Máy vẫn tốt. Ăng-ten toả sáng đủ tầm. Reboul thay micro và lại bắt đầu báo cáo, phía bên kia vẫn trả lời:

- Anh nói gì, tôi không hiểu.

Reboul tức điên người. Cái viên đại úy đôn mặt này chẳng hiểu gì hết. Reboul không thể cầm cự được mãi. Quân Việt tiếp tục tiến đánh. Reboul ra lệnh ngắn gọn:

- Quay pháo sang phải!

Pháo thủ Roubignes là người xứ Gironde đồng hương với Reboul, có thể hiểu rõ ngay khi Reboul mới nói được một phần tư tiếng. Những lúc này. Roubignes sùng sờ giương cặp mắt khiếp hãi nhìn Reboul không cử động. Đến lúc này thì Reboul cũng dần dần hiểu rằng mình đã không phát biểu được nữa rồi. Mặc dù đầu óc vẫn còn tỉnh táo, nhưng Reboul đã mất khả năng diễn đạt bằng lời nói. Hệ thần kinh trung ương điều khiển những đường gân ở lưỡi Reboul đã bị phá hỏng. Trung úy Reboul sủa ăng ẳng, kêu khàn khàn, gào lên như một con vật. Trước khi đắm chìm trong tình trạng vô tri vô thức, Reboul vẫn còn nhớ đến nhiệm vụ. Anh vẫn nghĩ đến việc phải dùng một phương tiện nào đó báo cáo cấp trên.

Nhưng cha Gilles đã dự kiến trước. Ông đã cho tắt cả các khẩu pháo hướng nòng về phía con đường sát rừng, tiếp đó là gọi máy bay bắn phá các bìa rừng, sau đó là bộ binh tiến hành càn quét tử mỹ. Buổi tối Việt Minh phải rút lui. Từng đoàn xe cứu thương có ghi dấu hiệu chữ thập đỏ của Pháp, chở cả lính Pháp và lính Việt Minh bị thương về thị xã Ninh Bình. Trung úy Reboul nằm dài trên cáng, miệng câm người liệt đầu óc vẫn còn tỉnh táo.

Những ngón tay phải của Reboul nắm chặt lấy mảnh kim loại ghi danh tính số hiệu, viên y tá cố gỡ ra nhưng không nổi. Reboul nghĩ rằng phải giữ chặt

để mọi người biết rõ họ tên của mình.

Ngày 7 tháng 11 cuộc hành quân Mouette kết thúc. Theo nhận xét của Pháp, cuộc tiến công của Việt Minh vào vùng đồng bằng phải chậm lại hai hoặc ba tháng. Nhưng trong lúc Pháp chiếm được phủ Nho Quan, những đại đội đầu tiên của sư đoàn 316 Việt Minh cũng bắt đầu tiến lên vùng thượng du, chiếm lĩnh các vị trí chuẩn bị cho chiến dịch đã dự kiến. Mục tiêu đầu tiên nhất định sẽ là Lai Châu, ở đầu nguồn sông Đà, như một quả lê ngon ngọt ở đầu cành. Vấn đề đặt ra là tới được địa điểm này và như vậy phải mất từ ba mươi đến bốn mươi ngày hành quân bộ. Nhưng đây là quả lê dễ hái và trung đoàn 148 đã chuẩn bị làm nổ tung vị trí cuối cùng của Pháp trong xứ Thái sau đó sẽ càn quét các đội biệt kích của Pháp ở vùng thượng du đã mất hết chỗ dựa. Sau đó Pháp được tin những đơn vị của sư đoàn 316 xuất phát từ Điện Biên Phủ và Sầm Nưa có lẽ đang tiến về phía Luang Prabang và Viêng Chăn. Trong cuộc chiến tranh vận động xuyên rừng núi, Việt Minh có thuận lợi hơn Pháp. Bộ binh Việt Minh có thể nhanh chóng tới Luang Prabang. Trên đường đi về hướng Viêng Chăn có lẽ phải chặn Việt Minh từ Cánh đồng Chum.

Ban 2 của Pháp không còn hoài nghi gì về những ý đồ của Việt Minh. Trong ban phân tích tình báo do trung tá trưởng ban 2 Guibault ký đầu tuần tháng 11 có đoạn viết: “Phần lớn các hoạt động tiến công của Pháp (như chiến dịch Mouette) tại miền Bắc Việt nam đã buộc địch phải trì hoãn và tổ chức lại cuộc tiến công từ nhiều tháng nay.

Tại khu vực Bắc đồng bằng lực lượng tác chiến gồm hai sư đoàn 308 và 312 hiện đang tiếp tục luyện tập chuẩn bị đánh đồng bằng. Những hoạt động tình báo của ta ở khoảng giữa Việt Trì và Lục Nam khẳng định Việt Minh rất chú ý tới khu vực này, các khoa mục luyện tập của Việt Minh đều nhằm vào việc tiến công các cứ điểm phòng ngự kiên cố và các đô thị, đã giúp ta khẳng định hình thức hoạt động sắp tới của Việt Minh.

Sư đoàn pháo 351 được tăng cường thêm một trung đoàn súng cối loại nặng, cũng đang tiến hành luyện tập tương tự.

Sư đoàn 316 đã bắt đầu xuất phát về hướng thượng du...”

Bản đồ các vị trí đính kèm báo cáo của Guibault cho biết, tiểu đoàn đầu tiên của trung đoàn 176 thuộc sư đoàn 316 đang trên đường mòn sông Mã đến ngang Sơn La. Từ đó, đơn vị này có thể chỉ trong vài ngày sẽ tới hoặc là Tuần Giáo để trợ lực cho trung đoàn 318 đánh Lai Châu hoặc là Điện Biên Phủ để từ đó tiến đánh Luang Prabang. Các tiểu đoàn đầy đủ của trung đoàn 98 thuộc sư đoàn 316 cũng đã có mặt tại Mộc Châu và Sầm Nưa.

Trong phòng làm việc nhỏ bé có máy điều hoà không khí tại Sài Gòn, tướng Navarre ngồi hàng giờ nghiên cứu để có quyết định chín chắn. Hiện nay, ông đã có tất cả dữ liệu trong tay.

Nhờ sự thành công của chiến dịch Mouette, Tư lệnh Bắc kỳ là tướng Cogny đã có được một sự trì hoãn tạm thời ở đồng bằng. Hiện nay quan tâm trước mắt của ông là sự đe dọa của địch đang đè nặng Lai Châu. Bên cạnh Cogny là đại tá Reiner lúc đó là quan cai trị đứng đầu xứ Thái. Hai người cùng cao lớn như nhau, cùng có những quan hệ ràng buộc lẫn nhau, lập trường của Reiner rất rõ ràng, không thể cho phép để mất xứ Thái của Đèo Văn Long được. Ông giải thích cho tướng Cogny rõ tầm quan trọng chính trị của khu vực này. Về phần mình, tướng Cogny cũng lo ngại nếu cho di tản vị trí cuối cùng của Pháp ở Tây Bắc là Lai Châu sẽ bỏ rơi luôn các đội biệt kích đang hoạt động trong vùng thượng du. Lúc đó Việt Minh sẽ được tự do tập trung lực lượng tiến đánh đồng bằng, chỉ còn một giải pháp duy nhất là chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Đây không phải là giải pháp mà Cogny quyết định một cách thoải mái vui vẻ trong lòng. Bởi vì đại tá Bastiani là tham mưu trưởng của Cogny vẫn nhắc ông những điều đã biết từ lâu. Đó là thung lũng Điện Biên Phủ cách xa các căn cứ hậu cần.

Nếu tướng Giáp quyết định tiến đánh thì sẽ phải rút nhiều tiểu đoàn mạnh từ đồng bằng lên cứu ứng cho Điện Biên Phủ. Nhưng ông cũng nghĩ những tiểu đoàn này chỉ mất một giờ mười lăm phút để bay từ Hà Nội lên đây, trong khi các tiểu đoàn Việt Minh xuất phát từ các căn cứ hậu phương phải mất ba

mười năm ngày mới tới được Điện Biên Phủ.

Quan điểm của các tướng lĩnh ở Lào có khác với Bộ chỉ huy Bắc kỳ, nhưng cũng đều đi tới cùng một kết luận, chỉ khác nhau ở sự chọn lọc kết luận đó.

Từ nhiều tuần nay, đại tá Crèvecour đã được cử làm Tư lệnh chiến trường Lào thay tướng Gardet mới đảm nhiệm chức vụ này trong một thời gian ngắn.

Tướng Gardet đã không thể ngủ yên ở Viêng Chăn. Lào là một nước theo đạo Phật một cách sùng kính và chính thống, dạy các tín đồ không được giết hại bất cứ một sinh vật nào. Số sư sãi tại kinh đô Lào có tới bốn vạn người. Ban ngày các vị sư cầm rỏ đi đến từng nhà khát thực, được nhân dân cung cấp thức ăn. Ban đêm, đến lượt lũ chó cũng đi từ cánh cổng này đến cánh cổng khác kiếm thức ăn thừa trong đồng rác. Suốt đêm này sang đêm khác đàn chó lang thang trên các đường phố bản thiu, sủa cắn, đánh nhau, giao cấu với nhau và nhai ngấu nghiến những gì có thể ăn được.

Những tiếng động này phá vỡ giấc ngủ của tướng Gardet, Tư lệnh quân sự ở Lào. Ông quyết định mở một chiến dịch chống lại tiếng động bằng cách gửi công văn tới các chủ chó, dặn phải xích chó cẩn thận trước khi trời tối. Nhưng chó ở Viêng Chăn không có chủ và nếu có thì những người nuôi chó cũng không quan tâm tới đàn chó của mình. Lũ chó vẫn tiếp tục trò huyên náo. Thế là tướng Gardet nổi cáu. Sau một đêm thức trắng mất ngủ, ông quyết định tiêu diệt lũ chó. Nhằm mục đích này ông thành lập những nhóm biệt kích, mỗi nhóm ba người. Nhóm trưởng được trang bị một dây thòng lọng buộc vào đầu một cây sào dài để thít chặt cổ chó mà không sợ bị chó cắn. Một y tá đi theo sẽ tiêm thuốc Strychnine để giảm bớt nỗi đau đớn cho con vật bị thắt cổ. Một xe cứu thương hoặc xe tải loại nhỏ được dùng để chở xác chó.

Ngay đêm đầu tiên phát động chiến dịch, tướng Gardet đích thân kiểm tra kết quả. Ông hỏi người chỉ huy nhóm đầu tiên:

- Được bao nhiêu?
- Báo cáo thiếu tướng, được 3.



- Chưa đủ. Phải diệt nhiều hơn nữa.

Nhóm thứ hai báo cáo:

- Thừa tướng quân, bốn chết một bị thương.

- Thế là tốt. Nhưng sao không diệt nốt con bị thương?

- Báo cáo tá bị nó cắn!

Câu chuyện này, Thủ tướng Lào Xuvanna Phuma đã kể lại với tướng Navarre một cách nghiêm chỉnh, không cười. Tướng Gardet bị gọi về Sài Gòn ngay giữa nhiệm kỳ đầu tiên. Đại tá Crèvecour được cử thay thế. Vị đại tá chỉ huy lực lượng bộ binh với gương mặt thông minh, nhân hậu của một nhà truyền đạo. Từ năm 1949 ông đã chỉ huy một cánh quân giải phóng nước Lào. Ông biết rõ đất nước này và không cần phải suy nghĩ lâu cũng hiểu rằng chỉ có duy nhất vị trí Điện Biên Phủ mới có thể bảo vệ được kinh đô vương quốc.

Chiều ngày 9 tháng 11, tướng Navarre và đại tá Crèvecour thảo luận rất lâu với nhau.

Về mặt địa lý thung lũng lòng chảo Điện Biên Phủ thuộc lãnh thổ Bắc kỳ và quân Việt Minh cũng ở Bắc kỳ. Việc đánh chiếm và bảo vệ Điện Biên Phủ chỉ có thể được tiến hành từ Hà Nội. Nhưng, Điện Biên Phủ lại che chở cho toàn bộ Bắc Lào. Nếu chiếm được Điện Biên Phủ như Crèvecour hy vọng, thì ông sẽ thoát khỏi thế phòng ngự bị động để giữ Thượng Lào.

Crèvecour cũng đề nghị thành lập một căn cứ không quân ở Mường Sài. Vị trí này không được tốt và còn rất xấu so với Điện Biên Phủ, nhưng vẫn có thể dùng cho loại máy bay đưa vài tiểu đoàn trang bị nhẹ nhảy dù xuống Mường Khoa và có thể tới cả Sốp Nạo cách Điện Biên Phủ hai ngày đi bộ.

Crèvecour giao toàn bộ kế hoạch này cho thiếu tá Vaudrey. Đây là một sĩ quan tầm vóc nhỏ bé mà tướng Navarre đã có lần gặp tại Nà Sản. Ông đi bộ không biết mệt, hiểu rõ địa hình rừng rú và dân địa phương.

Tiếp theo những buổi họp bàn công việc là những cuộc hội ý chớp nhoáng. Mọi ý kiến đều có vẻ hướng về việc chiếm đóng Điện Biên Phủ. Cũng có những ý kiến nghi ngờ, dè dặt nếu không thì quyết định này đã chẳng vấp

phải một khó khăn nào. Các sĩ quan tham mưu là những người được trả lương để phân tích các thuận lợi và hậu quả.

Dù có những thuận lợi về mặt chính trị để bảo vệ xứ Thái nhưng đối với tướng Cogny, việc chiếm đóng Điện Biên Phủ chỉ cốt để bảo vệ Lào về mặt quân sự. Nếu không có mệnh lệnh phản bác, việc đánh chiếm Điện Biên Phủ để bảo vệ các đường biên giới của Lào sẽ được ghi trong nhiệm vụ của Tổng tư lệnh. Mệnh phản bác này, dù đã có người nói ra, nhưng vẫn không bao giờ ban hành, bất kể dưới hình thức gì. Ngược lại, hiệp định ngày 12 tháng 10 ký với vương quốc Luang Prabang đã khẳng định nhiệm vụ chính trị của tướng Navarre là một nhà quân sự, đối với Lào.

Ngày 14 tháng 11, sau khi ký các thoả thuận Pháp - Lào, Quốc vương Lào đáp máy bay từ Paris đến Sài Gòn. Lào là nước độc lập đầu tiên ra nhập khối liên hiệp Pháp. Cho tới lúc này, cũng mới chỉ có một mình Lào làm việc này. Hiệp ước Pháp - Lào mà Thủ tướng Paul Renaud coi như một văn bản kiểu mẫu, ghi rõ trong điều 2, định nghĩa khối Liên hiệp Pháp “là một cộng đồng trong đó tất cả các nước liên kết cùng chung nhiệm vụ huy động các phương tiện của mình để đảm bảo sự phòng thủ của toàn thể khối Liên hiệp”. Điều 4 trong phần hai, cho phép Pháp “được quyền tự do vận chuyển và đóng trên lãnh thổ Lào mọi lực lượng cần thiết dùng vào việc bảo vệ các đường biên giới bên ngoài nước Lào cũng như để phòng thủ chung toàn khối Liên hiệp Pháp”.

Đối với tướng Navarre, kết quả đã rõ ràng.

Hiệp ước này là sự trả lời của Chính phủ trong bản tuyên bố hồi tháng 7. Và nếu còn có một điều nghi ngờ gì thì đây là lúc bày tỏ trực tiếp với giới cầm quyền chính trị. Quốc vụ khanh phụ trách các quan hệ với các nước liên kết lên đường đi sang Đông Dương đến Tân Sơn Nhất hồi 9 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11. Hôm đó là ngày chủ nhật. Tất cả mọi người ăn trưa ở dinh Norodom, tại bàn ăn của Tông cao uỷ.

Đây là bữa ăn đón tiếp chính thức, bầu không khí không đến nỗi buồn tẻ quá. Ngài Bộ trưởng Marc Jacquet hãy còn trẻ. Dưới lớp mỡ béo của nhà tư sản,

vẫn ẩn náu một thân hình có bắp thịt vững chắc, lộ rõ vẻ một người có bầu máu nóng. Không ai là người không biết ông đã từng nổi tiếng trong thời kỳ kháng chiến chống phát xít Đức chiếm đóng. Nếu tôi không nhầm thì ông là người được giới quân sự coi trọng. Dưới dáng vẻ tròn trĩnh hơi tẻ nhạt của một nhà chính trị bị ràng buộc vào những cam kết. Ông vẫn tiềm tàng một lương tri vững chắc và một tinh thần can đảm thật sự.

Tấn bi kịch bắt đầu bùng nổ lúc 17 giờ. Đó là giờ mọi người thường tắm mát dưới vối hoa sen trước khi ăn bữa tối.

Tại Sài Gòn đó cũng là giờ tới tập nhận được những điện báo tình hình chiến sự. Tôi đang ngồi trong phòng làm việc thì chợt nhìn thấy ngài Bộ trưởng bước vào mà không báo trước. Ông có vẻ bị kích động. Trán ông đỏ rục không phải vì tiết trời nóng hoặc vì da dày đang làm việc tiêu hoá thức ăn. Vừa bước qua ngưỡng cửa, ông đã đòi gặp ngay thẳng Navarre. Tôi không được chứng kiến lúc mở đầu cuộc nói chuyện giữa tướng Navarre với Bộ trưởng Jacquet, và tôi đã tự suy nghĩ về những lý do dẫn đến cuộc hội ngộ bất ngờ này.

Tất cả những giới chính thức và không chính thức ở Sài Gòn cũng muốn tìm hiểu về sự kiện này.

Chuông điện thoại đổ hồi liên tục như không chấm dứt. Các thư ký văn phòng của Bộ trưởng cũng như các sĩ quan tùy tùng của tướng Navarre mà tôi quen thân đều gọi điện cho tôi, hỏi chuyện với tư cách bạn bè:

- Này! Bộ trưởng đang gặp thủ trưởng của anh đấy à?

Yves Rocolle phóng thật nhanh tới gặp tôi với tốc độ gần như lúc anh nhảy dù khi chiếc máy bay Junker của anh bị bốc cháy trên vùng trời Cao Bằng hồi trước.

Anh được điều động về làm việc tại văn phòng Tổng tư lệnh ngay sau khi tướng Navarre tới Đông Dương và giữa lúc anh đang là một đại úy chỉ huy tiểu đoàn dù xung kích số 1. Đây là một con người gân guốc tầm vóc trung bình, có gương mặt tinh tế khô khan của một giáo sư cận thị. Giữa chúng tôi không cần phải che đậy gì cả. Anh đến đây để moi tin tức. Với vẻ mặt mỗi

Rocolle người phịch xuống chiếc ghế bành cũ kỹ, rót luôn một cốc Cognac-soda ướp lạnh để uống như một người có quyền thế ở đây, rồi nói to như để giảng giải:

- Giả thuyết thứ nhất: Chính phủ lại vừa đổ. Nhưng nếu như vậy thì chúng ta phải biết tin trước Bộ trưởng chứ? Giả thuyết thứ hai: Trung Quốc tuyên chiến với Pháp. Điều này không thể nào xảy ra được, bởi vì Mao rất thông minh, biết tiến hành chiến tranh bằng cách tuyên bố hoà bình. Giả thuyết thứ ba: Hồ Chí Minh đề nghị hoà bình. Nhưng ông ta đã nói đến hoà bình từ hai năm nay rồi. Giả thuyết thứ tư: Mỹ can thiệp. Vấn đề là Mỹ phải hiểu rõ quyết định của họ.

Tiếng chuông điện thoại nội bộ cắt đứt lời độc thoại của Rocolle. Tướng Navarre gọi tôi. Tôi lập tức chạy vào phòng làm việc của ông.

Ngay phút đầu tiên, tôi đã thất vọng. Không khí trong phòng không có vẻ căng thẳng. Nụ cười lạnh lẽo của tướng Navarre có vẻ như đã làm tắt ngóm sự kích động của Bộ trưởng. Nghe lỏm từng mẩu đối thoại, tôi dần hiểu lý do dẫn đến sự bức tức của ngài Jacquet và của cái hội đồng chiến tranh này.

Số là vào cuối buổi chiều, ngài Bộ trưởng Jacquet đang ngồi tại phòng khách trong dinh Norodom ngỏ ý muốn về phòng nghỉ để thư giãn đôi chút trước bữa ăn tối. Một sĩ quan tùy tùng đã dẫn Bộ trưởng đi theo những lối đi hẹp tới “nhà khách” ở cuối khu vườn. Đó là một biệt thự bình thường vẫn dành để các vị khách mời cấp cai trị đầu ngành hoặc sĩ quan cấp cao dùng làm nhà nghỉ. Cung cách đối xử như vậy với vị đại diện Chính phủ đã làm cho ngài Bộ trưởng nổi máu hiếu chiến. Ngay lập tức, ngài đòi được ở dinh Tổng tư lệnh.

Trong biệt thự của tướng Navarre chỉ có một phòng ngủ vẫn dành riêng cho Tổng tư lệnh khi ông tới Hà Nội. Nhưng căn phòng này, nóng tới tận, các thiết bị hậu cần, vệ sinh hoạt động kém.

Dù sao, cơn nóng giận của ngài Bộ trưởng cũng giảm bớt, ông đã chấp nhận gian phòng khiêm tốn này. Tối hôm đó ông nói chuyện rất lâu với tướng Navarre tình hình Paris, ở ngay trong phòng làm việc của Tổng tư lệnh. Ông

cho biết những lập trường khác nhau của các thành viên Chính phủ về vấn đề Đông Dương và thái độ hoàn toàn khó hiểu của Thủ tướng. Ông đoán trước sẽ lại thay đổi Chính phủ. Ông nói:

- Thủ tướng ngu xuẩn này không đứng lâu được đâu. Nay mai Mendes France sẽ làm Thủ tướng. Tôi đã biết tin sẽ tham gia Chính phủ mới của ê-kíp này Tất nhiên, tướng quân sẽ được sự ủng hộ hoàn toàn của tôi.

Nhưng mãi đến hôm sau tướng Navarre mới đặt vấn đề bảo vệ Lào một cách rõ ràng. Chiều hôm đó, cả Bộ trưởng và Tổng Cao uỷ đều tham dự buổi trình bày về tình hình đầy đủ ở Lào, do tướng Navarre thuyết trình.

Trước khi bước vào cuộc họp, Tổng tư lệnh tới gặp hai vị nói trên trong phòng làm việc của Tổng Cao uỷ đặt tại dinh Norodom. Tướng Navarre nói:

- Bây giờ xin giới thiệu với các ngài tình hình khu vực Tây Bắc. Để cản phá kế hoạch tiến công của Việt Minh, tôi nghĩ ta cần phải chiếm đóng thung lũng lòng chảo Điện Biên Phủ. Cuộc hành quân chiếm đóng này đòi hỏi về phía chúng ta một nỗ lực và tất nhiên cũng có nhiều rủi ro, chỉ nhằm một mục đích là để bảo vệ Lào. Xin các ngài cho biết ý kiến.

Sau một hồi im lặng, Tổng Cao uỷ Dejean là người đầu tiên phát biểu ý kiến:

- Ô! Thưa tướng quân! Không thể nghĩ khác được!

Bộ trưởng Jacquet ngậm cán tẩu. Ông uốn lưỡi bảy lần trong miệng rồi mới trả lời. Thật tình dù có nói bóng gió thì Bộ trưởng Jacquet vẫn thuộc phe chủ trương đàm phán với Việt Minh. Ông không tin rằng nước Pháp có thể được “thay thế” bằng nước Việt nam của Bảo Đại. Nhưng chắc chắn ông cũng không phải là người muốn “thả môi” bằng bất cứ giá nào. Ông đã nghe Navarre và Dejean nói và bây giờ là lúc ông phát biểu trong khi vẫn nghĩ đến chuyện thương lượng với Việt Minh.

- Nếu ta để cho Việt Minh chiếm Luang Prabang, đóng quân ở lưu vực sông Mê Kông và dàn quân trên tuyến biên giới tiếp giáp Thái Lan thì chiến tranh sẽ thất bại, khối liên hiệp Pháp cũng mất nốt.

Buổi tối hôm đó trên đất Đông Dương, rõ ràng mọi người đều khẳng định có cơ sở là phải bảo vệ Lào.

Khoảng 16 giờ ngày hôm sau tại Hà Nội có cuộc họp toàn ban tham mưu. Tới dự, ngồi quay quần chung quanh Tổng tư lệnh Navarre và Tư lệnh chiến trường Bắc bộ Cogny, có tướng Masson, phó của Cogny, tướng Gilles, tướng Deschaux, Tư lệnh không quân chiến trường Bắc bộ, các đại tá Berteil và Revol. Khi Navarre và Cogny bước vào phòng họp thì mọi người đã nhất trí trên nguyên tắc là phải chiếm đóng Điện Biên Phủ. Đại tá Bastiani là tham mưu trưởng có đưa trình Cogny một số phiếu thăm dò, bày tỏ sự phản đối, nhưng Cogny không chú ý tới, coi là chuyện thường tình, không có gì mới. Kế hoạch tác chiến được mang tên mật là Castor. Theo tin tình báo, trong thung lũng chỉ có một tiểu đoàn bộ đội địa phương của Việt Minh. Hai tiểu đoàn dù của Pháp tiến công đồng loạt bất ngờ, có thể giành được thắng lợi. Nhưng cũng phải tính đến trung đoàn chủ lực 148 đóng cách đó khoảng hai ngày đường. Ngoài ra, còn có sư đoàn 316 của Việt Minh đang tiến từng chặng lên vùng Tây Bắc, đơn vị đi đầu đã tới Sơn La. Như vậy chỉ còn vài ngày nữa sư đoàn này sẽ tới Tuần Giáo hoặc Điện Biên Phủ. Nếu lúc đó mới nhảy dù thì quá chậm. Do đó, phải tiến công ngay trong ngày mai, hoặc là không bao giờ có thể tiến đánh được nữa.

Những người dự họp lần lượt phát biểu ý kiến. Tướng không quân Deschaux bày tỏ lo ngại về những điều kiện đặt ra. Đợt nhảy dù thứ nhất có thể thả đồng loạt hai tiểu đoàn xuống hai khu vực chiến đấu. Nhưng phải vài giờ sau mới thả dù được tiểu đoàn thứ ba.

Tướng Gilles đề cập vấn đề bất lợi nhất. Đó là nếu Việt Minh có ba tiểu đoàn trong thung lũng thì đợt nhảy dù thứ nhất sẽ gặp khó khăn.

Berteil nói:

- Nhưng hiện nay thì ta biết chắc chắn là mới chỉ có một tiểu đoàn 910 bộ binh của bộ đội địa phương Việt Minh có mặt trong thung lũng. Còn các tiểu đoàn của sư đoàn 316 thì không thể nào có mặt tại Điện Biên Phủ trước ngày 23 tháng 11 được.

Cuối cùng là phát biểu của tướng Masson, phó của Cogny:

- Thưa Đại tướng, nếu ngài quyết định mở cuộc tiến công bất chấp mọi rủi

ro, thì tôi xin trân trọng báo cáo trước với ngài là quân dù của chúng ta sẽ phải gánh chịu tổn thất khoảng từ 50 đến 100% số quân tham chiến.

Một sự im lặng nặng nề đè trĩu mọi người trước nhận định độc đáo của tướng Masson mà sau đó mới được biết là quá cường điệu.

Suốt cuộc họp, tướng Navarre im lặng nghe mọi người phát biểu. Cuối cùng ông mới ngoảnh về phía tướng Cogne, ra hiệu không có gì cần bàn thêm nữa và kết luận:

- Tôi đã nghe từng người phát biểu ý kiến. Tôi quyết định, nếu thời tiết thuận lợi thì kế hoạch Castor sẽ tiến hành vào ngày 20 tháng 11. Nếu ngày đó không thực hiện được thì sẽ tiến hành vào một hôm khác, trước ngày 24. Tướng Gilles chỉ huy cuộc hành quân.

Ngày 20 tháng 11 năm 1953, đợt nhảy dù thứ nhất được tiến hành từ 10 giờ 30 đến 10 giờ 35 phút. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6e BPC) do thiếu tá Bigeard chỉ huy nhảy xuống bãi Natacha phía Tây Bắc làng Điện Biên, rơi đúng vào một đại đội Việt Minh. Cùng trong lúc đó tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn dù số 1 do thiếu tá Bréchignac chỉ huy nhảy xuống bãi Simone ở phía Nam làng Điện Biên và phía Bắc sông Nậm Rốm. Vừa đặt chân xuống đất, Bréchignac đã rút trong xà cọt ra một tấm bản đồ, so sánh với thực tế, rồi chửi tục:

- Mẹ kiếp! Tụi phi công làm mình rơi cách địa điểm ấn định hai kilômét về phía Nam!

Cùng trong lúc đó vang lên tiếng súng nổ từ bãi Natacha vọng lại, nghe rõ tiếng trung liên Tiệp Khắc của Việt Minh.

Bréchignac gọi vào máy bộ đàm, bắt liên lạc với tiểu đoàn dù thuộc địa số 6. Có tiếng Bigeard trả lời:

- Ô kê! Mọi việc đều tốt. Tụi tôi có thể giải quyết được hết.

Đối với Bigeard một cuộc tiến công không thể chia phần, nhất là lại đang tiến triển tốt.

Tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn dù thuộc địa số 1 mang dáng dấp của người chỉ huy. Đó là một sĩ quan béo lùn hơi nặng nề hơi chậm chạp, ít nói nhưng

cặp mắt và cử chỉ thể hiện một sự linh hoạt có những phản ứng đáng gờm. Không thay đổi nhịp điệu, tiểu đoàn này chuyển từ thế tiếp cận thận trọng sang tiến công dữ dội.

Qua máy bộ đàm, thường phải nghe lệnh bằng tai và thực hiện bằng óc, Bréchnac không nói những câu vô nghĩa và không chỉ nói mà còn nghe nữa. Các chỉ huy đại đội cũng giống như chỉ huy tiểu đoàn Bréchnac. Đó là các đại đội trưởng Clédic, Charles, Periou, Minaud. Nhìn chung, họ đều có những cái miệng rắn như tạc vào đá và không bao giờ tin tưởng vào những sự may mắn kỳ diệu.

Vừa nhảy dù xuống đất họ đã tập hợp cẩn thận, không vội vã trong khi những tiếng động của cuộc chiến đấu do đơn vị bạn là tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 từ xa đang vọng lại. Họ từ từ lựa chọn một vị trí thích hợp để trú quân qua đêm.

Một quả đồi phía trước bản làng, có con đường đi ngoằn ngoèo như một sợi dây từ sườn đồi lên tới đỉnh sát một ngôi nhà nhỏ đổ nát. Họ đã leo lên đó, đào công sự, mà không hiểu rằng đây là những nhát cuộc đầu tiên để sau này xây dựng cứ điểm phòng ngự mang tên Eliane 2 (tức đồi A1).

Trong ngày hôm đó, Pháp bị chết 14 lính dù, trong đó có đại úy, bác sĩ quân y Raymond là người thực hiện cứ nhảy dù đầu tiên.

Buổi chiều 20 tháng 11, đến lượt tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 nhảy xuống Điện Biên Phủ. Ngày hôm sau lại có thêm ba tiểu đoàn nữa là tiểu đoàn dù thuộc địa số 8, tiểu đoàn dù lê dương số 1, tiểu đoàn dù số 5 của quân đội Bảo Đại, còn gọi là lính Bảo an. Tất cả tập trung thành binh đoàn đổ bộ đường không số 2 do Langlais chỉ huy. Trong ba ngày 5.100 lính dù và 240 tấn thiết bị đã được thả xuống Điện Biên Phủ.

Ngày 23-11-1953, tướng Gilles nắm trong tay 6 tiểu đoàn dù, 1 đại đội công binh, 2 cỗ pháo 75 không giật thuộc trung đoàn pháo binh dù loại nhẹ và một đại đội súng cối loại nặng. Tiểu đoàn dù lê dương số 1 đào công sự phòng ngự trên quả đồi mang tên Anne Marie gần Bản Kéo. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 và tiểu đoàn dù Bảo an số 5 đóng ở các cao điểm phía Đông mang tên



Eliane và Dominique.

Trong những ngày tiếp theo các máy bay vận tải quân sự và dân dụng liên tiếp thả các thiết bị.

Những thùng đạn được buộc vào dù màu đỏ. Hai chiếc xe ủi đất được buộc vào một chùm nhiều dù màu sắc rực rỡ.

Ngày 25 hoàn thành đường băng cho máy bay Dakota hạ cánh. Cuộc hành quân Castor đã kết thúc thắng lợi, tạo được tiếng vang lớn lan khắp Đông Dương nước Pháp và thế giới.

Ngay từ chiều 21 tháng 11 tức là lúc tướng Gilles mới đặt chân tới Điện Biên Phủ để nắm trong tay sáu tiểu đoàn quân và vài ngày lương thực, tại Hà Nội tướng Cogny đã tổ chức cuộc họp báo, vui mừng hơn hờ tuyên bố rít rít:

- Ngay từ khi mới nhậm chức, nếu có thể chuyển ngay Nà Sản về Điện Biên Phủ thì tôi cũng làm.

Bodard lập tức điện ngay về toà soạn báo Nước Pháp buổi chiều lời tuyên bố vừa nghe được.

Navarre có vẻ sùng sốt khi thấy tin tức về Điện Biên Phủ được chạy những dòng rất to ngay trên trang nhất các báo xuất bản ở Pháp. Từ sáng 20, giữa lúc đang tiến hành cuộc nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ tướng Navarre đã vào Sài Gòn tiếp chuẩn đô đốc Cabanier rồi ngày hôm sau lại đi Phnôm Pênh dự lễ hội té nước. Ông đã không gặp một nhà báo nào và có vẻ hơi bực bội trước những lời ca ngợi. Tuy nhiên, ông không giảm nhẹ tầm quan trọng của việc đánh chiếm Điện Biên Phủ.

Trong bản báo cáo chiều ngày 25 tháng 11 đệ trình chính phủ và Ban tham mưu, Navarre viết: “Tầm quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự lớn đến mức do cuộc hành quân đánh chiếm Điện Biên Phủ hoàn thành thắng lợi, ta đã cắt đứt được tất cả những thuận lợi của địch trong chiến dịch 1952-1953. Vì vậy, cần dự kiến địch sẽ giành lại bằng vũ lực”. Tướng Navarre muốn sự kiện đánh chiếm Điện Biên Phủ không ra khỏi khuôn khổ mục đích: đây là một hoạt động quân sự nằm trong kế hoạch chung, với mục đích nhằm trải qua những tháng mùa khô không gặp điều gì xấu lắm.

Đó là tâm trạng tướng Navarre lúc 17 giờ 35, khi chuẩn đô đốc Cabanier bước vào phòng làm việc của Tổng tư lệnh. Thời kỳ này, chuẩn đô đốc đang giữ chức Phó Tổng thư ký Hội đồng Quốc phòng. Ông tới Đông Dương trên cương vị này. Đô đốc rút trong cặp ra một bản sao quyết định của Hội đồng Quốc phòng trong phiên họp ngày 13 tháng 11 tại điện Elysée, trả lời các đề nghị tăng viện cho Đông Dương do tướng Navarre ghi trong bản kế hoạch chiến lược. Nội dung quyết định là:

- Không chấp nhận các đề nghị do tướng Navarre đệ trình chính phủ ngày 11 tháng 9 năm 1953.

Ngày 3 tháng 11, tướng Navarre đã gửi tướng Ely một bức thư dài với tư cách cá nhân, trong đó có đoạn viết:

“Trong tình huống này, chính là lúc Chính phủ phải quyết định có nên hy sinh lợi ích của NATO để phục vụ cho lợi ích Đông Dương hay không. Về phần tôi, tôi khẳng định là nên. Tôi cũng nghĩ trong khoảng thời hạn hai năm ở Đông Dương, không phải ta sẽ có thể giành chiến thắng hoàn toàn, nhưng mà là cải thiện tình thế quân sự nhằm thúc đẩy đàm phán với những điều kiện rất có lợi cho ta. Nhưng chỉ có thể làm được điều đó với điều kiện có các phương tiện cần thiết”.

Đô đốc Cabanier có nhiệm vụ giải thích cho Tổng tư lệnh Navarre rõ những lý do từ chối của chính phủ. Những vì cũng là một quân nhân nên đô đốc cũng tỏ ra tán thành những lập luận của Navarre.

Vì vậy, ông hy vọng có một sự thay đổi nào đó trong quyết định của chính phủ. Và lại, để giảm bớt sự chua chát trong câu trả lời “không”, Hội đồng Quốc phòng cũng đã thêm vào thư trả lời một ít đường trong câu “Ca ngợi Tổng tư lệnh Đông Dương vừa mới giành được những thắng lợi quân sự”, nhưng đồng thời cũng căn dặn Tổng tư lệnh phải “chỉnh lý, phối hợp các kế hoạch với những phương tiện đang có để làm cho đối phương hiểu rằng họ không thể giành được thắng lợi quân sự”.

Tất cả điều đó không mới.

Mục tiêu đạt được vẫn giống như kế hoạch Navarre mà chính phủ đã thông

qua hồi tháng 7 “chỉnh lý các kế hoạch cho ăn khớp với nhau” nếu không đơn giản là sự thận trọng thường nói ra miệng thì cũng chỉ tiến hành được những sửa đổi về chi tiết. Tướng Navarre không nghĩ rằng câu này có thể được coi như lời mời di tản khỏi Lào, vì lúc đó ông chẳng liên hệ gì tới tình hình Lào cả.

Câu chuyện giữa tướng Navarre và đô đốc Cabanier sa đà vào những vấn đề chung chung.

Cũng như Quốc vụ khanh Jacquet mấy hôm trước, lần này chuẩn đô đốc Cabanier cũng nói lại, các thành phần trong Chính phủ chia rẽ ý kiến như thế nào xoay quanh vấn đề thương lượng.

Một số người cho rằng thời cơ đàm phán đã tới sau khi ta vừa thu được những thắng lợi quân sự: cuộc tiến công của Việt Minh vào vùng đồng bằng đã bị hoãn lại, quân nhảy dù của Pháp đã chiếm được Điện Biên Phủ. Vậy ý kiến Tổng tư lệnh Đông Dương thế nào?

Tướng Navarre ít lạc quan hơn mọi người rất nhiều. Ông cho rằng sở dĩ cuộc nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ đạt kết quả, phần lớn là do tình hình tương đối yên tĩnh về cuối mùa mưa. Ngày mai chiến tranh mới thật sự bắt đầu. Ông nói:

- Đây mới là món khai vị. Ngày mai mới là bữa ăn chính thức. Việt Minh đang chuẩn bị mở cuộc tiến công theo nhiều hướng: trước hết là vùng đồng bằng rồi đến Bắc Lào, đó là chưa kể đến hai hướng phối hợp là Liên khu 4 và Liên khu 5, tại miền Trung lưu vực Mêkông và Tây Nguyên. Chúng ta mới chỉ làm chậm cuộc tiến công của Việt Minh nhưng chưa cắt được những mấu đầu của tiềm lực Việt Minh. Để buộc Việt Minh phải đàm phán không điều kiện, ta phải có thế mạnh. Có lẽ phải đến mùa xuân sang năm mới tạo được thế mạnh này với điều kiện là phải có ở đây những phương tiện cần thiết.

Câu chuyện lại quay trở về với vấn đề tăng viện. Đô đốc Cabanier chẳng có gì để cho, ngoài sự thông cảm với tướng Navarre.

Sáng hôm sau, đô đốc Cabanier lên máy bay.

Nhưng nếu ông nán lại Đông Dương thêm vài giờ nữa, có thể ông sẽ tin chắc là Hồ Chí Minh đã quyết định chơi con bài quân sự trước khi chấp nhận đàm phán.

Tướng Giáp đã lập tức có phản ứng ngay sau khi Pháp nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Trong những giờ đầu tiên khi quân Pháp vừa mới nhảy xuống Điện Biên Phủ, những tiểu đoàn thuộc sư đoàn 316 đã có mặt tại vùng thượng du, nhận được lệnh bao vây quân Pháp thật gần. Tiểu đoàn 888 thuộc trung đoàn 176 là đơn vị đầu tiên đến khu vực Điện Biên Phủ đang tiến hành càn quét những đội biệt kích của Pháp ở giữa Nà Sản và Sơn La. Sau sáu ngày hành quân cấp tốc, tiểu đoàn này đã tới những mỏm núi cao phía Đông Điện Biên Phủ. Đó là ngày chủ nhật 29 tháng 11, đúng giữa lúc Tổng tư lệnh Navarre đang gán huân chương khen thưởng tướng Gilles trước các tiểu đoàn dự lễ duyệt binh bên cạnh một bản ở Điện Biên Phủ. Các trung đoàn 174 và 98 tới Tuần Giáo vào thượng tuần tháng 12, toàn bộ sư đoàn 316 đều có mặt ở khu vực Điện Biên Phủ.

Ngày 24 tháng 12, các sư đoàn mạnh thuộc lực lượng cơ động tác chiến như: 308, 312, 351 được lệnh lên đường đi Điện Biên Phủ. Từ nhiều tháng trước, những sư đoàn này đóng quân trong khu vực giữa Phú Thọ và Thái Nguyên và đã chuẩn bị từ lâu để đánh đồng bằng nay lại được đưa lên vùng thượng du. Ngay trong buổi tối 24 tháng 12, sư đoàn 308 lập tức lên đường. Trước khi tới Điện Biên Phủ, sư đoàn phải vượt khoảng 600 kilômét đi bộ xuyên rừng trong đêm giá rét. Ba mươi đêm hành quân trong sương mù trắng đục bao phủ những thung lũng cao của xứ Thái, đượm với khói toả ra từ những cây củi ẩm ướt và mồ hôi trên da thịt.

Đằng sau sư đoàn bộ binh 308, là sư đoàn pháo binh 351 hành quân trên xe tải Molotova có kéo những khẩu pháo 105 Mỹ. Đến Yên Bái, sư đoàn vượt sông Hồng trên phà máy ban ngày được nguy trang kỹ. Những chiếc xe tải này chạy ban đêm bằng đèn găm, với tốc độ chẳng vượt quá người đi bộ nhiều lắm, bánh xe luôn vấp phải ổ gà trên đường vượt sông suối trên đá

ngầm, sa lầy trên đường trơn có những hố bom vừa mới san lấp vội vã. Những khúc ngoặt trên đèo đã được mở rộng cho xe kéo có lối vòng, nhưng khi lên đèo vẫn cứ phải đẩy bằng tay để trợ lực cho máy ô tô đã kiệt sức.

Cuối cùng, sư đoàn 312 rời khỏi nơi đóng quân sau khi hai trung đoàn của sư đoàn 304 từ Thanh Hoá đến thay thế.

Ngày thứ bảy, 28 tháng 11, Sở Tình báo quân sự tại Hà Nội đã có thể trình lên tướng Navarre bản sơ đồ lịch trình hành quân của lực lượng cơ động chủ lực Việt Minh đang tiến lên vùng Tây Bắc. Giữa trục đường hành quân được đánh dấu từng ngày với trục ghi tên các làng bản đối xứng, những chấm đỏ chỉ các đơn vị Việt Minh nhích dần theo đường kẻ màu đen hướng về địa danh Điện Biên Phủ.

Tình báo Pháp ước tính đến ngày 15 tháng 1 năm 1954, tướng Giáp đã có thể tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ với 30 tiểu đoàn quân chính quy, 24 khẩu pháo 105, 24 khẩu sơn pháo 75 mm, nhiều súng cối loại nặng pháo phòng không...

Tướng Navarre ngồi ở bàn giấy, lắng nghe thiếu tá trưởng ban 2 Levain trình bày. Tướng quân ngồi im lặng, hai ngón tay chống lên má phải. Gương mặt ông với mái tóc bạc hất ngược về phía sau có vẻ như rấn lại. Trong những giờ phút này, những người gần gũi tướng Navarre thường nói, ông “cụp tai lại” như con ngựa chiến đang chuẩn bị vượt qua một chướng ngại vật khó khăn.

Tướng Navarre rất sợ phải suy diễn trong trù tượng. Ông cho rằng, chưa chi đã đặt ra những giả thuyết là cung cách suy diễn của đàn bà. Với ông, là một vị tướng, ông thường phân tích rất kỹ từng khả năng của đối phương rồi mới đi tới quyết định. Đến hôm nay thì ông gần như tin chắc - nói “gần” là vì còn phải chờ các tin tình báo xác minh - Việt Minh không đánh đồng bằng, ít nhất cũng trong lúc này, mà có thể đã thay đổi kế hoạch.

Theo ông, đó là điều may mắn, như đã viết trong thư gửi Thống chế Juin ngày 14 tháng 12 năm 1953: “Đây là điều nhẹ nhõm đối với tôi vì nếu xảy ra chiến trận tại vùng châu thổ sông Hồng thì tôi không biết sẽ phải làm gì để

có thể chống lại 5 sư đoàn chủ lực Việt Minh, được yểm trợ bởi súng cối loại nặng 120mm, Bazooka 90, pháo 75 và 105 mm, phối hợp tác chiến với khoảng từ 75 đến 80.000 bộ đội địa phương và dân quân du kích các loại đã thâm nhập vào bên trong các tuyến phòng ngự của Pháp”.

Mọi người trong cơ quan Tổng hành dinh tiền phương đặt tại Hà Nội cũng đều thở phào nhẹ nhõm vì Việt Minh không đánh đồng bằng. Tuy nhiên, một câu hỏi lại được đặt ra: để tránh giao chiến với Việt Minh ở vùng đồng bằng vậy thì có nên tiếp nhận chiến đấu với Việt Minh ở Điện Biên Phủ hay là cố gắng tránh né trước nỗ lực của địch.

Vào thời điểm này, vẫn có thể rút quân khỏi Điện Biên Phủ: những nếu làm như vậy thì lại rơi vào vấn đề đã đặt ra từ trước đây, tức là bỏ ngỏ cho Việt Minh kinh đô của Lào để rồi sau đó năm hoặc sáu tháng nữa lại phải tiếp nhận chiến đấu ở vùng châu thổ. Giải pháp này cần phải loại trừ.

Như vậy là: Có thể đến cuối tháng 1 năm 1954 Việt Minh sẽ có khả năng tiến đánh Điện Biên Phủ. Cũng có nghĩa là Điện Biên Phủ sẽ là vật đem đánh đổi, để tránh cho Luang Prabang và cả vùng đồng bằng khỏi bị tiến công. Đó là điều tệ hại nhất. Còn điều may mắn là Điện Biên Phủ sẽ chống lại được cuộc tiến công của Việt Minh. Nếu Điện Biên Phủ cầm cự được trong vòng một tháng, hai tháng thì ngược lại Việt Minh có thể kéo dài cuộc tiến công được bao lâu?

Họ có 7.000 binh lính chiến đấu cách xa các căn cứ hậu phương 400 kilômét và cách các cửa khẩu Trung Quốc là nơi tiếp tế hậu cần khoảng từ 600 đến 700 kilômét. Hàng vạn tấn đạn dược lương thực phải chuyển vận bằng 500 xe tải trên con đường duy nhất là quốc lộ 41 đang bị hư hại vì máy bay thường xuyên bắn phá. Tướng Lauzin đã nghiên cứu kỹ vấn đề này. Ông đã tập trung đánh phá các trọng điểm và kiểm tra lại kết quả bằng ảnh chụp từ máy bay. Tất cả các cơ quan tham mưu các cấp cũng đều đặt câu hỏi: liệu Việt Minh có thể duy trì được sức chiến đấu ở Điện Biên Phủ được bao lâu?

Tại Tổng hành dinh đặt trong trại Desmarres ở Sài Gòn, đại tá Berteil, Cục phó Cục Tác chiến, làm việc suốt mười tám giờ mỗi ngày. Nóng nực và mệt

mới không có tác động gì với viên sĩ quan tốt nghiệp tham mưu có lý luận, khô khan và lạnh lùng. Ông là người đã có thâm niên chẵn năm mươi năm. Ông cũng là người duy nhất đã dự báo phản ứng của tướng Giáp khi quân dù đánh chiếm Điện Biên Phủ mặc dù trong thâm tâm, cũng không mong tướng Giáp mở cuộc tiến công. Trong đêm khuya đại tá Berteil vẫn ngồi một mình cặm cụi tính toán.

Đối với một tiểu đoàn bộ binh, mỗi ngày cần phải có 1.000 ki lô gạo tức 30 tấn mỗi tháng, tức 15 xe chuyên chở trong suốt 20 ngày... Vậy thì phải huy động tới 300 xe tải chuyên để lo ăn cho bộ đội tức là toàn bộ số xe mà Việt Minh có thể có được.

Ngoài lương thực, Việt Minh còn phải chuyển vận đạn dược, chất nổ, xăng dầu, thuốc men và tất cả mọi thứ cần dùng cho một đội quân chiến đấu.

Cũng phải tính đến những chuyện chậm trễ vì con đường độc đạo thường xuyên bị ném bom, phải chờ các vật liệu tới để sửa chữa nối liền những đoạn đường bị cắt phá. Vì vậy Việt Minh phải có ít nhất 2.000 xe tải để chở nhiều tấn lương thực các dụng cụ sửa đường, hàng ngàn mét khối xăng dầu, hàng ngàn tấn đạn dược...

Berteil đã tính toán một cách rất hợp lý. Vì vậy, ông đã tự khen và rất vui mừng khi thấy Tổng tư lệnh ký vào bản chỉ thị ngày 3 tháng 12, trong đó có câu: “Tôi quyết định chấp nhận chiến đấu với Việt Minh trên chiến trường Tây Bắc”.

Hai năm sau, khi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đổ sụp, trong bài trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp Jean Ferran đăng trên tờ Paris Match số 370, ngày 12 tháng 5 năm 1956, tướng Giáp cũng nói:

- Việc người Pháp chọn thung lũng Điện Biên Phủ là có suy nghĩ. Họ có cân nhắc kỹ mặt tốt, mặt xấu. Họ đã tính toán hợp lý: Điện Biên Phủ nằm rất xa các hậu cứ của quân đội Việt Minh, và cũng xa các hậu cứ của Pháp. Nhưng Pháp sẽ giải quyết vấn đề bằng không quân. Quân Việt không có máy bay. Họ không thể tự tiếp túc lương thực được. Tính toán như vậy là rất hợp lý. Nhưng...”

Trong buổi tướng Navarre đang ngồi tại Hà Nội nghe Cục Quân báo thuyết trình thì tướng Giáp đã tới Tuần Giáo từ lúc chưa rạng đông, cách sử chỉ huy tác chiến của tướng Gilles 70 kilômét.

Ngồi trên chiếc xe Jeep chiến lợi phẩm, ông đã vượt những đoạn đường lầy lội, lồi lõm của quốc lộ 41 trong suốt ba đêm. Các đoàn dài lính bộ binh thuộc các sư đoàn thiện chiến dạt sang hai bên đường, nhường chỗ cho xe của Tổng tư lệnh vượt qua. Trong xe, ông Giáp mặc bộ đồ chẳng khác gì người lái. Tướng Giáp cho dừng xe để kiểm tra công việc của các trung đoàn công binh đang mở lộng đường vòng. Đến Thuận Châu ông nghỉ suốt ngày trong nếp nhà tranh của người Thái, chờ đến đêm sẽ đi một mạch vượt đoàn đèo dài 50 kilômét lượn giữa đám cỏ tranh đung đưa theo chiều gió.

Đây là đoạn đường nguy hiểm nhất vì hoàn toàn không có cây che phủ, không có chỗ nào để giấu xe hoặc nguy trang, và các máy bay Pháp thường tới ném bom ngay từ sáng sớm. Tướng Giáp xuống xe, dùng bàn chân nấn những hố bom đã được lấp đất.

Trên từng cây số ông đã đánh giá những khó khăn trên con đường và những kết quả công tác để giữ cho con đường được lành lặn..

Đến Sử chỉ huy tác chiến đặt trong một khu rừng rậm, tướng Giáp nghe cán bộ quân báo nói về tình hình địch tại Điện Biên Phủ. Trong thung lũng lòng chảo quân Pháp đã làm một đường băng cất cánh, hạ cánh cho máy bay, tăng thêm quân, pháo, chiếm đóng các điểm cao phía đông bờ sông đào các chiến hào, quây các lớp rào kẽm gai quanh các cứ điểm...

Phải tính kỹ cái giá phải trả cho việc tiến đánh Điện Biên Phủ. Đến cuối tháng 1, cần phải đưa tới đây hơn 5.000 tấn gạo cho bộ đội, 25.000 đạn pháo 105, 1.000 tấn xăng, hàng triệu đạn súng trường và súng máy. Ngoài ra, còn cần phải huy động hàng ngàn người để sửa chữa khoảng từ 250 đến 300 kilômét đường bị phá hoại.

Ngày 6 tháng 12, tướng Giáp ra lời kêu gọi vượt qua mọi khó khăn trở ngại, tích cực sửa đường, ngoan cường chiến đấu, chiến thắng đói rét, xóc tới Điện Biên Phủ, tiêu diệt địch, giải phóng đồng bào Tây Bắc...”



Lệnh động viên của Tổng chỉ huy được các chính trị viên truyền đạt tới chiến sĩ, các cán bộ chính trị truyền tới nhân dân, đài Tiếng nói Việt nam đọc lại từng câu trong nhiều ngày.

Từ các bản làng, từng đoàn dân công lặn lội bí mật lên đường dọc theo quốc lộ 41 dài 600 kilômét từ nơi xuất phát. Họ lập lán trại ngay gần những trọng điểm thường bị ném bom. Khi lặn mặt trời họ được cán bộ dẫn đến những nơi đã bị máy bay phá hoại trong ngày. Mang theo những chiếc rổ nhỏ bé, những cuộc xẻng, họ lấp các hố bom dưới ánh sáng của những ngọn đuốc. Không gì có thể cản trở được sức lao động của họ: mệt mỏi, đói rét, bệnh tật và cả những quả bom nổ chậm hoặc những quả bom cạm bẫy gọi là “bom bướm” vừa chạm nhẹ vào đã phát nổ ngay lập tức.

Cũng không gì có thể ngăn nổi luồng gạo và đạn suốt đêm từ từ chảy ngược lên phía tập đoàn cứ điểm của đế quốc Pháp. Đêm nào cũng có tới hàng chục ngàn người đen kịt, đông như kiến, gồng gánh tiếp vận trên tuyến đường thiêng liêng. Đến khi trời sáng, máy bay Pháp bay lên chụp ảnh thì con đường đã vắng ngắt, phi công chỉ nhìn thấy rất rõ các đoạn bị bom phá hoại đã được sửa chữa xong.

“Điện Biên Phủ. Đó là một sự tính toán hợp lý”. Tướng Giáp đã nói với nhà báo Pháp Jean Ferran như vậy. Nhưng ông còn nói thêm: “Sự tính toán hợp lý vẫn chưa phải đã có giá trị. Chính nhân dân mới là người tìm ra giải pháp cho vấn đề hậu cần”. Đúng vậy.

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 5**

Điểm “không- trở-về”

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, đại tá De Castries được tướng Cogny cử làm Tư lệnh Binh đoàn tác chiến Tây Bắc, gọi là GONO.

Tướng Gilles ra đi, cổ giầu giọt nước mắt trong con mắt chột. Ông không khóc vì buồn thương số phận tập đoàn cứ điểm mà ông phải rời bỏ. Không? Đúng vậy. Ông tin chắc và đã nói với tất cả mọi người là, nếu Việt Minh tiến đánh Điện Biên Phủ, họ sẽ thất bại đau hơn Nà Sản. Cha Gilles đi vì đau bệnh. Ông đã nhảy dù xuống Điện Biên Phủ trái với lời khuyên của thầy thuốc, và chỉ những người thân cận nhất mới biết rằng, ông đã từng trải qua hai hoặc ba cơn đau tim rất đáng lo ngại. Các bác sĩ đã đề nghị tướng Navarre chuyển ông về Pháp. Ông sẽ tới Sài Gòn để bàn giao công tác.

Ông cố kéo dài công việc để trì hoãn, nhưng cũng biết thời gian còn lại của ông tại Đông Dương đang tính từng ngày. Đôi lúc, ông cũng mủi lòng một chút vì đã để lại đây tất cả những người mà ông yêu mến. Ông để lại cho Castries những đơn vị xuất sắc, một tập đoàn cứ điểm được phòng ngự kiên cố một tập hồ sơ các huấn thị giúp Castries làm tròn nhiệm vụ.

Tính đến ngày 10 tháng 12, doanh trại Điện Biên Phủ đã có mười tiểu đoàn bộ binh và năm cỗ pháo 105. Sáu tiểu đoàn dù đã nhảy xuống chiếm đóng Điện Biên Phủ vẫn đang ở lại đây. Riêng binh đoàn đổ bộ đường không số 1 do Fourcade chỉ huy từ ngày 11 sẽ rút về chỉ còn binh đoàn 2 của Langlais.

Binh đoàn cơ động số 9 đã được đưa bằng máy bay tới miền Nam Việt nam, gồm hai tiểu đoàn thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13, gọi tắt là DBLE. Đây là bán lữ đoàn được ca ngợi, vốn là trung đoàn số 13 của các lực lượng nước

Pháp tự do, đã liên tiếp chiến thắng trên các chiến trường Bir Hakeim, Koenig, trong chiến tranh thế giới thứ hai, sau đó được đưa sang Việt nam. Trung tá Serigny chỉ huy đơn vị đã tử trận trên đường đi Đà Lạt lúc mới 35 tuổi. Bây giờ bán lữ đoàn lê dương số 13 được đặt dưới sự chỉ huy của trung tá Gaucher đã phục vụ trong đội quân lê dương suốt hai mươi năm nay, được ca ngợi là rất vững vàng. Ngay khi mới tới Điện Biên Phủ, Gaucher đã được Castries giao cho nhiệm vụ tổ chức các trận địa phòng ngự. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trong những giờ chiếm đóng đầu tiên tướng Gilles mới phác họa vài nét sơ lược nay được đại tá Castries vẽ rõ thành bản đồ. Thành trì này được hình thành trước tiên bởi sáu trung tâm đề kháng, mỗi trung tâm được mang tên một cô gái. Tại địa điểm Mường Thanh trải dài quanh làng bản cho đến tận bờ sông Nậm Rốm nay là vị trí của các sở chỉ huy, các cơ quan thông tin liên lạc, các cụm pháo: cơ sở hậu cần, kho tàng, sở chỉ huy không quân nhà chứa gái điếm và nơi đóng quân của ba tiểu đoàn lính dù cơ động ứng chiến. Toàn bộ tập đoàn cứ điểm gồm tất cả hệ thống rất hỗn độn này được gọi bằng cái tên rất chung chung là “trung tâm” hoặc GONO(1) hoặc Điện Biên Phủ.

Trung tâm đề kháng thực sự tập trung trong năm cứ điểm này bố trí thành một vành đai bảo vệ theo đường cánh cung vào khoảng một phần tư đường tròn, hướng về phía Tây Nam nơi có cánh đồng rộng lớn, rải rác trên cánh đồng là những làng bản.

Cụm cứ điểm mang tên Huguette bảo vệ sân bay hướng về mặt Tây và Bắc. Ở phía Đông dòng sông Nậm Rốm là một cụm cứ điểm phòng ngự, bố trí trên năm quả đồi mang tên Dominique và Eliane, che chở trung tâm tập đoàn cứ điểm.

Ở mặt Tây Bắc, cứ điểm Anne Marie được xây dựng trên một gò cao thoải thoải như cồn cát. Ở mặt Đông Nam, ngay sát đường 41 là vị trí của tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê dương 13, xây dựng trên ba mỏm đồi đã phát quang cây cối được coi là vị trí tiền tiêu chặn đường tiến công của địch. Trung tâm đề kháng này nằm trong tầm tay của Việt Minh, mang tên

Béatrice. Dưới chân Béatrice là một bản nhỏ bên dòng suối, gọi tên là bản Him Lam Địa danh này sau đó sẽ trở thành tên gọi chiến thắng đầu tiên của Việt Minh.

Trước khi ra đi, cha Gilles đã trao lại cho Castries tập hồ sơ các huấn thị của Hà Nội. Ngày 6 tháng 12, Cogy đã cho lệnh rút Lai Châu đưa toàn bộ binh lính và cư dân trong thị xã về Điện Biên Phủ. Cuộc hành quân di tản mang tên Pollux này đang tiến hành Thủ phủ xứ Thái sụp đổ như một trái cây to, vừa mới bị lay chuyển bởi những biến động của các tiểu đoàn Việt Minh đang đến gần đã vội rụng rơi xuống đất.

Tướng Gilles phát biểu:

- Trong vòng mười lăm ngày tình hình Tây Bắc đã biến chuyển. Những cuộc rút quân lớn mà tướng Cogy hằng mơ ước đã kết thúc. Nhưng vị trí Điện Biên Phủ chỉ thật sự tỏ ra tuyệt vời trong điều kiện Việt Minh chấp nhận cò xát tại đây. Điện Biên Phủ lớn mạnh hơn Nà Sản rất nhiều. Cứ đứng im chờ Việt Minh tới như thế tốt hơn.

Cha Gilles biết rằng, đối với một sĩ quan kỵ binh như Castries đang đứng tiền đồn, lời khuyên “đứng im chờ đợi” có vẻ khó được thực hiện.

Castries vừa mới thay tướng Gilles thì ngày 17 tháng 12, Tổng tư lệnh Navarre tới thăm Điện Biên Phủ.

Máy bay của Tổng tư lệnh cất cánh từ Hà Nội lúc 9 giờ 30 phút, chở theo một loạt nhân vật quan trọng: Tướng Lauzin, Tư lệnh không quân Đông Dương, tướng Cogy Tư lệnh chiến trường Bắc kỳ; tướng Nguyễn Văn Hinh cũng đòi đi quan sát cứ điểm pháo đài, viện có tiểu đoàn dù Bảo an số 301 là đơn vị dưới quyền ông và các đại tá Berteil, Revol.

Tôi cần nói thêm, vào thời điểm lạc quan sáng khoái này, những chỗ ngồi trong các chuyến bay lên Điện Biên Phủ, nhất là những ghế hạng nhất, phải cầu cạnh mới có được. Tất cả mọi người ở Hà Nội và Sài Gòn nhất là các sĩ quan tham mưu và các cơ quan quân sự đều cố viện ra một lý do để được đi thăm thung lũng lòng chảo.

Ngồi trong máy bay bầu không khí thật là tốt đẹp và dù cho các vị tai to mặt

lớn muốn che giấu, nhưng đối với một sĩ quan tùy tùng như tôi vẫn cảm thấy rất rõ như thời tiết bên ngoài.

Ngồi trên máy bay, đại tá Berteil có vẻ đắc thắng một cách thâm lặng về những tính toán khẳng định Việt Minh không thể duy trì lâu cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Thỉnh thoảng ông lại đưa mắt nhìn một cách miệt thị tướng Cogny đang cười ha hả lớn tiếng giải thích cho tướng Hình rõ sẽ đập nát Việt Minh tại “con đê chắn sóng” này như thế nào. Tướng Cogny và đại tá Berteil vốn không ưa nhau, nhưng trong ngày hôm đó, cả hai đều cùng chung lo ngại, chỉ sợ Việt Minh bỏ cuộc không tiến đánh Điện Biên Phủ thì thật đáng tiếc.

Đúng 10 giờ 40 phút, chiếc chuyên cơ của tướng Navarre tắt máy ở phía đầu sân bay dã chiến, đường băng được lót bằng những tấm kim loại đục thủng, bước chân lên nghe rõ tiếng lạo xạo dưới gót. Một trung đội thuộc tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 đứng nghiêm, bồng súng chào.

Luồng ánh sáng trong lành và dịu dàng của buổi sớm vùng thượng du có vẻ như được dệt bằng vàng. Ở phía cuối đường băng, một chiếc máy bay Dakota chở các vật liệu đang chuẩn bị hạ cánh.

Đại tá De Castries đứng nghiêm nghênh đón Tổng tư lệnh trong bộ quân phục dã chiến, quần ống chèn dài đến tận mắt cá chân, giày vải mềm, áo sơ mi len màu cỏ úa, mũ ca-lô và khăn quàng màu đỏ tiêu biểu cho trung đoàn kỵ binh Ma-rốc số 3 nổi tiếng..

Tướng Navarre chìa bàn tay mềm mại, nói:

- Chào Castries!

Henri Navarre là người vốn có thói quen bắt tay hờ hững ít nồng nhiệt. Tôi không rõ cử chỉ te nhạt đó là vô tình hay cố ý và cũng không phải chỉ thể hiện trong ngày hôm nay. Giữa ông với De Castries đã quen biết, thân tình từ lâu. Hai người cùng phục vụ trong một trung đoàn xe bọc thép hồi trước chiến tranh, rồi trong chiến tranh lại cùng chiến đấu bên nhau trong trung đoàn kỵ binh số 3 Ma-rốc. Castries từng nổi tiếng là một “mũi nhọn” của trung đoàn trên các chiến trường Tuynidi, Italy, Pháp trong khi Navarre làm

trung đoàn trưởng. Sau chiến tranh hai người lại cùng công tác trong tập đoàn quân số 1 đóng ở Áo. Đại tá Castries đã chiến đấu khắp các chiến trường và nay là nhiệm vụ thứ ba phục vụ tại Đông Dương.

Những chiến công của đại tá, phong cách và sự dũng cảm của đại tá khiến ông luôn luôn được ca ngợi và được cấp trên tin nhiệm vì sự tính toán khôn ngoan thận trọng và cả những may mắn trong chiến đấu. Tác phong quý tộc, tính cứng rắn và những đòi hỏi nghiêm khắc của ông trong công việc, ngay cả khi ông gây phiền lòng cho cấp trên cũng vẫn cứ thể hiện trong ông là một viên chỉ huy không có gì phải bàn cãi.

Tôi nhảy vội lên ghế sau của chiếc xe Jeep chở tướng Navarre do đại tá De Castries tự cầm lái. Những người còn lại tranh nhau chỗ ngồi tại những chiếc xe hơi đó hãy còn rất ít tại Điện Biên Phủ. Đoàn xe đi về phía Sở chỉ huy tác chiến Tây Bắc đặt tại Mường Thanh, hai bên đường là những kho chứa dây kẽm gai những hòm đạn, bao gạo để chất đống hoặc chôn dưới mặt đất.

Từ ngày 29 tháng 11 năm 1953, bộ mặt thung lũng đã thay đổi. Những cây xoài và cây ổi to thường phủ bóng mát trên đường làng đã bị chặt phá hết, chỉ còn lại một thân cây trụi đen sì vươn những cành khô nom như những cánh tay hướng lên trời. Thân cây đơn độc này là dấu hiệu báo cho biết đã tới chỗ đặt Sở chỉ huy bố trí sâu dưới mặt đất. Những mái nhà trong bản đã biến mất chỉ còn lại vài chiếc cọc nhà sàn bên cạnh những lều bạt và chiến hào.

Bên trái đường, vào khoảng hai kilômét về phía Đông, ở bờ bên kia sông Nậm Rốm có dòng nước đục ngầu chảy uốn khúc giữa đám ruộng, tôi nhận ra những cứ điểm mang tên Dominique và Eliane chạy theo hàng dọc từ Bắc xuống Nam, nom như một dãy đầu lâu trụi tóc quấn một vòng khăn bằng những lớp rào kẽm gai lộn xộn. Trên đầu dốc Eliane 2, một con đường độc đạo dẫn đến một dinh thự đồ nát trước kia là niềm hãnh diện của các quan cai trị.

Chiếc xe Jeep dừng lại trước một đường hào hẹp chạy vào sở chỉ huy. Đây là một nhà hầm dài 15 mét, rộng 3 mét được ngăn bằng nhiều vách tre nứa.

Nấp hầm được đắp đất dày tới một mét.

Phòng làm việc của đại tá Castries đặt tại ngăn giữa. Tất cả các sĩ quan trong bộ tư lệnh Binh đoàn tác chiến Tây Bắc đều có mặt đông đủ. Trên vách có treo một tấm bản đồ toàn bộ tập đoàn cứ điểm, đánh dấu rõ vị trí các cứ điểm và cả nơi bố trí lưới lửa phòng ngự. Tướng Navarre được mời ngồi trước tấm bản đồ có phủ giấy bóng, trên một chiếc bàn gập của Mỹ, đúng kiểu bàn làm việc trong sở chỉ huy dã ngoại...

Đại tá Castries trình bày kế hoạch phòng ngự dựa theo huấn thị của tướng Cogny đã được ghi rõ thành hai điểm ngắn gọn trên văn bản:

1. Bảo vệ sự tự do hoạt động của sân bay đến từng chi tiết nhỏ bằng cách không cho địch có thể bắn phá bằng pháo nặng và đảm bảo cho máy bay ta hoạt động dễ dàng trong phạm vi một đường bán kính rộng 8 kilômét quanh sân bay.

2. Làm chậm khả năng tiến đánh của Việt Minh bằng cách tiến công mạnh các vị trí bao vây của địch.

Tiếp đó, đại tá Castries trình bày các biện pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm phòng ngự. Ngoài sáu trung tâm đề kháng nay có thêm một trung tâm nữa mang tên Isabelle đặt ở Hồng Cúm gồm hai tiểu đoàn bộ binh và hai khẩu đội pháo, đặt cách cứ điểm Claudine 5 kilômét về phía Nam. Đây là khoảng cách rất tốt để các cỗ pháo của ta bắn yểm trợ cho sở chỉ huy đặt ở vị trí trung tâm, Isabelle còn có một sân bay phụ đặt trên bãi thả dù Simone, đường băng của sân bay này cũng được bảo vệ chu đáo. Cuối cùng cứ điểm Isabelle ở phía Nam còn có thể sử dụng để tổ chức những cuộc phản công giải tỏa cho khu Trung tâm khi cần. Riêng ở phía Bắc sân bay chính chưa được bảo vệ tốt. Quân địch có thể tiến đánh từ điểm cao 530 xuống. Vì vậy, đã có kế hoạch xây dựng thêm một cứ điểm nữa trên đồi Độc lập- do một tiểu đoàn bộ binh trấn giữ. Cứ điểm trên đồi Độc Lập này mang tên Gabrielle. Xây dựng xong cứ điểm này cũng có nghĩa là hoàn tất việc bố trí phòng ngự tại Điện Biên Phủ. Dự kiến, nếu ba tháng sau Việt Minh mới có thể tiến công thì đến lúc đó, tập đoàn cứ điểm phòng ngự đã có 12 tiểu

đoàn bộ binh, 24 khẩu pháo 105mm, 4 khẩu pháo 155mm, 10 xe tăng Schaffee M24 được tháo rời từ Hà Nội đưa lên máy bay tới đây sẽ được lắp ráp lại.

Một ánh chớp lóe lên từ máy ảnh của phóng viên, làm loá mắt các tướng tá đang làm việc.

Tướng Navarre khịt mũi tỏ vẻ khó chịu. Tướng Cogny vốn có thói quen hay đứng khom lưng, vụt vươn thẳng người, cố tạo dáng thuận lợi để có được một tấm ảnh đẹp.

Đại tá Castries nghiêm khắc nhìn người phóng viên nhiếp ảnh vừa làm cản trở cuộc họp.

Péraud không phải là người duy nhất bị bắt qua tang phạm lỗi. Cùng đi với anh còn có Pierre Schoendoerffer, phóng viên quay phim. Hai người bạn này không bao giờ xa nhau. Họ cùng lọt được vào phòng hội báo tình hình chiến sự. Cả hai người đều cùng được gọi chung bằng một tên mật dùng để nguy trang một tên hiệu để thông tin vô tuyến. Họ nổi tiếng vì thường đến đúng chỗ, đúng lúc.

Cả hai người đều thuộc Sở Thông tin báo chí của quân đội Pháp. Cả hai đều gầy gò, rắn chắc. Péraud lùn, Schoendoerffer cao. Người thứ nhất khoác máy ảnh như một chiếc túi khoác vai. Người thứ hai cầm máy quay phim như một khẩu súng máy. Họ đã cùng giành được một chỗ trong lực lượng viễn chinh Pháp. Họ đi theo các đội trinh sát tiền tiêu hoặc đứng ở phía sau hậu cứ để sẵn lòng hình ảnh. Họ đã bị mất hết mọi thứ chỉ còn giữ lại được những cuộn phim và những dụng cụ chụp ảnh, quay phim. Để có cái ăn, họ chờ được mời vào bếp ăn tập thể của các ban tham mưu, hoặc cùng chia sẻ món cá khô với người lính Thái. Khi họ mặc một chiếc áo sơ mi sạch sẽ, thì đó là chiếc áo mượn của ban hậu cần để giảm bớt hành trang trong ba lô. Nhưng ít khi họ mặc những chiếc áo sơ mi sạch sẽ. Có một lần, vào mùa xuân 1952, cùng đi theo cuộc hành quân chiến đấu, một buổi tối Schoendoerffer nảy ra ý định xuống suối tắm giặt. Đúng là hôm đó trời rất nóng. Quân Việt đã chờ đợi đến giờ phút đó để nổ súng tiến công. Pierre chỉ kịp vơ nhanh các dụng cụ quay



phim rồi chạy biến rất nhanh thoát khỏi cuộc tấn công sát gần một cách kỳ lạ.

Anh đã trần truồng đi xuyên rừng tìm đường về căn cứ nhớ mãi kỷ niệm phiêu lưu mạo hiểm vì đã muốn tắm rửa sạch sẽ trong khi đang có chiến dịch. Ngoài ra sở kiểm duyệt Sài Gòn còn hủy toàn bộ số phim anh đã quay được, với lý do những cuốn phim này đã ghi hình một trong những đơn vị thiện chiến đang tháo chạy.

Castries tiếp tục thuyết trình phần hai của nhiệm vụ được cấp trên giao phó: “Dùng các hoạt động quân sự mạnh tiến công trước nhằm làm chậm việc bố trí quân của Việt Minh, cản trở địch tiến đánh Điện Biên Phủ”. Bằng lời nói và cả chữ Việt, Castries phần nào đã phản ánh ý định của Cogny là: biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ tiền công toả khắp xứ Thái.

Từ ngày 20 tháng 11, tức ngay sau khi vừa mới nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ, sở chỉ huy của Cogny tại Hà Nội quá lạc quan trước chiến thắng đã chỉ thị cho tướng Gilles tiếp tục tiến công địch. Trên bản đồ Tây Bắc hồi đó, Ban 3 (tức Cục Tác chiến) đã phác hoạ một cuộc tiến quân gọng kìm, gọng thứ hai từ Lai Châu xuống Tuần Giáo là nơi hình như quân Việt đang bố trí các kho tàng chuẩn bị cho chiến dịch. Cha Gilles đã sửa lại đường băng sân bay cùng trong lúc đào hào và xây dựng các công trình phòng ngự. Hằng ngày, tướng Gilles cũng đã cử những đội trinh sát vũ trang đi sục sạo, nhưng không bao giờ đi quá xa tầm bắn của các khẩu pháo 75 bắn tới chân sườn đồi bao quanh thung lũng lòng chảo.

Sáng ngày 4 tháng 12, lần đầu tiên tướng Gilles cho một đội trinh sát mạnh tiến xa đến tận đường đi Tuần Giáo. Hai tiểu đoàn dù lĩnh nhiệm vụ tìm hiểu con đường dẫn vào tập đoàn cứ điểm ở gần bản Him Lam. Tiểu đoàn 1 bước trên con đường cái suốt một năm qua không có một chiếc xe tô nào qua lại. Rừng rú và những trận mưa đã tràn ngập làm hỏng đường, con đường mòn của người đi bộ ngoằn ngoèo lượn giữa những bụi cây gai. Cách nơi xuất phát 6 kilômét, đại đội đi đầu bị chặn đánh rất ác liệt. Toàn bộ tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 bị kìm chặt trên mặt đường. Phải rất khôn ngoan và khéo léo,

tiểu đoàn trưởng Bréchignac mới gỡ được vòng vây cho đơn vị bằng cách luôn qua rừng rậm.

Tối hôm đó, sở chỉ huy Hà Nội gửi điện báo cáo: Những đội thám báo của chúng ta sục sạo chung quanh Điện Biên Phủ đã cố tìm cách phát hiện địch đang thận trọng giấu quân. Tuy nhiên, một cuộc đụng độ nghiêm trọng đã xảy ra cách căn cứ của ta 6 kilômét về phía Đông Bắc vào ngày 4 tháng 12, làm thiệt mạng 11 binh sĩ, 29 người bị thương trong đó có 2 sĩ quan. Từ đó, cha Gilles không cho quân tiến xa nữa.

Nhưng đến khi thay Gilles chỉ huy Điện Biên Phủ, Castries lại nghe theo Cogne vì bị cám dỗ bởi luận điểm “cần phải tiến hành các hoạt động tiến công mạnh mẽ”. Đây vẫn là nghiệp vụ chuyên môn của đại tá kỵ binh De Castries đã từng phóng mũi lao trên mình ngựa chiến trong các chiến dịch tiến đánh Roma, Florence, Colmar, Karlsruhe và mọi người thường ca ngợi khi nhắc đến tên ông. Ông đã nghĩ một cách hợp lý, ông được cử làm Tư lệnh Điện Biên Phủ là do sự nổi tiếng vinh quang này.

Thời cơ để Castries thử nghiệm lại công thức kỵ binh là cuộc hành quân di tản Lai Châu. Hàng ngày những toán nhỏ binh lính chạy trốn trong rừng đã về được tới Điện Biên Phủ. Còn phải rút thêm đồn Mường Pôn cách Điện Biên Phủ cỡ 18 kilômét. Tình báo Pháp cho biết trong vùng này có ba tiểu đoàn Việt Minh. Castries giao nhiệm vụ cho các tiểu đoàn lính dù đi đón binh lính từ Mường Pôn rút về. Thiếu tá Leclerc trong lúc này đang thay Langlais về Hà Nội chữa bong gân. Chỉ còn lại tiểu đoàn dù lê dương và tiểu đoàn dù lính Bảo an là có thể sử dụng được. Tiểu đoàn dù xung kích số 8 đã được phái đi làm nhiệm vụ, đang phân tán thành các đội biệt kích nhỏ sục sạo các đỉnh núi có những bản của người Mông. Cuộc hành quân ngày 13 tháng 12 nhằm hai mục đích, đón đoàn quân từ Mường Pôn rút về, đồng thời yểm trợ cho tiểu đoàn dù xung kích số 8 quay về doanh trại sau khi hoàn thành nhiệm vụ trên các ngọn núi.

Péraud và Schoendoerffer nghe đại tá Castries thuyết trình và cảm thấy ông nói quá dài. Hai phóng viên đã biết rõ về cuộc hành quân này. Sáng sớm

ngày 13 tháng 12, những xe tải đã chở lính dù tới chân núi bao phủ bởi lớp sương mù đặc quánh như sữa. Lính dù leo lên những sườn núi dốc, giữa những cánh rừng rậm. Họ đã trèo lên được tới đỉnh rặng núi cao có cỏ mềm lượn vòng vèo lên hướng Bắc. Lính dù Việt nam do Bottella chỉ huy leo từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Họ đi suốt một ngày, từ từ vượt qua những trảng cỏ mà voi rừng thường qua lại thỉnh thoảng lại đụng độ với những tốp lính trinh sát Việt Minh nổ vài phát súng rồi biến mất hút trong đám cỏ.

Cuối buổi chiều các đại đội bố trí theo kiểu con nhím chung quanh ban chỉ huy. Hai chiếc máy bay Dakota thả xuống cho họ khẩu phần ăn và nước uống. Mặt trời sắp lặn chiếu sáng đỏ rực lên đỉnh cao 1145, là đỉnh núi tiếp theo mà họ phải tới, cách đó chừng 2 kilômét về phía Bắc; Péraud và Schoendoerffer ăn chung đồ hộp khẩu phần của cha tuyền úy Trinquant rồi cùng đắp chung chăn năm ngủ. Sáng hôm sau, họ thức giấc, ngắm nghía bằng cặp mắt chuyên môn của người ghi hình canh mặt trời chiếu sáng những thung lũng mù sương, đột khởi lên trên là những đỉnh núi uốn lượn như trong bức tranh thủy mặc của Trung Quốc.

Cuộc hành quân tiếp tục. Người đi đầu phát hiện thấy một đoàn lính Thái cách đó gần 8 kilômét có vẻ như đang rút theo hướng Nam.

Để tới được đỉnh 1145 phải tiến thẳng phía trước mặt và leo khoảng 2 kilômét đường dốc.

Một trung đội của tiểu đoàn 5 được lệnh tiến lên, bóng người khuất dần sau những đám cỏ cao. Từ sở chỉ huy, lính quan sát theo dõi bước tiến của họ qua kính ống nhòm. Từ trên cao, chiếc máy bay quan sát nhỏ bé lượn vòng, tiếng máy nổ ròn vang vọng trong gió Nam như tiếng vo ve của con ruồi.

Tốp lính dù xung kích tiến đến cách mỏm núi khoảng một trăm mét thì có tiếng súng nổ. Một loạt đạn cối lân tinh rơi ngay phía sau, đốt cháy đám cỏ khô. Ngọn lửa tạo thành vệt cản dính liền nhau, cô lập trung đội với toàn đơn vị. Toàn tiểu đoàn lập tức tiến nhanh lên phía trước để ứng cứu cho trung đội đi đầu, kể cả lính quan sát bằng ống nhòm. Phía bên kia hàng rào lửa đang bị gió lan rộng, họ nghe tiếng đồng đội nằm dấn chặt trên mặt đất đang kêu cứu

vì bị kẹt giữa lửa và đạn.

Vài người cố vượt khỏi đám lửa cháy, mặt đen sạm và loang lổ máu, gần như ngạt thở, lăn lộn trên đám tro còn nóng, kêu rên khảng khiếp. Đám cháy diễn biến nhanh theo tốc độ của gió thổi. Chỉ vài phút, ngọn lửa đã cháy trụi cả một vạt sườn núi rồi biến mất sau đỉnh cao. Khi quân Pháp chiếm được điểm cao 1145 thì các vị trí của đối phương bố trí trên đỉnh núi đều trống rỗng. Việt Minh đã rút lui.

Rạng sáng ngày 15 tháng 12, mười một lính dù bị chết cháy thành than đã được chôn ngay tại mảnh đất đen thui hầy còn ấm.

Trong lúc một trung đội đang dàn hàng ngang, làm lễ bồng súng chào trước những ngôi mộ mới đắp, thì Việt Minh quay trở lại. Trước hết là đạn súng cối của họ nã xuống đỉnh đồi đã rụi cỏ. Từ phía chân và các sườn núi, quân Việt Minh kéo đến bao vây quân Pháp. Đến trưa phía Pháp ra lệnh rút lui, lính lê dương thuộc tập sau cùng cố sức cản quân Việt. Phóng viên Schoendoerffer quay được cảnh Việt Minh hò hét xông lên. Đến chiều thì lính Pháp tập hợp được trên một mỏm núi phía Nam, vừa tầm pháo Điện Biên Phủ bắn tới yểm trợ. Những đợt xung phong của Việt Minh bị pháo và máy bay bắn chặn. Cuối cùng đơn vị dù của Pháp cũng đã rút về được vị trí trước hôm Tổng tư lệnh Navarre tới thị sát tập đoàn cứ điểm.

Hiện nay, trong ngăn tủ lưu trữ của quân đội vẫn còn giữ được vài tấm ảnh về trận chiến này. Nhưng toàn bộ các cuốn phim của Schoendoerffer đều bị kiểm duyệt, hủy bỏ. Những người lính Mường Pồn đã không bao giờ rút được về Điện Biên Phủ nữa. Họ đi lang thang trên các mỏm núi, bị Việt Minh săn lùng rồi cuối cùng bị hai chiếc máy bay ném bom napalm tiêu diệt vì tưởng nhầm họ là địch. Đại úy Bordier chỉ huy đơn vị xấu số này đã kháng nghị gay gắt lên ban chỉ huy.

Tướng Navarre đứng nhìn tấm bản đồ treo trên tường, nghe đại tá Castries trình bày sự việc.

Các tiểu đoàn địch hiện đang bao vây mặt Bắc và Đông Bắc, đã được xác minh là thuộc sư đoàn 316 mà ngày 9 và 10 tháng 12 Pháp đã phát hiện ở

Tuần Giáo. Con đường từ Sốp Nạo và Nậm Hu tiến sang Lào hiện đang bỏ ngõ. Những tiểu đoàn của Vaudrey xuất phát từ Mường Sài đang tiến thận trọng về phía Mường Khoa. Tướng Navarre chỉ thị cho đại tá Castries thiết lập ngay đường dây liên lạc đến tận Sốp Nạo để tiếp xúc với các lực lượng ở Lào.

Cuối buổi họp, trung tá Piroth trình bày kế hoạch phản pháo bằng lời lẽ chắc nịch. Đây là một sĩ quan vóc dáng to cao, khuôn mặt lớn đỏ au và bình dị, một cánh tay cụt khiến cho tay áo sơ-mi lủng lẳng phải gài vào thắt lưng như vỏ một vũ khí đã vô dụng. Piroth chỉ huy toàn bộ lực lượng pháo tại Điện Biên Phủ, nom không có vẻ gì là một người tàn tật. Ông phát biểu rõ ràng, trình bày một vấn đề đã nghiên cứu kỹ. Ông đã từng quen biết tướng Navarre từ hồi cùng phục vụ trong sở chỉ huy NATO đặt tại Fontainebleau. Một buổi chiều tháng 7 năm 1953, Piroth từ Paris đến tìm gặp tướng Navarre nhưng Navarre đi vắng. Piroth nhấn lại:

- Cũng không có việc gì quan trọng đâu. Chỉ xin báo cáo lại với tướng Navarre là tôi tình nguyện theo tướng quân sang phục vụ tại Đông Dương, tùy tướng quân giao cho nhiệm vụ gì cũng được Tôi đã sẵn sàng đi ngay khi có lệnh.

Nếu được cử lên Điện Biên Phủ, đó là vì Piroth đã từng là một sĩ quan pháo binh nổi tiếng trong tất cả các chiến dịch hồi chiến tranh thế giới thứ hai, và ông đã để lại trên chiến trường Italy cánh tay phải của mình. Ông hiểu rõ, và đã từng trải qua kinh nghiệm chiến đấu là chỉ cần ngắm bắn chính xác, một khẩu 155mm có thể tiêu diệt cả một cụm pháo 105mm. Phản pháo là một nghệ thuật đã hình thành từ chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918 và được hiện đại hoá trong cuộc chiến tranh 1940-1945. Khi Tổng tư lệnh hỏi:

- Với cỡ pháo 155 mm mà ông vừa mới nhận được, ông nghĩ có thể phản kích hiệu quả pháo Việt Minh không?

Piroth bình thản trả lời:

- Thưa đại tướng, tôi sẽ không để cho một khẩu pháo Việt nào bắn quá ba phút mà không ngắm bắn và tiêu diệt nó.

Mọi người chung quanh, không ai cho rằng đây là lời đảm bảo cường điệu. Buổi chiều ngày 17 tháng 12, tướng Navarre và những vị cùng đi lần lượt tới thăm tất cả các cứ điểm. Phần lớn lúc này đang được xây dựng nên chưa thể nhận xét được sự vững chắc của các mái công sự đang đắp dở dang. Mặc dù vậy, cũng đã bộc lộ một số điểm yếu. Đó là các xà gỗ nóc hầm chưa thật vững chắc, mạng lưới rào thép gai còn có chỗ quá thưa, các giao thông hào chưa thật đầy đủ... Nhưng vẫn có thể bỏ khuyết trước khi Việt Minh tiến công. Quả thật, không gì l mi và kéo dài bằng việc xây dựng kế hoạch phòng ngự cho một trung tâm đề kháng. Có nghĩa là phải phối hợp chặt chẽ các công sự phòng ngự chính với các phương tiện phòng ngự phụ và kế hoạch hoả lực. Tại Điện Biên Phủ hồi đó, nếu chỉ có một kế hoạch phòng ngự tổng thể thì tôi vẫn chưa được biết những kế hoạch phòng ngự cụ thể cho từng trung tâm. Ban chỉ huy đầu tiên của tướng Gilles ngay khi tới đây đã phác hoạ một kế hoạch phòng ngự cho từng cứ điểm theo ý tưởng của mình. Còn ban chỉ huy tiếp theo do Castries đứng đầu lại thiết kế theo những ý tưởng và những phương tiện mà ông nắm được trong tay, không hoàn toàn giống như trước.

Vì vậy, cụm cứ điểm Anne Marie 1 và 2 mới đầu được bố trí phòng ngự bởi tiểu đoàn dù lê dương số 1 với bốn đại đội gắn bó vững chắc với nhau bằng các vũ khí tự động. Nhưng khi tiểu đoàn 3 bộ binh gồm hai đại đội lính Thái tới thay thế, tiểu đoàn trưởng đã buộc phải rút bỏ một vài vị trí, mặc dù những vị trí này có thuận lợi về phòng ngự. Có thể thống kê cả những sự lơ là trễ nải trong hệ thống phòng ngự, chống lại hoả lực của địch. Một trong những lý do của sự thiếu đầy đủ này có thể nhìn thấy trong lý lịch của De Castries, vốn là một sĩ quan kỵ binh.

Chính tôi đã được nhìn thấy, đứng trên nóc hầm phòng ngự của Điện Biên Phủ, hàng chục sĩ quan bộ binh nổi tiếng như trung tá Gaucher, được giao nhiệm vụ chuyên trách lo việc tổ chức phòng ngự cho tập đoàn cứ điểm Lalande, Langlais, Trinquant đều là những sĩ quan bộ binh sau này là cấp tướng. Chắc chắn những sĩ quan này đều biết rõ những điểm yếu trong hệ

thống phòng ngự, và họ đã có thể sửa chữa được nếu có phương tiện. Thế nhưng trong suốt những tuần lo việc chuẩn bị phòng ngự, không một ai hình dung được là các hầm chiến đấu của chúng ta không thể nào chống đỡ được trước những đạn pháo địch.

Tôi nhận mạnh là “không một ai”, bởi vì trong những lần tướng Navarre lên đây thị sát, họ cũng có đưa ra một số nhận xét nhưng toàn là những điểm thứ yếu. Theo họ thì suốt quãng thời gian từ 17 tháng 12 năm 1953 đến 13 tháng 3 năm 1954 là ngày Việt Minh bắt đầu mở cuộc tiến công, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã được xây dựng phòng ngự không tồi. Nhưng trên thực tế, Cục Quân báo của Pháp dự tính tướng Giáp sẽ bắn 25.000 quả đạn pháo để phá hủy các công trình phòng ngự ở Điện Biên Phủ trong vòng 10 ngày, thật sự là Việt Minh đã bắn tới 20.000 quả đạn pháo, cỡ từ 60 mm trở lên.

Dĩ nhiên, không một vị trí phòng ngự nào có thể có được giá trị tuyệt đối. Không một vị trí phòng ngự nào có thể đứng vững nếu đối phương quyết định đánh chiếm bằng mọi giá. Các chiến lũy Maginot của Pháp và Siegfried của Đức đều đã bị chọc thủng trong chiến tranh thế giới thứ hai; bức tường châu Âu của NATO và Vạn lý trường thành của Trung Quốc cũng có thể sụp đổ nếu chiến tranh xảy ra.

Trong khi chờ đợi uống chung với nhau “một bình rượu” trước lúc chia tay theo tập quán nhà binh, các vị tướng đến từ Hà Nội và các vị tá đóng tại Điện Biên Phủ tiếp tục cuộc họp ngoài trời. Các vị đi lại dưới nắng âm của mặt trời tháng chạp, giữa khu đất có đặt trạm quân y dã chiến lộ thiên và những vòm hầm chứa pháo, trong tiếng động của xe cộ nổ máy, tiếng người nói to, tiếng điện đài lí nhí và tiếng động cơ máy bay nổ giòn.

Các vị cố tránh xa nhóm phóng viên như học trò tránh xa thầy giáo trong giờ ra chơi, nhất là tránh xa các phóng viên đang tìm cách chụp ảnh ghi hình. Pierre Schoendoerffer vẫn còn nhớ trong óc những lời trao đổi giữa các vị sĩ quan cấp cao, cùng với đoạn phim ảnh ghi được. Tướng Navarre cố thuyết phục mọi người:

- Tình huống chiến đấu nếu xảy ra sẽ khác hẳn với Nà Sản. Lần này quân

Việt đã được tăng cường, được trang bị tốt, huấn luyện kỹ. Số quân địch cũng sẽ đông hơn, lại có pháo, cối và súng phòng không yểm trợ.

Tướng Cogy trả lời như có vẻ thay mặt tất cả mọi người ở Điện Biên Phủ:

- Về phía ta, vị trí phòng ngự của chúng ta cũng mạnh hơn Nà Sản nhiều. Pháo binh của ta không chỉ mạnh hơn mà còn được đặt ở vị trí hoạt động có hiệu quả hơn. Quân Việt phải vượt 500 kilômét đường bị ném bom để có thể tới đây. Không nên làm điều gì để Việt Minh không tiến đánh.

Ngày 20 tháng 12, tướng Navarre dừng lại Sêno, trên đường từ Hà Nội vào Sài Gòn. Căn cứ lục - không quân này được xây dựng theo kế hoạch chiến lược mang tên Navarre. Mặc dù ngân sách xây dựng hạ tầng cơ sở bị thiếu hụt, căn cứ Sêno vẫn được ưu tiên. Một đường băng dài theo hướng Đông Nam - Tây Bắc đã được thiết lập giữa khu rừng thưa cách Xavannakhet ba mươi kilômét trên đường bay vào Sài Gòn. Chính phương hướng của đường băng này đã được các nhà thiết kế chọn làm tên, đặt cho sân bay(2). Cái tên này lại có vẻ như một địa danh địa phương. Nằm giữa khoảng cách từ Hà Nội đi Sài Gòn (khoảng hai giờ bay bằng loại Dakota) ở phía Tây dãy Trường Sơn, sân bay này còn có thể dùng làm căn cứ vận chuyển các lực lượng dự trữ hai bên sườn núi.

Tướng Bourgund chỉ huy vùng lãnh thổ chiến thuật miền Trung Đông Dương đã đặt sở chỉ huy tại Sêno nhằm kịp thời đối phó với cuộc tiến công của Việt Minh ở Liên khu 4. Ngay khi tới đây, tướng Navarre không ngạc nhiên khi được biết những đơn vị tiên tiêu của sư đoàn 325 Việt Minh đã đánh thăm dò các tiền đồn của Pháp đặt tại Nà Phê và bản Nà Phao. Theo kế hoạch đã định, những đơn vị nhẹ của chúng ta đã tuần tự rút lui, chỉ mong sao làm chậm bước tiến của địch. Ý định của tướng Bourgund là để cho Việt Minh tiến sâu trong đất Lào, xa các căn cứ hậu cần mệt mỏi giam nhệ khí sau khi trải qua những cuộc hành quân dài xuyên rừng mà không đạt được những thắng lợi to lớn đáng kể, lọt vào những vùng sâu, vùng xa trong đó dân chúng chưa có cảm tình lắm đối với Việt Minh.

Sau đó, quân Pháp mới bắt đầu chặn đánh, tiêu diệt, hoặc ít nhất cũng đẩy lùi



quân địch về phía Bắc Thà Khẹt. Tất cả các hoạt động tác chiến này đều dựa vào căn cứ Sênô nơi tích lũy đạn dược, lương thực và lực lượng dù trữ.

Bourgund là bạn cùng tốt nghiệp một khoá với Navarre tại trường Saint Cyr và là một sĩ quan thuộc địa. Ông có một dáng vẻ coi thường sự chải chuốt, trang phục chệnh mảng đi lại nhanh nhẹn lời nói ngắn gọn. Tất cả điều đó tạo cho ông ấn tượng về một vị chỉ huy có khả năng đối với mảnh đất này.

Tướng Navarre không có lý do để phải lo lắng đặc biệt về việc Việt Minh sắp tiến công trong khu vực này. Tướng Giáp sẽ tiến công Trung Lào. Tướng Navarre đang đợi sẵn và từ nay Sênô đang trong tình thế giữ vững cân bằng với sức ép của địch. Tại Điện Biên Phủ, phải sau một tháng nữa tình hình mới thật rõ ràng, Việt Minh nếu có quyết tâm tiến công tập đoàn cứ điểm này hay không. Vùng đồng bằng là nơi Pháp đang điều quân, bắt lính để phục vụ cho vùng thượng du vẫn đang phải đối phó với những chứng bệnh ung thư cũ chiến tranh du kích, phá hoại, nạn đào ngũ, sự bội phản, hoạt động tập kích các đồn bốt nhỏ lẻ...

Thời tiết Sài Gòn vào tháng chạp đặc biệt dễ chịu. Trời nắng nhẹ, nhưng đêm lại lạnh. Ngày lễ Thiên Chúa giáng sinh sắp tới. Không khí nào nức đón chờ cộng thêm niềm vui vì thời tiết dịu mát. Lễ Noel ở Sài Gòn không chỉ là tia chớp của niềm hy vọng lóe sáng giữa mùa đông, mà còn là một lễ hội kéo dài suốt đêm cho tới khi bùng lên ánh sáng vinh quang của ban ngày.

Một tập giấy mời chất đống đang chờ đợi Tổng tư lệnh. Tướng Navarre rất ghét những buổi tụ hội của giới thượng lưu. Phải chăng đây là do tính rụt rè ngại hay là do sự khát khao uy lực?

Liệu ông có biết hoặc cảm thấy rằng, giữa đám đông này ông thường ít toả sáng? Việc ghét tụ hội này, phải chăng bắt nguồn từ những lý do ông thường lạnh lùng hờ hững, hay từ chôi hội họp, hoặc do ông không có khả năng tiếp xúc với quần chúng? Trong những buổi họp bàn công tác, tính cách của ông, những tham luận của ông, những lời trình bày của ông đều rất được chú ý. Ông phát hiện và thể hiện những lập luận chứng cứ của mình bằng lời lẽ rõ ràng tới mức ngạc nhiên. Hệ thống thần kinh trung ương của ông chính xác

một cách rất đáng ca ngợi. Nhưng, trong một cuộc họp thuộc loại vui chơi, trong bữa tiệc chiêu đãi, trong bữa tiệc đứng, trong lễ duyệt binh là những nơi không có gì để phân tích hoặc để tìm hiểu mà lại phải có những cử chỉ nhẹ nhàng, phù phiếm, phải tạo dáng, phải thốt ra một câu đúng lúc, phải điểm một nụ cười, phải uốn một giọng nói, thì ông hoàn toàn là một người bị tước hết vũ khí. Cái trò chơi sân khấu này rất vô tích sự đối với ông. Đã nhiều lần, tôi phải chuyên lời xin lỗi đến những người gửi giấy mời ông tham dự những buổi họp không phải để thảo luận công tác. Thế nhưng, đúng là rất nhiều giấy mời ông tới dự lễ Noel lại mang tính chất của những cuộc họp chính thức. Ông trao lại cho tôi một tập giấy mời và nói:

- Cậu tìm cho mình một lời xin lỗi...

- Thưa tướng quân, lý do vắng mặt chỉ có thể là... À, mà sao tướng quân lại không đi dự lễ Noel tại Điện Biên Phủ!

Tướng Navarre vui vẻ chấp nhận.

Thế là ngày 24 tháng 12 năm 1953, vào hồi 16 giờ rưỡi, chiếc máy bay chở tướng Navarre hạ cánh xuống Điện Biên Phủ. Nhưng lần này, chỉ có một mình đại tá De Castries đứng đón tại sân bay.

Không có hàng rào danh dự, không có kèn trống và cả chương trình làm việc cũng không có. Bởi vì, tướng Navarre báo trước ông chỉ muốn lên đây đón Noel với các chiến sĩ. Ông đã gửi điện chỉ thị sau khi ông tới nơi, phải triệu tập càng nhiều sĩ quan càng tốt cùng thức đón đêm hy vọng cùng với ông.

Tập đoàn cứ điểm vẫn đang trong quá trình khẩn trương xây dựng, các máy bay liên tiếp hạ cánh, mang đến các thiết bị để rời xe tô cam-nhông GMC lại chuyển đến các kho đặt dưới hầm. Các binh lính cởi trần dưới ánh nắng, đắp đất trên các mái hầm hoặc trải dây kẽm gai chung quanh các cứ điểm..

Bên cạnh hầm chỉ huy, một lều vải đã căng sẵn. Trong lều bạt có đặt tủ rượu bên cạnh chiếc bàn dài trải vải dù màu trắng, trên bàn bày hai hàng cốc thẳng tắp như binh lính trong lễ duyệt binh. Những chai sâm-banh được đưa từ Pháp sang đứng nghiêm trên bàn. Chung quanh bàn, các sĩ quan chỉ huy các đơn vị đang ngồi chờ Tổng chỉ huy Navarre. Tướng Navarre nâng cao cốc

rượu, nói chuyện với mọi người. Đến nay, tôi không còn nhớ rõ tướng quân đã nói những gì, nhưng chỉ có thể là một bài phát biểu theo nghi thức cổ điển. Liệu những người đang quây quần chung quanh ông, đón nghe những gì? Những lời chúc mừng, những lời thiện cảm? Một vị tướng chỉ có thể nói lời chiến thắng với ba quân. Thật tình, lúc đó tôi không nghe mà chỉ nghĩ đến những điều mà tướng Navarre không thể nói ra lời. Bởi vì trên bàn giấy đặt tại Sài Gòn lúc này hãy còn để lại một bức thư mà tướng Navarre tự tay viết dở dang để gửi về Chính phủ Pháp, sau khi hoàn chỉnh đã chuyển thành công văn số 1 GENE/CC/TS đề ngày 1 tháng 1 năm 1954, trong đó tướng Navarre bộc lộ: “Trước khi có trong tay những phương tiện mới, tôi không thể đảm bảo thắng lợi...” Trước đó vào ngày 31 tháng 12 năm 1953, đại tá Castries cũng nhận được điện mật IPS chỉ thị nghiên cứu khả năng rút bỏ Điện Biên Phủ mang mật danh Xenophon. Nhưng lúc đó đã quá muộn. Điện Biên Phủ đang bị vây chặt việc rút lui không thể nào thực hiện được và chỉ thu hẹp trong phạm vi nghiên cứu mật. Còn trong lúc này, vào buổi tối ngày 24 tháng 12 năm 1953 đại Điện Biên Phủ, nếu đặt vấn đề này ra trước các sĩ quan quân phục chỉnh tề đeo các huy hiệu lê dương, dù, bộ binh, pháo binh, thiết giáp..., thì tất cả mọi người sẽ đảm bảo chiến thắng. Vì vậy chỉ riêng tướng Navarre là ưu tiên giữ nguyên vẹn trong lòng sự nghi ngờ và sự hoang mang, lo lắng.

Sau “một châu rượu” cho các sĩ quan, mọi người bàn tán chỉ còn lại tướng Navarre và đại tá Castries ngồi lại với nhau trong hầm chỉ huy. Một ngày đã trôi qua, một ngày lao động và chờ đợi như mọi ngày khác. Và vụt một cái đã là đêm Noel. Buổi hoàng hôn ngắn ngủi âm ỉ tiếng nổ của động cơ và tiếng hò hét của các hạ sĩ quan cũng đã chấm dứt. Trong đám hỗn loạn của tiếng động và của gió bụi, chiếc Dakota cuối cùng đã bay trở về Hà Nội. Thung lũng Điện Biên Phủ chìm đắm trong bóng tối không trăng, chỉ có những bóng đèn điện nhấp nháy. Mỗi khi có một bàn tay mơ lều bạt, lúc đó những luồng ánh sáng màu vàng mới lọt ra ngoài. Cùng với bóng đêm sự im lặng của núi rừng miền Tây Bắc xứ Đông Dương cũng chế ngự trận địa Điện

Biên Phủ, ngăn cách cứ điểm này với cứ điểm khác, bóp nghẹt những tiếng động phát ra từ các công binh xưởng và tiếng kêu ầm ĩ của những cỗ máy phát điện, gần như biến thành một đạo luật buộc mọi người cũng phải nói khẽ hoặc giữ im lặng.

Tướng Navarre và đại tá Castries bước ra khỏi hầm. Tổng chỉ huy khẽ rung mình. Ngoài trời đang lạnh. Sau cái nóng ban ngày, bây giờ đến luồng khí lạnh của núi rừng thấm qua những bộ quần áo mỏng. Tôi vội đưa cho ông một áo khoác ra trận bằng vải dày có đính bốn ngôi sao cấp bậc đại tướng. Mọi người cùng đi bộ đến vị trí trung tâm nơi làm lễ thánh đón đêm Thiên Chúa giáng sinh. Phía sau bàn thờ là những người lính lê dương ngồi chung quanh một cây thông được thắp sáng. Các đại tá ngồi cùng tướng Navarre trên hàng ghế đầu.

Trước khi làm lễ, cha tuyên úy giơ cao cánh tay, vươn bàn tay lên rất cao như muốn vươn tới những phía bên ngoài, tới tận những dãy đồi bên kia sông Nậm Rốm, nơi những lính canh đang đứng gác. Chung quanh linh mục, mọi người đều quỳ gối trong tư thế của con chiên xưng tội hoặc của hiệp sĩ trong lễ thụ phong. Sau đó, mọi người tụ họp trong nhà ăn chung quanh chiếc bàn dài chìm sâu trong chiến hào. Để tới được chỗ ngồi của mình, tướng Navarre và đại tá Castries phải lách qua những tấm ghế dài phía ngoài. Các sĩ quan cấp tá Revol, Piroth, Guth và những người khác ngồi theo thứ tự thâm niên cấp bậc. Tôi ngồi phía ngoài cùng, lưng quay ra phía cửa lều được che kín bằng tấm vải ka-ki pha len. Không khí cũng như nhiệt độ đều dịu mát. Tôi cũng không còn nhớ những câu chuyện trao đổi qua lại trong bữa ăn. Về thực đơn, cũng chỉ còn nhớ có món thịt nhồi đã nguội lạnh, dính chặt với lớp mỡ trắng đóng băng trên đĩa sắt do một người lính Ma-rốc mặc bộ đồ dân tộc mang lại.

Có tiếng xe Jeep đỗ xích ngay bên ngoài gian hầm. Mọi người cùng ngừng câu chuyện. Từ bên ngoài vang lên tiếng nói to của trung tá Gaucher: “Vì Thánh Barthelemy, thẳng tay bắn giết”, nghe như một khẩu lệnh chiến đấu vang vọng từ thời Jeanne d Are. Gương mặt nhẵn lỳ của trung tá Revol,

chánh văn phòng Bộ Tổng chỉ huy chọt rần lại như lớp mỡ đọng trên món thịt nhồi đặt trên đĩa. Tấm lều bạt được vén lên. Trung tá Gaucher chỉ huy bán lữ đoàn lê dương đóng trên đồi Him Lam chọt xuất hiện, được soi rõ bởi ánh đèn điện trong lều. Là một người tầm vóc cao lớn, Gaucher phải cúi mình bước vào trong hầm rồi lại lập tức đứng nghiêm sửa lại vành mũ, chào Tổng chỉ huy:

- Xin lỗi Đại tướng. Tôi vừa từ cứ điểm Béatrice về đây. Tôi đã hẹn đến uống rượu cùng với binh lính, đóng trên đó. Đối với cánh lê dương chúng tôi, đêm nay quả là nhiều kỷ niệm đáng buồn.

Tướng Navarre mỉm cười nói với Gaucher:

- Mời vào! Ngồi xuống đây!

Gaucher nặng nề đặt người trên chiếc ghế sát cạnh tôi, đồng thời cũng ép luôn tôi phải ngồi nhích vào một góc bàn, bên cạnh trung tá Guth.

Tôi cảm thấy ấm người thêm một chút. Tướng Navarre và đại tá Castries tiếp tục câu chuyện đang nói dở; một kỷ niệm chiến đấu trong đêm Noel tại vùng núi Vosges ở Pháp. Sau khi ăn xong miếng thịt nhồi, Gaucher hỏi to Castries:

- “Thẳng tay bắn giết” - Ông có hiểu khẩu lệnh đó nghĩa là gì không? Hả? Hả?

Gaucher cố tình dẫn mạnh những âm thanh “hả? hả?” trong câu hỏi. Castries trả lời:

- Trong kỵ binh, đó là một kiểu tác chiến giáp lá cà. Nhưng còn trong đội ngũ lính lê dương, có lẽ Revol hiểu rõ hơn tôi.

Revol nói:

- Tôi không phải là kỵ binh, tôi không thạo lắm về kỹ thuật chiến đấu trên mình ngựa. Nhưng “Thánh Barthelemy” quả là gợi cho tôi một đêm thăm sát.

Gaucher cắt ngang:

- Thôi, không dài lời nữa! “Vì Thánh Barthelemy, thẳng tay thăm sát!” là nội dung bức điện mật mã báo tin cứ đảo chính tối ngày 9 tháng 3 năm 1945 của

Nhật. Tôi đã quên và muốn quên nhưng không được. Ngày 9 tháng 3 năm 1945 tôi chỉ huy tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn bộ binh lê dương số 5 đóng ở Việt Trì sát cạnh quân đội Nhật Bản.

Trung đoàn chúng tôi nằm trong biên chế của binh đoàn do tướng Alessandri chỉ huy, lúc đó đang hành quân dã ngoại ở khu vực nam ngạn sông Hồng. Khoảng 9 giờ tối, chợt tôi nhận được điện mật truyền qua máy bộ đàm vô tuyến từ Hà Nội, khẩu lệnh: “Vì Thánh Barthelemy, thang, tay bắn giết!”, khẩu lệnh này được nhắc đi nhắc lại suốt đêm, báo tin Nhật Bản đã tiến hành đảo chính.

Gaucher dừng lại, uống chậm rãi một cốc rượu vang rồi tiếp tục kể:

- Chúng tôi đi ngược lên vùng trung du rồi theo đường 41, lên tận Điện Biên Phủ. Ai chiếm được thung lũng này tức là nắm được toàn bộ vùng thượng du. Sân bay ở Điện Biên Phủ hồi đó vẫn còn tốt, và chính tại đây, những chiếc Dakota thuộc lực lượng 136 của Anh tại Calcutta Ấn Độ đã bay tới tiếp tế cho chúng tôi. Cũng chính tại đây vào ngày 29 hoặc 30 tháng 3 gì đó tôi được tiếp đón đại tá Dewarin, trưởng cục phản gián và đại tá Langlade đặc phái viên của Chính phủ lâm thời, từ máy bay Dakota bước xuống, nói với chúng tôi:

- Tướng Gaulle chỉ thị các bạn phải giữ lấy mảnh đất Đông Dương bằng bất cứ giá nào. Tuyệt đối phải giữ bằng được thung lũng Điện Biên Phủ.

Nếu giữ được Điện Biên Phủ, có nghĩa là cứu được xứ Đông Dương thuộc Pháp...

Rồi Gaucher lại cười to, nói với Castries:

- Ông nghe rõ không? Nếu ông giữ được Điện Biên Phủ, có nghĩa là cứu được xứ Đông Dương thuộc Pháp...

Câu chuyện năm xưa lại được tiếp tục. Hai ngày sau khi tiếp đặc phái viên Chính phủ Pháp, tướng Alessandri và toàn bộ cơ quan chỉ huy rút về phía Phong Salỳ, Lào rồi chạy sang Trung Quốc.

Gaucher, lúc đó là đại úy, ở lại trấn giữ Điện Biên Phủ cùng với một tiểu đoàn bộ binh lê dương. Vị trí chỉ huy của Gaucher lúc đó đặt trên đồi Him

Lam sát đường cái, bây giờ gọi là cứ điểm Béatrice. Quân đội Nhật tiến đến. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Và đám tàn quân của Pháp lại ngược dòng sông Nậm Hu, rút chạy sang Trung Quốc...

Câu chuyện chấm dứt vào đúng nửa đêm.

Cũng đúng vào đêm hôm đó, những đơn vị đi đầu của sư đoàn chủ lực Việt Minh mang số hiệu 308 sau khi hành quân liên tục suốt ba mươi đêm không nghỉ đã chiếm lĩnh các điểm cao sát thung lũng Điện Biên Phủ. Ngày 25 tháng 1 năm 1954 bộ đội của tướng Giáp đã tới những mỏm đồi phía đông thung lũng lòng chảo gần cao điểm 781. Sư đoàn này đã hành quân suốt ba mươi đêm không nghỉ, trên những đường cái lớn hoặc đường hẻm xuyên rừng. Họ đã vượt ba con sông và hàng trăm con suối, ăn mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa một nắm cơm, thường thường là gạo đỏ vì có chứa nhiều vitamin hoặc gạo nếp vì có sẵn trên đường. Mỗi người lính mang theo năm ngày gạo đựng trong những bao vai khoác ngang người. Sư đoàn hành quân rất nhanh, có sức chùng nào đi nhanh chùng ấy, họ đi suốt đêm trên những đường nhỏ, gặp những đoạn khó khăn lắm mới thấp đuốc bằng nhựa cây để soi đường. Mọi người đều đi giày vải làm từ Trung Quốc, nhẹ như những đôi giày thể thao quần vợt. Nhiều khi, để tiết kiệm đôi giày, họ đi chân không nhiều giờ trong đêm.

Vách đá cao điểm 781 nhìn xuống thung lũng lòng chảo như một bao lơn. Từ trên vách núi này những người lính sư đoàn 308 có thể nhìn thấy những ánh đèn từ các doanh trại của Pháp, kể cả cây thông đón lễ Noel được thắp sáng ngay dưới chân họ. Những tiếng hát cũng vọng đến tai họ.

Đây là những bài hát thánh ca hay là những bài hát để mời uống rượu? Ở khoảng cách này bầu không khí như quyện vào nhau, hoà nhập với nhau. Những người lính sư đoàn không phải là những tín đồ tôn giáo. Họ không tin vào những đạo giáo vô tích sự. Tất cả những người lính này đều đang có mặt ở đây, trên đỉnh núi đá. Đây là sư đoàn thiện chiến nhất trong lực lượng xung kích của Việt Minh. Nhiệm vụ của sư đoàn là đánh thọc sâu, tiêu diệt kẻ địch. Phía sau sư đoàn là cả một đạo quân gồm những đơn vị bộ binh, pháo

binh, và phía sau nữa còn có một đội quân dân công đang vượt các nẻo đường rừng, tiến về hướng mặt trận Him Lam.

Chỉ trong vài giờ nữa các tiểu đoàn của sư đoàn 308 sẽ chiếm lĩnh tất cả các lối ra vào của thung lũng lòng chảo. Đến rạng sáng, khi các đội lính dù của Langlais trở về căn cứ sau những cuộc hành quân lùng sục nhanh chóng, sư đoàn 308 sẽ khoá chặt tất cả cửa ra vào của tập đoàn cứ điểm.

Ngày 25 tháng 12 năm 1953, ngày lễ Noel, vận mệnh cuộc chiến tranh Đông Dương có thể đã tới điểm không-trở-lại của lịch sử. Trong đêm hôm đó, có thể tập đoàn cứ điểm đã bị tràn ngập quân Việt Minh và khắp nơi trên bán đảo Đông Dương các lực lượng của tướng Giáp có thể đã phát động cuộc tổng tiến công. Từ đó trở đi, có thể hai đối thủ Pháp và Việt Minh sẽ dốc hết lực lượng, lao vào cuộc chiến đấu với tất cả năng lực và có lẽ cả danh dự của mình. Tướng Navarre đã tới Điện Biên Phủ vào ngày 24 tháng 12. Ngay trong ngày hôm sau là ngày lễ chính thức mừng Chúa Giêsu ra đời, có thể tướng Navarre sẽ được chứng kiến một cái gì đó làm thay đổi cục diện: một sự may mắn, một điểm nút lịch sử, một vận mệnh hoặc một sự tình cờ?

Trong khi đó, bầu không khí hoảng hốt đã ập tới Sênô. Tướng Navarre cùng chúng tôi đã rời khỏi Điện Biên Phủ và tới Sênô lúc buổi trưa ngày 25 tháng 12. Chúng tôi đến chậm vì sương mù buổi sáng tại Điện Biên Phủ quá dày đặc không cho phép máy bay cất cánh.

Được thông báo trước, tướng Bourgund đã ra sân bay đón tiếp. Ông mặc bộ quân phục nhàu nát, dáng điệu cuống quýt cặp mắt linh hoạt khác thường. Ông quay đầu nhìn khắp mọi nơi có vẻ như có ai đó đang núp trong bụi rậm. Đó là những bộ đội Việt Minh.

Tướng Bourgund báo cáo, đêm hôm qua Việt Minh đã chiếm Thà Khẹt và hiện nay đang tiến đến Sênô. Có một hoạt động khác thường tại căn cứ này. Không còn là bầu không khí vui nhộn của những ngày lễ hội mà chỉ ba người Pháp có mặt tại tiền đồn hẻo lánh này cũng có thể tạo ra trong ngày nghỉ đã được ghi trên lịch. Cũng không phải là bầu không khí náo động trước lúc hành quân chiến đấu. Đây là sự chuẩn bị rút chạy. Binh lính chăt



lên xe tải những thứ thật là kỳ cục, một chiếc bàn làm theo kiểu Trung Quốc, một máy lạnh chạy bằng dầu hoả, những tủ đựng hồ sơ tài liệu mở tung không khoá v.v... Có cả một vị đại tá đội ngược mũ bê-rê đỏ. Đây chính là vị chỉ huy cuộc hành quân rút chạy. Chiếc xe Jeep của ông đã chuẩn bị sẵn cho chuyến đi xa cứ bám theo ông từng bước trong khi ông chạy đi chạy lại để thu nhặt tất cả mọi hành lý đồ đạc của mình.

Tướng Navarre đã “cụp tai lại” để chú ý lắng nghe từ những câu báo cáo đầu tiên. Ông nói khẽ một câu khô khan, triệu tập mọi người vào gian nhà gỗ miền nhiệt đới là nơi đặt sở chỉ huy. Đại tá Berteil vừa từ Sài Gòn lên đây lúc sáng sớm ngồi ở phía sau bàn. Vừa thấy chúng tôi bước vào, ông đã nhìn tướng Bourgund bằng cặp mắt khinh bỉ đặc sệt tới mức mọi người như có thể sờ thấy. Berteil hoàn toàn không có đầu óc hài hước. Ông không hề biết đến sự khoan dung và sự ân cần mà ông cho là không ghi trong luật lệ xã giao. Cứ nhìn cách sống của Berteil, có vẻ như ông không thể hiểu nổi thế nào là niềm vui giọng cười tiếng khóc. Nhưng về mặt quân sự thì ông lại hiểu được cái không thể hiểu nổi; ông có thể phân tích chỉ trong vài phút, một tình huống rối rắm nhất. Ông biết cắt nó ra thành từng mảnh rõ rệt. Trước mặt Tổng tư lệnh Navarre, ông trình bày những lời phát biểu, mà không ai có thể tranh cãi được, và khi ông giải thích thì ai cũng nghe. Tức là tướng Bourgund đã hành động trái chỉ thị đã nhận được. Đáng lẽ phải để cho Việt Minh tiến sâu vào khu rừng thưa thì ông lại muốn chặn đối phương ngay từ đầu núi. Với ý đồ đó, ông đã đưa các đại đội và pháo lên phía trước để tiến hành chiến đấu. Nếu thắng, dĩ nhiên ông được thưởng huân chương. Nhưng, trong đêm tối Việt Minh đã tiến đánh luôn các khẩu pháo vừa xuất trận. Thế là, những đại đội sung sức của Bourgund cùng với các khẩu pháo đều nát vụn dưới sức tiến công của Việt Minh. Thà Khẹt vội vàng di tản y như Paris năm 1940. Bây giờ, từng phút này sang phút khác, mọi người chờ đợi Việt Minh tiến vào Sê-nô như những xe tăng của tướng Đức Rommel đã tiến đến Paris rất nhanh.

Những lời lẽ của Berteil như những cái gai chọc vào tướng Bourgund.

***Chú thích:***

*(1) Tên tắt Groupement operationel du Nord Ouest, nghĩa là Cụm tác chiến Tây Bắc*

*(2) Theo tiếng Pháp Sud (Đông Nam) Nord-Ouest (Tây Bắc)*

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## Chương 6

Dĩ nhiên, Việt Minh chưa có những xe bọc thép, nhưng rõ ràng là nếu có thì cuộc hoảng loạn càng tăng lên gấp bội. Trong khi thảo luận các biện pháp đề phòng, có người nào đó đã ra lệnh phá hủy chiếc cầu chủ yếu trên con đường từ Thà Khẹt đi Sênô, nằm trên sông Sêbang Phai. Ở mặt Bắc đoạn cắt này có một đơn vị nhỏ công binh chốt giữ chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra.

Tiếp theo lời phát biểu của Berteil, đại úy Graillat cũng tham gia ý kiến. Ông vốn là một đại úy kỵ binh chắc nịch, nặng tới 95 kilô, hiện nay đang chỉ huy một đại đội xe bọc thép ở Lào. Đại đội này do ông tự thành lập, bằng cách thu thập hai mươi xe bọc thép có vũ trang cũ kỹ của Mỹ, một trăm năm mươi lính Lào hay cười, thông minh, nhẫn nại. Ông đã tổ chức được một đơn vị nghiêm chỉnh, vượt sự mong đợi. Một trung đội của ông đã được biệt phái tới Thà Khẹt, nhưng vẫn còn ở đâu đó trên đường đi và đang gọi điện về xin chỉ thị.

Theo báo cáo của trung đội trưởng, thị xã nhỏ bé này vẫn rất yên tĩnh kể từ khi các cơ quan quân sự hấp tấp di tản. Dọc đường đi, trung đội phát hiện thấy có nhiều kho đạn hình như bị bỏ lại. Những tin tức do đại úy Graillat thông báo làm mọi người xôn xao bàn tán. Tướng Navarre hỏi:

- Trong trường hợp trung đội xe thiết giáp của anh cũng phải rút về Sênô thì liệu có thể vượt qua sông Sêbang Phai được không?

- Báo cáo Đại tướng, không thể được. Tôi biết rất rõ đây là một nhánh của sông Mêkông. Đoàn xe của chúng tôi không thể nào vượt qua được nếu không có cầu.

Tướng Bourgund ngồi trên chiếc ghế gỗ mà như sụt xuống đất. Đây là một trường hợp thường thấy trong văn học nhưng hiếm thấy trong cuộc sống đời

thường. Tuy nhiên, khi gặp phải thì người ta vẫn cứ phải chấp nhận và hiểu ra ngay. Tướng Bourgund như một vị anh hùng trong truyện cổ tích bị các thế lực dưới âm ty đánh quy. Đám ma quỷ bé nhỏ trong rừng đã “ăn hết óc” của ông.

Tướng Navarre kéo riêng tôi ra một nơi, nói với tôi bằng một giọng trầm tĩnh, chính xác như thói quen vốn có:

- Mình hơi lo ngại về tình hình sức khỏe của tướng Bourgund. Cậu có thể dùng máy bay của tôi đưa ông ấy về Huế được không?

Thế là tướng Bourgund bị cách chức tư lệnh miền Trung Đông Dương một cách bí mật. Tướng Franqui được cử tới thay thế. Thật là bất hạnh.

Đây là một người bạn nữa cùng khoá với tướng Navarre.

Sư đoàn 325 Việt Minh hoàn toàn không biết câu chuyện này vì không có một nhà báo nào được chứng kiến để sau đó tiết lộ. Mãi bốn mươi tám giờ sau các nhà báo mới tới Thà Khẹt. Đó là thời gian vừa đủ để chúng tôi bắc lại cây cầu qua sông Sêbang Phai gọi các đoàn xe bọc thép quay trở lại đưa máy bay đi đón nhưng tiểu đoàn dù đã di tản về đồng bằng quay trở lại Sênô. Trong khi đó Bréchnac và Bigeard hoạt động rất khôn khéo trong rừng để nhử quân Việt tiến vào tầm pháo của Pháp. Mũi nhọn đã bị đánh tòi, cuộc tiến công của Việt Minh vào Trung Lào cùng giảm bớt sức thâm nhập. Ngày 20 tháng 1 Thà Khẹt được chiếm lại. Nhưng từ ngày 11, một vài dòng tít nổi bật trên báo chí “Đông Dương đã bị cắt đôi” đã gây xúc động trong công chúng Pháp.

Tướng Navarre mở cuộc họp báo. Ông vẫn còn có vẻ hơi lạnh nhạt với giới báo chí, nhưng bản thuyết trình của ông rất rõ ràng và có tính thuyết phục. Buổi họp báo kết thúc với quang cảnh mọi người đều cầm cốc rượu trong tay. Nhưng khi viết sách, Bodard đã ghi lại câu nói của hai nhà báo mà ông nghe được khi ra khỏi Tổng hành dinh: “Bây giờ thì có vẻ như ông ấy thắng. Nhưng ta hãy chờ xem...” và “tình hình Đông Dương vẫn còn những nhằng như thế đó”..

Tướng Navarre đã tỏ ra thắng thắn, cởi mở.

Ông không hề nói với các nhà báo trong cuộc họp ngày 2 tháng 1 là ông chờ đợi Việt Minh tiến đánh Điện Biên Phủ. Và ông đã quyết định mở cuộc tiến công giành lại Liên khu 5 trong vòng chín ngày.

### Đinh Văn Sung

Chiến dịch Atlante, nhằm đánh chiếm Liên khu 5 là vùng tự do của Việt Minh từ ngày bắt đầu cuộc chiến tranh Việt-Pháp đã được ghi trong kế hoạch Navarre cũng như trong tất cả các phương án tiến công từ bay năm nay.

Trong khoảng thời gian đó, khu vực được coi là cái chốt của Việt Minh kéo dài từ nam Đà Nẵng đến tận sát Nha Trang đã được tổ chức lại: vùng đồng bằng ven biển tương đối trù phú; những ruộng lúa nước sản xuất hai vụ một năm, khá đủ để cùng với nguồn hải sản nuôi sống hai triệu dân. Những thuyền buồm viễn dương từ đảo Hải Nam của Trung Quốc thường chọc thủng vòng vây phong tỏa của hải quân và không quân Pháp, mang đến cho Việt Minh những vũ khí đạn dược viện trợ. Trên lãnh thổ Liên khu 5 mà không một địa điểm nào có thể thoát khỏi tầm pháo từ tàu chiến bắn lên, Việt Minh vẫn thành lập, trang bị, huấn luyện được bốn trung đoàn chủ lực, mỗi trung đoàn có một đại đội pháo đi kèm.

Liên khu 5, bị lãng quên hoặc được thoát khỏi một cách kỳ lạ khi Pháp quay trở lại Đông Dương năm 1945, nay trở thành một đầu cầu chiến lược rất có giá trị của tướng Giáp. Từ căn cứ này tướng Giáp đã cổ vũ cuộc kháng chiến Nam Bộ và tuần tự đưa cán bộ và vũ khí tới miền Nam. Đoạn đường xe lửa từ Nha Trang đi Sài Gòn, nằm một phần trong hệ thống đường sắt xuyên Đông Dương, được coi như ống kim tiêm bơm thuốc trợ lực. Từng đoàn xe lửa gồm ba hoặc bốn toa, từng đợt ra vào, được Pháp kiểm soát rất kỹ và Việt Minh bảo vệ rất đều. Các lực lượng vũ trang Liên khu 5 dĩ nhiên, giữ một vị trí trong các kế hoạch tổng phản công của tướng Giáp. Từ cuối tháng 1 năm 1954, lực lượng này đã tiến theo hướng Bắc đánh lên Tây Nguyên, tiêu diệt hệ thống phòng thủ yếu ớt bằng các đơn bốt nhỏ của chúng ta. Cùng phối hợp với cuộc tiến công ở Trung Lào, những lực lượng này có thể đánh chiếm vùng Ba biên giới chỉ trong vòng vài tuần. Từ đó, sẽ uy hiếp Hạ Lào,

Đông Campuchia, cũng như Nam Kỳ và Sài Gòn.

Bộ Tổng tham mưu của tướng Navarre hiểu rõ các ý đồ của Việt Minh và đã chuẩn bị các phương tiện cần thiết để đối phó. Nếu tôi không nhầm thì các lực lượng được bố trí để phòng thủ Tây Nguyên còn ngang bằng hoặc lớn hơn lực lượng sử dụng trong chiến dịch Atlante. Những kết quả dự tính sẽ đạt được trong phòng ngự cũng như trong tiến công đều giống nhau. Những lực lượng dự tính huy động trong chiến dịch Atlante sẽ có thể tiến công trước nhằm dập tắt hoặc vô hiệu hoá cuộc tiến công của Việt Minh, hoặc có thể chờ Việt Minh đánh lên Tây Nguyên sẽ chống lại bằng chiến thuật phòng ngự. Tướng Navarre chọn chiến thuật phòng ngự vì có nhiều lợi thế hơn.

Trong văn bản ngày 25 tháng 1 năm 1954 liên quan đến vấn đề này có ghi rõ: “Những hoạt động quân sự này được tiến hành dưới hình thức tiến quân theo hướng Nam-Bắc bằng các lực lượng phối hợp giữa cánh quân từ nam Đà Nẵng tiến xuống và cánh quân tham gia chiến dịch Atlante từ Bình Định tiến lên. Cuộc hành quân phối hợp tác chiến sẽ phải kết thúc trong tháng 7 năm 1954.

Giai đoạn đầu, cuộc hành quân Arethuse gồm hai mươi lăm tiểu đoàn, trong đó có hai tiểu đoàn dù, ba cụm pháo, hai đại đội xe bọc thép, bốn đại đội công binh. Mục đích là đánh chiếm Phú Yên, giao tỉnh lỵ cho chính quyền Bảo Đại cai trị...”

Căn cứ vào số lượng binh lực tham gia chiến dịch Atlante thì đây không phải là một cuộc hành quân qui mô lớn. Những cuộc hành quân càn quét ở Bắc Kỳ, như chiến dịch Brochet còn có nhiều phương tiện hơn, có chất lượng hơn và thường cũng chỉ thu được những kết quả rất mỏng manh. Tầm quan trọng của Atlante nằm trong giá trị của mục tiêu. Nếu hủy bỏ được cái lò lửa nuôi dưỡng cuộc kháng chiến toàn miền Nam và giao cho chính quyền Bảo Đại quản lý, thì có thể coi như đẩy lùi được cuộc chiến tranh ra tận cửa ngõ Quảng Bình.

Sự thất bại của chiến dịch Atlante bắt nguồn từ một công thức cổ điển đối lập với chiến dịch Điện Biên Phủ. Như tờ Nước Pháp buổi chiều bình luận:

“Tướng Navarre lao vào phía Nam, tướng Giáp tiến công ở mặt Bắc”. Phải chăng Atlante là một sai lầm về chiến lược?

Tướng Giáp đã tập trung chung quanh Điện Biên Phủ bộ phận thiện chiến nhất, đông đảo nhất của lực lượng chủ lực tác chiến và định mở cuộc tiến công vào ngày 25 tháng 1 năm 1954. Tướng Navarre biết rõ điều đó nhưng lại lơ đãng tới mức, năm ngày trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ có thể xảy ra, lại điều động một bộ phận lực lượng của mình tới một nơi cách xa mặt trận chính hàng ngàn kilômét. Chỉ cần nêu lên con số các tiểu đoàn đã tham gia chiến dịch Atlante, bất cứ một học viên năm thứ nhất nào của trường Cao đẳng quân sự cũng có thể dễ dàng chứng minh Tổng tư lệnh của mình đã vi phạm nguyên tắc tiết kiệm lực lượng. Sự chứng minh này không cần một chứng cứ nào bởi vì sự thật là các nguyên tắc đã bị vi phạm rất rõ ràng. Chỉ cần không kể đến các nguyên tắc đó, như người ta vẫn thường lý giải một cách trừu tượng khi bàn đến vấn đề chiến lược, rồi vin vào các điều kiện đặc biệt của cuộc chiến tranh Đông Dương.

Mục tiêu đánh chiếm của chiến dịch Atlante là quan trọng. Nhưng rõ ràng không phải đây là chuyện hy sinh để giữ Hà Nội hoặc Điện Biên Phủ. Càng không phải là chuyện hy sinh toàn bộ lãnh thổ Đông Dương để cứu Hà Nội. Bộ chỉ huy Pháp đã quyết định mở chiến dịch Atlante ngày 20 tháng 1 trong khi đang chờ Việt Minh đánh Điện Biên Phủ ngày 25 tháng 1. Chính vì lẽ đó, các tiểu đoàn tham gia chiến dịch ở miền Nam đã không thể có mặt ở Bắc kỳ và càng không thể tới được Điện Biên Phủ nếu Việt Minh tiến đánh.

Những đơn vị đặt dưới quyền chỉ huy của Tổng tư lệnh Navarre trên toàn cõi Đông Dương không thể thay đổi dễ dàng được như các quân cờ trên bản đồ diễn tập của Học viện chiến tranh. Các lực lượng vũ trang của tướng Navarre như những mảnh vải không đều nhau, chắp vá cho vừa khít với nhau trong bộ quần áo của vai hề. Còn quân đội của các quốc gia liên kết ở Đông Dương thì như những mảnh sành mảnh sứ gắn chặt vào nhau như bộ đồ trang trí ghép mảnh cổ truyền. Các tiểu đoàn của Campuchia đã không thể điều động ứng cứu cho Trung Kỳ hoặc Bắc Lào. Nhưng, việc các đơn vị của

Nam Việt nam không thể ứng cứu cho vùng đồng bằng Bắc bộ người Nam Kỳ không muốn đi chiến đấu ở tận Bắc kỳ, đó không phải là điều đáng lo nhất. Ngay trong cuộc tiếp xúc đầu tiên với tướng Navarre, tướng Nguyễn Văn Hinh đã trình bày:

- Khi tôi điều động một số tiểu đoàn của tôi ở miền Nam Việt nam lên Tây Nguyên cách Sài Gòn 200 kilômét, binh lính của tôi đã nghĩ rằng tôi lưu đày họ biệt xứ, mặc dù hồi đó chưa có địch để đánh trên cao nguyên người Thượng. Đối với họ, cao nguyên Trung phần là vùng lãnh thổ bên ngoài, chẳng khác gì điều động một trung đoàn lính Pháp ở thành phố Lille của Pháp đi sang tận Tombouctou ở Châu Phi.

Những đơn vị truyền thống của lực lượng viễn chinh Pháp, tức là những đơn vị duy nhất được thành lập ở Pháp, mang các phù hiệu cổ truyền của quân đội Pháp như tiểu đoàn xung kích kỵ binh số 1, trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22, tiểu đoàn xung kích bộ binh số 10.., không phải là những đơn vị cơ động lắm. Trên thực tế những đơn vị địa phương này thiếu cán bộ và phương tiện thích ứng với nhiệm vụ. Đó là những đơn vị tuyển quân tại chỗ, trang bị những phương tiện phù hợp nhất với hoàn cảnh địa phương, không giống nhau thay đổi rất rõ ràng về mặt này, mặt khác. Tuy vậy cũng không có trở ngại gì lớn. Trong khi thích ứng với hoàn cảnh địa phương, các tiểu đoàn đạt được sự mềm dẻo vì chiến thuật lại bỏ mất tính cơ động chiến lược. Binh đoàn cơ động số 100 được thành lập trên cơ sở một tiểu đoàn ở Triều Tiên trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) nhưng rồi được bổ sung thêm bằng các binh lính người Nam Kỳ và người Thượng, đã phình to lên gấp đôi, rồi gấp mười tiểu đoàn. Giá trị của mỗi tiểu đoàn cơ sở, bắt nguồn từ một tiểu đoàn gốc, cũng được tăng lên gấp mười, nhưng các binh đoàn 100 gồm mười tiểu đoàn đó vẫn không thể sử dụng hữu ích bên ngoài lãnh thổ Nam Đông Dương. Các đơn vị thuộc lực lượng dự trữ của Pháp cũng đã “vàng hoá”, tức là bổ sung thêm nhiều binh lính da vàng. Những tiểu đoàn dù của Pháp, có thể nhảy từ trên máy bay đang bay xuống một điểm đã định ở bất cứ nơi nào trên chiến trường dưới đất, nay có tới 50 phần trăm quân số là



lính Việt nam. Mặc dù việc chọn lọc khắt khe được coi là nguyên tắc trong các đơn vị xung kích này khiến cho binh chủng dù được hưởng một quyền tự trị nào đó về mặt địa lý, những tiểu đoàn dù vẫn chỉ hoạt động có hiệu quả ở khu vực có lính Việt nam được tuyển chọn, tức là ở đồng bằng Bắc bộ.

Tính chất khác nhau về hình thức và giá trị sử dụng đã khiến cho việc lắp ráp để tiến hành một hoạt động quân sự qui mô lớn trở thành khó khăn, phức tạp. Việc tiêu chuẩn hoá từng người lính là điều cần thiết cho việc tiến hành chiến dịch. Trong một đội quân cổ điển, các đơn vị trong cùng một binh chủng có khả năng thay thế lẫn nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Nhưng trong các đội quân do tướng Navarre chỉ huy ở Đông Dương, khả năng này không có. Ngoài lực lượng tổng dự bị gồm khoảng ba mươi tiểu đoàn, các đơn vị khác đều chỉ hoạt động có hiệu quả ở nơi đóng quân trong các tỉnh.

Những lực lượng tham gia chiến dịch Atlante được huy động từ ba vùng lãnh thổ khác nhau thuộc Liên khu 5, tức là vùng Trung Kỳ, Nam Kỳ, Tây Nguyên, trừ một tiểu đoàn dù. Tất cả gồm khoảng hai mươi năm tiểu đoàn bộ binh, ba cụm pháo binh, hai tiểu đoàn công binh. Thuộc cao nguyên Trung phần có hai binh đoàn cơ động một tiểu đoàn cơ động, một đại đội xe thiết giáp, một tiểu đoàn công binh (nhưng chỉ có hai đại đội).

Thuộc các lực lượng lục quân Nam Việt nam có binh đoàn cơ động số 100 (gồm bốn tiểu đoàn), một tiểu đoàn dù lính Việt, một tiểu đoàn công binh (hai đại đội), sáu tiểu đoàn hành quân lính Bảo An. Thuộc các lực lượng miền Trung Việt nam có binh đoàn cơ động 21 (gồm ba tiểu đoàn) hai tiểu đoàn cơ động, một đại đội xe thiết giáp. Thuộc lực lượng tổng dự bị có một tiểu đoàn dù.

Như vậy là không có một đơn vị nào của Bắc kỳ và các tiểu đoàn dù đang chờ đợi tham gia vào trận đánh ở Điện Biên Phủ.

Trong tâm trí Bộ chỉ huy quân đội Pháp cuộc hành quân Atlante nhằm một mục tiêu chính trị không thể tuyên bố công khai được.

Đã có thoả thuận là những vùng đất do quân đội Pháp đánh chiếm được sẽ giao lại cho quân đội bản xứ và chính quyền Bảo Đại quản lý. Tháng 9 vừa

qua, việc trao vùng Bùi Chu và Phát Diệm cho Bảo Đại là thử nghiệm đầu tiên. Tuy nhiên trong số những người bi quan, nhiều người cho rằng một mình chính quyền Bảo Đại không thể chống lại nổi Việt Minh. Mặc dù vậy, tướng Navarre vẫn kiên quyết giữ vững quyết định cũ, thậm chí ông còn mời Bảo Đại tham gia Ban chỉ huy tối cao cuộc hành quân Atlante. Quốc trưởng nhận lời, nhưng lại cử dược sĩ Giao làm đại diện cho mình. Tướng Hinh là người đang ôm ấp tham vọng lại không được uỷ nhiệm. Việt đầu tiên của ngài đại diện Quốc trưởng, dược sĩ Giao, ngay sau khi được cử vào ban điều hành chiến dịch là nắm luôn trong tay việc kiểm soát ngân quỹ dành cho việc chi tiêu về hành chính dân sự, gồm một khoản tiền lớn.

Tổng cao uỷ Dejean và Tổng tư lệnh Navarre cố giữ ý, không can thiệp vào chuyện này. Chính quyền Bảo Đại đã được Pháp công nhận là đại diện cho một quốc gia độc lập. Nếu Pháp lại nắm giữ những lãnh thổ, dù là do quân đội Pháp đánh chiếm được, vẫn sẽ bị coi là bước đầu tiên phản lại lời cam kết. Atlante có giá trị lớn về sự thử nghiệm: nếu chính quyền Bảo Đại hoàn thành nhiệm vụ tiếp quản lãnh thổ Pháp sẽ tiếp tục đẩy mạnh nỗ lực nếu Bảo Đại thất bại thì Pháp sẽ chẳng cần giữ lời cam kết một cách vô ích.

Trong tình thế tan rã nói chung trên toàn cõi Đông Dương vào cuối mùa hè 1953, Atlante cũng sẽ gặp những may rủi khác nhau. Hội nghị Geneve sắp họp. Kết quả mà Pháp đạt được tại hội nghị này có thể biết trước là sẽ nghèo nàn và phụ thuộc vào con bài chiến tranh duy nhất của chúng ta, “một con số 2 rô hoặc 3 nhép” như Ngoại trưởng Bidault hồi đó đã nhận xét. Nhưng cũng có thể, nếu Atlante thắng lợi, điều đó sẽ giải thích, có lẽ Hồ Chí Minh sẽ chấp nhận rút quân khỏi các lãnh thổ phía Nam vĩ tuyến 17. Nhưng sự thắng lợi ở Điện Biên Phủ chỉ được giải thích trên nguyên tắc tiết kiệm lực lượng. Atlante không có một chút ảnh hưởng nào tới Điện Biên Phủ cũng như tới sự mở rộng trong vùng đồng bằng Bắc bộ.

Nếu thất bại ở Điện Biên Phủ đánh dấu một thời điểm trong lịch sử của Pháp - và có thể cả lịch sử thế giới và những hậu quả của nó hầu như vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt - thất bại này cũng ghi nhận một thời điểm trong những

quan điểm và lý thuyết quân sự của chúng ta. Nếu muốn giải thích chiến tranh chỉ dưới ánh sáng duy nhất của những nguyên tắc cổ điển đã phủ đầy bụi, có nghĩa là chẳng hiểu gì về cuộc chiến tranh này cả, chẳng khác gì đem những nguyên tắc đánh bài Bridge để chơi bài Belotte, cũng là chơi bài lá nhưng kiểu cách rất khác nhau. “Đối với một người theo chủ nghĩa Mác-xít, chiến lược quân sự trước hết là chính trị”. Lịch sử cuộc chiến tranh Điện Biên Phủ gắn liền một cách rõ rệt với hai sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu bằng hai thời điểm của các hội nghị quốc tế họp ở Berlin và ở Geneve, trải dài trên ba giải đoạn khác nhau.

Trong ba giải đoạn này, thái độ của tướng Giáp trước tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, những tư tưởng, quyết định và hành động của ông có thay đổi đột ngột, nhằm thích ứng chặt chẽ với những hoàn cảnh chính trị quốc tế.

Trong hai tháng đầu sau khi Pháp chiếm đóng Điện Biên Phủ, Giáp chỉ coi hành động này như một sự “cản phá” của Navarre, một phản ứng trước những kế hoạch tiến công của Việt Minh, một sự “luật nút chai” trước khi tiến hành tổng phản công(1). Vị trí của Pháp tại Điện Biên Phủ cản trở kế hoạch của tướng Giáp tiến quân sang Thượng Lào và khuấy động xứ Thái ở một chừng mực nào đó. Chỉ với những lý do đó cũng đủ để tướng Giáp tiến hành một cuộc tiến công chớp nhoáng nhằm giành được những thắng lợi nhanh chóng. Ông chưa nghĩ đó là một thắng lợi quyết định và hồi đó, cũng không có một tài liệu nào của Việt Minh coi đó là thắng lợi quyết định.

Đầu tháng 12 năm 1953, tức là vào thời điểm mà cả hai phía, tướng Navarre cũng như tướng Giáp, đều chấp nhận cùng giao chiến tại thung lũng lòng chảo, cùng chấp nhận những rủi ro đã tính kỹ. Ngày 25 tháng 1 năm 1954, bộ đội của tướng Giáp đã sẵn sàng tiến công. Nhưng, cũng trong ngày hôm đó, Hội nghị Tứ cường sau nhiều lần tuyên bố họp rồi lại hoãn do Liên xô muốn bàn chung nhiều vấn đề và do Pháp muốn mở rộng thành năm cường quốc có cả Pháp tham gia, cuối cùng đã khai mạc tại Berlin. Tối ngày 25 tháng 1, tướng Giáp ra lệnh hoãn cuộc tiến công để chờ đợi tròn vẹn một tháng những kết quả của hội nghị quốc tế tại Berlin(2), phần lớn các lực

lượng bộ đội Việt Minh vẫn đóng quân ngay trước tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Riêng sư đoàn 308 được trao nhiệm vụ tiến hành một hoạt động thứ yếu, tức là tiến sang Lào đẩy lùi các đơn vị Pháp-Lào trên đường tiến về kinh đô Luang Prabang.

Ngày 18 tháng 2, sư đoàn 308, được mệnh danh là sư đoàn thép, bao vây năm tiểu đoàn Pháp tại Mường Sài. Việc chuẩn bị tiến công đã hoàn tất. Những khẩu sơn pháo 75, đạn dược, lương thực đều được chuyển tới Điện Biên Phủ bằng sức người. Chỉ cần vài tiếng đồng hồ bộ đội Việt Minh đã chiếm gọn Mường Sài. Thắng lợi đã rõ ràng về phía tướng Giáp. Sự sụp đổ cũng rõ ràng về phía Pháp, Bộ chỉ huy quân sự ở Sài Gòn đã tuyên bố như vậy. Cũng ngay trong ngày hôm đó, thông cáo cuối cùng của Hội nghị Berlin tuyên bố sẽ họp tiếp Hội nghị quốc tế tại Geneve. Bốn mươi tám giờ sau, sư đoàn 308 rời Mường Sài, cấp tốc hành quân trở lại Điện Biên Phủ, lại chiếm lĩnh vị trí cũ để sau đó tham gia trận tiến công vào những ngày đầu tháng 3. Từ những ngày này, tướng Giáp quyết định tập trung lực lượng, giành chiến thắng bằng mọi giá.

Công trạng của tướng Giáp là đã biết điều hành mềm dẻo hoạt động của mình. Như nhà báo Pháp Jean Ferran đã nhận xét: “Chiến lược của một người Mác-xít là không tách rời chính trị với quân sự như người Pháp chúng ta. Nếu chúng ta biết mở rộng như vậy thì sẽ có nhiều khả năng lớn hơn”. Navarre và Cogny không có những khả năng đó. Bị thua trận ở Điện Biên Phủ vào tháng 5, Navarre và Cogny đã tranh thủ được thời gian mùa khô ở đồng bằng và cuối cùng đã thất bại toàn bộ cuộc chiến tranh mà không biết gì đến Hội nghị Geneve. Nếu bị thua ngay tại Điện Biên Phủ từ hồi tháng 1, có lẽ họ chỉ bị thua một trận đánh và vẫn còn tranh thủ được thời gian.

Đến tháng 1 năm 1954, tập đoàn cứ điểm đầy áp các tiểu đoàn đã hoàn thành mọi việc chuẩn bị một cách tin tưởng. Bản báo cáo tình hình từ 26 tháng 12 năm 1953 đến 25 tháng 1 năm 1954 gửi về Tổng hành dinh cho biết: “Tại vùng thượng du, trung tâm đề kháng Điện Biên Phủ hiện chỉ còn lại một số

công việc chi tiết để củng cố việc tổ chức phòng ngự đang sắp hoàn thành”. Trong khi chờ đợi cuộc tiến công, cả Cogny lẫn De Castries đều tránh đưa quân đi xa tới những mỏm đồi bao quanh thung lũng Điện Biên Phủ. Va lại, Việt Minh cũng đã tiến xuống lòng chảo, chỉ cần đi khỏi trung tâm vài kilômét đã có thể bắt gặp.

Ngày 28 tháng 12 năm 1953 trung tá Guth là tham mưu trưởng của Castries đã bị bắn chết khi ông đang dẫn quân sục sạo mặt phía Bắc chuẩn bị đặt sở chỉ huy của cứ điểm mang tên Gabrielle. Ngày 30 tháng 12 lính Tabor đụng độ với Việt Minh ở phía Nam cứ điểm Isabelle. Ngày 8 tháng năm 1954, tại phía Đông Bắc cứ điểm Béatrice 8 kilômét, tiểu đoàn dù lê dương phát hiện thấy một vị trí của Việt Minh nguy trang rất kỹ. Ngày 12 tháng 1, một cuộc đụng độ nữa lại xảy ra cách trung tâm 8 kilômét về phía Tây Nam và đến ngày 13 thì phát hiện địch chỉ cách trung tâm có 3 kilômét. Tuy nhiên, cuộc bao vây vẫn chưa thật sự tiến hành. Nhờ có cầu hàng không, Điện Biên Phủ chỉ cách Hà Nội một giờ bay. Buổi sáng có thể từ Điện Biên Phủ đáp máy bay về Hà Nội chữa răng, ăn cơm trưa tại khách sạn Métropole rồi quay trở lại vị trí bằng chuyến Dakota cuối cùng. Khách tham quan thì ngược lại. Họ tới Điện Biên Phủ sau khi thung lũng tan sương mù rồi trở về Hà Nội vào buổi chiều. Rất nhiều người đã tới thăm Điện Biên Phủ từ cấp bộ trưởng đến cấp trưởng ban thấp nhất.

Cứ điểm phòng ngự cuối cùng được đặt tên là Gabrielle (nằm trên đỉnh đồi Độc lập, vì chỉ có một mình điểm cao này đột khởi trên cánh đồng trong khu vực) được hoàn tất vào đúng ngày 1 tháng 1 năm 1954. Cho tới lúc này đã rải xong hàng ngàn kilômét dây kẽm gai chôn hàng vạn cạm bẫy các loại: mìn phát sáng, mìn sát thương, mìn cóc nhảy, mìn chứa xăng khô napalm để thiêu cháy. Các binh sĩ trấn giữ Điện Biên Phủ đã nhận được đầy đủ kính hồng ngoại để có thể nhìn trong đêm tối, súng phun lửa để phát quang bụi rậm, nước uống tươi mát đóng chai, thuốc viên giúp lính gác đêm tỉnh táo, áo nịt chống đạn, súng phóng lựu đạn loại hiện đại nhất do tướng Blanc mang đến làm quà trong chuyến thăm, và những huy chương đạo Cơ Đốc do

Đức cha Badre, Tổng tuyên úy, trao tặng.

Mỗi vị khách tới thăm Điện Biên Phủ đều đắp thêm một viên đá cho pháo đài và tặng các chiến sĩ phòng ngự mỗi người một cốc rượu.

Trong khi đó, về phía tướng Giáp, bầu không khí chung quanh Tổng hành dinh ít rầm rộ hơn. Công cuộc chuẩn bị tiến công chưa hoàn tất, nhưng Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân vẫn quyết định nổ súng vào ngày 25 tháng 1 năm 1954. Những tiểu đoàn cuối cùng tham chiến đã tiến về Điện Biên Phủ.

Nhưng trước ngày đó một hôm, có một người lính Việt Minh tên là Đinh Văn Sung đã chạy sang hàng ngũ quân đội Pháp, đóng tại Điện Biên Phủ.

Chính Sung sau đó đã nói với tôi, hấn thuộc đại đội 18, tiểu đoàn 16, trung đoàn 141 sư đoàn 312.

Sung là tên khai sinh, còn khi chạy sang phía Pháp, hấn gọi tên là Đồng.

Sung sinh ra tại một làng nhỏ theo đạo Cơ Đốc ở vùng đồng bằng. Từ thửa nhỏ, Sung đã được một linh mục cho đi học tại trường dòng Phát Diệm và đã biết đọc kinh lễ bằng tiếng La-tinh.

Lớn lên, Sung yêu một cô gái tên là Tuyết, cũng là một nữ thanh niên theo đạo Thiên Chúa.

Giám mục Phát Diệm Lê Hữu Từ với cặp mắt soi mới, mặt dài thuôn, là người không bao giờ khoan dung cho tư cách kém cỏi của những thầy dòng đi chệch khỏi quy tắc, dù đã tin cậy trao cho họ khẩu súng. Sung bị buộc phải rời khỏi trường dòng vì tội yêu đương trai gái. Sung rất lấy làm tiếc vì hấn là người hiếu học.

Lúc đó Sung mới 19 tuổi, người mảnh dẻ nhưng có sức chịu đựng dẻo dai, có sức sống hấp thụ được từ truyền thống lâu đời của những người “nhà quê” thiếu đói. Hấn là sản phẩm của một sự di truyền khắc khổ theo một quy luật tự nhiên. Trong khu vực đồng bằng này, mật độ dân số lên tới tám trăm người trên một kilômét vuông, những người hèn người kém đều bị loại trừ không thương tiếc.

Sau khi bị đuổi khỏi trường dòng, Sung không muốn quay về quê làm ruộng, cũng không có đủ tiền để tiếp tục theo học tại Hà Nội. Là một người theo

chủ nghĩa dân tộc, Sung sôi sục trong lòng ngọn lửa khát khao trở thành những bậc anh hùng. Trong con người Sung có một lý tưởng yêu nước, một tín ngưỡng tôn giáo, một tình yêu say mê quyện chặt vào nhau. Hắn có ý đồ theo đuổi một cuộc sống nguy hiểm, liều thân và cống hiến cuộc đời mình cho Tuyệt, cho Đức Chúa Giê-su, cho nước Việt nam. Hắn đã xin gia nhập một đại đội thuộc lực lượng bộ đội địa phương Việt Minh.

Trong khi kể lại chuyện về cuộc đời mình, Sung đã rất ít tiết lộ về khoảng thời gian này.

Sung đã được nhanh chóng chú ý đặc biệt, được thăng cấp hoặc ít nhất cũng được giao đảm nhiệm một số chức vụ nào đó. Nhiệm vụ mà Sung được giao phó tạo cho hắn được tự do hoạt động và Sung đã lợi dụng luôn để bí mật về thăm Tuyệt. Dưới cặp mắt của người yêu, Sung vừa được thương mến, vừa được kính phục. Sung rất sung sướng. Hắn được chiến đấu, được yêu thương và vẫn thường thú tội như một con chiến ngoan đạo.

Trong một buổi học tập kiểm điểm mùa thu 1953 một đồng đội đã tố giác Sung. Đơn vị kết tội hắn “có quan hệ tội lỗi với một người con gái mờ ám”. Sự việc trở nên nghiêm trọng. Thái độ thành khẩn và khôn khéo của Sung trong buổi tối tự kiểm điểm giúp hắn thoát khỏi đi lao động cải tạo, nhưng chuyển sang sư đoàn 312 làm lính chiến đấu.

Tháng 11 năm 1953 Sung tới đơn vị mới tại nơi đóng quân gần Phủ Thọ. Ngày 25, trung đoàn của Sung được lệnh lên đường đi Mường Thanh.

Ngày hôm đó, đơn vị lên đường sau khi đã náo nức chờ đợi một tháng. Đại tá Nam Long(3) và chính uỷ Mạc Ninh cưỡi ngựa dẫn đầu hàng quân. Cuộc hành trình kéo dài và rất vất vả. Trung đoàn phải hành quân suốt nhiều đêm liền, ngày 7 tháng 1 tới Sơn La ngày 14 tới Tuần Giáo.

Ngày 17 tháng 1, trung đoàn dừng chân tại cây số 55 đường 41 cách Điện Biên Phủ khoảng hai mươi kilômét. Chính đây là nơi cất giấu hai mươi bốn khẩu pháo 105 và mười sáu khẩu 75 được ngụy trang rất kỹ bằng cành lá ngay sát đường cái.

Tất cả binh lính thuộc sư đoàn 312 đều được giao nhiệm vụ kéo pháo suốt

tám ngày liền. Họ đã lôi những khẩu pháo này trên những đường hẻm bên sườn núi, trên những độ dốc mà ô tô không thể nào đi được. Khoảng một trăm bộ đội xúm vào kéo một khẩu pháo bằng những chiếc dây chèo. Thỉnh thoảng, bánh pháo lại sa lầy trong đám đất mới tạo thành đường. Nhiều đêm, pháo chỉ nhích được vài trăm mét. Những khúc đường nguy hiểm đều có nhiều người kéo đằng trước, đẩy đằng sau.

Trong đêm 23 tháng 1, những người lính kéo pháo đã vượt qua được đỉnh núi cao nhất trong cuộc hành trình. Đây là lần đầu tiên Sung và đồng đội nhìn thấy những ánh đèn hắt ra từ những đồn bốt của bọn đế quốc ở xa xa dưới chân, về phía Nam. Trước khi trời sáng, họ đã đặt được những khẩu pháo vào trong hầm sâu khoét lõm bên sườn núi. Nòng pháo chĩa thẳng qua một cửa sổ hẹp, nhằm vào phía cứ điểm của Pháp dưới thung lũng.

Đêm hôm sau, toàn tiểu đoàn tập trung trong một thung lũng sâu như một cái mồi. Chung quanh là những cây cao, gỗ lim, gỗ tẻch có tán lá rộng tới tận đỉnh ngọn, đan xen với nhau, tạo thành một vòm lá cây mà máy bay trinh sát quan sát không thể nào nhìn thấy ở bên dưới. Hai bên bờ dòng suối chảy vào đầm lầy, những khóm tre và cây rừng từ mặt đất vọt lên như bùng nổ. Các vách thung đều được khoét hầm trú ẩn. Đây là những hầm sâu có thể chống lại được bom. Nhưng thật ra thì các phi công cũng chẳng để ý đến khu vực này. Chỉ riêng trong một thung lũng nhỏ này trung đoàn kéo tới đóng quân và còn có tới hàng chục thung lũng khác đầy ắp bộ đội các binh chủng đang sẵn sàng chảy vào lòng chảo, mà nơi hội tụ của các lực lượng vũ trang nhân dân là cánh đồng Mường Thanh.

Mạc Linh(4) và Nam Long tới gặp các binh lính trong đơn vị. Đại tá Nam Long nói: “Đêm mai sẽ bắt đầu”(5).

Những người lính được cổ vũ đã sử dụng thời gian còn lại trong đêm để lau chùi vũ khí. Vào lúc rạng đông, cơm nóng đựng trong giỏ mây được mang đến, có nước mắm, rau đậu, thịt mỡ cắt thành từng miếng nhỏ. Sau đó, họ nằm ngủ một lát. Đến giữa trưa, trung đoàn lại hành quân theo hàng một, từ đáy sâu trong thung lũng họ đã tới những ruộng nước trong lòng chảo.



Những chiếc máy bay đen, sơn cờ hiệu hải quân, từ tàu sân bay của Pháp đậu trong vịnh Hạ Long bay tới, tiến công họ nhiều lần. Mỗi khi có báo động, họ lại nằm im dưới những lá cây ngụy trang đeo trên người.

Hơn nữa suốt dọc đường tiến quân đều có đào sẵn hố cá nhân hoặc hầm trú ẩn để kịp lánh mình khi cần thiết. Cho tới lúc chiều tà họ vẫn còn tiếp tục hành quân trong những giao thông hào ngoằn ngoèo, phủ gỗ và đất. Họ cúi khom lưng tiến bước dưới ánh sáng lọt qua từ những lỗ châu mai thỉnh thoảng lại được khoét ở vách hào.

Đêm đã tới nhưng bộ đội Việt Minh hãy còn cách xa các vị trí của Pháp. Đại đội của Sung bước ra khỏi chiến hào. Vàng trắng chiếu sáng thung lũng lòng chảo. Mọi người được lệnh tuyệt đối giữ im lặng. Mệnh lệnh được truyền đi từ người này đến người khác bằng cách ra hiệu bằng tay. Trung đội của Sung đi đầu, được lệnh triển khai. Phía trước là mục tiêu đang hiện lò mờ sau làn sương bạc. Đây là một quả đồi hình lưỡi liềm có hai đại đội dùng cùi tay từ từ trườn lên phía trước để tới vị trí xung phong sát gần đồn địch tới mức có thể nghe rõ tiếng lính canh đổi gác. Với các động tác lặng lẽ, trung đội của Sung đã tháo bọc phá và lựu đạn khỏi hành trang. Trong đêm đen, úp mặt lên manh đất nóng của đám ruộng khô, Sung cảm thấy rất lo sợ. Hắn chợt nghĩ tới Tuyết. Hắn sờ vào ngực, nơi có giữ chiếc túi nhỏ bằng ni-lông trong đựng tấm ảnh Tuyết, cùng với những lá thư gia đình và những huy hiệu Đức Mẹ đồng trinh và Chúa cứu thế. Theo qui định, sau một loạt pháo bắn sẽ là tín hiệu xung phong. Nhưng các khẩu pháo vẫn im bất. Chỉ thỉnh thoảng nghe thấy vài tiếng súng trường bắn vu vơ từ các cứ điểm của Pháp.

Vào khoảng nửa đêm, người lính bên cạnh dùng cử chỉ ra hiệu cho Sung biết có lệnh rút lui.

Từng người một lặng lẽ quay trở lại rồi đi rất nhanh, thẳng người, trên cánh đồng. Trước khi trời sáng, toàn đơn vị đã tới nơi trú ẩn trong thung lũng. Sung và đồng đội chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra thì chính uỷ Mạc Ninh đã nói:

- Bộ tổng tư lệnh chỉ ra lệnh tiến công khi chắc thắng.

Buổi chiều hôm đó họ lại được lệnh đi kéo pháo trở lại đường cái. Kéo pháo xuống cũng khó khăn như lôi pháo lên núi. Phải mất nhiều ngày họ mới đưa được pháo ra đường cái để ô tô kéo về Tuần Giáo.

Sáng 26 tháng 1, đại úy Désiré chỉ huy tiểu đoàn Thái số 3 đóng trên cứ điểm Anne Marie 4, dẫn một đơn vị đi lùng sục về phía Tây. Cách hàng rào kẽm gai chưa đầy 80 mét ông đã phát hiện thấy dấu vết có nhiều người đi lại và nằm phục chung quanh vị trí. Ông thu lượm vài quả lựu đạn bị bỏ rơi và báo cáo cấp trên. Trong bản báo cáo tình hình từ 23 đến 25 tháng 1, 1953 Castries viết: “Đã thấy rõ Việt Minh đang thắt chặt vòng vây. Nhiều cuộc đụng độ giữa đơn vị tuần tra với Việt Minh đã xảy ra trong những đêm 21 và 23, những cuộc chạm trán gần hơn trong các ngày 24, 25... Trong đêm 25 và 26 nhiều tiền đồn báo động đã bị Việt Minh tiến công”.

Sáng 26 tháng 1, mọi người ở Hà Nội vẫn chưa biết gì hơn. Các vị Jacquet, Blanc, Dejean đã từ Viêng Chăn tới đây từ hôm trước. Tướng Navarre đến Hà Nội trước họ hai mươi bốn giờ. Tất cả ngồi chung quanh ngài Bộ trưởng cùng ăn cơm tại Đại sứ quán Pháp, còn gọi là “Ngôi nhà của nước Pháp”. Ngài Jacquet có vẻ rất háo hức được tham dự cuộc chiến thật sự tại Điện Biên Phủ, nâng cốc hỏi Cogny:

- Thế nào, đêm nay chứ?

Người “chịu trách nhiệm về cuộc chiến” trả lời răn rỏi:

- Thưa ngài Bộ trưởng, tôi hy vọng như vậy.

Tuy nhiên, tướng Navarre vẫn bảo tôi lên lịch công tác cho ngày mai. Riêng chuyến đi Điện Biên Phủ sẽ lùi lại vào lúc 11 giờ 45 phút chứ không bay sớm như cũ. Tôi vẫn được đi cùng. Đây là lần cuối cùng tôi đi theo Tổng tư lệnh. Cuộc họp hôm trước đã quyết định tôi được cử về công tác tại căn cứ hậu cần của tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 sẽ hoạt động ở Trung Lào. Tôi sẽ đi ngay Sênô khi có dịp.

Tôi đã từng bão hoà về những chuyến đi và những cuộc thị sát tập đoàn cứ điểm này rồi. Đây là lần thứ năm tôi theo Tổng chỉ huy lên Điện Biên Phủ. Nghi thức vẫn không thay đổi: lễ đón chào, báo cáo tình hình, hỏi và đáp,

thăm các cứ điểm có thể tới thăm thuận lợi nhất, nhìn bao quát phía chân trời, gió bụi, rượu sâm-banh hâm nóng, những lời chúc tụng, chào tạm biệt, cất cánh trở về máy bay nghiêng cánh trái lượn một vòng như gửi lời chào trân trọng thung lũng Điện Biên Phủ.

Tướng Navarre ngồi bên cạnh tướng Blanc, Tổng tham mưu trưởng quân đội. Tướng Blanc chăm chú nhìn qua kính cửa sổ máy bay khung cảnh hùng vĩ của tập đoàn Việt Minh. Trước hết là cao điểm Gabrielle trên đồi Độc lập nhô lên ở phía trước toàn bộ tập đoàn cứ điểm. Rồi đến đường băng hạ cánh được bảo vệ bởi những cứ điểm phòng ngự ở phía Tây, rồi đến ngôi sao ba cánh của cứ điểm Anne Marie, tiếp đó là dãy đồi có cứ điểm Claudine, phía trước là những vòng tròn đặt pháo màu đỏ quạch, từ trên cao nhìn xuống như những nốt mụn đậu mùa. Phía tả ngạn sông Nậm Rốm là một chuỗi dài các cứ điểm Béatrice, Dominique, Eliane đặt trên dãy đồi từ Him Lam đến C1, A1. Toàn bộ cây cỏ đã bị phát quang, hoàn toàn lộ hình là những đồi trọc. Cuối cùng là địa hình bằng phẳng của cứ điểm Isabelle đặt tại Hồng Cúm ở phía Nam, trên đầu đường băng xuôi về phía Nam.

Máy bay bắt đầu lấy độ cao trước khi quay mũi hướng về phía Hà Nội:

- Ngài nghĩ thế nào?

Tướng Navarre cất tiếng hỏi Tổng tham mưu trưởng Blanc. Máy bay đang kêu âm ỹ khi bốc cao.

Tướng Blanc không nghe rõ, chỉ hất hàm tỏ vẻ muốn hỏi lại. Tướng Navarre gào to, nhấn mạnh từng câu:

- Ngài nghĩ thế nào về cái vị trí phòng ngự này?

Tướng Blanc mở to mắt, trề môi dưới, suy nghĩ trong giây lát để chọn một câu trả lời thật đích đáng đúng như đang suy nghĩ

- Ô! Quả là một trận địa Verdun (trận địa đã đập nát quân Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất). Đúng hệt như vậy?

Tôi đảo mắt nhìn lại Điện Biên Phủ một lần cuối cùng. Đúng là một trận địa Điện Biên Phủ thực sự gây ấn tượng về sức mạnh. Ngay đến cả vành đai núi cao vây bọc chung quanh cũng như không thể nào đè bẹp được thung lũng.

Dãy đồi có đặt các cứ điểm mang tên Dominique cách vị trí trung tâm 3000 mét về phía Đông. Muốn đánh chiếm dãy đồi A có đặt các cứ điểm mang tên Eliane, Việt Minh phải vượt qua một cánh đồng địa hình bằng phẳng và tiến ngược từ phía dưới lên trên đỉnh cao.

Tướng Blanc xuất thân từ một sĩ quan pháo binh đã quan sát kỹ những vị trí có thể đặt pháo Việt Minh, và thấy đó là những địa điểm có ưu thế.

Ông đã gọi Piroth và Cogny ra một chỗ vắng, cùng bàn bạc với nhau trên tinh thần của những chuyên viên kỹ thuật. Trung tá Piroth với tư cách là chỉ huy trưởng các cụm pháo binh ở Điện Biên Phủ đã trình bày kế hoạch phản pháo địch kèm theo cả bản đồ, thước đo và com-pa. Đây là lần thứ mười Piroth trình bày bản kế hoạch của mình. Tất cả các vị trí mà Việt Minh có thể đặt pháo 105 đều đã được tính toán kỹ. Nói một cách cụ thể, để có thể bắn phá được các cứ điểm phòng ngự trong lòng thung lũng Việt Minh chỉ có thể bố trí pháo ở những sườn núi phía trong hoặc ở dưới cánh đồng.

Như vậy là, chỉ cần bốn khẩu 155 mm đã bố trí sẵn tại các vị trí nguy trang kỹ về phía Pháp có thể dễ dàng phản pháo.

Lời trình bày quả là có tính thuyết phục. Hơn nữa lại còn có đội xe tăng của đại úy Hervouet đang nằm kín dưới hầm như những con ngựa thuần chủng sẵn sàng phi nước đại dẫn đầu các tiểu đoàn dù của Langlais phản kích Việt Minh.

Đã hơn hai tháng nay, các binh sĩ trấn giữ Điện Biên Phủ với chiếc xẻng cầm tay đã đào hàng tấn đất để xây dựng chiến hào, căng hàng trăm kilômét dây kẽm gai, làm toàn những công việc lam lũ, bản thủ đáng buồn chán thế mà bây giờ nếu Việt Minh không tiến đánh thì thật là những công trình lao động vô ích, làm phí cả những ưu thế là pháo binh, xe tăng, máy bay của Pháp. Mọi người chỉ mong đợi Việt Minh kéo đến và đến thật nhanh để mắc vào hàng rào kẽm gai, rơi vào mìn cạm bẫy và tan xác dưới hoả lực pháo binh? “Đến đây?” Đó là tiếng gọi của hơn một vạn binh sĩ phòng ngự, thốt ra liên tiếp bằng mười ngôn ngữ khác nhau của các dân tộc thuộc địa Pháp.

Nhưng, cũng có một người nào đó đã nói riêng với tôi:

- Này! Tại sao không có ai phát hiện là vị trí phòng ngự mà lại đặt trong thung lũng lòng chảo, có nghĩa là đã cầm chắc thất bại rồi hay sao? Đây là một việc mà người nào cũng biết, thời nào cũng có. Có một viên tướng Tàu từ bốn ngàn năm trước công nguyên đã viết: “Người khôn chiếm núi kẻ đại giữ thung”...

- Vậy thì phải làm gì trong cái thung lũng lòng chảo này?

- Ai phải làm gì? Chúng tôi à?

- Tất nhiên không phải các anh. Các anh chỉ là những người phải phục tùng mệnh lệnh. Đây là tôi muốn nói đến tướng Navarre và Cogny. Các vị đó sẽ làm gì?

Mãi mười năm sau, tức ngày 10 tháng 1 năm 1964, giữa thủ đô Paris lạnh lẽo, trong khi lục tìm những tập hồ sơ tài liệu về Điện Biên Phủ, tôi đã thống kê được tới hàng chục nhân vật tai to mặt lớn tới thăm trận địa phòng ngự này trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 11 năm 1953 ngay sau khi quân ta bắt đầu chiếm đóng đến ngày 13 tháng 3 năm 1954 là khi Việt Minh bắt đầu mở chiến dịch tiến công, trong đó có các vị:

- Dejean, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương.

- Jacquet, Quốc vụ khanh phụ trách các nước liên kết.

- Pleven, Bộ trưởng Quốc phòng.

- Chevigné, Quốc vụ khanh phụ trách vấn đề chiến tranh.

- Griotteray, Chánh văn phòng, trợ lý Bộ trưởng các nước liên kết.

- Tướng Ely, Tổng thanh tra quân đội.

- Tướng Blanc, Tổng tham mưu trưởng.

- Đô đốc Auboyneau, Tư lệnh hải quân Viễn Đông.

- Tướng Fay, Tham mưu trưởng không quân.

Tướng Nguyễn Văn Hình, Tham mưu trưởng quân đội Bảo Đại.

- Tướng Trapnell Trưởng phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ.

- Tướng Spear, Tùy viên quân sự Anh tại Sài Gòn.

- Tướng O Daniel, Tư lệnh các lực lượng lục quân Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương.

- Ngài Stewart, cố vấn Bộ ngoại giao Anh..
- Ngài Malcolm Mac Donald, Cao uỷ Anh ở Đông Nam Á.
- Ngài Charles Loewen, Tư lệnh lực lượng Anh ở Viễn Đông.

Nếu kể cả những tư lệnh các cấp cục trong guồng máy quân sự ở Đông Dương và các tướng lĩnh từ Pháp đến Điện Biên Phủ công tác thì có tới năm mươi vị tất cả, gồm đủ các cấp dân sự, quân sự, ngoại giao, chuyên viên Pháp, Việt, Mỹ, Anh.

Tôi đã tận mắt nhìn thấy các vị len lỏi giữa các lớp rào kẽm gai, dùng gậy chọc xuống nắp hầm để đo độ dày. Tôi cũng được nghe các vị trao đổi ý kiến riêng với nhau, khi vắng mặt những quan chức thừa hành, bộc lộ tất cả những suy nghĩ từ đáy lòng mình. Tôi không thấy một lời chỉ trích nào.

Lúc đó, tôi nghĩ rằng, chỉ có một người bi quan duy nhất là Tổng chỉ huy Navarre. Nếu tôi nghĩ nhầm, thì tại sao hồi đó không một ai trong số các nhân vật có thẩm quyền lên tiếng một cách công khai, rõ rệt? Riêng tôi, tôi vẫn có thể khẳng định là, không một ai trong số các bộ trưởng các nhà ngoại giao, các tướng lĩnh đã tới thăm Điện Biên Phủ, phát hiện được cái thế thua đã phơi bày sẵn vì chúng ta đóng quân trong một thung lũng lòng chảo.

Ngày 26 tháng 1, khi trở lại Hà Nội chỉ còn một câu hỏi lần bản trong đầu các tướng chỉ huy và các sĩ quan tham mưu: Tại sao tướng Giáp từ chối tiến công? Ngay hôm sau, cơ quan tình báo quân sự Pháp xem lại các tin tức tài liệu thu lượm được trong những ngày gần đây, liệu người ta có bỏ quên một dấu hiệu, để lọt một phần lệnh trong hồ sơ nghe trộm điện thoại của Việt Minh? Để giải thích rõ sự việc chỉ còn cách đặt ra các giả thuyết.

Đại úy Ferrandi trưởng cơ quan tình báo quân sự đặt tại Sài Gòn đã tìm thấy trong tập hồ sơ nghe trộm một bức điện của hậu cần Việt Minh chỉ thị cho căn cứ Tuần Giáo chuẩn bị những “khẩu phần đặc biệt” trong ngày 20 tháng 1. Thông thường, những tin tức loại này báo hiệu có cố vấn quân sự Trung Quốc tới. Người ta đặt giả thuyết là có thể chuyên gia Trung Quốc Liên xô đã kiến nghị hoãn tiến công. Nhưng vì những lý do gì? Thiếu lương thực, hay do các kế hoạch tiến công quá mạo hiểm?

Tướng Navarre đã đọc hồ sơ này với một vẻ khá hoài nghi và không buồn chú ý đến câu chuyện đoán mò mà không ai có thể khẳng định. Ông, quay ra nói chuyện với các ông Dejean và Jacquet về Hội nghị Berlin mà sáng nay hãng AFP vừa đưa tin đã khai mạc buổi đầu tiên. Ngài Bộ trưởng bình luận:

- Sẽ chẳng đi tới đâu cả. Ngoại trưởng Liên xô Molotov sẽ không nhượng bộ một chút nào trong vấn đề Berlin.

Tướng Giáp có thể biết nhiều hơn Bộ trưởng Jacquet về những ý đồ của phe cộng sản và cả của Pháp trong Hội nghị Berlin. Theo nhà báo Jean Lacouture và nhà sử học Philippe Devillers thì:

“Khi bước vào kinh đô cũ của Đế chế Đức, Bộ trưởng Ngoại giao Xô viết biết rằng cuộc họp Tứ cường này sẽ bàn cả về vấn đề Đông Dương theo đề nghị của Pháp. Ông Molotov biết chắc chắn khi chia cái sào cho Pháp bám lấy sẽ có nhiều may mắn mở rộng thành cuộc họp giữa năm cường quốc như Pháp mong muốn được tham dự”.

Vấn đề Berlin ảnh hưởng trực tiếp đến nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà.

Nhưng Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles không muốn hội nghị này bàn đến các vấn đề Viễn Đông.

Ông đến Berlin với tư thế so vai như một võ sĩ đấu quyền, quán quân về học thuyết “ngăn chặn”: không nhượng một tấc đất nào, một người dân nào cho thế giới cộng sản. Khi cần thiết ông sẽ không từ chối đưa “các chàng trai nước Mỹ” tham chiến như đã làm ở Triều Tiên. Nhưng hiện nay, đúng là tướng Mỹ Eisenhower vừa được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ vì đã hứa hẹn sẽ rút lính Mỹ từ Triều Tiên về nước. Liên xô không tán thành “Triều Tiên hoá” cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Cuộc tiến công Séoul năm 1950 được coi như một sai lầm kếp về chiến lược. Để chống lại lá cờ Liên hợp quốc, phe cộng sản giữ một vai trò không đáng kể và Mao Trạch Đông đã đưa quân Chí nguyện can thiệp vào tình hình bán đảo Triều Tiên.

Hắn là Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp cũng nghĩ như người Nga. Họ không muốn quốc tế hoá cuộc chiến tranh Đông Dương. Mỹ đưa lính thủy

đánh bộ vào Hải Phòng thì quân Trung Quốc có thể cũng sẽ kéo vào Việt Bắc và nền độc lập của Việt nam sẽ bị đe dọa trên hai mặt trận. Phải xử sự một cách khéo léo và tướng Giáp là người không thiếu sự tinh khôn. Tại Berlin, ba cường quốc phương Tây đang tham dự cuộc họp quốc tế. Đánh Điện Biên Phủ lúc này, liệu có khiêu khích họ không? Phải chăng nên chờ một cơ hội mở rộng thành hội nghị năm nước, trong đó Việt nam Dân chủ Cộng hoà sẽ cùng ngồi với Pháp chung quanh chiếc bàn tròn. Chờ đến cuộc họp này vẫn hơn.

Giữa lệnh hoãn được truyền tới các đơn vị đã đứng ở vị trí xuất phát tiến công với buổi khai mạc Hội nghị Berlin, không phải chỉ có sự trùng hợp về thời điểm.

Từ Berlin đến Geneve

Trong thời gian Điện Biên Phủ bị lực lượng cơ động tác chiến Việt Minh vây chặt, đại tá Crèvecour, Tư lệnh chiến trường Lào lặng lẽ khôi phục lại hệ thống lá chắn bảo vệ Luang Prabang của bị đối phương phá hủy từ mùa xuân năm trước. Trong thung lũng lòng chảo bé nhỏ ở Mường Sài, công binh đã xây dựng xong một đường băng cất cánh và hạ cánh cho máy bay Dakota. Nhờ đó, năm tiểu đoàn từ đồng bằng đã được đưa tới Mường Sài vào tháng 11. Vaudrey được cử làm Tư lệnh binh đoàn cơ động Mường Khoa. Hành động đầu tiên của ông là bắt liên lạc với Langlais tại Sốp Nạo vào dịp trước lễ Noel. Sau đó, ông đặt sở chỉ huy tại Mường Khoa và liên tục cho các tiểu đoàn hoạt động lùng sục trong vùng. Những kết quả nhỏ bé thu được đã được cán bộ Việt Minh liên tỉnh Phong Salỳ theo dõi. Trong bức điện nghe trộm được của Việt Minh có đoạn viết: “Hàng ngày giặc Pháp đều phát hiện và phá hủy được một số kho lương thực dọc theo sông Nậm Rốm tới Luang Prabang”.

Việc hoãn tiến công Điện Biên Phủ tạo điều kiện cho Việt Minh rảnh tay hoạt động hỗ trợ Pathet Lào. Sư đoàn 308 đã quen thuộc đường lối có thể quét sạch Thượng Lào. Những khó khăn về vận chuyển lương thực buộc sư đoàn này phải dừng lại trước cửa ngõ Luang Prabang. Tuy nhiên, mục tiêu



của đơn vị này hình như chỉ đơn giản là giành lại những tấm thảm rừng rú là nơi gieo hạt mầm chính trị của Pathet Lào.

Ngày 26 tháng 1, tướng Giáp hạ lệnh tiến quân. Ngay trong buổi tối 27 sư đoàn thép lập tức rời vị trí đóng quân ở sát Điện Biên Phủ, thọc sang Lào trên những đường hẻm mà chính các đơn vị dù của Langlais đã hành quân trong dịp lễ Noel. Chỉ bốn mươi tám giờ sau, đơn vị đi đầu của sư đoàn 308 đã tới đông-nam Mường Khoan đẩy lùi các tiền đồn của Pháp. Bản thông báo tình hình từ 26 tháng 1 đến 10 tháng 2 của Pháp gửi về Tổng hành dinh ghi nhận: “Trong vòng sáu ngày sư đoàn 308 đã hủy diệt hệ thống bảo vệ an ninh cho Thượng Lào mà quân ta phải mất năm tháng mới xây dựng được”. Vaudrey không còn vị trí nào để giữ nữa.

Không chậm một giây không ngừng, không nghỉ, Tư lệnh binh đoàn vội vã rút về Mường Sài theo những con đường hẻm vượt qua những đỉnh núi cao và phải mất ba mươi tám giờ chạy bộ mới tới nơi.

Trong khi rút chạy, Vaudrey đã bố trí ở phía sau một lực lượng hậu bị gồm một tiểu đoàn xung kích Lào số 2 nhằm ngăn chặn Việt Minh đuổi theo.

Cả hai đơn vị này đều bị một số thiệt hại. Tuy nhiên ngày 5 tháng 2 khi sư đoàn 308 tới gần Mường Sài và có thể nhìn thấy cứ điểm bằng mắt thường, các tiểu đoàn của Vaudrey cũng đã được bố trí sẵn sàng trong các chiến hào trên các điểm cao vây quanh sân bay. Không thể đánh chiếm Mường Sài theo kiểu tiến công ồ ạt, Việt Minh chuyển sang bao vây. Sơn pháo 75 và súng cối được đặt trên các mỏm núi, lương thực được chuyển vận trên lưng dân công tới các vị trí đóng quân. Trong khi đó Mường Sài cũng đã trở thành một Điện Biên Phủ nhỏ bé, một cứ điểm phòng ngự không nổi tiếng, không có phóng viên báo chí tới thăm, không có trọng pháo và hệ thống hỏa lực chống trả, chung quanh là các tiểu đoàn thuộc sư đoàn 308 đang tập trung vây hãm trước khi xung phong đánh chiếm.

### ***Chú thích:***

*(1) Tác giả Jean Pouget hoàn toàn suy diễn. Những tài liệu của ta không xác*

*nhận việc này - ND*

*(2) Như mọi người đều biết: ta chuyển phương châm tốc chiến công phải vì Hội nghị Berlin - ND*

*(3) Jean Puget viết sai, Hội đó chưa có chế độ quân hàm. Quân đội ta chưa có cấp hiệu - ND*

*(4) Nguyên văn tiếng Pháp là Mạc Linh. Có lẽ do Nguyễn Văn Sung nói ngọng, nên trong toàn bộ cuốn sách Jean Pouget đều viết tên chính uỷ Mạc Ninh là Mạc Linh. Người dịch sửa lại đã bạn đọc tiện theo dõi chính xác - ND.*

*(5) Jean Pouget viết sai. Thời gian tấn công không bao giờ báo trước cho cấp chiến sĩ biết trước hai mươi bốn giờ, mà thường chỉ phổ biến tới cấp tiểu đoàn- ND*

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## Chương 7

Ngày 11 tháng 2 cuộc tiến công được coi như hiển nhiên. Vaudrey báo cáo về Tổng hành dinh, pháo 75 và cối 120 đã bắn vào sân bay. Với những mảnh chắp vá của 5 tiểu đoàn phần lớn là lính Lào, Vaudrey dự tính không chống cự được quá một đêm.

Sáng hôm sau, tại Sài Gòn, tướng Navarre cho gọi tướng Gilles tới Tổng hành dinh. Vị tư lệnh hôm trước vừa trải qua một cơn đau tim nhưng hôm nay vẫn đứng vững. Tướng Navarre nói:

- Tôi quyết định tăng viện cho Mường Sài. Những tin tình báo mới nhất cho biết Việt Minh sắp tiến công đến nơi. Mường Sài chỉ có thể chống chọi được vài giờ, thậm chí một đêm là cùng. Nhưng Vaudrey càng cảm chân được sư đoàn 308 ở Mường Sài được lâu thì Luang Prabang càng chưa nguy hiểm trước mắt. Đưa thêm một tiểu đoàn đến Mường Sài, có thể kéo dài thêm sự chống cự. Ngay cả khi ta có thua trận thì vẫn tranh thủ được thời gian. Hãy chỉ định ngay một tiểu đoàn dù ném xuống đó.

- Tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 có thể tập trung trong ngày hôm nay tại Sênô. Sáng mai có thể nhảy dù sau khi tập trung đủ máy bay Dakota.

- Này. Đó là tiểu đoàn dù của Pouget có phải không? Sáng mai tôi sẽ đi Sênô cùng với ông.

Navarre, vị tướng có cái đầu và nắm tay lạnh nhưng lại có trái tim dễ xúc động mà ông coi là những điểm yếu và thường hay che giấu như một vết thương xấu hổ. Sáng hôm sau tướng Navarre tới Sênô. Ông đứng nhìn tiểu đoàn dù số 1 bước tới những chiếc máy bay và không nói một câu nào, trong lúc đó tôi đang sửa lại chiếc dù nhảy trước khi bước lên máy bay. Sau này, chính tướng Gilles đã kể lại cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện trên một cách

cụ thể. Ông nói bằng một giọng nghẹn ngào, con mắt bé nhất của ông tức con mắt không bị chột, vẫn còn lạnh lặn, long lanh giọt nước mắt.

Thường thường, cuộc nhảy dù chiến đấu ở Đông Dương chỉ tiến hành vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật khi gặp phải thứ sáu ngày 13. Đây không phải là một qui định, mà là một tập quán. Hôm nay là ngày thứ bảy, nhưng lại là ngày 13 tháng 2.

Tôi được chỉ định làm sĩ quan điều hành việc chở quân. Phần lớn đêm qua tôi đã tính toán, lập kế hoạch xếp đủ chỗ cho một tiểu đoàn trong những chiếc máy bay hiện có. Trên lý thuyết, việc này rất đơn giản. Chỉ việc đánh số thứ tự, sao cho các đơn vị khi nhảy dù xuống đất không bị tản mát quá xa nhau. Nhưng trên thực tế, vẫn có chuyện phức tạp xảy ra sau khi kế hoạch đã lập xong, số thứ tự đã công bố, nhưng số quân lại không tương ứng. Cho tới khi mọi người đã ngồi yên chỗ trong khoang máy bay rồi, kế hoạch vẫn cứ bị đảo lộn.

- Báo cáo đại úy, máy bay số 2 cho biết ba người ốm vì bệnh kiết lỵ không hành quân được. Số quân là 137 nay chỉ còn 134. Phải điều chỉnh lại.

- Báo cáo đại úy, thiếu tá chỉ huy cuộc hành quân đã ghi trong danh sách máy bay số 5, nay lại muốn chuyển sang máy bay số 3 để đi cùng với hai điện báo viên.

8 giờ sáng, đại úy Treillou chỉ huy đại đội dù số 4 đến lượt ra sân bay. Đó là một người có tuổi, một tay quen săn bắn trộm, uống rượu rất khỏe và có một trái tim vàng. Anh nói với tôi bằng một giọng rất tùy tiện cứ như nói với mình:

- Cho tốp bay cùng với 127 lính và 4 thằng khiêng đồ.

- Sao hôm qua anh báo cáo quân số là 124?

- Đúng rồi? Nhưng lúc đó mình quên mất mấy thằng phu khuân vác. Và lại mãi đến tận bây giờ, chúng mới dám liều nhảy dù.

Những “người phu” này, gọi tắt là PIM, tức là “những người tù bị giam giữ như những tù binh”. Có hai loại PIM. Loại PIM “trên thực tế” là những đàn ông trai tráng bắt được trong các cuộc hành quân, được coi là tài sản riêng

của đại đội. Bị bắt vào buổi sáng đến buổi chiều họ được ăn cơm cùng với binh lính. Ngày hôm sau, họ tự thổi cơm ăn, và đôi bên cùng có lợi. Mười lăm ngày sau nếu được huấn luyện tốt họ trở thành lính vác đạn, nạp đạn súng cối hoặc súng máy. Đây là những “tù binh bí mật” đối lập với những tù binh “đúng luật” tức là những quân nhân bị bắt trong chiến đấu, được hưởng sự chăm sóc của Hội chữ thập đỏ và có thể chỉ cho các đơn vị “mượn tạm” trong một thời hạn nhất định. Trong thời gian “mượn tạm” này, họ cũng có thể nhập vào đơn vị.

Điều khó khăn nhất là phải làm sao để họ thoát khỏi danh sách kiểm soát của chính quyền trước khi chuyển thành quân số đơn vị.

Rất rõ ràng, cái mà đại úy Treillou gọi là phu khuân vác đều là những tu binh đúng theo luật định và phải đưa họ trở về nơi quy định. Nhưng Treillou nói:

- Không sao cả? Tớ đã báo cáo là ba thằng tù binh đã trốn rồi. Còn những thằng này, sẽ đặt cho chúng họ tên khác, không ai biết được.

Tôi không có thời giờ để suy nghĩ lâu về những lý do và những mục đích của cuộc chiến tranh này. Đã 11 giờ trưa. Những chiếc ô tô tải lần lượt chạy tới để đưa chúng tôi lên máy bay. Bầu không khí bị kích động đã ập xuống. Bộ đồ nhảy dù màu xanh loang lổ bắt đầu vò xé gan ruột những người lính trong tiểu đoàn dù.

Nhưng cũng bắt đầu từ đó trở đi, trật tự đã được xiết chặt hoàn hảo. Xe tải số 1 chở quân tới sân bay số 1. Đoàn máy bay xếp thành hàng dọc theo đường băng. Lính dù cũng xếp thành hàng dưới cánh máy bay. Sĩ quan phụ trách thả dù kiểm tra quân số và trang bị. Những khẩu lệnh và tín hiệu đều đúng nguyên tắc, đúng ý nghĩa.

Cho tới khi, sau hai giờ rưỡi bay liên tục chiếc đèn tín hiệu màu xanh đặt ở bên phải cánh cửa ra vào trong khoang máy bay lập lòe chiếu sáng. Đó là lúc người lính dù mang theo từ 30 đến 40 ki lô vật dụng kể cả thuốc nổ, ướt đẫm mồ hôi, tim như vọt lên tận miệng, nhắm mắt lao qua cửa máy bay rơi vào một thế giới mới, không gì tốt đẹp hơn. Đó là lúc rơi tự do, nhẹ nhàng trong gió mát và ánh sáng, là giờ phút đơn độc vinh quang trong khoảng không

trước khi tiếp xúc với mặt đất và những rủi ro của con người.

Ban tham mưu Mường Sài đã chọn ký bãi nhảy dù. Đây là một khoảng trống trong thung lũng, vừa quá giới hạn tầm súng cối của địch. Lúc này vào khoảng ba giờ chiều. Không khí nóng. Tốc độ rơi tỷ lệ với nhiệt độ. Khó ước lượng được sức gió ở sát mặt đất. Những tính toán sai lầm của phi công (là người bình thản ngồi trên máy bay hướng mũi trở về Hà Nội uống nước giải khát) luôn luôn làm cho nhiều kiện hàng rơi lạc ra ngoài bãi thả dù. Năm trăm lính dù rơi tản mát trên phạm vi năm mươi héc-ta vừa mới tiếp đất đã phải chạy nháo nhác đi tìm đơn vị của mình. Nhiều người nằm thẳng cẳng. Đó là những lính dù đã bị gãy một chân. Chính mắt tôi cũng nhìn thấy một PIM đi theo phục vụ hậu cần kéo lê trên mặt đất trên lưng vẫn còn chiếc dù rộng 70 m<sup>2</sup> đang cản gió và khẩu súng cùng với các thứ mang theo nặng tới 50 ki lô. Trên nhiều cành cây cao chung quanh bãi nhảy dù, lủng lẳng những thân người giãy giụa chơi vơi vì dù mắc phải cành cây.

Tôi là người nhảy sau cùng. Vừa tiếp đất, tôi đã phải chứng kiến một cách buồn bực việc các phi công cầu thả trong vài phút đã làm rối loạn tan hoang kế hoạch nhảy dù do tôi nghiên cứu nhiều giờ. Chợt có tiếng người nói:

- Thế nào, đại úy, có bị gãy chân gãy tay không?

Tôi nhìn người vừa hỏi có nét mặt quen thuộc nhưng không biết là ai. Chỉ thấy anh có cái đầu to, nhất định phải là một nhà trí thức. Một chàng trai có hình dáng cân đối, lực lưỡng, một gương mặt dễ chịu nếu cạo nhẵn râu, một cặp mắt xanh nhìn thẳng, dịu hiền không giống như cái nhìn của những anh lính trẻ đang nhắm bắn mục tiêu qua kính ngắm. Anh ta mặc một bộ đồ rất tài tử chiếc súng ngắn gài bên sườn theo kiểu cao bồi miền Tây nước Mỹ cầm trong tay một chiếc máy ảnh với dáng vẻ thông thạo. Tôi nói:

- Mà còn chờ gì nữa mà không chạy đi tìm đơn vị để tập hợp? Ủ! Đúng mà đấy!

Anh ta thân nhiên giơ máy ảnh chụp luôn tấm ảnh chân dung một đại úy đang cúi kính, rồi mới nói:

- Tôi ấy à? - Giọng anh ta chắc nịch, lễ phép nhưng không cứng nhắc - Tôi

làm gì có đại đội nào. Tôi là Péraud phóng viên ảnh, làm việc tại sở thông tin báo chí quân sự. Tôi đã phải đợi đến phút cuối cùng mới có được một chỗ trên máy bay. Đây là lần đầu tiên tôi nhảy dù. Quả là quá xúc động.

Tôi đã nhận ra anh nhà báo quen thuộc.

Trước khi rời khỏi bãi nhảy chúng tôi đã phải khiêng vác tới bốn mươi bảy lính nhảy dù bị thương. Lúc toàn tiểu đoàn dù tập trung được tại trung tâm cứ điểm, trong một khu rừng rậm, giữa hai tiền đồn có lính Lào canh gác thì trời đã tối đen. Lính Lào bắn vu vơ trong đêm tối. Chúng tôi có thể nhìn thấy những luồng đạn lửa vọt qua trên đầu. Vậy là đạn bắn quá cao, chúng tôi yên trí nằm ngủ, đắp chung hai hoặc ba người một chiếc chăn.

Trong những ngày tiếp theo chúng tôi đào hầm trú ẩn và xây dựng các vị trí chiến đấu. Những máy bay vận tải dân dụng chở nhiều cuộn dây kẽm gai và bao gạo tới, cứ việc ném tự do xuống đất, không cần buộc dù. Một máy bay lên thẳng từ Luang Prabang đưa thư tới và chở lính bị thương đi. Trong khoảng thời gian này chúng tôi tổ chức được hai hoặc ba cuộc vũ trang trinh sát ở bên ngoài cứ điểm. Rừng rậm đến mức các trinh sát vừa ra khỏi doanh trại đã mất hút. Bộ đội sư đoàn 308 có mặt khắp mọi nơi, tại những hầm kiên cố nguy trang kỹ. Chúng tôi từ bỏ ý định đánh ngay vào những nơi đã có chuẩn bị, mà chờ Việt Minh tiến công, lúc đó mời chống trả. Thịnh thoảng Việt Minh lại bắn vài qua đạn một cách dè sẻn, keo kiệt, nhưng khéo léo và rất chính xác.

Buổi tối, trong khi đi kiểm tra, tôi nghe thấy những tiếng thở dài và những tiếng nói từ hầm trú ẩn vọng ra:

- Mẹ kiếp! Thà cứ nhảy xuống Điện Biên Phủ lại hay!

Ngày 19 tháng 2, Vaudrey triệu tập các chỉ huy đơn vị đến họp trong sở chỉ huy đặt tại một quả núi nhọn hoắt. Chỉ huy cứ điểm vẫn còn giữ được gương mặt thanh niên nhưng hơi mệt mỏi, cặp mắt thâm quầng, những nếp nhăn chịu xuống. Ông nói:

- Việt Minh sẽ tiến công vào tối mai hoặc tối ngày kia. Chúng phải sửa đổi lại kế hoạch và tiến công chậm vì tiểu đoàn dù bất ngờ tới tăng viện cho

chúng ta.

Đại đội dù của tôi có nhiệm vụ bảo vệ mặt đông bắc cứ điểm, được bố trí trên một sườn đồi rộng, đã chặt hết cây, rất dốc. Đó cũng là nơi hứng tất cả đạn pháo của địch. Máy bay đã tới ném bom bắn phá loạn xạ khu rừng rậm có nhiều cây to, là nơi nghi ngờ có bố trí pháo Việt Minh nhưng xem chừng vẫn không đạt kết quả. Suốt ngày đêm, tôi tung ra những đội tuần tiễu, đi càng xa càng tốt để phát hiện địch. Lính của chúng tôi luôn trong rừng rậm tới sát chân sườn núi đối diện rồi nằm phục ở đó. Nếu Việt Minh xuất hiện sẽ lập tức báo động. Đường chân trời có vẻ như chỉ cách họ vài ba mét. Họ có thể nghe thấy tiếng nói nhưng không nhìn thấy bộ đội Việt Minh. Những tiếng gõ lóc cóc trên khúc tre rỗng, những khẩu lệnh phát đi bằng giọng mũi và nhiều tiếng động khác vang vọng tới. Không thể tiến xa hơn vì nhất định sẽ vấp phải một luồng đạn đã nhắm sẵn, từ một chỗ vào đó bắn ra. Có thể nói đây là biên giới giữa Việt Minh và chúng tôi. Việt Minh cũng không mạo hiểm vượt qua chiến tuyến này, nhưng bố trí canh gác rất chu đáo.

Rạng sáng 21 tôi đến chỗ các vọng gác báo động. Suốt đêm yên tĩnh. Cho đến sáng vẫn không có một tiếng động nào phá tan cảnh yên lặng trong rừng. Cũng không nghe thấy những tiếng quen thuộc chứng minh sự có mặt của đối phương tại nơi bố trí. Phải đến tận nơi xem sao.

Chúng tôi từ từ tiến theo hàng một, người sau cách người trước một mét. Một con đường mòn dốc ngược dẫn thẳng lên đỉnh núi. Chúng tôi leo lên và rơi vào một vị trí đã xây dựng các công sự chiến đấu mà Việt Minh vừa mới bỏ đi, dấu vết để lại hãy còn tươi rói.

Mặt trời đã chiếu ngang lưng. Khu rừng trở nên ngột ngạt, bốc hơi sương. Nhiệt độ đã làm khô khí ẩm ban đêm. Đến lưng chừng núi chúng tôi phát hiện thấy vị trí đầu tiên của pháo địch. Trong sườn núi Việt Minh đã khoét một hầm sâu. Phía mặt hầm được ngụy trang bằng cành cây, phải ra vào bằng cửa ngách. Từ vị trí này nòng pháo có thể hướng thẳng xuống đường băng sân bay và các cứ điểm phòng ngự, và pháo có thể nhắm bắn thẳng. Chúng tôi khám phá được tới hai chục hầm đặt pháo cùng một kiểu, cùng bố



trí ở sườn núi. Dù có tiến sát đến vài mét vẫn không thể nào phát hiện ra những hầm pháo này vì đất đào lên đã được trồng lại cây như cũ.

Dĩ nhiên, không một chiếc hầm nào bị trúng bom.

Tôi nói qua điện đài, báo tin quân Việt đã rút hết. Sở chỉ huy tiểu đoàn có bố trí trực ban suốt ngày đêm và tôi bắt liên lạc được ngay. Tôi chưa kịp nói, đã nghe có tiếng reo to:

- Thế là đại úy đây rồi! Tôi gọi đại úy suốt mấy tiếng đồng hồ, không thấy trả lời. Nghe đây nhé? Lệnh của tiểu đoàn gửi tất cả các đại đội: về ngay sở chỉ huy tiểu đoàn. Chúng ta sẽ đáp máy bay về Hà Nội. Hết!

Một tiếng reo vui vang lên trong máy. Tôi chưa kịp hỏi lý do thì trực ban đã tắt máy.

- Tại sao sư đoàn 308 lại đột nhiên rút khỏi Mường Sài. Tôi phải chờ đến hết ngày 4 tháng 3 mới tạm hiểu lý do.

Ngày hôm đó, tướng Navarre vừa từ Điện Biên Phủ trở về. Tôi đến toà biệt thự dành riêng cho Tổng tư lệnh tại Hà Nội để chờ đón ông. Trong lúc chờ đợi tôi chơi vài ván cờ với chủ khách sạn là một người Hoa, nhưng lấy tên Pháp là Jean. Mãi tới bảy giờ tối, tướng Navarre mới về tới Hà Nội. Quần áo, mặt mũi ông phủ đầy bụi của thung lũng lòng chảo.

Tôi kể lại cho ông nghe chuyện Mường Sài từ lúc toàn cứ điềm như bị bóp cổ đến lúc bùng nổ tiếng reo vui khi biết tin quân Việt đã rút. Tôi nói:

- Có lẽ quân Việt sợ chúng ta!

Trong không khí nồng ấm, an toàn tại Hà Nội trong lúc ngồi trên ghế bành uống nước giải khát, người ta dễ quên phất những nỗi lo sợ vừa trải qua. Nghe tôi nói, tướng Navarre nở một nụ cười độ lượng rồi trả lời:

- Tôi không nghĩ rằng sư đoàn 308 đã rút chạy khi nhìn thấy quân dù. Nhưng tôi cho rằng sự có mặt của các anh đã làm chậm lại cuộc tiến công Mường Sài được vài ngày. Thời gian đó, đủ để những diễn biến ở ngoài nước làm cho Việt Minh phải thay đổi kế hoạch. Việt Minh từ bỏ việc đánh chiếm Mường Sài khi nghe tin Hội nghị Geneve sắp họp. Họ quyết định tập trung mọi lực lượng để tiến công Điện Biên Phủ. Chúng ta chờ xem. Chỉ vài ngày

nữa thôi. Điện Biên Phủ sẽ bị đánh.

Tối hôm đó tướng Navarre ăn cơm tại nhà riêng của tướng Cogny. Trước khi vào Sài Gòn, tướng Navarre kể cho tôi nghe những diễn biến trong tháng 2, tức là khoảng thời gian tôi sống ở sân khấu thứ yếu của chiến trường, trong khi Hội nghị Berlin chỉ ghi mấy dòng vắn tắt trong thông cáo báo chí.

Có lẽ nhờ Ngoại trưởng Anh Eden mà chúng tôi được yên lành thoát khỏi Mường Sài. Suốt hai mươi ngày, Hội nghị Tứ cường ở Berlin bị sa lầy bởi những cuộc cãi vã bất đồng. Không một vấn đề nào của châu Âu ghi trong chương trình nghị sự được giải quyết. Vì vậy, chẳng ai muốn nói đến vấn đề Đông Dương.

Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles vẫn trung thành với chính sách “ngăn chặn”, không muốn nhắc đến Đông Dương. Ngoại trưởng Liên xô Molotov được coi như người đại diện không chính thức của Việt Minh, và Ngoại trưởng Pháp đang mong chờ mở rộng Hội nghị Tứ cường thành Hội nghị năm bên, không ai muốn là người đầu tiên đòi họp bàn về Đông Dương vì e ngại là người cầu xin ngừng bắn. Chỉ riêng Ngoại trưởng Anh Eden là tự do thoải mái đặt vấn đề.

Quả nhiên, ngày 17 tháng 2 ông Eden đã nêu vấn đề Đông Dương trước Hội nghị Berlin. Hai mươi bốn giờ sau, đạt được thoả thuận. Ngày hôm sau nữa, thông cáo cuối cùng được công bố rằng ngày 26 tháng 4 sẽ họp bàn về Đông Dương, có thêm Trung Quốc và các nước có liên quan cùng dự.

Trên thực tế, thông báo này chẳng làm cho ai ngạc nhiên, có lẽ chỉ trừ các bộ đội sư đoàn 308 và các lính dù Mường Sài là hai lực lượng đối địch đột nhiên được rút khỏi chiến trường này, thông báo về hội nghị có lẽ cũng thay đổi cơ bản các tình huống chiến đấu ở Điện Biên Phủ do lệnh hoãn tiến công từ ngày 25 tháng 1.

Tuy nhiên, Ngoại trưởng Pháp Bidault là một nhân vật bướng bỉnh, ngoan cố. Ông tìm thấy ở Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles một sự cổ vũ tiếp tục cuộc chiến tranh. Và lại, như ông Plevin vừa mới tuyên bố sau khi đi thị sát Đông Dương cùng với tướng Ely trong hai mươi ngày tình hình quân sự

không đến nỗi nguy kịch lắm. Hai tháng nữa sẽ có mưa và dù muốn hay không các hoạt động quân sự vẫn cứ phải ngừng trong thế cân bằng. Vùng châu thổ sông Hồng sẽ không bị tan nát trước khi mở chiến dịch. Cuộc tiến công của Việt Minh vào miền Trung Đông Dương đã bị bẻ gãy, khu vực Trung Lào có thể sẽ được càn quét trong mùa mưa nhằm đẩy lùi sự xâm chiếm của sư đoàn 325. Chiến dịch Atlante dù tiến triển chậm và vụng về như một con lăn già nua cũ kỹ, nhưng việc các tiểu đoàn khinh quân của Bảo Đại chiếm lĩnh Liên khu 5 chỉ còn là vấn đề sẽ xảy ra trong vòng vài tháng nữa, đến lúc đó các căn cứ quân sự của Việt Minh sẽ bị đánh bật ra tận phía Bắc thành Huế. Điện Biên Phủ chật ních binh lính phải lội bùn vẫn cứ là một sức mạnh nặng trĩu uy hiếp toàn vùng thượng du của Việt Minh.

Trong khi đó những trận mưa tầm tã hằng ngày sẽ buộc phần lớn các sư đoàn Việt Minh phải rút về vùng trung du cho gần với các kho lương thực dự trữ. Tuy vậy những trận mưa mùa hè cũng có thể làm sa lầy các cuộc hội nghị đàm phán. Tại Bàn Môn Điểm (Pan Mun Jon) Triều Tiên những cuộc thương lượng ngừng bắn đã phải kéo dài hơn một năm.

Muốn giành giật được một quyết định tại Geneve, cần phải giáng một đòn quyết liệt. Những lực lượng tập trung của cả hai bên tại Điện Biên Phủ, tính chất của chiến trường tự quản, tương đối độc lập với các mặt trận khác, nhất là tiếng tăm của thành trì pháo đài Điện Biên Phủ vang dội toàn thế giới, đòi hỏi cũng sẽ phải có một chiến thắng tầm cỡ như vậy.

Tất cả điều đó đã tạo cho hoạt động quân sự trên chiến trường này một ý nghĩa chính trị - quân sự.

Chiếm lĩnh được Điện Biên Phủ, tướng Giáp không chỉ có trong tay cả xứ Thái và vùng Thượng Lào mà còn đạt được một trình độ cao hơn. Vận mệnh cuộc chiến đấu ở đây sẽ quyết định, hoặc là chiến thắng và hoà bình, hoặc là một hình thức “Triều Tiên hoá” cuộc chiến tranh Đông Dương. Vấn đề này, Việt Minh của Hồ Chí Minh đã sẵn sàng giành được thắng lợi bằng bất cứ giá nào. Hội nghị Geneve sẽ làm cho Điện Biên Phủ trở thành một chiến trường đẫm máu, trước khi đẫm quân cờ tướng Giáp đã đặt lên bàn cờ tất cả

lực lượng dự trữ của mình.

Tôi hỏi Tổng tư lệnh Navarre:

- Nhưng thưa tướng quân, trong suốt cuộc họp quốc tế tại Berlin, các ngài Jacquet, Chevigné, Pleven đều có mặt tại Đông Dương. Các vị đó đều được biết những diễn biến trong hội nghị và có những yếu tố để đáp ứng những hậu quả. Vậy thì tại sao các vị đó không trì hoãn Hội nghị Geneve khoảng một hoặc hai tháng nữa. Đó là thời gian để chúng ta có được mùa mưa tại Điện Biên Phủ.

- Trong mọi trường hợp, cả Tông cao uỷ và cả tôi nữa đều không được hỏi ý kiến gì về hội nghị này. Ngày 21 tháng 2, khi gặp ông Pleven tại Đà Lạt tôi đã nói với ông về chuyện này nhưng ông tỏ ra không quan tâm lắm. Ông nói: “Chúng tôi buộc phải chấp nhận Hội nghị Geneve. Công luận ở Pháp sẽ không hiểu nếu chúng ta lẩn tránh cuộc họp. Hơn nữa một số thành viên chính phủ đều muốn họp. Trên thực tế, chính Thủ tướng cũng cho rằng hội nghị này chẳng giải quyết được gì cả. Ta phải đi họp thôi, dù chỉ để chứng tỏ rằng Việt Minh vẫn chưa sẵn sàng thương lượng trong những điều kiện hiện nay.

Dù sao, ngài Bộ trưởng cũng không nhầm. Bác Hồ rất muốn hoà bình nhưng phải đúng lúc. Những tình huống tháng 2, tháng 3 chưa tạo điều kiện thuận lợi và tướng Giáp đang tìm cách xoay chuyển tình thế có lợi cho Việt Minh. Trong suốt tháng diễn ra Hội nghị Berlin và sau khi sư đoàn 308 chuyển quân sang Lào, Điện Biên Phủ sống trong bầu không khí tương đối yên tĩnh nhưng bồn chồn chờ đợi. Các tiểu đoàn đã cải thiện vị trí phòng ngự, củng cố các kho đạn và lương thực. Đêm hãy còn mát nhưng ban ngày trời đang bắt đầu khá nóng. Đó là mùa Xuân vùng thượng du binh lính trong thung lũng mà nước sông Nậm Rốm không thể gột rửa sạch lớp bùn đất bám trên người đang mơ ước được tắm với nước hoa sen, được ôm ấp đàn bà, được ăn nóng.

Suốt tháng 2 những chuyến đi thăm chính thức ăn nhịp với những hoạt động vũ trang trinh sát tiến công thăm dò về phía các đỉnh núi cao.

Nhưng tất cả những chuyến đi thám sát này đều không đạt kết quả đáng kể. Phía đến thăm là những lời đánh giá cao và những cái bắt tay nồng nhiệt. Phía hành quân sục sạo là những cái chết vô ích và những huân chương vô duyên.

Một tuần sau chuyến thăm của ngài Jacquet và tướng Blanc, đến lượt tướng Mỹ O Daniel cũng lên thăm Điện Biên Phủ ngày 2 tháng 2 năm 1954.

Lúc này, tướng O Daniel vẫn còn đang giữ chức Tư lệnh các lực lượng mặt đất của Mỹ trong khu vực Thái Bình Dương. Ông tới đây với tư cách là chuyên viên, đặc phái viên của Chính phủ Mỹ trên cơ sở một đạo luật viện trợ tài chính cho Pháp.

Tướng Navarre không được thông báo trước về thoả thuận này đã tiếp đón lịch sự tướng O Daniel như tiếp đón một bạn đồng minh, một đồng nghiệp hùng mạnh, nhưng không tiết lộ gì nhiều về các kế hoạch tác chiến. Ngài “Mike sắt thép” (đó là biệt hiệu của tướng O Daniel) không tỏ ra phản ứng.

Thái độ thẳng thắn, thân tình cởi mở của ông, chứng tỏ ông là một người nhã nhặn. Ngay trong cuộc gặp đầu tiên vào ngày 20 tháng 6 năm 1953 tướng Navarre đã nhận được của Mike những cái vỗ mạnh mẽ, thân mật vào lưng. Từ đó tướng Navarre phải cẩn thận đứng đối diện hoặc đứng chéch tầm tay của “Mike sắt thép”.

Tính cách vĩ đại của “Mike sắt thép” khiến cho ông khó thích nghi với những tình thế của cuộc chiến tranh ở châu Á này. Ông tự cho mình giữ một vị trí quan trọng và đã giành một phần cuộc đời binh nghiệp để soạn thảo các kế hoạch nghiền nát Việt Minh. Ý đồ đầu tiên trong hoạt động của ông, ông đã phác hoạ ngay sau khi vừa đặt chân tới Tân Sơn Nhất hai giờ và đã bộc lộ với tướng Navarre ngay tối hôm đó. Dĩ nhiên, ý đồ này giống như kế hoạch mà Mac Arthur, Tổng tư lệnh các lực lượng ở Thái Bình Dương đã tiến hành trong cuộc chiến tranh Triều Tiên và đòi hỏi Pháp cũng phải có những phương tiện tầm cỡ như Mỹ.

Tóm lại, phương án của tướng Mỹ O Daniel là quân Pháp rút hết về tập trung tại mỏm Cà Mau (như tướng Mac Arthur trước kia đã từng rút quân về tập

trung tại đầu cầu Pusan của Nam Triều Tiên) rồi sau đó sẽ dựa vào không quân và pháo binh, đánh ngược trở lên cho đến tận biên giới Trung Quốc (như Mac Arthur đã từng làm trên bán đảo Triều Tiên, tiến quân trở lại đến tận sông Áp Lục giáp Trung Quốc).

Sau ba giờ thảo luận với tướng Navarre, tướng O Daniel đề nghị đi thăm tổng thể các chiến trường trước khi quyết định một kế hoạch chính thức. 8 giờ sáng hôm sau, O Daniel lên máy bay đi Hà Nội. Đến giữa trưa, máy bay lượn vòng trên vùng châu thổ sông Hồng, lúc này đang vào mùa mưa. Trên những cánh đồng ngập nước, làng xóm trôi lên như những đảo tròn. Đến 13 giờ tướng Navarre nhận được điện của O Daniel: “Đã hỏi rõ tình hình để áp dụng những kế hoạch tương ứng. Đề nghị tham khảo sách giáo khoa của bộ binh Mỹ 1, (kèm theo số hiệu sách)”.

Nhờ quen biết tùy viên quân sự đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn tôi đã có được tài liệu này. Đó là cuốn sách viết về “cuộc chiến tranh đánh chiếm quần đảo”. Tuy nhiên một ngày sau đó khi hành quân đường bộ tới vùng châu thổ Bắc kỳ, ngài “Mike sắt thép” đã hủy bỏ bức điện đầu tiên, mặc dù đã được gửi tới tướng Navarre.

Ngày 2 tháng 2 năm 1954 khi lên thăm Điện Biên Phủ tướng O Daniel tỏ ra ít bốc đồng hơn trước. Ông đi thăm tất cả các cứ điểm, chui vào trong hầm pháo để kiểm tra vũ khí, trèo lên các điểm cao, đi vào các hầm trú ẩn. Trước khi ra đi, ông đã vỗ vào vai Castries hai cái thật mạnh để tỏ sự tín nhiệm.

Năm ngày sau, Thứ trưởng chiến tranh De Chevigné lên thăm Điện Biên Phủ. Đã tốt nghiệp trường Cao đẳng quân sự Saint Cyr, ngài có kinh nghiệm về những chuyến đi thanh tra chính thức và không tin vào những ấn tượng bề ngoài. Ngài chỉ đi có một mình và đến Điện Biên Phủ vào buổi sáng thứ ba cốt để cùng trải qua một ngày nghỉ cuối tuần với Castries.

Ngày hôm đó, hai tiểu đoàn dù do Langlais chỉ huy mở một cuộc tiến quân thăm dò đến tận các cao điểm 781 và 754 ở phía Đông. Mục đích cuộc hành quân này là nhằm phá hủy khẩu pháo 75 của Nhật Bản, từ ngày 31 tháng 1 cứ vào lúc 17 giờ những ngày lễ là bắn vài quả đạn vào trung tâm cứ điểm

của Pháp. Trung tá Piroth chỉ huy cụm pháo binh Điện Biên Phủ đã chờ cho khẩu pháo Việt Minh bắn hết ba quả đạn để tính toán kỹ lưỡng vị trí đặt pháo, rồi mới cho các khẩu 105 của Pháp tưới đạn ào ạt lên chỗ nghi có pháo Việt Minh. Hôm sau là ngày chẵn, không nghe thấy một tiếng pháo nào.

Các pháo thủ của Piroth sừng phồng mũi, hy vọng đã tiêu diệt được pháo địch. Nhưng đến 17 giờ ngày 3 tháng 2, tức ngày lẻ, khẩu pháo do Nhật Bản chế tạo lại bắn, và ngày 5 tháng 2 lại tiếp tục bắn. Ngay tới hôm đó, trung tá Langlais đến tận vị trí cụm pháo binh để quát mắng các pháo thủ. Trung úy Constantin phụ trách cụm pháo 15 là người hứng chịu sự nóng giận của trung tá Langlais chỉ huy lực lượng phản kích. Trước khi quay về sở chỉ huy, Langlais còn đe một câu:

- Tự tôi sẽ đích thân đi tiêu diệt khẩu pháo Nhật.

Tờ mờ sáng hôm sau lính dù đã tới chân điểm cao 781. Sườn núi gập ghềnh dựng đứng. Quân Việt đóng ở trên đỉnh, nấp trong những hầm hố nguy trang rất kỹ, có thể tránh được bom và pháo 105.

Lính tiểu đoàn dù lê dương và tiểu đoàn dù số 8 bám vào vách đá cố tìm cách leo lên đã bị bộ đội Việt Minh ném lựu đạn xuống. Vốn là người dân xứ Bretagne nên Langlais rất kiên cường nhưng sau ba mươi sáu giờ tiến công đẫm máu mà không đạt kết quả đành phải ra lệnh rút về.

Ngài Chevigné đã ngồi trên tháp xe tăng Hervouet theo dõi một phần trận chiến đấu. Ngài đã nhìn thấy khá rõ có một ý niệm về những khó khăn trong cuộc chiến tranh vùng rừng núi.

Đêm hôm đó, Quốc vụ khanh Chevigné nghỉ lại trong hầm đại tá Castries. Hai người có quan hệ họ hàng với nhau và đã nói chuyện với nhau rất thoải mái.

Sáng chủ nhật, ngài Chevigné rời Điện Biên Phủ trước 5 giờ chiều nên không được nghe Việt Minh lại bắn từ khẩu pháo 75 tịch thu được của Nhật Bản, ba phát đạn vào cứ điểm Eliane. Hôm đó là ngày 7 tháng 2, một ngày lễ.

Ngày 19 tháng 2, Bộ trưởng Quốc phòng Pleven cùng đi với tướng Ely,

Tổng thanh tra quân đội kiêm cố vấn quốc phòng, lên kiểm tra tình hình Điện Biên Phủ. Cả hai vị nhận xét, tập đoàn cứ điểm tổ chức phòng ngự rất tốt. Mọi người ở Điện Biên Phủ và ở cả Hà Nội đều mong Việt Minh tiến đánh.

Khi vào Sài Gòn, tướng Ely hỏi tướng Navarre:

- Ông có cùng đồng ý thử sức ở Điện Biên Phủ không?

Tổng tư lệnh đáp:

- Thành thật mà nói, tôi không thích đi đến chỗ đó. Tôi chỉ mong Việt Minh nghĩ việc đánh chiếm Điện Biên Phủ sẽ phải trả giá đắt và sẽ không tiến đánh như đã từng làm hồi tháng 1.

Bây giờ, mọi người đều biết, niềm hy vọng của tướng Navarre chỉ là hão huyền. Từ vài ngày trước khi tiến công, tướng Giáp nghĩ cái giá phải trả cho Điện Biên Phủ bất luận thế nào cũng là giá rẻ.

Từ những ngày đầu tháng 3, Castries báo cáo về Tổng hành dinh là Việt Minh đang xiết chặt vòng vây chung quanh Điện Biên Phủ. Ngày 1 tháng 3, ngay khi vừa mới ra khỏi lòng chảo đội tuần tra đã chạm địch ở phía Tây. Trong khi đó tám ngày trước, lính dù đi xa tới mười kilômét cũng không gặp địch. Ngày 3 tháng 3 trung úy Fox thuộc tiểu đoàn 5, trung đoàn bộ binh Angiêri số 7 vừa đi cách cứ điểm Gabrielle 400 mét về phía Đông Bắc đã rơi vào một ổ phục kích.

Ngay hôm sau, đại úy Gendre với hai đại đội trong cùng một tiểu đoàn với Fox đã đụng độ với địch tại chân cao điểm 633, cách cứ điểm Gabrielle một kilômét về phía Bắc. Ngày 10, những đội tuần tra ban ngày gặp địch cách vị trí đóng quân 200 mét. Ngày 12 thiếu tá Mecquenem gửi điện báo cáo phát hiện thấy một hệ thống chiến hào địch ở phía Đông, phía Bắc, phía Tây Nam sở chỉ huy của ông.

Trong đêm 10 rạng ngày 11 tháng 3, những khẩu pháo 105 của Việt Minh đã được bố trí trong hầm đắp đất. Sáng hôm sau, Việt Minh bắn vài quả đạn pháo vào đường sân bay để chỉnh súng, phá hủy một máy bay vận tải đang bốc dỡ hàng. Sáng 12 tháng 3, tướng Cogny từ Hà Nội gọi điện cho Castries



theo hệ thống Z.13 mà kẻ địch không thể nghe lén được, cho biết: “17giờ ngày mai, ngày 13 tháng 3”.

### Đêm Béatrice

Trung úy De Veyes, sĩ quan tác chiến phân khu Trung tâm Điện Biên Phủ bắt đầu làm việc từ sáu giờ sáng. Trên bàn đặt trong hầm chỉ huy đã sắp xếp các báo cáo nhận được qua máy vô tuyến điện ban đêm. Trung úy nhìn thời điểm báo cáo: Thứ bay ngày 13 tháng 3. Anh trầm nghĩ: “Tối mai sẽ làm lễ cầu chúa trên cứ điểm Béatrice”. Thật là một ý nghĩ vớ vẩn. Từ hôm qua, chính anh là người đã biết rằng cứ điểm của tiểu đoàn 1 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 sẽ bị tiến công vào buổi tối 13 tháng 3 qua bức điện mật tướng Cogne gửi tới. Đại tá Casries đã báo cho anh biết trong buổi hội ý.

De Veyes tìm đọc các báo cáo của cứ điểm Béatrice: “Trong đêm 12 rạng ngày 13 tháng 3, tất cả cảnh giới báo động đều bị tiến công, buộc phải rút lui. Tổ báo động của đại đội 2 bị mất tích. Số quân trong tổ là ba người. Địch tiếp tục đào lún, nhất là ở mặt bắc là phía chiến hào địch chỉ cách chưa đầy mười mét. Việt Minh có thể đã hoàn thành trận địa bao vây toàn bộ trung tâm để kháng của chúng tôi. Ký Pégot”

Qua giọng điệu trong bản báo cáo, trung úy De Veyes có thể đoán được tâm trạng kỳ lạ của thiếu tá Pégot phụ trách cứ điểm Béatrice.

Không phải chỉ riêng De Veyes có sự phán đoán này. Tất cả mọi người trong lữ đoàn đều biết Pégot đang chờ cơ hội để tự giết mình. Đội lê dương có vẻ ngượng ngùng trước thái độ này vì nó vừa bi thảm vừa kỳ cục. Không ai nói ra, nhưng tất cả những người lính lê dương đều biết tại sao Pégot muốn chết. Mọi người thường gọi thiếu tá Pégot là “Đức Cha” một cách trìu mến. Trước khi lên Điện Biên Phủ, Pégot là thiếu tá, phó lữ đoàn trưởng, phụ trách công tác hành chính của bán lữ đoàn lê dương số 13 đóng quân ở trại Arnault Ville là căn cứ hậu cần của lữ đoàn, cách Sài Gòn ba mươi kilômét. Ở đây Pégot thừa hưởng một cuộc sống thanh bình, quan liêu, sau khi đã trải qua nhiều cuộc hành trình phiêu lưu mạo hiểm. Vì đây là năm cuối cùng của nhiệm kỳ phục vụ tại Đông Dương nên dĩ nhiên Pégot nghĩ đến chuyện đưa

vợ sang chơi.

Bà vợ Pégot không đi máy bay mà chọn tàu thủy để hưởng cuộc hành trình. Tại Sài Gòn, Pégot nhận được thư của vợ đóng dấu bưu điện Suez của Ai Cập. Bà vợ cho biết đã lên bờ thăm các Kim tự tháp và đã bị mất chiếc ví xách tay.

Vài ngày sau, thiếu tá Pégot lại nhận được một công điện mật, ngoài bì ghi chữ “Tin dân sự”.

Ông nghĩ thầm: “Chắc chắn đây lại là giấy báo tử của ai đó thôi”. Là sĩ quan phụ trách công việc hành chính của lữ đoàn thiếu tá Pégot vẫn thường nhận được những giấy báo như thế này.

Ông nhăn mặt, bóc phong bì. Bức điện ghi: “Đề nghị báo thiếu tá Pégot, vợ ông đã bị mất tích ngoài biển”. Suốt một thời gian đầu, không ai biết chuyện này. “Đức Cha” Pégot không hề thay đổi chút nào trong cung cách làm việc hằng ngày.

Cho tới lúc đó, ông vẫn chưa hiểu rõ “mất tích ngoài biển” là thế nào.

Ông chờ đến ngày tàu cập bến cảng Sài Gòn để hỏi rõ chuyện. Chính uỷ tàu dẫn ông đến khoang tàu mà vợ ông đã ở đó. Những người phục vụ đã dọn dẹp kỹ các đồ vật cá nhân của bà, lập biên bản cất giữ trong hòm. Pégot không phát hiện được điều gì. Chính uỷ cũng không nói gì hơn được: vợ ông đã bị mất tích trong một đêm khi con tàu đang đi ngang Ấn Độ Dương, không để lại một dấu vết nào, dù rất nhỏ.

Thiếu tá Pégot cho chuyển các hành lý của vợ xuống tàu rồi đưa về doanh trại Arnault-Ville tại Sài Gòn là nơi ông làm việc. Từ ngày hôm đó, Pégot trở nên thờ ơ với công việc không phải là chiến đấu. Khi được biết đang thiếu người chỉ huy tiểu đoàn 1 trên đồi Béatrice ở Điện Biên Phủ, Pégot đề nghị được cử làm tiểu đoàn trưởng và được chấp nhận.

Đối với trung úy De Veyes, ngày 3 tháng 3 qua đi rất nhanh. Buổi sáng tiểu đoàn dù lê dương có pháo và chiến xa yểm trợ đánh nóng ra phía ngoài. Suốt ngày hôm đó, họ cố lấp những đoạn chiến hào mà Việt Minh đã đào lấn sát vị trí đóng quân.

Đầu buổi chiều thiếu tá Pégot cùng với trung tá Gaucher lên cứ điểm Béatrice. Hầu như ngày nào Gaucher cũng phải dùng xe Jeep đi kiểm tra vị trí đóng quân. Lính lê dương rất thích được nhìn thấy vóc dáng nặng nề của ông bước nhùng bước chân chậm chắc nịch lên các điểm cao và nghe giọng nói khàn khàn của ông trò chuyện với binh lính.

Pégot nói với Gaucher:

- Anh em có vẻ mệt mỏi, không chỉ mệt mỏi mà còn căng thẳng thần kinh vì chờ đợi.

Gaucher cầu nhàu:

- Đây chưa phải lúc lên gân. Hãy chờ đến tối. Nhất định như vậy đó.

- Tôi biết?

Cả hai người cùng tiến hành những biện pháp cuối cùng để chống chọi với trận đánh đã biết trước.

Một giờ trước khi trời tối, máy bay ào ạt kéo lên ném bom. Nếu đúng là 5 giờ chiều Việt Minh sẽ tiến công thì vào giờ phút này, bộ đội Việt Minh đã chiếm lĩnh xong các vị trí xuất phát tiến công. Suốt nửa giờ, máy bay B.26 của không quân trút bom xuống các mỏm đồi bao quanh tập đoàn cứ điểm máy bay Hellcatt của hải quân bổ nhào giữa những cụm khói từ lưới lửa cao xạ phòng không của địch, nã đạn xuống các khe suối và những lùm cây trên đường mòn dẫn tới cứ điểm Him Lam do lính lê dương đóng giữ. Cho tới khi thả hết bom, bắn hết đạn các máy bay mới lần lượt biến dần trên vòm trời bay về hướng châu thổ. Thung lũng lòng chảo ngay lập tức lại chìm đắm trong sự im lặng.

Đúng 17 giờ, pháo binh địch bắt đầu bắn những loạt đạn chế áp đầu tiên. Từng loạt đạn pháo 105 mm rơi tới tấp xuống khu Trung tâm, khu đặt sở chỉ huy, bãi đề pháo. Tại sân bay, hai chiếc máy bay đỗ trên đường băng bị bốc cháy lửa lan rộng tới cả kho dự trữ xăng và hầm chứa bom napalm. Trên đồi Him Lam, nơi đặt cứ điểm Béatrice không còn là những tiếng pháo lẻ tẻ như mấy hôm trước nữa, mà là cả một trận bắn tiêu diệt bằng đạn pháo tập trung tại mặt trước cứ điểm. Lính lê dương ngồi rụt cổ trong chiến hào nghe tiếng

gầm thét của pháo và cối. Theo thói quen, mọi người không hề bộc lộ cảm xúc của mình mà cứ thản nhiên mặc cho số phận. Thỉnh thoảng, thiếu tá Pégot chỉ huy cứ điềm lại gọi điện liên lạc với các đại đội. Đường dây điện thoại đã bị đạn pháo cắt đứt chỉ còn máy bộ đàm vô tuyến.

Hai đại đội trấn giữ mặt Bắc là những đơn vị bị bắn phá thiệt hại nhất. Nhiều lô cốt bị sập, giao thông hào bị xói tung. Đột nhiên, tiếng pháo ngừng bật. Lính lê dương lại ngẩng đầu nhìn lên, lúc đó mới thấy, qua lớp rào kẽm gai bị pháo bắn toả hình ảnh những người lính Việt Minh đang xung phong, ánh lưỡi lê lấp loáng trên đầu súng.

Lúc đó là 18 giờ 15 phút. Tại vị trí trung tâm, các sĩ quan tham mưu đang quay quần chung quanh trung tá Gaucher chợt thấy trung úy Veyes là sĩ quan trực ban tại phòng tổng đài chạy vào nói to:

- Báo cáo trung tá. Việt Minh đã xung phong vào đồn Béatrice, đề nghị pháo bắn chặn.

Gaucher quay điện thoại nói chỉ huy trưởng Castries:

- Báo cáo đại tá. Béatrice sẽ giữ vững nhưng phải có pháo bắn chặn hết cỡ.

- Béatrice sẽ được ưu tiên về pháo!

Các pháo thủ nã pháo rất mãnh liệt. Cứ bắn liên tục bốn hoặc năm viên đạn lại nhảy xuống hố bảo vệ trước khi Việt Minh bắn trả rồi lại nhảy lên bắn tiếp. Nhưng đã có hai khẩu 105 bị phá hủy, các pháo thủ đều bị thương, một số bị chết. Từ gian hầm tổng đài, người lính nghe điện báo với Veyes:

- Thưa trung úy? Không thấy Béatrice trả lời.

- Kiểm tra lại máy xem!

- Báo cáo, máy vẫn chạy tốt. - Liên sau đó anh lính báo vụ lại tiếp tục gọi trong máy:

- Alô! Béatrice! Nghe rõ trả lời!

Đột nhiên, qua loa phóng thanh một giọng nói hỏn hển từ xa vọng lại:

- Béatrice đây! Toàn thể ban chỉ huy cứ điềm đều bị tử trận... Một quả đạn nổ chậm đã lọt vào trúng hầm chỉ huy... Tất cả..., chết hết..., chết, hết...

- Sở chỉ huy trung tâm đây? Hãy đưa máy cho một sĩ quan! Gọi lại cho

chúng tôi!

- Chết hết rồi... Chúng tôi vẫn đang tiếp tục bị bắn như già giò...

Pháo binh của Piroth phát huy hỏa lực bắn ngăn chặn nhưng không có kết quả. Pháo Việt Minh bắn cả vào sở chỉ huy ở vị trí trung tâm.

Trung úy Veyes liếc nhìn đồng hồ: lúc này là 8 giờ kém 15 phút. Anh ghi lại rất chính xác trong sổ trực ban: 19 giờ 45 phút. Chỉ vài giây sau Veyes đã bị một luồng gió mạnh quạt ngã xuống đất. Gian hầm rung lên. Điện tắt ngấm. Dư âm của tiếng nổ còn kín đặc trong đầu. Trong bóng tối và trong đám bụi đất, Veyes lần mò tìm chiếc đèn pin. Một luồng ánh sáng lóe lên soi rõ gian hầm. Nhiều xà gỗ trên nóc hầm đã bị rơi xuống.

Một lớp đất khô phủ lên các cỗ máy thu phát hãy còn lập lờ tín hiệu le lói qua lớp bụi đất. Trung úy Veyes hiểu rõ ngay: một quả đạn pháo của Việt Minh đã rơi trúng gian hầm bên cạnh, nơi đặt vị trí chỉ huy của tham mưu trưởng. Anh vội soi đèn nhảy sang. Thiếu tá tham mưu trưởng Vadot đang đứng, có vẻ như không việc gì, nói với trung úy Veyes:

- Trung tá bị... Anh hãy nhìn xem?

Veyes lại bấm đèn pin, soi sáng toàn bộ gian hầm. Các cây gỗ trên nóc đều bị sập, rơi chát đống, lộn xộn. Đất phủ đầy lên những xác người. Dưới gầm chiếc bàn làm việc đã bị phá hủy, trung tá Gaucher nằm thẳng cẳng, hai mắt mở to, miệng phủ đầy đất, ngực vẫn còn phập phồng đang cố hít không khí. Nhưng cả hai cánh tay của trung tá đã bị lìa khỏi cơ thể, bộ ngực đẫm máu. Bên cạnh trung tá là một xác người đã bị cụt đầu, nhưng Veyes vẫn nhận ra được, đó là Bailly, bạn cùng học trường kỵ binh Coetquidam. Gần bên cạnh là trung úy Bredeville đang thở hổn hển trước khi tắt thở. Thiếu tá Martinelli cũng bị thương.

Bên ngoài, pháo địch vẫn tiếp tục. Đến 20 giờ 30 phút, Veyes mới bắt liên lạc được với Béatrice.

Từ một vị trí còn lại ở phía Tây Bắc cứ điếm, điện đài báo về cho biết “Việt Minh ở khắp mọi nơi, chúng tôi đang chiến đấu chung quanh sở chỉ huy.” Đến 9 giờ tối thì cả đại đội cuối cùng này cũng không thấy trả lời nữa, cho

tới nửa đêm thì toàn bộ cuộc chiến đấu đã được sắp xếp mừng tượng lại như sau: cả hai sĩ quan Pégot và Gaucher đều bị tử trận từ đầu, cuộc phòng ngự thiếu người chỉ huy rơi vào hỗn loạn, vô tổ chức. Dù sao, cũng không thể tin được rằng toàn bộ tiểu đoàn 1 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 thiện chiến lại bị đè bẹp nhanh chóng chỉ trong vài giờ mà không có một lực lượng cứu viện nào. Những tin tình báo cho biết, có hai trung đoàn thuộc sư đoàn 312 Việt Minh đã tiến công Béatrice và tiểu đoàn lê dương đã phải chiến đấu với tỷ số một chọi mười.

Buổi sớm hôm sau rất yên tĩnh, một sự yên tĩnh hoàn toàn khác xa với thực tế. Cuộc đấu pháo đã ngừng, không ai nghe thấy một tiếng súng nào. Những chiếc máy bay lượn tí trên cao cũng không bắn phá.

Phía Việt Minh cho một trung úy Pháp bị thương mà họ bắt được quay trở về mang theo một thư đề nghị ngừng bắn từ tám giờ đến mười hai giờ để hai bên cùng thu nhặt thương binh. Mọi người ra khỏi hầm trú ẩn, nhìn về phía ba quả đồi Béatrice, chỉ thấy vài cột khói xám bốc cao, quyện vào sương mù đang bị mặt trời xua tan.

Binh lính lợi dụng thời gian ngừng bắn để ra sông tắm.

Đến buổi trưa tiếng súng lại tiếp tục khi những chiếc Dakota thả đơn vị đầu tiên của tiểu đoàn dù lính Việt số 5 xuống bãi nhảy ở phía Nam.

Hà Nội tặng viện cho một tiểu đoàn dù. Sáng mai, có thể sẽ phản kích chiếm lại Béatrice.

Nhưng đến 17 giờ ngày 1 tháng 3, Việt Minh đã lại nã pháo chuẩn bị vào cứ điểm Gabrielle đặt trên đồi Độc Lập như đã bắn phá Béatrice ở Him Lam ngày hôm trước. Từ vị trí chỉ huy đặt trong hầm có mái đắp đất dày tới một mét trên những thân cây lớn, thiếu tá Mecquenem to vẻ tin tưởng sẽ chịu đựng được trận bắn phá. Ông là một sĩ quan đã từng phục vụ tại cơ quan liên lạc thường trực của Pháp tại thủ đô Mỹ Washington, dưới sự chỉ huy của Đại tướng Ely. Ông cũng đã hết nhiệm kỳ phục vụ tại Đông Dương sắp được thăng cấp và nâng chức xứng đáng với khả năng và trí tuệ. Ông đang chán ngán cuộc chiến tranh và xứ sở này, đang căm ghét cái khí hậu nóng ẩm, cái

gió bụi ở đâu. Chỉ còn hai hoặc ba ngày nữa thôi ông sẽ được rời khỏi đây, được trở về Pháp bằng phương tiện nhanh nhất. Người thay thế ông là thiếu tá Kah cũng đã bay thẳng từ Pháp tới Điện Biên Phủ, đã có mặt tại đây và đang ngồi cùng với ông trong cứ điểm này. Từ tám ngày hôm nay, thiếu tá chỉ huy đã theo dõi sát từng giờ những động tác đào hào của Việt Minh ngày càng sát gần những vị trí phòng ngự của ông. Đêm hôm trước, ông cũng đã theo dõi trận đánh tại Béatrice ở Him Lam. Ông đã dự đoán, đêm hôm sau sẽ đến lượt Gabrielle của ông bị tiến công.

Gabrielle là một cứ điểm cách trung tâm bốn kilômét về phía Bắc nhưng là một vị trí được chọn lọc và mạnh. Cứ điểm được xây dựng trên đỉnh một điểm cao trơ trọi, (vì vậy gọi là đồi Độc Lập), sườn rất dốc nhất là ở mặt Bắc. Cây cối trên cao điểm đã bị chặt hết để dùng làm vật liệu xây hầm và lô cốt, tất cả đều vững chắc. Tiểu đoàn phòng ngự được bố trí trên đỉnh cao, tất cả các sườn dốc đều có lưới lửa quét sát đất. Thiếu tá Mecquenem không có lý do gì để lo ngại.

Từ tối hôm đó, pháo Việt Minh đã bắn phá liên tục Gabrielle trong suốt chín giờ ba mươi phút. Đại đội 4 bố trí ở mặt Đông Bắc cứ điểm bị pháo bắn nhiều nhất. Đến mười giờ tối, một quả đạn đã rơi trúng hầm chỉ huy của trung úy đại đội trưởng Moreau làm trung úy chết ngay tại chỗ.

Những đơn vị đi đầu của Việt Minh đã bám chân ở mặt Bắc cứ điểm giữa vị trí của đại đội 1 và đại đội 4. Đến 3 giờ sáng Việt Minh ngừng bắn pháo.

Mecquenem tranh thủ thời gian củng cố công sự và tiếp tế đạn cho các đại đội. Đến 4 giờ các trung đoàn của sư đoàn 308 bắt đầu xung phong đánh chiếm cứ điểm từ các mặt phía bắc và phía đông.

Khoảng 4 giờ 30, Gabrielle gọi điện báo cáo với sở chỉ huy của Castries:

- Cuộc tiến công của địch có vẻ như đang yếu dần. Các vị trí của ta nhìn chung vẫn còn nguyên vẹn trừ khoảng giữa đại đội 1 và đại đội 4 có một đơn vị nhỏ của địch đang chiếm giữ. Đại úy Carré đã đem theo một trung đội thuộc lực lượng dự bị tiến ra tăng cường phòng ngự cho phía này.

Chỉ vài phút sau, hầm chỉ huy của Gabrielle được coi là một vị trí vững chắc

nhất đáng làm khuôn mẫu cho toàn cứ điểm bị pháo Việt Minh bắn sập. Một quả đạn pháo đã xuyên qua nóc hầm rơi đúng giữa ban chỉ huy rồi phát nổ. Thiếu tá Kah bị đứt lìa một chân. Mecquenem và các sĩ quan khác may mắn thoát chết. Sau khi được đại úy Gendre chỉ huy đại đội 3 báo cáo, Castries ra lệnh cho Langlais và Pazzis tổ chức phản kích. Lúc này Langlais đang thay Gaucher chỉ huy khu Trung tâm. Vốn là người được giao nhiệm vụ nắm toàn bộ lực lượng cơ động của tập đoàn cứ điểm, ông đã nghiên cứu trước kế hoạch phản kích. Tiểu đoàn dù lê dương số 1, tiểu đoàn dù thuộc địa số 8 và trung đội xe tăng đã tổ chức diễn tập từ hồi đầu tháng 3.

Công binh đã chuẩn bị sẵn các thiết bị để xe tăng có thể vượt qua giao thông hào khi xuất kích.

Trung tá Langlais nghĩ rằng tiến hành phản kích trong đêm không đạt kết quả vì vậy đợi đến sáng mới bắt đầu. Pazzis là phó của Langlais cũng là người tổ chức các đơn vị xuất kích. Nhưng thiếu tá Pazzis đã không chọn tiểu đoàn dù số 5 người Việt làm lực lượng chủ chốt, có thêm một đại đội dù lê dương hỗ trợ. Thiếu tá Guiraud chỉ huy tiểu đoàn dù lê dương đã có phản ứng khi nhận lệnh vì không đúng với kế hoạch, trong đó toàn bộ tiểu đoàn dù lê dương đã được diễn tập thành thạo.

Ông được Pazzis giải thích:

- Tôi đã báo cáo và được đại tá Castries đồng ý rồi. Cần phải tiết kiệm lực lượng dù của lính lê dương, nên thay bằng tiểu đoàn dù người Việt.

Khi ba chiếc xe tăng dẫn đầu tiến ngang qua cứ điểm Anne Marie thì đã 6 giờ sáng. Những đại đội thuộc tiểu đoàn dù số 5 người Việt do thiếu tá Bottela chỉ huy tiến theo vết xích của xe tăng.

Gabrielle chỉ còn cách họ có một ngàn hai trăm mét. Chợt những quả đạn từ hai mươi bốn khẩu pháo 105 của Việt Minh rơi xuống đầu đoàn quân đang kéo đi phản kích. Tiểu đoàn dù số 5 nằm như bị đóng đinh trên mặt đất. Thiếu tá Bottela bị thương nhẹ ở chân, nhảy tập tễnh từ chỗ này đến chỗ nọ, quát mắng âm ỉ, lấy gậy vục cả vào người đám lính đang nằm run cầm cập. Martin thúc đại đội dù lê dương từ phía sau vọt lên, bám sát những chiếc xe



tăng mở đường. Lúc này, một tiểu đoàn Việt Minh đã đóng giữ Bản Khe Phai và cao điểm 477 như đóng nút cổ chai. Các xe tăng bắn pháo mở đường tiến. Đoàn quân nhích dần lên tới cách Gabrielle khoảng bốn trăm mét thì lại bị chặn. Lúc này là đúng 7 giờ 15 phút. Cuộc chiến đấu trên cứ điểm Gabrielle vẫn đang tiếp diễn. Việt Minh đang tiếp tục đánh chiếm các lô cốt cố thủ. Thêm một tiểu đoàn Việt Minh vừa chiếm lĩnh được sườn phía đông cứ điểm. Vài giờ sau, Gabrielle hoàn toàn bị Việt Minh chiếm đóng đoàn quân phản kích cũng chấm dứt nhiệm vụ, không giành lại được cứ điểm và cũng không yểm trợ được cho lực lượng còn lại.

Đến 11 giờ chiếc xe tăng cuối cùng trong đoàn quân cứu viện không thành mới quay trở về được khu Trung tâm cùng với Martin bốn sĩ quan và một trăm bốn mươi lính còn sống sót thuộc tiểu đoàn bộ binh thuộc địa Angiêri, đúng vào lúc một bầu không khí tang tóc nặng trĩu trong sở chỉ huy trung tâm. Trung tá Piroth, chỉ huy cụm pháo binh vừa mới tự sát bằng lựu đạn trong hầm. Xác của ông được mang về đây, đặt bên cạnh những chiếc áo quan vừa mới nhập thi hài, đó là Gaucher và các phó chỉ huy của ông. Một đội lính lê dương lập hàng rào danh dự với nét mặt buồn thảm của những người đứng canh lễ tang. Thiếu tá, bác sĩ Grauwin, cởi trần trùng trục, người ướt đẫm mồ hôi tới gặp đại tá chỉ huy trưởng Castries báo cáo: lính bị thương nằm rải rác trong các hầm nhưng không còn máu để truyền nữa.

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 8**

Cần phải chờ gặp những người bị thương nặng về Hà Nội. Nhưng sau khi Việt Minh chiếm được Gabrielle đặt trên đồi Độc Lập, sân bay đã nằm ngay dưới tầm đạn súng cối. Hơn nữa, thời tiết xấu cũng không cho phép máy bay liều lĩnh hạ cánh.

Thiếu tá Thimonier, chỉ huy tiểu đoàn lính Thái số 3 tại cụm cứ điểm Anne Marie đặt ở Bản Kéo phát hiện thấy những hoang mang dao động trong đám lính người dân tộc. Có một người nào đó đã rải những tờ rơi kêu gọi binh lính đào ngũ.

Trong tiểu đoàn này hầu hết binh sĩ đều là người dân tộc Thái ở Sơn La và Nghĩa Lộ. Những làng bản quê hương của họ, nơi ấp ủ những tình thương những gương mặt thân quen những truyền thống quý giá, từ hơn một năm nay nằm dưới sự kiểm soát của Việt Minh. Những người lính Thái này muốn trở về làng bản của mình. Hơn nữa, có lẽ họ cũng đã cảm thấy những làn sóng tuyệt vọng đang tràn ngập Điện Biên Phủ trước sự tiến công của Việt Minh.

Những đám mây đen nặng nề, hình thành từ những đám cháy do bom napalm tạo ra hoà nhập với những đám mây tự nhiên, toả khắp vùng trời thung lũng.

Buổi chiều, một cơn dông ập xuống, sấm chớp hoà trong những tiếng nổ của đạn pháo Việt Minh vẫn đang bắn phá không ngừng Điện Biên Phủ.

Cuộc hoảng loạn tại cụm cứ điểm Anne Marie ở Bản Kéo đã bùng nổ như thế nào? Vào lúc nào? Trạng thái tinh thần binh lính ra sao tới mức toàn đơn vị đều bỏ chạy? Ngồi trong sở chỉ huy của mình, đại tá De Castries suy nghĩ miên man như vậy.

Đây không phải lần đầu tiên ông chứng kiến tình trạng như vậy. Tháng 5 năm 1940, khi còn là trung úy, ông đã nhìn thấy tận mắt các sư đoàn trong trung đoàn của ông hoảng loạn như thế nào trước sự tiến công của quân Đức. Lúc này ông đang chỉ huy một đại đội kỵ binh được phân công bố trí phía sau sư đoàn. Đại đội của ông đã bị các xe tăng và xe bọc thép của Đức bao vây. Trong nhiều ngày, cùng với các chiến binh trên mình ngựa ông đã chiến đấu chống lại những cuộc tiến công và chống cả sự tuyệt vọng. Nhưng rồi cuối cùng ông đã phải cầu may, vượt qua lưới bao vây của địch trở về các phòng tuyến của Pháp trước khi ký kết hiệp định ngừng bắn ít ngày.

Trước mắt mọi người, giờ đây ông vẫn phải cố giữ vẻ bình tĩnh. Nhưng khi ngồi một mình trong hầm chỉ huy, ông lại suy tưởng tới tham họa ở Anne Marie.

Nếu Việt Minh tiếp tục đà thắng lợi, từ phía bắc đánh xuống Anne Marie trong đêm nay thì cụm cứ điểm này sẽ tan biến. De Castries vốn không tin cậy tiểu đoàn lính Thái này (ông đã từng nói như vậy với Cogny). Chính vì lẽ đó ông đã bố trí tiểu đoàn này ở cứ điểm Anne Marie tại Bản Kéo nằm ở phía sau Béatrice (Him Lam) và Gabrielle (đồi Độc Lập) nhưng bây giờ cả hai cụm cứ điểm Béatrice và Gabrielle đều đã bị mất, Anne Marie đang ở tuyến sau vụt trở thành tiền tuyến.

Ở mặt phía Đông, lính Angiêri và Ma-rốc đang trên các cụm cứ điểm Dominique và Eliane, liệu có đẩy lùi được cuộc tiến công của Việt Minh, trong khi bộ đội Việt Minh chỉ trong vài tiếng đồng hồ đã hoàn toàn tiêu diệt được Béatrice có lính lê dương đóng giữ? Hiện nay, chỉ còn lại hai tiểu đoàn bộ binh lê dương và hai tiểu đoàn dù lê dương đang đóng ở phần sau trung tâm. Liệu lực lượng này có thể cố thủ liều chết trong vinh dự, hay là cố chọc thủng vòng vây rút chạy, bỏ lại những binh sĩ bị thương và hàng ngàn tấn đạn dược?

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có vẻ đang sống trong những giờ phút cuối cùng. De Castries gửi điện báo cáo với tướng Cogny: “Có thể, chúng tôi sẽ bị đánh tan trong cuộc tiến công sắp tới”.

Cogny cũng nghĩ như vậy. Sáng hôm qua ông đã rất ngạc nhiên, cũng như tất cả mọi người chung quanh, khi được tin Béatrice chỉ chống cự được có vài giờ. Ông còn ngạc nhiên hơn nữa khi thấy pháo binh của Piroth không bắn trả có hiệu quả dù có những khẩu pháo cỡ 155 mm. Tình hình đang nguy kịch và tướng Cogny dự tính sẽ phải nói những lời dè dặt, không huênh hoang như trước, để dự phòng cho những ngày sau.

Trước mặt nhóm sĩ quan tụ tập trong tiền sảnh, tướng Cogny tuyên bố:

- Từ nhiều tháng trước, tôi đã nhắc lại với tướng Navarre rằng Điện Biên Phủ là cái bẫy chuột.

Sau đó, ông tiếp hai nhà báo Lucien Bodard và Max Clos trong phòng làm việc rất lâu.

Chiều ngày 15 tháng 3, khi đi gặp Tổng tư lệnh Navarre, tướng Cogny mang theo trong túi bức điện của De Castries và nói:

- Castries không phải là người bi quan. Vì vậy phải tính trước sự quy đổ của Điện Biên Phủ nếu Việt Minh vẫn giữ cường độ tiến công và tiếp tục đánh trong đêm nay.

Navarre hỏi lại:

- Thế lực lượng tăng viện để đâu?

Cogny trả lời:

- Hôm nay, chúng tôi không thể tăng viện cho Điện Biên Phủ một người nào vì tất cả máy bay đều phải huy động để thả dù đạn dược đã tiêu phí rất nhiều trong những trận vừa qua. Nhưng, tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 đã sẵn sàng, có thể nhảy ngay xuống Điện Biên Phủ sáng mai, nếu...

Cogny không nói hết câu.

Trước khi vào Sài Gòn, tướng Navarre tự tay viết bức điện gửi chính phủ: “Tại Điện Biên Phủ, tình hình đã trở nên rất nguy kịch. Vòng vây của Việt Minh đang xiết chặt chung quanh khu vực có các trung tâm đề kháng Claudine, Eliane, Dominique, Huguette và Anne Marie. Tôi có cảm giác Việt Minh sẽ mở cuộc tổng tiến công ngay trong đêm nay”.

Cũng trong giờ phút này các tiểu đoàn Việt Minh, chưa xuất trận và đang

hăng hái, bắt đầu từ những đỉnh núi tiến xuống thung lũng lòng chảo.

Một trung đoàn đưa các đại đội đi đầu tiến sát dãy đồi hình trăng lưỡi liềm là nơi đặt cụm cứ điểm Anne Marie có lính Thái đóng giữ. Lính trinh sát của cứ điểm Dominique 2 phát hiện sự vận chuyển và tập trung của Việt Minh trong những thung lũng có nhiều bụi rậm ở mặt Đông Nam.

5 giờ chiều, pháo bắn thẳng, pháo không giật và súng cối của Việt Minh bắt đầu chuẩn bị trước khi bộ binh xung phong vào cứ điểm Dominique 2, lính Angiêri đóng giữ quả đồi này nghĩ rằng cuộc chống cự của họ cũng sẽ vô ích như những người anh em của họ đã bị tiêu diệt tại Gabrielle.

Tất cả binh lính Điện Biên Phủ đều chuẩn bị chiến đấu, lính dù, lính lê dương, lính Angiêri, lính Ma-rốc đã sẵn sàng tại các vị trí phòng ngự.

Những tổ tuần tiễu và báo động được lệnh đi ra ngoài cứ điểm để phát hiện địch. Cho tới khi trời tối hẳn, mọi người vẫn không biết tướng Giáp đã cho ngừng việc tiến công liên tục. Có thể lúc này, ông Giáp đang thực hiện phương châm “đánh chắc, tiến chắc”. Sự tinh khôn của người chỉ huy Quân đội nhân dân Việt nam qua rất đáng khâm phục và ca ngợi.

Sáng 16 tháng 3, thi hài các vị trung tá chết trận đã được chôn cất tại một góc nào đó mà sau này không ai còn nhớ nữa. Các đội tuần tiễu và báo động không gặp địch đã quay trở lại căn cứ. Trên trời cao, những chiếc máy bay đầu tiên đang thả dù tăng viện. Khoảng 11 giờ đơn vị dù đầu tiên đặt chân tới bãi Simone ở phía Nam trung tâm và phía Bắc cứ điểm Isabelle (Hồng Cúm). Mọi người biết rằng Bigeard đã tới.

Những đại đội thuộc tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 do Bigeard chỉ huy đã tiếp đất, đang đi bộ tiến về phía sau núi có đặt cứ điểm Eliane 1 và bắt đầu đào công sự, xây dựng một cứ điểm mới, đặt tên là Eliane 4.

Các pháo thủ cũng được bổ sung quân số. Đó là những lính pháo binh thuộc trung đoàn pháo binh nhẹ đổ bộ đường không đưa từ Tây Nguyên tới. Mới cách đây bốn mươi tám giờ, trung đoàn pháo binh nhảy dù số 35 này đang còn tham dự chiến dịch Atlante.

Bác sĩ Grauwin cũng không bi quan lắm như số binh sĩ bị thương. Ông vừa

nhận được một trạm phẫu thuật dã chiến với đầy đủ các thiết bị dĩ nhiên chỉ thiếu các nữ y tá. Ngoài ra, một số máy bay lên thẳng từ Mường Sài tới đã hạ xuống một mầu đất vuông ngay bên cạnh bệnh viện, mang đi sáu thương binh trong tổng số một trăm năm mươi người bị thương. Chả bỏ bèn gì, nhưng dù sao cũng để lại chút hy vọng cho người còn lại.

Bầu trời cũng đã quang đãng. Sức nóng của mặt trời cộng với gió đã quét sạch những đám mây đen từ những đám cháy vì ném bom napalm.

Ngày 16 tháng 3, không thấy Việt Minh tiếp tục tiến công, tinh thần mọi người tại Điện Biên Phủ mới đầu phức tạp, dễ tan vỡ như pha lê nay đã cô động và cứng rắn không còn nghe thấy những tiếng kêu “Việt Minh đến đây” như thời kỳ trước ở Béatrice. Tối nay, mặc dù pháo địch vẫn còn bắn tiêu hao, những người lính gặp nhau trong các chiến hào, tuy dáng đi chậm chạp, cặp mắt chú ý quan sát, nhưng những thớ thịt dưới cằm đã rắn chắc.

Đêm nay và cả ngày mai, có thể những lính Thái thuộc tiểu đoàn 3 đóng ở Anne Marie sẽ bỏ chạy hết... “Mặc xác chúng! Cứ để cho chúng đi!”. Những người lính Pháp ở Điện Biên Phủ đã nghĩ như vậy.

Dù sao, Điện Biên Phủ cũng không còn là một trung tâm để đánh rộng ra khắp vùng như tướng Cogyng tưởng tượng; cũng không còn là căn cứ lực - không quân bảo vệ cho kinh đô Lào Luang Prabang như tướng Navarre nghĩ. Cái thành trì pháo đài bị vây hãm cũng không còn là màu cờ của thế giới tự do như Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles cố làm mọi người tin tưởng.

Cuộc chiến tại Điện Biên Phủ đã trở thành một lời giải thích kín đáo giữa hai phía Việt và Pháp. Với người lính Việt Minh đó là những người không chịu khuất phục. Đối với phía Pháp, đó là những người lính thuộc mọi chủng tộc, những lính lê dương đủ mọi quốc tịch những lính dù của mọi tỉnh thành nước Pháp, sát cánh chung quanh một địa điểm mà đôi lúc họ đã quên và chỉ còn là sự tiêu biểu cho kỷ niệm của bốn phận đè nặng lên họ...

Điện Biên Phủ đã trở thành một thách thức.

Những con chuột ở Nậm Rốm

Jean Péraud, phóng viên của Sở thông tin báo chí quân đội vẫn có khuynh

hướng coi cuộc chiến tranh vừa mới xảy ra như là một cuộc phiêu lưu mới, đầy hình ảnh ngoạn nhiên, kỳ lạ, lôi cuốn, đẹp đẽ hoặc bản thủ. Từ ngày nhảy dù xuống Mường Sài đến nay, anh vẫn tự coi như có quyền mặc bộ đồ nhảy dù loang lổ màu ngụy trang và chiếc mũ bê-rê đỏ của lính dù. Nhưng hiện nay, anh lại cất chiếc mũ nồi đỏ trong túi để đội chiếc mũ sắt nặng nề như tất cả mọi người. Trên vai anh có đính một mẩu dạ màu xanh lá cây chứng nhận anh giữ vai trò một quan sát viên. Nhưng anh vẫn sẵn sàng tham dự tất cả những pha chiến đấu của tấn bi kịch đang diễn ra.

Ngày 13 tháng 3 khi Việt Minh tiến đánh Điện Biên Phủ thì Péraud đã từ Mường Sài về Hà Nội và đang buồn chán. Nhà quay phim Pierre Schoendoerffer, được coi là đầu bên kia của dây ăng-ten ra-đa lại ở Sài Gòn, chờ ngày xuống tàu về Pháp. Họ đã chào từ biệt nhau trong một buổi uống rượu say. Péraud đang tự hỏi có nên cùng trở về hay không. Chỉ hai tháng nữa sẽ là mùa mưa và cũng sẽ chẳng có gì đặc biệt cho tới tháng mười mới bắt đầu mùa khô và cũng là mùa của các chiến dịch lớn.

Cuộc tiến công của Việt Minh đến với Péraud một cách bất ngờ. Điều đó cũng chứng minh ban tham mưu quân đội Pháp có khả năng giữ bí mật. Péraud đã hụt chuyến tàu thứ nhất, không kịp đi theo tiểu đoàn dù số 5 lính Việt nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Nhưng sau đó, anh đã khéo léo ghi tên được danh sách đi theo tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 do Bigeard chỉ huy, cũng là một tiểu đoàn dù rất thích được chụp ảnh. Ngày 16 tháng 3 Péraud tiếp đất lòng chảo cùng với đơn vị đầu tiên của Bigeard, và đã lập tức đứng thẳng dậy, bấm máy Leica chụp một loạt ảnh các binh lính đang nhảy dù, tiếp đó cùng hành quân với họ tới vị trí.

Các nhà bếp đều trống rỗng hoặc biến thành buồng cho thương binh. Péraud không tìm được nước uống. Suốt buổi chiều anh lê đôi ủng nhảy dù lang thang từ khắp các sở chỉ huy này đến các cứ điểm khác.

Tại ban tham mưu của De Castries có rất đông người. Đó là những người không có việc gì để làm, hoặc không biết làm gì ở Điện Biên Phủ, những khách đến thăm và những nhà du lịch bất hạnh bị kẹt lại ngày 13 tháng 3 vì

sân bay bị bắn hỏng, những người muốn nghỉ lại một đêm ở Điện Biên Phủ rồi không còn cách nào để bay trở về, những người bạn thân, những người đi nghỉ cuối tuần, tất cả cùng chen chúc nhau trong hầm trú ẩn và trong những chiến hào phụ, đến tìm gặp đại tá chỉ huy để xin một chỗ trong máy bay lên thẳng di tản thương binh. Và nếu hôm đó không có máy bay lên thẳng, hẳn là nhiều người đã không ngần ngại chê trách Castries là không lịch sự, không chu đáo, không làm đủ mọi việc cần thiết để đưa khách tham quan Điện Biên Phủ trở về nhà.

Trong số người này Péraud nhận ra đặc phái viên tờ Caravele, tuần báo thông tin của lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, một trung úy ngạch dự bị đeo phù hiệu lính lê dương.

Trong đêm 13 rạng ngày 14 hầm trú ẩn của anh ta bị pháo Việt Minh bắn sập một nửa, anh ta bị một xà gỗ trên nóc hầm rơi vào chân, mặt mũi cũng bị xây sát. Một y tá đã bôi thuốc đỏ mercurochrome lên rồi quấn băng. Bây giờ máu đỏ chảy rùng rùng thấm qua lớp vải băng màu trắng. Péraud lập tức chụp luôn một tấm ảnh màu, chú thích là “một trung úy lê dương bị thương”. Sau đó tấm ảnh được vinh dự đăng trên trang bìa tờ Match.

Tại sở chỉ huy của Langlais, ông đã cho đuổi hết mọi người ra ngoài. Vị chỉ huy lực lượng dù tại Điện Biên Phủ quát mắng tất, cả mọi người không trừ ai. Ông nghĩ “Làm như vậy để họ nâng cao tinh thần”.

Đây không phải là lúc nói chuyện tào lao với cánh quân lính dù trên các cứ điểm. Bởi vì, có một lần, chưa kịp bắt chuyện, Péraud đã bị lính dù sai phái: “Này, Radar, gỡ tấm ván này ra hộ mình” hoặc “Này, giúp mình một tay”.

Những lính dù này đã bỏ vũ khí để cầm cuốc xẻng đào hào giao thông, củng cố các nóc hầm quá yếu, xây dựng vôi vữa lô-cốt cổ thủ. Péraud rất sợ làm công việc xúc đất đào đất này. Anh chỉ “gỡ hộ tấm ván” như có người vừa nhờ giúp.

Péraud buồn chán trước bầu không khí sôi sục là một người thích hoạt động độc lập nhưng không thích đơn độc, vậy mà hiện nay Péraud lại thiếu người bạn đồng nghiệp là Schoendoerffer.



Anh buồn chán như con ngựa già vắng bạn kéo xe đôi. Liệu Pierre Schoendoerffer biết làm gì ở Sài Gòn trong lúc này? Anh chỉ có thể nghĩ đến chuyện đi nghỉ hè ở bờ biển Côte d'Azur nước Pháp vì không có việc như Péraud ở đây.

Đằng sau trạm quân y, chỉ cách vài bước chân là trạm bưu điện quân đội. Từ nơi này có thể gửi điện đi toàn thế giới. Những tin điện gửi về chính quốc được miễn phí. Chỉ cần cho biết họ tên và địa chỉ người nhận. Công thức A là: “Vẫn mạnh khoẻ gửi lời thăm âu yếm”. Những công thức khác đại loại cũng tương tự.

Péraud chen ngang dòng người đang chờ đến lượt nhận tin trấn an gia đình. Anh nói với nhân viên quân bưu:

Báo chí!

Rồi nói thêm:

- Báo chí được ưu tiên.

Tiếp đó Péraud đưa ra một mảnh giấy viết vội trên bàn gỗ. Nhân viên quân bưu có gương mặt xanh xám đóng khung trong bộ râu tám ngày chưa cạo, đọc nội dung: “Gửi Pierre Schoendoerffer. Sở báo chí Hà Nội - Bản sao gửi Sở báo chí quân sự Sài Gòn. “Đến nhanh đây gặp tao. Kỳ cục lắm. Péraud”

Người bưu tá đưa mắt nhìn Péraud, không hiểu gì cả. Péraud nói: “Đây là mật mã. Anh đừng bận tâm”.

- À! Thế thì được. Anh phải trả cước phí sáu đồng bốn hào.

Khi ra khỏi trạm quân y, Péraud đã lấy lại được tinh thần phấn khởi. Anh nghĩ thế nào Schoendoerffer cũng tìm được cách có mặt tại đây.

Một loạt đạn 105 nổ gần trạm quân y cắt đứt những suy nghĩ của Péraud. Gần tới đạn pháo càng bắn dữ dội hơn vào phân khu Trung tâm.

Không có ánh sáng để làm việc. Đây là khoảnh khắc rất ngắn của hoàng hôn nhiệt đới.

Ánh sáng giữa ngày và đêm chuyển nhanh sang màu tối, mờ nhạt mà như những gần như có thể sờ thấy được. Trên nền đen đó, một ngọn đèn điện nhỏ lóe lên ánh sáng yếu ớt của một ngôi sao.

Nhà phóng viên ảnh Péraud thường rất tiếc chưa ghi được tấm hình nào của cảnh đẹp này trong phim ảnh.

Anh đã nghĩ đến chuyện quay về hầm trú ẩn nhưng không thấy buồn ngủ và cũng không muốn ngồi một mình trong cái hầm nhỏ như ngôi mộ này. Anh bèn đi về khu dân cư của người Thái trắng dọc theo bờ sông Nậm Rốm. Những binh lính thủ hạ của Đèo Văn Long từ Lai Châu rút về đây cùng với gia đình, đã xây dựng được một khu sinh sống tạm gọi là làng bản, nửa chìm nửa nổi, có hầm trú ẩn. Trong những ngày chờ đợi Việt Minh tiến công cái bản người Thái này thường là nơi những khách quen thuộc lui tới ban đêm.

Khi đi qua một hộp đêm, Péraud nghe thấy giọng nói lạnh lạnh của những gái điếm người Việt. Nhà chứa này được xây dựng trong một khu hầm rộng để có thể hoạt động trong mọi trường hợp. Nhưng vài hôm nay, khu nhà này đã khép kín các cửa chớp. Các cô gái điếm không còn lòng dạ nào tiếp khách nữa, quay sang chăm sóc lính bị thương hoặc làm những việc lặt vặt ở bệnh xá.

Những công việc này không sạch sẽ, không được trả tiền cao, nhưng rất là có ích. Mọi người đều phải nghiêm chỉnh tuân theo luật lệ quân y: cho lính bị thương uống nước, lau mồ hôi trên mặt họ, tắm rửa cho những thân hình bẩn thỉu, đổ bỏ, ngồi cạnh những người sắp chết... Những cô gái này đã thực hiện các nhiệm vụ một cách nhẫn nhục và với một tình thương xứng đáng với sự quản lý của bà chủ là Marie Madeleine.

Péraud thở dài, bước nhanh ra khỏi nơi này. Anh nghĩ, đây không phải là lúc vào chơi.

Trời đêm vẫn nóng. Những loạt đạn pháo nổ dừ dội lúc xâm tới, nay đã dịu dần. Nhưng thỉnh thoảng vẫn còn hai hoặc ba quả đạn bắn về phía sở chỉ huy hoặc khu pháo thủ nằm ở khá xa phía sau Péraud. Anh đã tới sông Nậm Rốm và đang đi trên con đường hẻm trên bờ, dẫn xuống phía Nam.

Trong một khu đất ven bờ sông, Bordier là con rể tướng giặc Đèo Văn Long và là đại diện chính trị - quân sự của Long tại Điện Biên Phủ đã cho làm một hầm sâu rộng có thể coi như phòng ở tiện nghi. Khi Bordier không về Hà

Nội với gia đình thì ông ta thường sống ở đây như một quan cai trị trong cảnh điền viên có nhiều thú vui bí mật. Péraud nhìn thấy gian nhà hầm này có vẻ như trống rỗng. Chiều 12 tháng 3, “ngài Bordier” đã cuống quýt chạy ra máy bay chuẩn về Hà Nội lấy có “đi chữa răng”. Nhất định, Bordier không quay về đây nữa. Ngay trong đêm đầu tiên Việt Minh tiến đánh Điện Biên Phủ, những lính hầu và bồi bếp của Bordier đã lợi dụng cơ hội, chạy khỏi tập đoàn cứ điểm về phía Nam. Khu vực dành cho Bordier hiện trở thành hoang vắng. Péraud quyết định vào thăm nơi này.

Anh đi dọc đường hào giao thông bảo vệ cho cửa hầm tránh khỏi những đạn pháo bắn thẳng rồi mở cửa. Một ngọn đèn điện nối vào đầu dây từ nóc hầm rủ xuống toả sáng gian hầm dưới chiếc chụp đèn giống như chiếc nón của “người nhà quê”. Các vách hầm đều căng vải dù. Sàn nhà hầm trải chiếu cói. Một chiếc giường rộng kiểu Trung Quốc, thường gọi là “cái sập” có bốn chân uốn cong đỡ lấy mặt phản làm bằng gỗ gụ nhẵn bóng, màu sẫm, ban ngày dùng làm bàn, ban đêm dùng làm giường, kê ở sát vách tường. Một cô gái mặc yếm trắng, váy đen, đứng ở một góc phòng sau chiếc sập hầu như không động đậy.

Jean Péraud sững người một lát. Anh đã từng biết đến khu phố người Thái với những vẻ đáng yêu và cả những bí mật, có những cô gái trước khi xảy ra cuộc tiến công vẫn đi lại thoải mái giữa những lớp rào dây thép gai và những nếp nhà tranh. Nhưng đây lại là một người đàn bà đứng trong hầm trú ẩn, giữa những tấm vải dù căng trên vách tường tạo dáng vẻ một gian phòng dành cho những chuyện yêu đương, thật là khó tin như không có thật.

Péraud định thần lại ngay và nhận ra đây là một cô gái đẹp. Cô đứng im lặng, nhìn chăm chăm bằng cặp mắt đen. Péraud hiểu ngay là hình dáng anh rất đáng sợ. Tóc anh màu hung, nhưng anh có một bộ râu cứng lâu ngày không cạo. Chiếc mũ sắt nặng nề trên đầu, dây quai thông xuống hai bên má, khẩu súng ngắn Colt 44 đeo bên sườn, bộ đồ nhàu nát bám đầy đất bụi, mồ hôi nồng nặc khiến anh giống hệt một tên lính ác ôn đang đi tìm mồi.

Dĩ nhiên, anh đã tìm thấy. Nhưng không nên làm cho cô ta hoảng sợ. Anh

nói bằng tiếng Pháp ngắn gọn dễ hiểu:

- Đừng sợ. Tôi rất lịch sự với phụ nữ.

Cô ta trả lời bằng tiếng Pháp với giọng nói của những cô gái Thái có thói quen vừa phát âm vừa cười:

- Chào ông. Ông làm tôi rất khiếp sợ.

Ngoài các công chúa trong xứ này, Péraud rất hiếm gặp một cô gái người dân tộc nói tiếng Pháp.

Cô gái này dứt khoát không phải là một công chúa, nhưng cô ta có một vẻ đặc biệt trong thái độ và vẻ dịu dàng trong tiếng nói, gây ấn tượng đối với Péraud. Anh thay đổi cách nói và cách tiếp xúc:

- Xin lỗi cô. Tôi cứ tưởng đây là một gian hầm không có người.

Anh bất giác bỏ mũ ra. Đây không phải là một cử chỉ lễ phép mà chỉ là tự động. ánh sáng chiếu vào gương mặt Péraud với cặp mắt xanh lơ đầy vẻ tò mò và nhân hậu.

Cô gái không nói gì. Péraud tiếp tục:

- Nhưng mà cô làm gì ở đây thế này?

- Có lẽ ông nên bắt đầu câu chuyện bằng cách nói với tôi, ông định làm gì ở nhà tôi.

Vẻ dễ dãi trong câu trả lời của cô gái làm cho Péraud lúng túng:

- Xin lỗi... Nhưng mà chúng ta đang đứng trong một gian hầm trú ẩn chống lại đạn pháo, chứ không phải một phòng trà.

- Đối với các ông, phòng trà người Hoa là một ổ gái điếm. Còn ở đây, ông cứ coi như ở trong hầm trú ẩn. Tôi là vợ thứ hai của ông Bordier. Ông ta mua tôi từ năm tôi mới mười tuổi, cho tôi đi học trường của các bà “Xơ” tại Hà Nội đến khi tôi mười tám tuổi, ông Bordier mới đưa tôi từ Hà Nội về đây mười lăm ngày để cùng hưởng tuần trăng mật. Bà vợ cả của ông Bordier không muốn nhìn thấy tôi tại Hà Nội. Tôi tên là Trinh. Tôi là vợ lẽ, không phải là một cô gái điếm.

Lần này, nhà nhiếp ảnh bỗng đỏ mặt trong, lúc cô gái rũ ra cười.

Ngay sau khi trở lại Sở báo chí Hà Nội, Pierre Schoendoerffer đã nhận được

điện của Péraud.

Suốt ba ngày liền, anh chạy đi các ban, các sở để xin được phép nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, nhưng không ai thấy cần phải tặng viện cho tập đoàn cứ điễm một phóng viên quay phim.

Trong ban tham mưu của tướng Cogny, người ta đã dẫn Schoendoerffer đi từ bàn giấy này đến bàn giấy khác. Ở đâu anh cũng phát hiện thấy một sự hoảng loạn tinh thần chẳng kém gì ở Điện Biên Phủ. Trưởng ban tác chiến là một đại đội trưởng kỵ binh, ngày 14 tháng 3 trong khi gặp Schoendoerffer tại phòng ăn đã trề môi nói với nhà quay phim:

- Đi tong rồi?

Anh ta không nói thêm câu: “May mắn quá, tôi đã đến hạn hồi hương”, nhưng đã xuống tàu về Pháp ngay lập tức, khi có thể.

Đến gặp bộ tư lệnh các binh đoàn đổ bộ đường không, Schoendoerffer vẫn không được tiếp đón niềm nở hơn. Đại tá Sauvagnac đã thay thiếu tướng Gilles được hai tuần. Ông là một chuyên gia thực thụ về môn nhảy dù đã được cấp giấy chứng nhận loại Một. Chính trên danh nghĩa đó, ông đã không cho phép những người không tốt nghiệp được nhảy dù. Việc tiến hành tùy tiện các qui định đã ghi thành văn bản thường dẫn đến những hậu quả bi thảm.

Đại úy Bizard chưa có bằng tốt nghiệp nhảy dù. Anh đến từ nước Pháp, tự nguyện phục vụ thêm nhiệm kỳ thứ ba. Vốn là một sĩ quan kỵ binh, anh đã dự trận chiến đầu đầu tiên ở Sài Gòn rồi xin sang phục vụ tại một tiểu đoàn dù.

Sáng 13 tháng 3 đen tối, để bổ sung số quân bị thương vong, Bottella đã điện về Hà Nội đề nghị huy động tất cả các sĩ quan và binh lính ở hậu phương tặng viện cho Điện Biên Phủ.

Sauvagnac cấm Bizard nhảy, đòi anh phải qua một lớp huấn luyện sơ bộ. Các huấn luyện viên ngày nào cũng phải cấp tốc dạy nhảy dù cho Bizard. Đến ngày thứ chín (chỉ cần nhảy bảy lần cũng đủ cấp giấy chứng nhận) Bizard được nhảy xuống tập đoàn cứ điễm với giấy chứng nhận cất kỹ trong

túi, chỉ khi nào chạm đất mới đeo trước ngực.

Pierre Schoendoerffer đã có giấy chứng nhận nhưng không ai gọi đến tên. Sau khi nhận được điện của Péraud, anh bèn thay đổi kế hoạch. Anh ngồi lì trong sân bay Bạch Mai, chờ đợi một kẻ hờ nào đó trong những chiếc Dakota thả dù bay đi Điện Biên Phủ. Cuối cùng, đến ngày 19, anh lọt được vào một đội nhảy dù, giả danh là trợ lý của linh mục Tissot thường xuyên có tên trong danh sách bay. Ba lần, máy bay bay được nửa đường lại phải quay về vì trục trặc kỹ thuật. Đến lần thứ tư, máy bay mới trút tất cả số người trong khoảng, trong cùng một đợt, xuống đám ruộng phía Nam Eliane 2 (đội A1).

Pierre Schoendoerffer phải mất hai giờ mới lần vào được tới sở chỉ huy của De Castries để trình diện. Đại tá chỉ huy thân mật tiếp anh và nói:

- Nếu Việt Minh tiếp tục tiến công ngày 16 tháng 3 thì đi dứt. Nhưng bây giờ nếu địch tiến công thì sẽ gặp khó khăn hơn.

Cùng với Péraud, Schoendoerffer chui ra khỏi hầm trú ẩn vào lúc địch bắt đầu bắn phá buổi chiều. Khi chỉ còn có hai người đứng bên nhau, phóng viên ảnh nói:

- Sao mãi lâu mới thấy cậu lên?

Nhà quay phim không trả lời, hỏi lại:

- Ăn ở đây à?

- Đi theo mình!

Hai người đi theo hào giao thông đang đào dở dang, gặp những khoảng trống lại co cẳng chạy để tránh đạn pháo địch. Péraud đưa bạn đến nhà “ông” Bordier. Cô Trinh, người vợ lẽ bí mật của con rể Đèo Văn Long đang đợi họ. Cô đã nấu củ mài, cùng ăn với xôi nếp thơm và thịt lợn thái nhỏ. Mâm cơm được đặt trên sập gỗ với ba chiếc bát sứ màu xanh và những đôi đũa ngà.

Schoendoerffer không có thời giờ để ngạc nhiên nữa. Anh đang gằn như sắp chết đói. Từ hôm qua anh chưa ăn gì cả. Sáng hôm nay, tại Hà Nội anh cũng không thể nhai được một chút gì do chứng đau thắt dạ dày kỳ lạ thường gặp ở những người lính dù trước khi nhảy... Péraud nói:

- Cô Trinh. Cô mua ở đâu được những củ mài này. Ngon lắm!
- Tôi mua ở bản Cò My cùng với thịt lợn và rau muống.
- Cô ta nói gì thế? - Schoendoerffer hỏi, miệng lúng búng đầy xôi nếp.
- Cô ấy vừa mới đi chợ, tại một làng cách đây hai hoặc là ba kilômét về phía Nam.
- Cậu không điên đấy chứ? Tớ ở trên trời rơi xuống nhưng cũng biết rằng Điện Biên Phủ đang bị vây chặt. Cậu nói như người ta đang ở Hà Nội.
- Cậu chẳng hiểu gì cả. Quân Việt từ phía Bắc tiến xuống, đang ở gần các mặt Bắc và Đông cứ điếm. Nhưng trong cánh đồng rộng lớn mênh mông này, Việt Minh chưa có mặt thường xuyên ở phía Tây và phía Nam. Chỉ ban đêm họ mới xục xạo vào các làng bản, hoạt động dân vận, tuyên truyền chính sách trong dân chúng, nhưng vẫn ở cách chúng ta một quãng xa. Tớ đã hai lần cùng đi với các đội tuần tiểu ban ngày đến tận bản Pa Pe, bản Cò My, bản Ong Pet nhưng không gặp quân Việt.
- Vậy là có thể thoát theo hướng đó?
- Đúng? Nhưng chỉ có thể đi được từ hai đến ba người, cải trang thành người Thái. Còn rút toàn đơn vị thì không được. Con đường mòn đi sang Lào, cậu cũng biết như tớ đây phải trải qua nhiều đoạn thắt cổ chày và chỉ đi khoảng mười kilômét trong rừng núi là chúng ta sẽ gặp những tiểu đoàn quân Việt ngay trên lưng. Nhưng người Thái thì gần như hoàn toàn đi lại tự do.

Cô Trinh nói chen ngang:

- Anh Jean này! Sáng nay đi chợ em có gặp bộ đội. Họ đưa cho em tờ giấy này.
- Đưa xem nào!
- Chờ tí đã. Em đã dùng tờ giấy đó gói thuốc Lào. À! Đây rồi.

Péraud dùng bàn tay vuốt thẳng tờ truyền đơn. Trong truyền đơn vẽ hình nét bút đơn giản một người lính bộ đội Việt Minh không mang vũ khí, chìa tay đón một người dân Thái. Trên tờ giấy thô, chỉ có một màu đỏ in hình cờ và ba chữ “độc lập”, “hoà bình”, “hạnh phúc” bằng tiếng Việt và tiếng Thái.

Mọi người đã ăn xong. Cô Trinh dọn bàn và đi rửa bát đĩa. Hai nhà báo nằm

trên giường, gói đầu vào những chiếc gói làm bằng da trâu theo kiểu Trung Quốc cứng và mát. Pierre rút trong túi ra một gói thuốc lá Mỹ:

- Đây là tất cả những gì mình có thể mang theo được. Hành trang bị hạn chế triệt để tới mức ít nhất.

- Cậu đừng lo. Ở đây có thể kiếm thứ gì cũng được, kể cả thuốc lá.

- Mua ở căng-tin?

- Cậu điên à? Căng-tin chẳng còn gì để bán nữa. Mua ở chợ đen..

Để trả lời tiếp câu hỏi thăm lạng của bạn, Péraud giải thích:

- Đúng đấy! Ở chợ đen, cách đây vài trăm mét, trên bờ sông. Cậu sẽ nhìn thấy nó vào ban ngày tốt hơn là ban đêm, vì tiến thẳng vào làng nguy hiểm lắm. Tất cả bọn lính đào ngũ người Angiêri, Ma-rốc, có cả vài lính lê dương, lính Thái không muốn chiến đấu vì sợ Việt Minh, đang chui rúc trong những hầm hố do chúng đào hai bên bờ sông Nậm Rôm. Đó là khu nhà ổ chuột ở Điện Biên Phủ.

- Nhưng chúng sống như thế nào?

- Chúng nhặt tất cả những chiếc dù rơi lạc xuống gần chỗ chúng. Đến đêm chúng còn dám mò vào tận bãi thả dù để nhặt những kiện hàng mà quân ta chưa kịp thu lượm. Chúng lấy tất cả những gì có thể, nhưng trước hết vẫn là những gói thuốc lá Mỹ mà hằng ngày hội chữ thập đỏ vẫn gửi tới cho thương binh. Giá bán chúng đặt ra hiện nay là hai mươi năm đồng một gói. Kể ra cũng không đắt. Nếu cậu không có tiền, cậu có thể bán đồng hồ cho chúng, chúng mua tuốt!

Pierre lẩm bẩm khẽ, cặp mắt mơ màng:

- Lạy Chúa tôi?

- Cậu có thể tìm mua mọi thứ. Tôi hôm kia, trên đoạn đường đến đây nghỉ đêm, mình bắt gặp tụi lính từ bãi thả dù bước ra, mang theo các thùng đựng máu khô. Cậu biết đấy, máu là thứ đang cần rất nhiều để truyền cho những binh sĩ bị thương. Tôi đã báo cho một sĩ quan tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 biết. Đó là trung úy Allaire chỉ huy cụm súng cối của Bigeard, anh cũng biết đấy. Anh đã đến tận nơi xem xét cùng với năm, sáu tên lính trong đơn vị



cùng đi. Đến một khu nhà ổ chuột, Allaire nhìn thấy có tới hơn mười tên lính Angiêri đào ngũ. Vừa thấy Allaire bọn chúng đã ném luôn một quả lựu đạn về phía trung úy. Allaire nổi cáu đã cho lính bắt lại. Trong khi lục lọi các hầm hố, anh đã phát hiện thấy nhiều thùng đựng máu khô đang được bọn đào ngũ dùng làm... giường ngủ.

- Có lẽ vì những thứ này không bán được và cũng không ăn được.
- Phải làm thế nào để mua được một bao thuốc lá mà không phải nổ súng?
- Về mặt cá nhân người mua người bán với nhau thì bọn khốn kiếp này không nguy hiểm lắm nếu cậu đến gặp chúng với tư cách là một khách hàng. Chúng cũng biết tôn trọng một trật tự trong tổ chức buôn lậu do nhu cầu buôn bán và mạng sống. Chỉ khi nào gặp chúng đi lẻ hoặc đi thành từng tốp vào ban đêm, lúc đó mới nguy hiểm.
- Thật là một lũ chuột. Có thể viết được một phóng sự về lũ chuột ở Nậm Rốm này.

Những ngày trong hai tuần cuối tháng 3 trôi đi tương tự như nhau. Những bản báo cáo gửi về Hà Nội đều ghi: “Đêm yên tĩnh. Pháo bắn tiêu hao”. Những buổi sáng nhiều sương mù có thể coi như những giờ ngừng bắn. Đó cũng là giờ thay phiên những gác đêm. Những pháo thử bọc vải vào nòng súng và những lính bộ binh rời cứ điểm đi ra sông tầm. Một đoàn tuần tiểu có xe tăng dẫn đầu tung đầy bụi, tiến về cụm cứ điểm Isabelle (Hồng Cúm) ở phía Nam phân khu Trung tâm.

Khi mặt trời lên tới đỉnh đầu đã hút hết những giọt sương trắng trên cánh đồng và trong thung lũng, cũng là lúc hai bên giáp mặt, sẵn sàng bắn giết lẫn nhau. Những quả đạn 105 đầu tiên, bắn để thông nòng pháo bao giờ cũng rơi chung quanh ãng-ten các sở chỉ huy. Từ trong hố nguy trang kỹ không sao nhìn thấy được, một khẩu súng máy địch đặt trên một đỉnh đồi nhả hai, ba loạt đạn vào một lính gác đăng trí trên cụm Eliane. Những đội nhật dù trên bãi thả cũng là mục tiêu nhằm bắn của khẩu pháo 75 do Việt Minh thu được, tiếng nổ đầu nòng biết rõ ngay là pháo Nhật Bản.

Mọi người đã có thói quen ăn cơm trưa từ sớm. Các bếp ăn của đơn vị tiểu

đoàn đã ngừng hoạt động. Từng người tự nấu ăn lấy. Thông thường vẫn là gạo nấu thành cơm, trộn lẫn với thức ăn trong đồ hộp khẩu phần cá nhân.

Bóng đêm ập xuống sau khi trận bắn phá cuối cùng chấm dứt vài phút. Những trận bắn phá này thường bắt đầu lúc năm giờ chiều, kéo dài suốt một giờ, nhằm vào các vị trí pháo của Pháp. Trong bản báo cáo hồi 17 giờ 30 phút gửi về Hà Nội, đại úy Drouin, sĩ quan Ban 3 (tác chiến) thường viết: “Pháo bắn tập trung vào phân khu Trung tâm 1”. Các cứ điểm vành ngoài lập tức nấu mình sau những lớp rào dây kẽm gai sau khi đã cử các tổ “báo động ban đêm” ra ngoài sục sạo phát hiện địch.

Những tổ báo động này được gọi là những cái “chuông”. Mỗi chuông báo động gồm ít nhất ba người và một cái chăn. Khi bóng tối đã vừa đủ che khuất, họ luôn ra ngoài hàng rào rồi mò mẫm đi trong đêm tối, cố tranh thủ một quả đạn pháo vừa nổ hoặc một tia chớp để định hướng. Tiếp đó, họ chọn một bãi đất trống, một bụi cây, một hố đạn pháo, một cái rãnh, một góc bờ làm vị trí quan sát Họ ngồi nép sát vào nhau, cùng khoác chung một chiếc chăn, chỉ để một người luân phiên nghe ngóng, phát hiện những tiếng động nguy hiểm, mở to mắt nhìn những bóng đen khả nghi lay động trong ánh sáng của đàn đom đóm. Khi đôi tai đã nhức nhối vì nghe những bước chân của các tiểu đoàn địch hành quân, cặp mắt mở như vì quan sát những hình bóng vận chuyển, sắp nhứ lại, người gác thứ nhất liền đánh thức người thứ hai dậy rồi ngủ gục bên khẩu súng trường vẫn cầm chắc trong tay.

Có nhiều cách báo động. Thông thường nhất là dùng dây điện thoại vừa đi vừa rải nối liền từ vị trí đặt “chuông” đến căn cứ ở phía sau. Đó là phương tiện bảo đảm bí mật nhất.

Khi nào nói thì chùm chăn kín đầu, báo cáo về sở chỉ huy:

- Chuông đặt ở núi Hói phát hiện có tiếng động khả nghi từ phía Tây Nam thung lũng. Đề nghị cử trinh sát đi thăm dò cách vị trí bốn trăm mét.

Đôi khi, từ tiếng chuông báo về nghe thấy cả tiếng nổ của các loại vũ khí. Thông thường sự cố này xảy ra rất nhanh, chỉ có vài loạt đạn và một hoặc hai tiếng nổ của lựu đạn. Sĩ quan trực chiến liền báo cáo ngay với chỉ huy cứ

điểm.

Người ta không bao giờ cho quân đi cứu một tổ báo động. Nếu sớm hôm sau, tổ này trở về căn cứ thì càng tốt. Nếu không thì ghi trong báo cáo: “chuông báo động trên núi Hói bị mất tích”. Chuông đã làm tròn nhiệm vụ, đã kêu khi tiếp xúc với địch.

Trong những ngày này, không điều gì có thể làm cho thế giới bên ngoài đoán được sự vây ép chậm chạp từng giờ đè nặng lên tập đoàn cứ điểm.

Bóp nghẹt Điện Biên Phủ xuất phát từ nguyên tắc “tiên chắc, đánh chắc” của tướng Giáp.

Mục đích của ông là dần dần tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng tiến công. Để nhằm mục đích này ông đã áp dụng hai hình thức tác chiến khác nhau hoặc hai chiến thuật.

Thứ nhất là, làm cho kẻ địch suy nhược bằng cách cản trở tiếp tế và cắt đứt mọi đường ra, vào.

Thứ hai là, xiết chặt bao vây các cứ điểm bằng việc cấu trúc trận địa chiến hào cổ điển nhưng phát triển sáng tạo để có thể tiến sát các vị trí địch nhất.

Chỗ yếu nhất của Điện Biên Phủ rõ ràng là đường băng sân bay, nơi tiếp nhận lương thực, đạn dược, thuốc men và cũng là con đường duy nhất có thể đưa lính bị thương về các bệnh viện Hà Nội cứu chữa. Từ ngày 13 tháng 3 tức là ngày Việt Minh đặt được những khẩu pháo 105 trong các hầm pháo khoét vào sườn núi, không một chiếc máy bay nào dám liêu chết hạ cánh vì rất dễ tan xác. Tướng Giáp đã đánh vào cái dạ dày mềm của Điện Biên Phủ.

Trong những giờ đầu tiên của trận đánh, các máy bay vận tải đã từ chối hạ cánh. Những chiếc Dakota và C119 mới đầu thả dù xuống đám ruộng phía Đông con đường dẫn đi Isabelle (Hồng Cúm) rồi sau đó mới dám thả dù xuống thẳng trung tâm cứ điểm.

Để bóp chết Điện Biên Phủ, dĩ nhiên Việt Minh phải tính đến chuyện ngăn chặn thả dù tiếp tế. Trung đoàn phòng không của Việt Minh tại Điện Biên Phủ có hàng trăm súng trọng liên 12,7 mm và pháo 37mm do Liên xô viện trợ có tầm bắn cao tới 3000 mét. Những cỗ pháo này được bố trí tại các vị trí

xa tầm bắn của pháo binh chúng tôi, tại các hầm được ngụy trang kỹ vây quanh thung lũng lòng chảo. Ngay trong những ngày đầu tiên đã có một số máy bay bị bắn hạ, buộc các phi công phải bay cao hơn một cách thận trọng và do đó việc thả dù tiếp tế không thật chính xác, không rơi đúng các địa điểm ấn định. Trong giải đoạn cuối của chiến dịch, lực lượng phòng không của Việt Minh được tăng cường gấp bốn lần khi mới bắt đầu nổ súng.

Nếu sự tăng viện được tiến hành bằng cách nhảy dù và thả các kiện hàng tiếp tế thì các binh lính bị thương lại không thể đi theo con đường đó được. Máy bay có cánh cố định hoặc máy bay lên thẳng chỉ có thể hạ cánh được vài phút rồi lại phải bốc lên để kịp tránh đạn pháo của Việt Minh. Ngay từ những ngày đầu tiên vấn đề thương binh đã trở thành cực kỳ quan trọng.

Từ ngày 19 tháng 3, Bộ tư lệnh không quân Đông Dương đã cho phép thả hạ cánh ban đêm xuống sân bay Điện Biên Phủ. Đêm hôm đó, thời tiết tốt, trời quang, trăng tròn soi rõ đường băng.

Những chiếc Dakota tắt hết đèn để các pháo thủ cao xạ Việt Minh không nhìn thấy đã hạ cánh xuống sân bay được năm chuyến. Từ hôm đó, Bộ tư lệnh không quân quyết định, máy bay Dakota sẽ hạ cánh ban đêm, máy bay lên thẳng sẽ đáp xuống ban ngày tại sân bay Điện Biên Phủ. Tuy nhiên, những đêm sau, nhiều chiếc Dakota vẫn bị bắn.

Cao xạ Việt Minh đã dò theo tiếng động cơ của máy bay để nổ súng. Nhưng đến ngày 5 tháng 4 thì đường băng và sân bay đều bị phá hoại, không một chiếc máy bay nào có thể đáp xuống được nữa.

Trong khi đó, những công việc đào hào của Việt Minh vẫn tiếp tục. Việc bao vây cứ điểm không còn là chuyện gay go lắm nữa, bởi vì rừng và núi cũng đã là những chướng ngại vật thiên nhiên mà quân Pháp khó vượt qua được nếu tháo chạy. Còn việc đào hào là một phương thức chiến thuật tiến công phù hợp với những điều kiện của trận đánh.

Hệ thống chiến hào của Việt Minh tại Điện Biên Phủ có tầm vóc rất đáng kể và ảnh hưởng của nó nhất định còn lớn hơn pháo binh. Để vô hiệu hoá hai chủ bài của Pháp là xe thiết giáp và máy bay, để tự bảo vệ chống lại xung lực

và hoả lực, bộ binh Việt Minh từ lâu đã có thói quen nấu mình trong những chiến hào.

Tại Điện Biên Phủ có những hệ thống hào giao thông và hào tiếp cận cùng với những chiến hào xuất phát xung phong. Những chiến hào này, cùng với nhiều công sự khác đã trở thành một loại vũ khí tiến công, một loại công cụ tiến đánh các thành lũy từ thời Trung Cổ.

Ngay trong quân đội Pháp những nguyên tắc đào hào bao vây được biên soạn từ trước năm 1911, tức trước khi bùng nổ chiến tranh thế giới thứ nhất, đã ghi rõ:

1- Lấn dần trận địa, làm cho bên phòng ngự mất dần khả năng tăng viện về người và vật chất.

2- Thiết lập, trước khi tiến công chính diện, một cụm pháo đủ mạnh để phá hủy hoặc tiêu diệt các phương tiện chiến đấu và các hầm trú ẩn của bên phòng ngự.

3- Tuân tự nhịp theo sự phá hoại và hủy diệt bằng pháo binh đặt trong trận địa chiến hào, cho bộ binh tiến lên từng bước, mỗi bước tiến là một bước thiết lập các chiến hào ngày càng sát gần vị trí địch, để phòng thủ và bảo vệ lực lượng của mình.

4- Sau khi đã hình thành thế trận vững chắc trên toàn trận địa tiến công, sẽ chuyển sang giải đoạn xung phong, tiến công quyết định.

Hàng chục ngàn dân công đang được Việt Minh huy động để thiết lập mạng lưới chiến hào rộng lớn tại Điện Biên Phủ.

Hai chiến hào lớn mà tướng Giáp gọi là “đường hào trục” từ phía Bắc tiến xuống, đã ôm lấy phân khu Trung tâm ở mặt Đông và Tây, đồng thời cô lập phân khu này với cụm cứ điểm Isabelle ở phía Nam.

Trục thứ nhất tiến từ bản Him Lam dưới chân cứ điểm Béatrice. Một nhánh của trục hào giao thông này vượt qua sông Nậm Rốm đi về phía Dominique 4 và đường băng sân bay. Những nhánh nhỏ hơn, gọi là hào “chân rết” như rất nhiều chiếc với bạch tuộc từ chân đồi leo lên tận các cứ điểm đặt trên những điểm cao, ngược sườn núi lên đến tận đỉnh. Trong khi đó trục chính

của giao thông hào tiếp tục lần dần xuống phía Nam.

Trục thứ hai tạo thành một đường cánh cung rộng trên những cánh đồng phía Tây rồi ngoặt xuống phía Nam tới khu Trung tâm và cụm cứ điểm Isabelle, và cũng toả nhiều với bạch tuộc ôm lấy các cụm cứ điểm Huguette và Claudine.

Khoảng nửa đêm 21 rạng ngày 22 tháng 3, hai đường hào trục này của Việt Minh đã nối liền với nhau. Hồi 7 giờ 30 phút sáng 22 tháng 3, một đội tuần tiễu của Isabelle đã phát hiện thấy một nhánh đường hào ngăn cản đường tiến quân của Pháp từ cụm cứ điểm Isabelle tới bản Kho Lai.

Tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn bộ binh lê dương được lệnh cử một lực lượng có ba xe tăng yểm trợ tiến ra lấp hào. Đường hào của Việt Minh rất vững chắc. Thêm một tiểu đoàn nữa cũng có xe tăng yểm trợ, được huy động tiến ra chặn địch ở phía Bắc. Một trận giao chiến giữa lính lê dương với bộ đội Việt Minh đã diễn ra suốt gần một ngày, mãi tới 16 giờ chiều mới chấm dứt. Nhưng đến sáng hôm sau và cả nhiều buổi sáng tiếp theo mỗi lần thức dậy lính trên đồn lại phát hiện thấy chiến hào Việt Minh đào trong đêm đang nhích lên các vị trí của mình. Pháo lại bắn, máy bay lại ném bom, xe tăng lại yểm trợ cho bộ binh tiến ra lấp hào.

Mặc dù vậy, chiến hào của Việt Minh vẫn lần dần, uy hiếp các vị trí Pháp nhất là ở mặt phía Tây. Có những đoạn hào chỉ cách trung tâm cứ điểm 1.500 mét, tại đó Việt Minh đã đào hầm hố để đặt súng phòng không được nguy trang rất kỹ.

Đây là những công sự kiên cố và bí mật, pháo binh và máy bay không thể nào tiêu diệt được. Đêm tối, từ những địa điểm này, cao xạ Việt Minh vẫn bắn lên những máy bay Pháp tới thả dù tăng viện cho Điện Biên Phủ.

Ngày 27 tháng 3, Castries cho gọi Bigeard tới, ra lệnh:

- Anh dẫn một tiểu đoàn lê dương và xe tăng yểm trợ. Tôi sẽ cho toàn bộ pháo binh chi viện và đề nghị Hà Nội cho máy bay ném bom ồ ạt. Tôi muốn anh sẽ tiêu diệt được các vị trí pháo cao xạ Việt Minh đang làm cho chúng ta không sống nổi.

Hồi đó, Bruno Bigeard chưa nổi tiếng tới mức chỉ gọi tắt là B.B cũng được mọi người biết. Ông chưa được mời cùng ăn tiệc với các bộ trưởng, chưa có ảnh đăng trên trang bìa tờ Match, chưa qua Học viện chiến tranh, chưa nghĩ tới chuyện trở thành một vị tướng. Ông mới chỉ là một sĩ quan có uy tín được binh sĩ tuyệt đối phục tùng. Ông quyết định chỉ trong một nháy mắt, chỉ huy chỉ bằng một khẩu lệnh, lời cuốn đơn vị chỉ do một cử chỉ. Nhận được lệnh của đại tá Castries, đại úy Bruno Bigeard lập tức chạy ngay về đơn vị.

Đêm hôm đó, Bigeard triệu tập các sĩ quan chỉ huy, các tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng đại đội xe tăng, chỉ huy pháo binh và viên phi công điều hành mặt đất. Cuộc họp rất ngắn. Bigeard vẫn có thói quen chỉ nói những điểm thiết yếu.

Ông truyền đạt lại những mệnh lệnh của cấp trên, lấy tay ra hiệu hoặc chỉ trên bản đồ.

- Nhiệm vụ là: tiêu diệt các khẩu pháo cao xạ Việt Minh đặt ở bản Ong Pet và bản Nậm Bó. Địch có hầm hào vững chắc. Địa hình bằng phẳng. Tóm lại để diệt được địch, phải thọc sâu, tiến nhanh đằng sau lưới lửa pháo bắn yểm trợ như giã giò.

Vừa nói câu đó, Bigeard vừa nhìn viên chỉ huy pháo binh đang hí hoáy ghi chép. Bigeard nắm chặt tay đập xuống như kiểu thợ rèn đập búa, nhip với câu “giã giò” rồi nói tiếp:

- Vậy là, phải nã pháo cả gói. Không cần bắn lâu. Nhưng phải bắn dày đặc. Anh hiểu không? Tốt. Lúc lui quân cũng bắn như thế. Tất cả sẽ theo lệnh tôi. Tiến thật nhanh theo sau đạn pháo và bom yểm trợ của máy bay. Mọi người đã rõ cả chứ? Bây giờ, nghe phân công: đại đội 6 đánh bản Nậm Bó, đại đội 8 đánh bản Ong Pet, tiểu đoàn dù lê dương làm dự bị chờ lệnh của tôi.

Bigeard dùng ngón tay chỉ vào bản đồ: vị trí xuất phát, các đường tiến quân, mục tiêu tiến đánh, rồi kết luận:

- Đúng 5 giờ rưỡi chuẩn bị xong. 6 giờ xuất phát. Còn ai hỏi gì không?

Sáng sớm hôm sau giữa lúc tất cả các nòng pháo đều nhả đạn và máy bay cùng đến với mặt trời mọc trút bom xuống các trận địa tiến công, các trung

úy lãng mạn dưới quyền chỉ huy của Bigeard dẫn các đại đội của mình bám sát hàng rào lửa bằng đạn pháo và bom. Sương mù, khói và bụi che lấp mục tiêu. Binh lính chỉ còn cách ước lượng theo tầm bắn phá. Để lấy đà xung phong, họ tính toán trước khoảng cách, máy điện đàm, sẵn sàng xông lên khi có lệnh. Bigeard lần lượt gọi tên từng đại đội trưởng, như muốn nắm chặt tay từng sĩ quan chỉ huy dưới quyền:

- Hervé của Bruno. Còn hai phút nữa.

- Bruno của Hervé? Sẵn sàng!

Chiếc đồng hồ đeo tay chỉ đúng 6 giờ. Cuộc bắn phá ngừng bật. Bigeard hô to:

- Tiến lên.

Tiếng hô xung phong được tất cả ngàn ấy cái miệng hô theo.

Các đơn vị dưới quyền chỉ huy của Bruno Bigeard đã phải mất bảy hoặc tám giờ chiến đấu với địch. Khoảng sau buổi trưa, Bigeard ra lệnh rút lui.

Các máy bay lại gầm rú bỏ nhào xuống ném bom bắn phá các bản làng đã bị thiêu cháy, lính Pháp phải chạy về căn cứ, mang theo các đồng đội bị chết và những binh lính bị thương đang đau đớn.

Buổi tối hôm đó, Hà Nội nhận được một điện báo khác thường. Castries báo cáo có tới “hàng ngàn” bộ đội Việt Minh bị chết, mười khẩu pháo cao xạ, mười lăm khẩu súng phòng không bị phá hủy.

Cogny tiếp các nhà báo Joel le Tac và Michel Descamps là đặc phái viên của báo Match vào buổi chiều, cũng nhắc lại báo cáo của Castries là có “hàng ngàn” Việt Minh bị chết, nhưng cũng thừa nhận phía Pháp có hai mươi binh sĩ bị chết trận trong đó có hai trung úy Vigouroux và Jacob, tám mươi năm binh sĩ bị thương đang nằm chặt các hầm cứu thương của trạm xá.

Có điều, đúng trong lúc các đơn vị được cử đi tiến công đang phải rút chạy trở về thì chiếc máy bay cuối cùng có chở cô hộ lý Genevière de Galard đậu trên đường băng sân bay Điện Biên Phủ đã bị pháo Việt Minh bắn trúng, bốc cháy trên đường băng.

Những ngày sau, pháo cao xạ Việt Minh vẫn tiếp tục hoạt động bắn lên các



máy bay Pháp.

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## Chương 9

Cuộc chiến đấu giành giật năm quả đồi

Ngày 1 tháng 4, cơ quan tình báo Pháp thu được bản tin của Đài Tiếng nói Việt nam:

“Năm giờ chiều nay ngày 30 tháng 3 các đơn vị Quân đội nhân dân có pháo binh và pháo phòng không yểm trợ đã mở đợt tiến công thứ hai vào hệ thống phòng ngự của Pháp tại Điện Biên Phủ. Hệ thống này gồm năm vị trí kiên cố được xây dựng trên năm quả đồi có nhiệm vụ bảo vệ cho sân bay và sở chỉ huy của địch”.

Tin về đợt tiến công này được truyền đi từ Điện Biên Phủ về Bộ chỉ huy tại Hà Nội vào sau giờ nghỉ trưa bằng một dòng khô khan: “Cuộc tiến công đã bắt đầu”. Bản tin được phổ biến tới các ban và một giờ sau được lan truyền trong quán bar Normandie. Một điện mật được gửi tới Tổng tư lệnh Sài Gòn. Tướng Navarre trả lời, đêm nay sẽ ra Hà Nội. Thời tiết xấu khiến cho không một chiếc máy bay nào có thể tới Điện Biên Phủ. Và lại, cũng chẳng còn làm được gì để cứu Điện Biên Phủ. Chỉ còn một cách là chờ đợi.

Mười phút sau, lại có báo cáo, địch đã chiếm được quả đồi trọc và một đồi nữa nhỏ hơn có đặt cứ điểm Dominique 6. Từ ngày 13 tháng 3, sở chỉ huy Điện Biên Phủ sử dụng những vị trí này như đồn tiền tiêu ban ngày và đồn báo động ban đêm, vì vậy chỉ có những đơn vị nhỏ, nhẹ đóng giữ. Những đơn vị này đã được lệnh rút nếu địch đánh lớn.

Trên bản đồ theo dõi chiến sự hằng ngày, sĩ quan thường trực gạch xóa bằng một nét đen hai vị trí được tô bằng hình tròn màu xanh.

Tuyến phòng ngự mặt phía Đông đi qua năm quả đồi theo hình cánh cung trải dài từ Bắc xuống Nam trên có các cứ điểm Dominique 1 và 2, Eliane 1,

2, 4. Tiểu đoàn bộ binh Angiêri giữ cụm Dominique, tiểu đoàn bộ binh Maroc giữ Eliane 1 và 2. Còn Eliane 4 là một vị trí mới thiết lập hơi lùi về phía sau, nằm giữa Eliane 1 và 2. Bottella và Bigeard đặt ban chỉ huy tại Eliane 4 cùng với các đại đội dự bị.

Trung tá Langlais, chỉ huy khu Trung tâm ngay trong ngày hôm đó đã tới kiểm tra tất cả các vị trí phòng ngự, chiếc mũ sắt chụp đến tận tai che khuất bộ mặt khô khan của ông. Trung tá đã leo lên tận đỉnh những cao điểm, đi dọc các chiến hào phòng ngự bên ngoài lớp rào kẽm gai, kiểm tra tận mặt góc bần từ những lỗ châu mai, nhìn từng gương mặt những người lính như muốn thấy rõ từng trái tim và tâm hồn của họ. Lính Angiêri bảo vệ cứ điểm Dominique không tạo cho ông một cảm giác tin cậy nhiều lắm. Dù sao tiểu đoàn này cũng chưa có tai tiếng gì. Bộ tư lệnh từ Hà Nội đã đưa tiểu đoàn này lên Điện Biên Phủ như là “một trong số những đơn vị tốt nhất”. Hơn nữa, tướng Cogy không thể chỉ gửi cho Castries toàn lính lê dương và lính dù.

Langlais đã từng công tác ở Môritani. Ông không hiểu rõ người Angiêri lắm nhưng cũng biết nói đôi chút tiếng Arập Bắc Phi. Ông trao đổi vài câu với những người lính Angiêri. Họ cũng đáp lại bằng tiếng Arập Bắc Phi với một vẻ rất bình thản đôi mắt lạnh lùng chẳng nói lên điều gì cả.

Leo dốc lên cứ điểm Eliane 4, trung tá tiếp tục nghiên ngẫm sự lo ngại. Các chiến hào Việt Minh đã vươn tới sát các vị trí ở một cự ly có thể xung phong nhảy vào đồn, cuộc tiến công có thể xảy ra trong đêm nay hoặc đêm sau. Hơi thở dồn dập vì thấm mệt, trung tá rẽ vào hầm của Bottella và Bigeard nghỉ chân đôi chút. Nói chuyện với hai sĩ quan này ông cảm thấy thoải mái. Để chào mừng trung tá chỉ huy trưởng khu vực trung tâm tới thăm, Bottella dùng dao găm chọc thủng lon bia mời thưởng cấp. Ba người lần lượt truyền tay nhau, uống chung mỗi người một ngụm. Uống chung như thế này có vẻ ngon hơn, men rượu làm ấm lòng người hơn, cũng như tình bạn vậy. Langlais nói:

- Tôi nghĩ rằng Dominique 2 có thể giữ vững. Vị trí này rất mạnh. Chỉ huy

sát cánh với binh lính. Nhưng với hai đại đội đang trấn giữ Dominique 1, tôi không được yên tâm lắm. Vị trí này ở khá xa khu Trung tâm, hơi bị cô lập, cần phải tăng cường kịp thời...

Sau khi đã cạn lon bia, Bottella lập tức đưa thêm một đại đội tới Dominique 1. Trung tá Langlais tiếp tục tới Eliane 1. Hai đại đội thuộc tiểu đoàn lính Ma-rốc đang trấn giữ vị trí này đều là những binh sĩ thuộc loại chắc chắn. Sở chỉ huy tiểu đoàn đặt ở Eliane 2 (tức đồi A1). Đây là vị trí cuối cùng Langlais tới kiểm tra trong ngày. Đại úy Nicolas chỉ huy tiểu đoàn trấn giữ Eliane đặt cơ quan chỉ huy trong tầng hầm mái vòm của một cơ quan cai trị cũ. Dinh thự phía trên đã bị đổ nát, các nguyên vật liệu còn lại được sử dụng để xây lô cốt. Vị trí chỉ huy đặt ở đây rất tốt, có thể quan sát toàn bộ thung lũng.

Langlais hỏi:

- Tinh thần lính thế nào? Anh nghĩ rằng họ sẽ giữ vững chứ?

Nicolas là một đại úy trẻ nhưng lại là một sĩ quan chỉ huy lính Ma-rốc lâu năm, biết nói tiếng Ma-rốc, hiểu rõ từng người lính thuộc địa dưới quyền.

Nicolas đáp:

- Báo cáo trung tá! Tinh thần người lính ở đơn vị tôi cũng hết như tinh thần người chỉ huy. Ở bất cứ nơi nào nếu người chỉ huy không bị chết hoặc bị loại khỏi vòng chiến đấu thì người lính vẫn chiến đấu tốt. Nhưng nếu không có mặt người chỉ huy thì không thể đảm bảo.

Câu trả lời không đủ làm yên lòng trung tá Langlais. Bài học thời gian qua đã chứng minh chỉ vài phút chiến đấu đầu tiên các sĩ quan chỉ huy đã bị chết. Tình hình này đã xảy ra ở Béatrice, Gabrielle, khu Trung tâm. Vì vậy, ông đã quyết định thay binh lính Ma-rốc đang trấn giữ ở đây bằng một đại đội lính dù lê dương số 1. Việc thay quân phải tiến hành từ từ, theo từng đợt, mỗi ngày thay dần một trung đội và tiến hành ngay trong ngày hôm đó.

Trung đội lính dù lê dương đầu tiên do Luciani chỉ huy tới vị trí tiếp quản vào đúng giữa buổi trưa nóng nực, đáng lẽ đó là giờ ngủ trưa. Họ được dẫn tới mồm chiến hào phía Đông Nam cứ điểm Eliane 2 nơi công trình phòng

ngự chưa được xây dựng tốt, lại là nơi ngoài cùng chạm trán sớm nhất với cuộc tiến công. Lính dù lê dương vội cầm lấy cuốc xẻng đào sâu thêm chiến hào, vừa đào vừa chửi bới lính Ma-rốc đã lao động “theo kiểu ả rập”. Vào khoảng 5 giờ chiều, giữa lúc lính lê dương còn đang lao động, chưa bật nổi tảng đá chắn ngang để đào hào thì pháo Việt Minh bắt đầu ập xuống tất cả bốn quả đồi ở vành ngoài và cả khu Trung tâm ở phía trong. Tất cả các vũ khí nặng của Việt Minh dường như đều được huy động vào cuộc bắn phá chuẩn bị này. Pháo và cối nện “giã giò” trên nóc hầm và phá hủy các lỗ châu mai lô cốt để hoàn thành việc bắn phá hoại chuẩn bị cho đợt xung phong.

Pháo bắn dồn dập làm cho lính bộ binh nép mình trong hầm trú ẩn vì sợ hãi rồi lan nhanh thành một cơn hoảng loạn. Trời hãy còn sáng khi những binh lính Angiêri tại các cứ điểm Dominique 1, Dominique 2 và lính Ma-rốc tại các cứ điểm Eliane 1 bỏ vị trí tháo chạy một số giờ cao hai cánh tay lên trời khi giáp mặt với Việt Minh dưới làn đạn pháo. Nhiều người khác cố chạy về khu Trung tâm. Số còn lại chạy trốn vào trong những hầm ngầm dọc theo bờ sông Nậm Rốm và cả những hố chuột ven sông. Từ cứ điểm Dominique 1, trung úy Martinet thét to:

- Bắn vào những tên bỏ chạy?

Nhưng đã quá chậm để ngăn cản sự hoảng loạn. Hơn nữa bóng tối đã ập xuống nhanh trước khi Việt Minh kịp nhận ra lính trong đồn đang tháo chạy nên lập tức ra lệnh xung phong. Dưới sự chỉ huy của trung úy Martinet lúc đó chỉ còn những lính dù và số cán bộ chỉ huy hai đại đội lính thuộc địa Angiêri phải đương đầu với kẻ địch có số quân đông hơn gấp mười lần. Họ cố chống cự vài giờ nữa rồi cuối cùng hoàn toàn tan biến.

Lúc này, cứ điểm Eliane 2 (đặt trên đồi A1) đã phải chịu đựng pháo bắn suốt bốn giờ. Các công trình phòng ngự chung quanh cứ điểm đã bị hủy diệt hoặc đổ vỡ.

Ở mồm phía Nam, trung đội thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 1 không kịp chui xuống hầm trú ẩn đã bị thương vong gần hết, chỉ còn lại một hạ sĩ và sáu lính lê dương lãnh lặn. Đến 9 giờ tối, Nicod tới gặp họ. Anh nhìn dải thung lũng

dưới chân đồi trọc. Những ánh đạn pháo sáng chiếu trên mặt đất một luồng ánh sáng nhợt nhạt. Có tới hàng ngàn bộ đội Việt Minh đang lặng lẽ leo lên sườn đồi.

Nicod nói to:

- Việt Minh đây này!

Lính lê dương lập tức rũ những lớp đất bám vào người, núp sau lỗ châu mai. Việc bắn pháo đột nhiên ngừng bật.

Đơn vị lính Ma-rốc là mục tiêu bị thiệt hại nhiều nhất trong những đợt pháo bắn chuẩn bị.

Hầm của ban chỉ huy đại đội bị sập ngay trong những phút đầu tiên do một quả đạn pháo bắn trúng. Sự cố này đã trở thành quen thuộc. Nicod bị thương nhẹ, nhưng phó của anh là một trung úy đã chết trong hầm.

Trong những tình huống này, binh lính thường có thói quen túm tụm lại chung quanh vài hạ sĩ quan còn sống sót tạo ra những khoảng trống trong tuyến phòng ngự bị đứt khúc, không còn liên tục như trước. Việt Minh lợi dụng luôn những kẽ hở đó để tiến sâu vào bên trong cứ điểm.

Cần phải xiết chặt lại đội ngũ trước khi bị tiến công tràn ngập. Nicod ra lệnh cho các trung đội co cụm lại để tổ chức một tuyến phòng ngự mới chung quanh ban chỉ huy tiểu đoàn.

Khoảng gần 22 giờ thì Bộ tư lệnh ở Hà Nội nhận được điện báo tình hình từ Điện Biên Phủ gửi về. Lúc này, tướng Cogny hãy còn bận “dự tiệc chiêu đãi trong thành phố”, chưa trở về sở chỉ huy. Không ai biết sau đó tướng quân sẽ qua đêm ở đâu, cho nên mãi sáng hôm sau ban tham mưu mới đưa trình bản báo cáo tóm tắt: “Các cứ điểm Dominique 1,2 và 6 đều đã bị mất. Eiane 1 cũng bị đánh chiếm. Chỉ còn lại một phần Eliane 2 (tức đồi A1). Đang giao tranh tại trung tâm Huguette 7. Isabelle cũng bị bắn pháo nhưng không được tăng viện từ bên ngoài, khó khôi phục được tình hình. Ký tên: Castries”.

Trong thành Hà Nội là nơi đặt cơ quan thông tin, tướng Bodet cùng với các sĩ quan tham mưu ngồi bàn luận giữa các thiết bị vô tuyến. Vắng mặt tướng Cogny là tư lệnh trưởng, họ không thể quyết định điều gì. Họ biết như vậy

nhưng không ai muốn quay về phòng ngự mà cũng không muốn ngồi bị động, không làm việc gì trong cơ quan. Họ đành xúm xít chung quanh máy thu, nghe tin tức báo cáo từ Điện Biên Phủ như những người ngồi canh chừng bên cạnh một kẻ đang hấp hối, nghe từng tiếng đập trong tim, đón từng lời nói cuối cùng mà không còn hy vọng giúp được gì để cứu sống.

Khi đài thu tín hiệu bật tiếng nói, chiếc môi dưới của tướng Bodet lại trễ xuống, rung lên vì lo ngại. Ông hút thuốc lá liên tục. Vốn là một viên tướng không quân đã từng chỉ huy những đội máy bay chiến đấu trên vòm trời nước Đức phát xít hồi chiến tranh thế giới 2, ông là một người nổi tiếng vì có “trái tim sắt đá”. Lính dù chào ông, không phải chỉ theo điều lệ mà còn do kính trọng. Thỉnh thoảng, tướng Bodet lại nhắc máy nói, liên lạc với trưởng phi cơ chiếc máy bay do thám đang lượn trên vùng trời đêm thung lũng lòng chảo:

- Thời tiết Điện Biên Phủ thế nào?

- Tầm nhìn số không! - Viên phi công trả lời bằng một giọng quen thuộc.

Trong thung lũng lòng chảo, bóng đêm dày đặc chỉ bị chọc thủng bởi các đốm lửa do đạn nổ hoặc các vệt sáng theo sau đường đạn bay. Trên nóc hầm sở chỉ huy của Langlais, chiếc bóng đèn điện để trần đang đưa theo dây treo, ánh sáng cũng rung động theo những nhịp sóng chấn động.

Không khí trong hầm nặng trĩu và nóng nực, mùi mồ hôi, cà phê rượu vang chen lẫn khói thuốc lá và bụi đất. Muốn nghe rõ điện thoại báo cáo tình hình, trung tá Langlais phải gào to trong máy, bảo người nói chuyện phải nói thật to.

Từ đầu máy bên ngoài, có tiếng thiếu tá Clémenton chỉ huy các cụm cứ điểm mang tên Huguette, đề nghị được nói chuyện trực tiếp với Pierre. (Pierre là tên thân mật của trung tá Langlais).

Pierre Langlais gào to:

- Tôi nghe đây!

- Huguette 7 đang bị tiến đánh. Việt Minh đã bám chân được ở mặt Bắc. Tôi cần một đại đội để phản kích.

- Mặc kệ cái Huguette của các anh! Các anh tự lo với mọi thứ anh có trong tay. Anh không biết là ở mặt phía Đông này, Việt Minh cũng đang đánh mạnh à?

Vẻ lo ngại mà Langlais muốn giấu đã bật ra, làm giọng nói của ông rung lên, ánh mắt sáng quắc thái độ vụt trở nên giận dữ và thô bạo. Điện Biên Phủ như đang chết đến nơi. Đã hai mươi phút rồi, cứ điềm Eliane 2 đặt trên đồi A1 không trả lời tín hiệu. Bản báo cáo cuối cùng nhận được từ lúc 23 giờ, trong đó Nicolas cho biết đang tập hợp số binh lính còn lại của tiểu đoàn để cố bảo vệ sở chỉ huy đặt trên đỉnh đồi. Việt Minh đã chiếm được sườn đồi đặt tên là Champs Elysées và đang tiếp tục tiến công.

Trong tình huống này không thể suy nghĩ dẫn đo Langlais biết phải hành động gấp. Nhưng hành động như thế nào? Tăng cường phòng ngự cho cứ điềm thì đã quá muộn, mà phản kích thì lại quá sớm, ít nhất phải chờ đến lúc rạng đông mới có thể tiến hành. Các đường dây điện thoại đã bị đứt hết. Langlais dùng máy vô tuyến điện gọi về ban chỉ huy cụm pháo binh:

- Pierre đích thân nói đây. Tập trung tất cả các loại pháo, bắn mạnh lên đỉnh đồi nơi đặt sở chỉ huy của Eliane 2 nhằm ngăn chặn Việt Minh, không cho chiếm đỉnh đồi để đến sáng chúng tôi tổ chức phản kích.

Từ cứ điềm Eliane 4, Bigeard đang ngồi xồm trong hầm đặt máy thu - phát, cầm tựa vào đầu gối phủ đầy đất. Một tai, Bigeard theo dõi tình hình chiến sự đang diễn ra trên đồi A1 nơi đặt vị trí Eliane 2. Một tai khác, ông nghe mệnh lệnh truyền đi từ sở chỉ huy của Langlais. Sau khi nghe thấy Langlais hạ lệnh cho pháo binh, Bigeard vội nói chen:

- Đừng cho lệnh bắn! Bruno nói đây! Nicolas vẫn đang cố giữ. Nếu ông không nghe thấy Nicolas nói thì có nghĩa là máy của ông bị trục trặc đấy. Nhưng Nicolas không tự lực cầm cự được tới sáng đâu. Tôi sẽ đưa ngay một đại đội của tôi sang tăng viện cho Eliane 2.

Lúc này là nửa đêm, giữa ngày 30 và 31. Số phận năm quả đồi phía đông đang được xoay chuyển. Cách đây vài phút Langlais đã báo cáo với Castries: "Một nửa Eliane 2 đã bị chiếm!". Nhưng Luciani đã kịp đưa một đại đội tới.



Luciani vội gọi điện cho Bigeard: “Một nửa Eliane 2 vẫn còn”.

Đúng nửa đêm, các đội lính Ma-rốc, lính dù, lính lê dương tổ chức phản công. Khoảng một giờ sáng thì giành lại được đỉnh đồi A1.

Khi mặt trời mọc cũng là lúc tại sở chỉ huy, Castries, Pazzis, Langlais và Bigeard nhanh chóng điếm lại tình hình. Tất cả bốn người đều gầy yếu, mệt nhọc, bần thủ. Họ hiểu rằng chỉ còn có thể dựa vào lực lượng tại chỗ. Cho tới hết ngày hôm qua tức là từ lúc có sự tháo chạy của đám lính thuộc địa tình hình chưa trầm trọng thêm. Nhưng vẫn phải hành động gấp, phải tận dụng ban ngày là thời gian có máy bay yểm trợ để chiếm lại Eliane 2, củng cố Eliane 1 và Dominique 2.

Castries lệnh cho Lalande cố thực hiện một cuộc xuất kích để giải toả Eliane 2. Tiểu đoàn lê dương số 3 được ba xe tăng yểm trợ lập tức hành quân từ lúc rạng đông, đi dọc theo đường cái tiến về phía đồi A1 cách đó chừng sáu kilômét. Đến 9 giờ sáng thì đơn vị này vấp phải các chiến hào Việt Minh.

Lalande nghĩ rằng việc phá hủy san lấp các chiến hào có thể mang lại tổn thất cho binh lính của mình nên đã không tiến quân nữa. Trong khi đó, Bigeard cũng chỉ huy ba đại đội của mình, cùng với một tiểu đoàn của Tourret và các xe tăng còn sử dụng được, tiến lên giải vây cho Eliane 1 và Dominique 2. Castries động viên Bigeard:

- Cố đi tới đích! Hà Nội đã hứa sẽ tặng viện cho chúng ta. Có thể ngay trong ngày hôm nay, đơn vị của Bréchnignac sẽ nhảy xuống trước khi trời tối. Ngày mai ta có thể có thêm một tiểu đoàn dù.

Cuộc phản kích ngày 31 tháng 3 được bắt đầu lúc gần buổi trưa, dưới trời nắng gắt. Bigeard chỉ huy cánh quân xuất phát từ Eliane 4 có nhiệm vụ giành lại Eliane 1 là cao điểm đang che khuất chân trời và khống chế Eliane 4. Suốt đêm qua, các súng cối của Bigeard đã dội lên đỉnh đồi, ngăn Việt Minh chiếm lĩnh. Tourret được trao nhiệm vụ lớn hơn. Với bốn đại đội trong tay, Tourret phải chiếm lại Dominique 2 đặt trên mỏm cao 505 mét, và dự định sẽ bắt đầu xung phong khi tới mỏm Yên Ngựa với độ cao 150 mét.

Đến ba giờ chiều, Bigeard gọi điện báo cáo với Castries:

- Chúng tôi đã chiếm được gần hết Eliane 1. Tourret đang đặt chân lên Dominique 2. Nhưng cần phải có thêm lực lượng dự trữ để có thể chiếm giữ được tất cả các vị trí này trước khi trời tối. Ông có tin gì về Bréchignac không?

- Hà Nội chưa báo tin gì cả. Chẳng biết hiện nay cái đơn vị dù của Bréchignac đang làm gì. Tuy nhiên, hôm nay đẹp trời...

Có tiếng Tourret gọi về:

- Chúng tôi đã chiếm lại được một nửa cứ điểm. Việt Minh liên tục tiến công. Địch có tới một trung đoàn. Cuộc giao tranh trên đỉnh đồi rất khùng khiếp. Pichelin đã tử trận. Tôi không thể giữ được nếu không có lực lượng tăng viện.

Bigeard ngược mắt nhìn trời. Từ tít trên cao, trên cả tầm bắn của pháo phòng không, những chiếc máy bay C 119 đang lượn vòng. Nhưng không phải để thả dù tiểu đoàn tăng viện của Bréchignac mà là thả các nhu yếu phẩm. Đây là lần đầu tiên thử nghiệm một phương pháp mới: để cho rơi tự do cách mặt đất khoảng 300 mét mới tự động mở dù. Nhưng có một nửa số kiện hàng rơi xuống đất vỡ tan vì dù chậm mở, hoặc là dù tự động mở quá sớm bị gió đánh dạt sang trận địa của Việt Minh.

Bigeard đành trả lời Tourret:

- Tôi chẳng còn lực lượng dự trữ nào để gửi sang cho anh hết. Nếu không giữ được thì rút.

Tại Eliane 1 là chính nơi Bigeard đang chống giữ, các đại đội cũng phải chiến đấu trong hoàn cảnh không hơn gì Dominique 2 của Tourret. Sau hai mươi giờ bị ném bom và nã pháo liên tục, trận địa đã hoàn toàn bị phá hủy. Đạn pháo của cả hai bên lẫn lộn với nhau như những xác chết chồng chất lên nhau trên đất đỉnh đồi bị cháy đen. Tuy vậy Bigeard vẫn cố ráng cầm cự thêm vài giờ để mong chờ viện binh của Bréchignac.

Trước khi nổ ra cuộc chiến tại Điện Biên Phủ, Bigeard vẫn thường ít nhiều tỏ vẻ trịch thượng, hơi coi thường Bréchignac. Là người muốn giữ vai trò đứng đầu, Bigeard coi Bréchignac là đối thủ cạnh tranh sát nút của mình.

Trước khi lên đường đi Điện Biên Phủ, Bigeard đã viết vội mấy dòng gửi Bréchnac, đúng một giờ trước khi nhảy dù: “Mình sẽ đi làm nhiệm vụ hy sinh, chẳng biết có trở về được không. Mình trao lại cho cậu ngọn đuốc của binh đoàn dù”.

Bréchnac, vốn là người khiêm tốn, có lẽ đã mỉm cười trước thái độ bi kịch của Bigeard. Nhưng dù sao anh cũng xúc động và anh đã nhặt ngọn đuốc không bao giờ có mà Bigeard đã tưởng tượng để làm vui lòng bạn.

Đã mười sáu giờ. Vào thời điểm này khó lòng hy vọng máy bay sẽ tới thả dù. Tối nay Bréchnac sẽ không tới. Cũng chẳng cần chiến đấu vô ích để giữ Eliane trong đêm nay trong khi không thể giữ nổi với những đại đội thiếu hụt quân số vì bị thương vong quá nhiều. Tourret đã rút khỏi Dominique.

Bigeard cũng ra lệnh rút khỏi Eliane, sau đó báo cáo với phân khu Trung tâm. Lúc này, Langlais cũng đang kiệt sức. Ông đang chờ quân tăng viện nhưng hiểu rằng các phi công không bao giờ dám cho nhảy dù giữa ban ngày. Ông không thể nghĩ các phi công đã làm sai mặc dù họ bị nhiều người to giọng chửi rủa. Hà Nội cho biết, nếu đêm nay thời tiết tốt sẽ cho tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn dù thuộc địa số 1 nhảy xuống Điện Biên Phủ.

Tinh thần Langlais chưa giảm sút, vẫn rắn như cao nguyên sỏi đá nơi sinh ra ông. Nhưng đôi khi sự chán nản cũng bộc lộ qua vẻ mệt mỏi căng thẳng thần kinh của ông. Ông quát tháo rồi lại ôm hôn chẳng theo một quy luật nào. Suốt ba mươi sáu giờ không nghỉ, ông đã mắng nhiếc những kẻ trù trừ, tạo đà cho những người dè dặt, quát tháo những bọn hèn nhát. Khi được tin Eliane 1 bị mất, ông đã có lúc nản lòng, nhất là Ban 2 (Cục tình báo quân sự) ở Hà Nội lại cho biết, có thể đêm nay Việt Minh sẽ tổng tiến công. Langlais gọi điện trả lời Bigeard:

- Tôi để cho anh tự suy nghĩ và quyết định. Nếu anh thấy không có khả năng cô thủ thì cứ việc rút về bên kia sông. Anh có thẩm quyền cho rút tất cả các vị trí ở phía Đông.

Bị chạm nọc, Bigeard vùng lên:

- Báo cáo đại tá. Chừng nào còn một người, tôi sẽ không rời bỏ Eliane.

Như vậy là dự định rút khỏi Eliane đã bị chính Bigeard tự xoá bỏ.

Đêm 31 tháng 3 rạng ngày 1 tháng 4 là đêm thứ hai trôi đi rất chậm.

Vào lúc sẩm tối, một trung đoàn của sư đoàn 316 ra lệnh xung phong lên đồi A1 nơi đặt cứ điểm Eliane 2. Cũng như đêm trước, đợt tiến công đầu tiên nhằm vào mỏm Yên Ngựa mà Pháp gọi là Champs Elysées.

Nhưng cũng như đêm trước, lực lượng tiến công này mặc dù rất mạnh vẫn không chiếm được đỉnh đồi do lính lê dương chống giữ dưới sự chỉ huy của Luciani.

Cùng trong lúc đó, sư đoàn 312 lại tiến công Huguette 7, một cứ điểm được xây dựng trên một mô đất tròn như bộ ngực thiếu nữ đột khởi giữa đám ruộng. Các công trình phòng ngự được bố trí rất cân đối theo một hình ngôi sao có ba góc cạnh, chính giữa là vị trí chỉ huy. Trấn giữ cứ điểm này là đại đội 1 thuộc tiểu đoàn lính dù số 5, từ ngày 28 tháng 3 được đặt dưới sự chỉ huy của đại úy Bizard được cử tới thay trung úy Roudeau bị thương nặng.

Bizard là một sĩ quan tự nguyện xung phong lên Điện Biên Phủ và đã trải qua bảy năm chiến tranh. Ông xuất thân là một kỵ binh, thường ngồi trên yên ngựa, nhưng lại có cặp giò của bộ binh không thích hợp lắm với đôi ủng có gấn khoá thúc ngựa. Ông có thể chiến đấu thành thạo trong bùn lầy, đi bộ, cũng như ngồi trên xe bọc thép và nếu có cơ hội, ông không ngần ngại nhảy lên mình ngựa để tác chiến. Ông đã được khen thưởng mười ba lần, có vóc dáng lực sĩ như một thiên thần Hy Lạp nhưng lại bẽn lẽn như một trinh nữ. Ông run rẩy trước một người đàn bà nhưng dám chọi nhau với một sư đoàn Việt Minh mà trong tay chỉ có tám mươi binh lính.

Buổi tối 31 tháng 3, Bizard ngồi một mình trong hầm chỉ huy đã đổ sụp một nửa. Hôm trước, phó của Bizard là thiếu úy Thelot đã tử trận vào lúc năm giờ rưỡi chiều bởi một viên đạn pháo 57 bắn thẳng vào vị trí chiến đấu của mình, cũng trong đêm trước, quân Việt đã đánh sâu được vào vị trí phòng ngự của một trung đội do trung sĩ Tournayre chỉ huy ở mặt Bắc. Viên trung sĩ cứng đầu cứng cổ này không chịu rút lui đã chiến đấu với địch suốt một

đêm. Dù sao các công trình phòng ngự của Tournayre đã bị tan nát. Trong khi đó, Huguette 7 chờ suốt ngày cũng không có tăng viện, còn các cứ điểm Eliane thì cũng đã ngốn hết tất cả các lực lượng dự bị. Nhưng ngược lại, sư đoàn 312 vẫn không chọc được cửa mở qua những lớp rào dây thép gai để chiếm lấy các lô cốt bên trong dù đã liên tục không ngừng bắn súng cối vào đó.

Vào lúc gần tới đêm, đại úy Bizard quyết định cho rút các vị trí ở mặt Bắc cứ điểm và cả vị trí trung tâm. Cùng với số binh lính còn lại, ông tiếp tục chiến đấu tại hai vị trí cố thủ khác.

Việt Minh cũng không muốn mạo hiểm. Bộ đội Việt bắn pháo chuẩn bị nhiều giờ liền, tập trung vào từng thước đất, hủy diệt các vị trí đã rút bỏ. Đến mãi 11 giờ đêm Việt Minh mới tiến hành xung phong, một việc đã chấp nhận rất lâu, rất kỹ, nhưng đã rơi vào khoảng đất trống rộng. Các đại đội, rồi đến toàn tiểu đoàn tập trung trên một phạm vi hẹp của vị trí.

Đây là một khu đất lồi không còn lại một hầm trú ẩn nào và đã bị pháo binh Pháp có chuẩn bị tính toán trước, bắn rất trúng.

Bizard vẫn không động đậy. Mãi tới rạng đông, ông mới ra lệnh phản kích, giành lại các vị trí đã mất.

Ngày 1 tháng 4 có một mùi vị chua chát đối với các binh sĩ ở Điện Biên Phủ. Vòm trời vẫn đục. Những đám mây chứa đầy hơi nước lững lờ trôi trước mặt trời. Không một lực lượng tăng viện nào được nhảy xuống Điện Biên Phủ trong đêm đó.

Trên đồi A1, ba đại đội dù trong cứ điểm Eliane 2 chiến đấu suốt ba mươi sáu giờ không nghỉ. Tất cả đều kiệt sức nhưng Luciani nghĩ rằng Việt Minh cũng đã thấm mệt. Vì vậy, anh đã tổ chức phản kích và báo cáo với Bigeard vào buổi trưa:

- Chúng tôi vẫn có thể giành lại được toàn bộ quả đồi này nhưng với điều kiện là phải được tăng cường thêm một đại đội mới toanh.

- Tôi chẳng còn gì cả. Hãy dè sẻn lực lượng.

Bigeard hiểu, các lực lượng tăng viện chỉ có thể nhảy dù vào giữa trưa. Vậy

thì phải cố giữ, dù chỉ còn lại một người vẫn cố giữ như đã nói với Langlais. Trong tập đoàn cứ điềm, không còn một lực lượng dự trữ nào đúng với cái tên “dự trữ”. Mọi đơn vị phải tự xoay sở để có được những lực lượng cứu ứng cho nhau khi cần thiết.

Tại cứ điềm Huguette 7 trung úy Spozio tới thay đại úy Bizard chỉ huy một đại đội xung kích gồm lính lê dương, lính Angiêri từ Béatrice sống sót trở về và lính Thái đào ngũ đã thu gom được.

Đêm thứ ba, Việt Minh giành được một thắng lợi: Huguette 7 bị đánh chiếm lúc 4 giờ sáng. Cụm cứ điềm được xây dựng cân đối theo hình học này biến thành mảnh đất tan hoang lộn xộn.

Nhưng Eliane 2 vẫn giữ vững.

Trong đêm, hai trung đội thuộc trung đoàn nhảy dù thuộc địa đã nhảy xuống được khu vực sân bay. Hai trung đội có nghĩa là một nửa đại đội. Một lực lượng tăng viện không đáng kể chống lại ba mươi nghìn quân Việt Minh đang tiến đánh. Nhưng các binh lính của Bréchignac là những quân nhân có tư cách. Họ đến đây không phải để bị đánh bại.

Đêm thứ tư Việt Minh tiếp tục tiến công Eliane 2 nhưng vẫn không tiến thêm được một mét.

Tại mặt phía Tây, Việt Minh tăng cường lực lượng tiến đánh Huguette 6 là một cứ điềm ngay đầu đường băng, như một dấu chấm trên chữ “i”.

Trung úy Rastouille cùng một trăm lính lê dương trấn giữ cứ điềm này. Họ đã tới đây từ mười lăm ngày nay và ngày nào cũng phải ra lập những chiến hào Việt Minh đào lần chỉ cách vị trí của họ có ba mươi mét, vào lúc hết đêm, mười hai lính lê dương trong cứ điềm đã chọc thủng một đoạn hàng rào dây kẽm gai để đào ngũ.

Bắt đầu bước sang ngày thứ năm của cuộc tiến công giải đoạn 2, tức là đêm mùng 3 rạng ngày 4 tháng 4. Pháo Việt Minh tới tấp nã xuống Huguette 6. Đến 8 giờ tối, bộ phận đi đầu của một tiểu đoàn địch đã vào được trung tâm cứ điềm bằng đoạn rào dây thép gai đã bị lính lê dương đào ngũ cắt đứt.

Castries gọi đây nói cho Langlais. Vị đại tá dòng dõi quý tộc Christian De

Castries không quát to bao giờ. Bao giờ ông cũng nói bằng một giọng đều đều, cố giữ một thái độ từ tốn nào đó trong lời lẽ. Langlais, Bottella, Turret, nhóm sĩ quan chỉ huy các đơn vị lính thuộc địa cảm thấy đây là vẻ giả tạo không thích hợp. Bigeard tán thành các chiến hữu của mình nhưng trong thâm tâm vẫn ngưỡng mộ Castries một cách kín đáo.

Langlais cố nén thần kinh căng thẳng, nghe đại tá chỉ huy Castries nói.

- Langlais, anh nghe tôi nói đấy chứ? Rõ, hả? Chúng ta không thể để mất Huguette được. Anh cũng hiểu rõ rồi chứ gì. Để mất Huguette có nghĩa là mất luôn một phần ba đường băng sân bay, có khi cả một nửa sân bay, là bãi thả dù duy nhất hiện nay để chúng ta nhận được tăng viện... Anh nghe tôi nói đấy chứ? Vậy thì anh bạn ơi, anh phải làm một cái gì đó để cứu Huguette trước khi trời sáng.

Langlais đặt máy xuống không trả lời.

Đã bốn ngày nay, ông chờ đợi tiểu đoàn tăng viện. Đó cũng là bốn ngày liên tục chiến đấu. Ngày thứ nhất, đáng lẽ viện binh đã phải nhảy dù xuống bãi thả dù, trên cánh đồng phía Nam dãy đồi có cụm cứ điểm Eliane, nhưng Việt Minh đã tới sát, pháo mặt đất và pháo phòng không Việt Minh làm cho kế hoạch nhảy dù không thực hiện được. Phải tìm các biện pháp khác. Bộ chỉ huy tại Hà Nội đã chấp nhận phương án nhảy dù đêm xuống sân bay.

Đó là một bãi nhảy dù khá tốt. Mặc dù hẹp, nhưng chiều dài của đường băng có thể vừa đủ để nhảy xuống, miễn là vẫn giữ được Huguette 6 là điểm tựa ở đầu phía Bắc đường băng.

Đêm hôm trước, các phi công đã thả dù lần đầu tiên các kiện hàng xuống đường băng cho tới khi các pháo sáng làm loá mắt không thể thả dù tiếp tục được. Nếu đêm nay mất Huguette 6, có nghĩa là mất thêm một phần sân bay. Đến lúc đó thì ngay việc thả các kiện hàng cũng rất khó thực hiện, chưa nói gì đến nhảy dù.

Huguette 6 vẫn còn trả lời được và cho biết chỉ còn lại khoảng từ sáu mươi đến tám mươi binh lính lê dương đang chiến đấu chung quanh ban chỉ huy đứng đầu vẫn là Rastouille. Họ còn có thể cầm cự được từ hai đến ba giờ

nữa. Langlais phải quyết định gấp. Ông thử tiến hành một cuộc phản kích ngay trong đêm.

Lúc này chỉ còn có tiểu đoàn 8 lính dù thuộc địa với 394 binh lính do Turret chỉ huy là một vị trí phòng ngự mới được xây dựng sau ngày 13 tháng 3 năm 1954, còn có thể sử dụng được đơn vị này vì các đơn vị khác đều đang phải chiến đấu. Hơn nữa, Epervier lại gần mục tiêu phản kích. Khoảng 9 giờ tối, đại úy Desmont nhận được lệnh đi giải vây cho Huguette 6.

Mặc dù đây là một mệnh lệnh “ngu xuẩn”, nhưng Desmont cũng đã có lần thoáng nghĩ tới. Cách đây chưa được nửa tháng, chính Langlais cho rằng việc phản kích tiến hành vào ban đêm là không thể nào thực hiện được. Thế mà bây giờ lại định tổ chức cuộc phản kích giữa đêm tối với một đại đội và hai xe tăng.

Nhưng không phải là lúc bàn cãi mà phải thực hiện ngay. Desmont cần phải dẫn đơn vị vượt một quãng đường khoảng hai kilômét. Dưới ánh pháo sáng, hai chiếc xe tăng bắn vào những bóng đen được cho là bộ đội Việt Minh. Trong khi đó, Langlais liên lạc bằng máy vô tuyến với những chiếc Dakota đang lượn vòng tròn chuẩn bị để lính dù của Bréchnac nhảy xuống. Đêm hôm trước chính những chiếc máy bay chở đầy quân này đã phải quay trở về căn cứ bởi vì bãi nhảy bị chiếu sáng khi đồn Huguette 7 đang bị tiến công. Trưởng phi cơ nói:

- Không thể nhảy xuống đường băng sân bay được chừng nào sân bay còn bị chiếu sáng.
- Nhưng tôi cũng không thể nào ngừng cuộc phản kích được. Nếu không nhảy xuống sân bay được thì cho lính nhảy xuống khu Trung tâm.
- Nhưng ở đó không có bãi nhảy đúng tiêu chuẩn.
- Mẹ kiếp! Cứ nhảy xuống. Tôi sẽ chịu trách nhiệm. - Langlais trả lời.

Tại cuộc hội ý tại Hà Nội, đại tá Sauvagnac giải thích cho đại úy Clédic rõ, ông phải nhảy thẳng xuống đường băng sân bay. Nguyên tắc theo hướng Nam - Nam - Đông để vào phân khu Trung tâm tìm gặp sở chỉ huy.

Đúng nửa đêm, đại úy rơi vào một khu vực lộn nhồn công sự và chiến hào.



Chỉ cách ông vài mét, một cỗ trọng liên bốn nòng đang chĩa lên trời. Chung quanh, những đạn pháo nổ tung ra những cụm lửa đỏ xen lẫn với màu nhợt nhạt của pháo sáng.

Clédic đã tới được Điện Biên Phủ. Nhưng đang ở đâu?

Đại úy đảo mắt nghi ngờ nhìn chung quanh, lục lọi trong hành trang lấy ra một khẩu súng ngắn, rồi nằm im trên mặt đất lắng tai nghe những tiếng động của người và tiếng nổ của đạn pháo.

Có một tiếng gọi như từ lòng đất vọt ra:

- Này! Lại đây.

Clédic chỉ rời cách hầm chỉ huy của Castries khoảng một trăm mét và coi như vừa mới khánh thành một bãi nhảy dù mới toanh. Cho tới ngày hôm đó, bãi nhảy dù vẫn được quy định là một mảnh đất có sẵn kích thước, trên mặt phủ ít nhiều loại cỏ mềm. Những bãi tập nhảy dù ở vùng núi Pyrénées bên Pháp thường trông toàn cỏ dày hoặc những loại cỏ mềm. Còn bãi đất Clédic vừa nhảy xuống lại là một mảnh đất mơ hồ không biết rõ lổn nhổn chiến hào, hầm hố, lởm chởm nhiều cọc nhọn giữa những lớp hàng rào dây thép gai.

Gặp Clédic, Langlais hỏi ngay:

- Có nhiều quân không?

- Toàn bộ một đại đội của tôi.

Thế là Langlais, một người lính bộ binh già và là người lính dù trẻ, phá ra cười. Langlais cười viên chỉ huy của mình là đại tá Sauvagnac, một sĩ quan dù vĩ đại nhưng lại là một lính bộ nhỏ bé.

Đêm nay, Langlais là một người sung sướng. Ba trăm mười hai lính dù đã tới mà không cần phải chọn kỹ bãi nhảy, cũng không cần phải thạo nhảy dù. Chỉ cần đưa người lên máy bay rồi nhảy xuống.

Ông đề nghị Hà Nội kêu gọi thêm những người tình nguyện, dù biết hay chưa biết nhảy dù cũng không quan trọng. Có thêm lính chiến đấu, Điện Biên Phủ sẽ giữ vững.

Đúng lúc đó, Bréchignac cũng lần mò tìm được lối vào sở chỉ huy. Langlais lại phá ra cười khi nhìn thấy Bréchignac... cười tròng. Đại úy đã rơi đúng

vào lớp hàng rào dây thép gai. Trong đêm tối, ông không tài nào gỡ ra được đành phải tụt quần bỏ lại đó.

Mặt trời đã mọc. Vòm trời đã hửng sáng, không khí nhẹ nhàng như thời tiết tháng 8 ở bên Pháp. Lính dù thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn dù thuộc địa số 1 đi theo hàng một tiến lên dãy đồi Eliane. Bộ đồ ngụy trang ra trận chỉnh tề, vũ khí lau chùi sạch sẽ. Toàn đội cùng chung một kiểu đi giống như người chỉ huy, tức là bước chân dài, hơi nặng, tiết kiệm, toả ra một niềm tin bình thản.

Khoảng 5 giờ sáng Việt Minh tự rút khỏi bãi Champs Elysées ở phía trước Eliane 2 sau một đợt tiến công kéo dài một trăm giờ.

Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 4 là đêm thứ sáu của cuộc tiến công giải đoạn hai. Trong khi rút khỏi Eliane 2, địch tập trung tiến công Huguette 6. Việt Minh quyết tâm đánh bật cái nút chai trên đầu đường băng. Sư đoàn 312 được yểm trợ bằng tất cả các khẩu pháo 105 và một đại đội cối 120 mm, huy động tới bốn tiểu đoàn bộ binh cùng với một tiểu đoàn pháo hạng nặng.

Trước mặt sư đoàn 312 là một trăm lính lê dương số 2 vừa tới thay đơn vị của trung úy Francois, nhưng trung úy Rastouille chưa đi mà vẫn còn ở lại cứ điềm để bàn giao.

Pháo chuẩn bị của Việt Minh kéo dài năm tiếng đồng hồ. Trước nửa đêm, các tiểu đoàn Việt Minh đã lọt được vào cứ điềm qua đoạn hàng rào kẽm gai đã bị bọn lính đào ngũ cắt đứt. Lính lê dương lùi vào phía trong.

Tình thế trở lại gần giống như đêm trước.

Huguette sắp bị mất đến nơi. Langlais lại lập tức quyết định phản kích.

Trung úy Bailly thuộc tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 được báo động đầu tiên. Cũng như Desmont đêm trước, Bailly đêm nay lại dẫn toàn đại đội chạy dọc theo đường băng tiến về phía địch.

Nhưng lần nay, Việt Minh đã sử dụng toàn bộ một tiểu đoàn ở cánh trái. Một trăm năm mươi lính của Bailly phải chống với một số quân đông hơn rất nhiều. Cho tới khi trời sáng hẳn thì chỉ còn có hai mươi lính dù trụ lại chung quanh trung úy Bailly. Họ được phép rút khỏi vị trí chiến đấu.

Tại Eliane 2, Clédic ngủ từ sáng sớm trong hầm trú ẩn. Đến quá nửa đêm thì người lính gác điện thoại lay ông dậy. Bréchignac gọi Clédic.

- Huguette đã bị đánh. Anh dẫn quân chi viện. Biết đường chứ?

Đại úy Clédic không biết rõ đường lắm. Nhưng ông thường đứng trên đỉnh đồi A1 nơi đặt cứ điểm Eliane 2 nhìn bao quát chung quanh nên biết rõ các khu vực lân cận. Ông dẫn đầu đơn vị đi xuống núi. Đoàn quân xếp thành hàng dọc đi theo ông từng bước tiến về hướng Bắc vượt khúc sông nằm giữa Dominique 3 và Epervier rồi đi đến tận đường ông thoát nước. Phía trước mặt, đàn đom đóm đang lơ lửng soi sáng đường bằng sân bay như một dải băng trắng bạc của tử thần đã từng bị bắn phá nhiều lần bằng mọi hoả lực. Bailly ở phía tay phải phát tín hiệu đường đã bị chặn.

Clédic quyết định cho đơn vị tiến vọt qua đường băng xông thẳng về phía trước. Ông không biết rõ mình đang ở chỗ nào, chỉ biết đang tiến trước họng súng. Phía trước là cả một đại đội Việt đang hướng về phía Nam đối mặt với đơn vị của Clédic vừa xộc tới. Dù sao cũng không chậm trễ. Đã ba giờ sáng, Clédic đã đến con đường ngoằn ngoèo ở mặt Nam Huguette. Chỉ còn khoảng hai mươi lính lê dương trụ lại chung quanh trung úy Legros, náu mình trong những hố hào ở phía Nam cứ điểm. Quân Việt Minh kiểm soát hầu hết trận địa. Clédic hỏi:

- Quân Việt bố trí ở những đâu?

- Một trung đội ở bên phải. Một trung đội ở bên trái. Anh quét giúp chúng tôi đường hào chung quanh.

Lúc này, có vẻ như phía Việt Minh cũng cảm thấy không thể tiếp tục tiến thêm. Tiểu đoàn thứ tư, tiểu đoàn dự bị được tung vào chiến đấu. Clédic đã chọi nhau với tiểu đoàn này.

Tình thế rất gay, nhưng dù sao trời cũng đã sáng rõ. Pháo binh có thể bắn trả một cách chính xác Máy bay cũng có thể yểm trợ. Và nhất là Bigeard đang tăng viện cho Clédic một đại đội nhỏ nhưng chỉ huy bởi một trung úy lớn là Lepage.

Thấy trời đã sáng rõ. Quân Việt tuân tụt rút để tránh máy bay và pháo binh

bắn phá. Đến mười giờ sáng, cuộc chiến đấu chấm dứt.

Bréchnac gọi điện cho Clédic:

- Tốt lắm. Đến mười bốn giờ tôi sẽ cho đại đội của Minaud đến thay thế cho đơn vị anh. Đại đội của anh sẽ chuyển thành lực lượng dự bị để phản kích trên đồi A1.

Cuộc tiến công giải đoạn hai của Việt Minh kết thúc.

Huguette thánng tư

Trong nhà hầm của “ngài” Bordier tiếng vọng của đạn pháo đã quen thuộc như những tiếng động trong nhà, vô hại như chiếc đài thu thanh.

Suốt ngày, Jean Péraud và Pierre Schoendoerffer ngồi ở đây theo dõi “trận đánh” trên cứ điểm Eliane 1. Họ đã quay phim, chụp ảnh đợt xung phong của lính dù, trong cơn thịnh nộ đã tính toán sẵn để dàn cảnh, vừa có vẻ giống như sự phấn nộ của một trận ẩu đả và cũng có vẻ giả tạo để đánh lừa người xem. Họ đã quay phim chụp ảnh rất gần những cảnh gọi là những đợt phản kích của Việt Minh, có cả màn trình diễn các tù binh nữa. Cuốn phim còn bố trí những cảnh không có thật như khi thấy đồng đội ra hàng lính Pháp những bộ đội Việt Minh còn vững vàng hoặc được ẩn nấp tốt, đã vừa chửi rửa, vừa nã súng máy vào họ.

Hai nhà báo Pháp xuống núi vào lúc bắt đầu tối, khi có đợt thay quân. Pierre đã dẫm phải một mảnh sắt. Anh không biết chuyện xảy ra vào lúc nào, đây là mảnh đạn pháo hay lựu đạn, chỉ biết bàn chân đã sụng lên trong giầy vải khiến anh phải kéo lê từng bước.

Thông thường đây là một vết thương rất may mắn, vì có thể được nghỉ mười ngày, nằm trong chăn đệm sạch sẽ tại một bệnh viện quân y ở Hà Nội hoặc ở Sài Gòn. Nhưng ở Điện Biên Phủ không có vết thương nào gọi là may mắn cả. Các thầy thuốc khoa ngoại chỉ mổ xẻ những vết thương đáng phẫu thuật cho những binh lính bị thương nặng mà không được chuyển về hậu phương. Còn những người bị thương nhẹ thì cứ việc tự giải quyết bằng cuộn băng cá nhân và không được rời khỏi vị trí chiến đấu. Chỉ khi nào sắp chết đến nơi mới được gáid điếm chăm sóc.

Vì vậy Pierre không khi nào nghĩ tới chuyện đi trạm xá để điều trị vết xước. Cũng như mọi người, anh được phát một cuộn băng cá nhân gài chặt vào mũ sắt bằng một chất keo rất dính. Anh chỉ cần có một nơi “khô ráo” như lính thủy thường nói.

Pierre dẫn bạn đi đến gian nhà hầm bí mật bên bờ sông Nậm Rốm. Vừa thấy họ, cô Trinh đã nhận tự tay chăm sóc Pierre với tất cả uy thế và tình thương. Hồi cô còn theo học tại trường dòng ở Hà Nội, các bà “Xo” nuôi trẻ mồ côi đã dạy cô cách sơ cứu ban đầu. Cô đặt Pierre nằm dài trên sập, tháo bỏ chiếc ủng nhảy dù dính đầy bùn và cát, bỏ chiếc tất đi chân đang ôm chặt vết thương. Cô bắt chước giọng nói của các cô gái hầu bàn người Việt, bảo Pierre:

- Chân anh bốc mùi “thúi” lắm?

Péraud phá ra cười, một giọng cười vui rất to, rất vang. Anh cũng đã bỏ áo ngoài, cởi tất cả hai đôi giày và tất của mình. Trên trần nhà, chiếc bóng đèn điện vẫn đủ đưa chuyển động theo những làn sóng vô hình. Luồng ánh sáng vàng vọt run rẩy đem lại cho gian nhà một vẻ ấm cúng.

Pierre đứng dưới bóng đèn như tầm ánh sáng bằng với hoa sen, gãi nhẹ những đám lông trên bụng. Cô Trinh lại nói:

- Còn anh, Jean, anh đang bốc mùi xác chết đấy Trong khi tôi chăm sóc Pierre, anh hãy tắm rửa và cạo râu đi.

Pierre đã không trở lại nơi đây từ ngày 31 tháng 3. Trong suốt cuộc tiến công giải đoạn hai của Việt Minh, Péraud và anh đã chạy đi chạy lại từ điểm tựa này đến điểm tựa khác để ghi lại những hình ảnh chiến đấu. Sau những ngày làm việc mệt mỏi này, hai người phải điễm lại những đoạn phim đã chụp, đánh số, ghi nhãn rồi buộc kín trong những gói nhỏ, chờ dịp gửi về Hà Nội tráng phim rồi trình chiếu tại Paris. Những kiện hàng này vẫn đang đau khổ nằm chờ tại các kho hàng của các phi công, nhưng hai nhà báo vẫn cứ tiếp tục ghi thêm những hình ảnh tư liệu mới.

Pierre thường tìm một góc khuất có che chắn để ngủ đêm, còn Péraud thì hầu như đêm nào cũng nằm với cô Trinh.

Người đàn bà trẻ tuổi này không còn những thức ăn dự trữ của “ông” Bordier để dọn những bữa cơm ngon nữa. Cô cũng không đi chợ ở các làng bản phía Nam khu Trung tâm. Theo lệnh của Việt Minh, dân cư ở khu vực này đã sơ tán hết. Và lại, những cuộc tuần tiễu của cả hai bên đối địch đều dẫn đến những vụ bắn giết nhau trong những nhà tranh đã bỏ trống, những khu vườn đã bỏ hoang. Còn các sân nuôi gà vịt lầy lội thì đầy chông mìn cạm bẫy.

Cô Trinh có những bàn tay thon dài xinh đẹp của phụ nữ Viễn Đông, những ngón tay mềm mại, khéo léo của những cô gái từ thừa thơ ấu đã bắt chước rồi được tập những điệu múa lễ hội. Cô đã lấy bông tấm rượu còn, rửa vết thương nông nhẹ của Pierre rồi khéo léo quấn băng ra ngoài.

Sau đó, chỉ trong vòng hai mươi phút cô đã làm xong bữa cơm xoàng xĩnh nhưng thơm ngon: một ki lô gạo, hai quả ớt đỏ, một củ gừng và một hộp thịt bò trong khẩu phần của lính Pháp. Trong những bát súp màu xanh, món ăn từ hương thơm của gạo toả ra một mùi vị rất ngon. Ba người lặng lẽ ngồi ăn. Ở châu Á, đây là một tập quán, ăn cơm không gây ra những tiếng động để chứng tỏ là người lễ phép.

Sau bữa cơm, hai người đàn ông hút mỗi người một điếu thuốc lào. Khói thuốc lào cho đến khi hết nóng vẫn còn cay xè và dày đặc, cháy bỏng họng, bỏng phổi, tạo ra một cơn say.

Pierre nói, anh thích hút thuốc lá thơm Camel hơn.

Péraud trả lời:

- Sáng mai, tớ sẽ đi lụng mua cho cậu ở chợ buôn lậu của bọn lính đào ngũ. Tớ cũng cần mua cà phê và sữa hộp.

- Đừng đi một mình. Hình như từ khi bọn lính Angiêri và Ma-rốc từ cụm cứ điểm Dominique bỏ chạy tụ tập ở đây, tình hình có vẻ không an toàn. Những con chuột Nậm Rốm ngày càng đông hơn. Chúng cũng đang kiếm thức ăn.

Cả ba người cùng nằm trên sập. Jean Péraud đột nhiên nói:

- Ngày một ngày hai, rồi sẽ có ngày chúng đến cướp phá gian hầm này. Phải kiếm một chỗ nào gần trung tâm để đưa cô Trinh rút xuống đó.

- Cậu tưởng dễ kiếm đây à?

Tất cả các hầm hố ở Claudine đều đặt sở chỉ huy tác chiến hoặc chốt lính bị thương.

Ba người im lặng. Một lát sau, Pierre nói qua vai Péraud, hỏi cô Trinh:

- Cô Trinh, sao em không rút khỏi Điện Biên Phủ ngay trong lúc này? Em đi đêm, có thể lọt qua vòng vây của Việt Minh, đến một bản nào đó ở vành ngoài trước khi trời sáng. Phần lớn đồng bào của em đã đi hết rồi.

Người đàn bà trẻ vẫn không động đậy. Đi ư? Nhất định, cô có thể đi khỏi chỗ này. Bordier đã để lại cô cho những đồng bạc trắng, cô có thể thuê người dẫn đường đi đến tận Lào Cai, nơi gia đình cô đang sinh sống. Nhưng rồi sau đó sẽ ra sao? Cô không muốn tự trả lời câu hỏi rất khó giải đáp này.

Cô đã rời bản làng quê hương năm mới mười một tuổi. Mẹ cô lúc đó đã là một bà già mê tín dị đoan, còng lưng vì những công việc đồng áng và cúng lễ thần linh.

Trong thế giới của mẹ cô nhan nhán rất nhiều thần thánh, ma, quỷ. Những nhân vật cõi âm phủ này có mặt khắp nơi, bao gồm đủ loại. Có những “cái ma” là vong linh của tổ tiên, là những người trong nhà, hoặc tốt hoặc xấu, tùy theo cá tính trước kia của họ. Có thần Thổ công giữ đất và thần Cỏ thụ giữ cây. Có ma đậu mùa và ma cà rồng là loại độc ác nhất.

Những loại này có khi hàng trăm năm mới trở về bản, đem theo các mầm bệnh dịch tả, dịch hạch, một nạn đói lớn. Để dẹp bớt cơn thịnh nộ và hoà giải với các ma này, mẹ cô đã phải công hiến một phần quan trọng thời gian và của cải để cúng lễ.

Do sợ “cái ma” báo hại, mẹ cô Trinh đã không dám âu yếm chăm sóc con gái mình. Khi cô Trinh bị sốt rét hoặc tiêu chảy, bà giấu cô trong một góc tối dưới mái nhà tranh, xếp những bao diêm mua được bằng giá rất đắt ở nhà thầy phù thủy gọi là Phù tạo, chung quanh con gái. Đây là những bao diêm trừ tà, nắp bao được viết chữ trên nền giấy vàng hoặc bạc tùy theo giá bán. Đôi khi bên cạnh những bao diêm, còn treo thêm những chiếc đũa tre buộc vào sợi chỉ lụa dài từ nóc nhà rủ xuống. Trong bóng tối, tiếng đũa chạm nhau

kêu lách cách không ngừng. Bà mẹ không dám gọi con gái bằng tên thật. Để đánh lừa tà ma, bà gọi con mình là “con lợn đen” hoặc “con chó nhỏ”, những con vật rất thân thuộc.

Cô không nhớ có lần nào cha cô cúi xuống nhìn mặt con gái không. Ông là một người cao lớn hơn tất cả những người đàn ông trong bản. Họ có vẻ nể sợ ông vì ông thuộc hội những người đi săn chim cốc, là một hội ngày nay đã biến mất nhưng bắt nguồn từ bên Trung Quốc, được coi như một giáo phái thường đi khắp chân trời, góc bể. Ông không bao giờ mó tay vào công việc đồng áng, rất ngại đụng chạm đến ma quỷ, thường chỉ hay nói chuyện với con chim mỗi bao giờ cũng quần quít bên cạnh ông.

Ông thường mang con chim mỗi lên thuyền độc mộc, đi ngược dòng sông Nậm Thi nhiều ngày mới trở về nhà. Hoặc đi trên bờ sông, vừa đi vừa câu cá. Con chim mỗi có buộc một vòng nhỏ bằng đồng chung quanh cổ, vừa khít để nó không thể nuốt được cá. Vì vậy, mỗi khi bắt được cá, nó lại đặt cá dưới chân ông.

Lúc quay về nhà vào buổi chiều tối, con chim to lớn với đôi mắt mỗi mịt mờ như chết vẫn đậu trên cành tre đung đưa trên đầu ông.

Ông ăn cơm rồi nằm dài trên chiếu hút thuốc. Khi ông nhả đám khói thuốc phiện đặc sệt ra, con chim mỗi liền thò cổ vươn dài tới sát môi ông chỉ để hít đầy phổi thứ khói gây nghiện.

Cô cũng không nhớ tại sao cô lại bị bán, và bán như thế nào cho cái “ông” Tây Bordier, một người rất tròn, đầu tròn, mặt tròn, bụng tròn, đùi và bắp chân tròn.

Pierre bật cười, nói chen ngang:

- Tròn như mặt trăng...

Cô Trinh cũng chẳng thấy có một tình cảm gì đặc biệt đối với ông chủ của mình. Hồi cô còn đi học tại trường bà “Xơ” ở Hà Nội, mỗi năm ông Tây Bordier lại về gặp cô vài ba lần, chủ yếu để trả tiền học cho cô. Mỗi lần gặp người con gái Thái, ông lại đưa cho cô vài lát gừng hoặc một bánh sôcôla Menier. Hồi đó, cô kiêu hãnh vì được ông chủ chăm sóc, được các bà phước



ưu ái, được mặc những bộ đồ trắng ủi cẩn thận.

Cô Trinh không đi đạo. “Ông” Bordier cũng không muốn cô theo đạo Thiên Chúa “để tỏ tấm lòng tôn kính đạo thờ cúng tổ tiên” của dân tộc cô.

Các bà xơ cũng không giảng đạo cho cô. Những gì cô thấm nhuần về tinh thần hy sinh và lòng nhân đức, đó là cô đã học qua sự chịu ảnh hưởng của các bạn cùng lớp. Các bà xơ tận tâm vì đạo đã hoạt động vì tình thương yêu, một thứ “nhập đồng” của những người theo đạo.

Để chóng hoàn thành việc dạy dỗ giáo dục cô Trinh, Bordier đã gửi cô theo học một năm tại nhà một bà giáo người Hoa. Đó là bà Lô Bình, một người được nể trọng vì có một trường học dành riêng cho các cô gái đến tuổi đi lấy chồng, đặt tại phố Hàng Đào, Hà Nội. Trường nữ học này là một thứ giảng đường về đạo làm vợ, làm dâu. Chương trình giáo dục vừa có tính triết học lại vừa có tính thiết thực, đơn giản và tinh tế. Bà mẹ nhỏ Lô Bình dạy rằng, địa vị xã hội duy nhất dành cho người con gái là kết hôn, làm vợ, tức là phục tùng vô điều kiện người chồng. Giá trị của một người con gái được đánh giá bằng sự khéo léo bằng nghệ thuật biết thỏa mãn dục vọng xác thịt cũng như khát vọng tinh thần của chồng.

Cô Trinh còn được học cách làm bếp, tổ chức những món ăn ngon. Cô đã tìm thấy ở những qui tắc được dạy dỗ một cuộc sống khôn ngoan và được trọng nể. Cô thường thầm kín mơ ước có được một người chồng giàu sang.

“Ông” Bordier đã có được cô Trinh, lúc cô hãy còn trinh tiết mà đã thông thạo nghệ thuật làm vợ, và đã đền bù sự chờ đợi kiên nhẫn của cô. Nhưng bây giờ, cô Trinh hiểu rằng cô chẳng cho Bordier một cái gì cả, ngoài việc phục tùng chồng một cách thờ ơ, lãnh đạm.

Một buổi tối tháng 3, Jean Péraud bước vào căn nhà hầm. Gọi hầm này là nhà, vì chính đây là gian nhà đầu tiên mà Jean đã tự tay sửa sang vừa ý mình. Nhà báo ảnh này mặc quân phục nhưng không cư xử như bọn lính tráng. Còn những người lính khác thì huýt sáo gọi khi thấy cô đi ngang qua hoặc văng vào mặt cô một câu bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Việt thô bạo: “cởi quần ra mau lên!”. Tại phòng trà dành cho lính Pháp ở đây chỉ có nghĩa là “nhanh

chóng cưới ngay bộ đồ lót”.

Jean là người đầu tiên đối xử với cô như một phụ nữ. Anh gọi cô là “em” hoặc là “cô gái” nhưng không tìm cách gạ gẫm để ngủ với cô. Cặp mắt màu xanh lơ của anh thật dịu hiền. Khi anh nhìn cô, cô cảm thấy mình tăng thêm sức lực. Cô không còn là vợ lẽ của ông Bordier nữa mà là cô Trinh một người đàn bà tự do đang khát khao xác thịt, muốn có một cái gì đó để trao đổi.

Một đêm, cái đêm yên tĩnh trước cuộc tiến công của Việt Minh cô đã tự hiến thân cho Péraud.

Từ mười ngày trước họ vẫn nằm bên nhau trên chiếc giường gỗ rộng nhưng chưa lần nào đụng vào người nhau. Chính cô, trong đêm tối, là người đầu tiên vuốt ve bộ ngực của Péraud. Cô tự cởi quần áo rồi chập chờn đến sát anh trong bóng đen.

Mẹ trẻ Lô Bình chưa chuẩn bị cho cô Trinh điều gì phải đến trong cái đêm này. Nhưng, từ đó trở đi ngày nào cô gái cũng có một sự thích thú cuồng nhiệt muốn chinh phục anh chàng người Pháp. Cô rình bắt gặp trong cái nhìn của Péraud một ánh mắt đen làm nảy sinh sự ham muốn và thích thú với cố gắng của Péraud muốn chống lại sự cám dỗ. Khi cô trao thân cho anh, đó là cô muốn cảm ơn. Cô cho rằng đó là trả tiền trước để được lãi về sau.

Trong đêm hầm hập nóng của căn nhà hầm, trên cái sập gỗ cứng, cô đã trao cho anh tất cả làn da nâu, bộ ngực rắn, cái miệng ướt, và cô đã giải phóng cho anh được tự do. Đó là tình cảm quý báu, quan trọng, tự nguyện thoải mái và xứng đáng.

Anh đã khám phá cô. Cô đã hy sinh cho anh.

Buổi sáng, khi Péraud rời khỏi gian nhà hầm, cô Trinh đột nhiên lo sợ như buổi đầu tiên. Cô sợ mất anh. Lúc này, anh đã ngoảnh lưng về phía cô nên không nhìn thấy sự hốt hoảng trên gương mặt cô gái.

Cô muốn có được sự đảm bảo sống bên anh suốt đời, có quyền được phục vụ anh mãi mãi. Đến bây giờ cô đã khám phá ra sự bí mật của các bà “Xo” tại Hà Nội và cũng đến bây giờ mới hiểu câu “Tin yêu phục vụ Đức Chúa Trời”.

Phải chăng là như vậy đó?

Nằm bên cạnh cô, hai người đàn ông vẫn tiếp tục câu chuyện. Cô nhẹ nhàng ruỗi cánh tay. Bàn tay cô đặt nhẹ lên vai Jean. Không phải là vuốt ve, mà chỉ là một sự tiếp xúc, chứng minh cô có mặt.

Pierre nói:

- Tất cả sẽ hỏng hết nếu chậm trễ. Ta không làm được gì với một người đàn bà bên cạnh. Phải cho cô ta đi khỏi nơi này.

- Không, anh Pierre, tôi không đi khỏi Điện Biên Phủ đâu. Tôi cứ ở đây.

Cô cảm thấy bàn tay gân guốc của Jean nắm chặt tay cô.

Đó là ngày 10 tháng 4 năm 1954, vài phút trước lúc nửa đêm. Câu chuyện giữa Jean Péraud không có hồi kết. Nhưng cuốn sách này không phải là một bộ tiểu thuyết. Nên tôi chỉ xin tóm tắt là, mãi đến tận tới ngày 7 tháng 5 năm 1954, khi đã kết thúc trận đánh, người đàn bà này mới rời khỏi Điện Biên Phủ. Jean Péraud đã lên xe Molotova đêm 25 rạng 26 tháng 5 về trại tù binh nhưng đã nhảy xuống chạy trốn. Pierre Schoendoerffer cũng nhảy xuống theo nhưng đã bị Việt Minh bắt lại. Lần cuối cùng, Pierre nhìn thấy bóng bạn chạy miết phía sau đôi hướng về phía Bắc phía thung lũng Nậm Thi. Vài năm sau, có một nhà báo nước ngoài kể lại, đã nhìn thấy trên toa xe điện giữa phố Hà Nội một người Pháp gầy gò, tóc hung, mắt xanh mặc bộ đồ Kaki theo kiểu Việt Minh, cùng đi với một phụ nữ trẻ tuổi người dân tộc. Người Pháp này từ chối trả lời các câu hỏi của nhà báo châu Âu trong cuộc gặp tình cờ này.

Thực tế, không có gì chứng minh đó là Péraud.

Nhưng các bạn anh cứ muốn tin là như vậy.

Trở lại ngày 5 tháng 4 năm 1954 tại Điện Biên Phủ. Nhờ có thêm lực lượng tăng viện, tình hình đã được cải thiện đôi chút. Hai quả đồi phía Đông, nơi đặt Eliane 2 và Eliane 4 đã chống chọi được suốt sáu đêm liền trong cuộc tiến công giải đoạn hai của Việt Minh.

Nhìn chung, nếu như binh lính trong tập đoàn cứ điếm đã rất mệt mỏi thì toàn bộ tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn nhảy dù lê dương số 1 lần đầu tiên đã

tới Điện Biên Phủ với đầy đủ quân số.

Castries đang chờ có thêm tiểu đoàn thứ hai. Ở Hà Nội, vẫn còn hai tiểu đoàn dù đang chuẩn bị. Tiểu đoàn dù lê dương thứ hai sẽ bắt đầu nhảy liên tục hết đêm này đến đêm khác theo nhịp độ đều đặn của số máy bay, cho tới khi toàn bộ tiểu đoàn có mặt tại Điện Biên Phủ.

Tuy nhiên, nếu Việt Minh tạm ngừng cuộc tiến công trực diện thì chưa phải họ đã hoàn toàn nghỉ các hoạt động quân sự. Họ vẫn tiếp tục bắn pháo với nhịp độ tiết kiệm, vẫn cho quân đi tuần tiểu sát các hàng rào dây kẽm gai của các cứ điểm, vẫn để lại trên hàng rào những lá cờ đỏ sao vàng nhỏ bé và những truyền đơn địch vận, vẫn tiếp tục hăm hở đào chiến hào lần dần các trận địa.

Liệu Castries và các phó chỉ huy của ông còn có thể làm gì được nữa? Tiến hành thắng lợi một cuộc rút quân chăng? Họ không bao giờ tin vào điều đó. Chờ đợi một sự can thiệp kỳ diệu từ bên ngoài chăng? Ngay đến Castries là chỉ huy trưởng cũng không biết gì đến việc tướng Ely gặp Chủ tịch hội đồng tham mưu Mỹ Radford bàn kế hoạch Vautour, định sử dụng nhiều máy bay ném bom hạng nặng của Mỹ từ Philippin bay tới ném bom các tuyến đường vận tải và vị trí đóng quân của Việt Minh ở Điện Biên Phủ. Không một nhân vật có thẩm quyền nào ở Đông Dương, trừ mấy nhà báo, không biết gì về địa hình địa phương lại nghĩ rằng có thể rút quân từ Điện Biên Phủ sang Lào được. Tình thế càng trở nên tuyệt vọng khi mọi người đều nghĩ không thể trông chờ vào một điều kỳ diệu gì sẽ xảy ra.

Nhưng họ vẫn trông chờ thời tiết. Những trận mưa tháng 5 sẽ ngăn cản cuộc vận chuyển bằng xe ô tô vận tải trên đường cái, cũng như xe đạp thồ và người vác gồng gánh trên những đường mòn. Đến lượt lực lượng tiến công sẽ bị thời tiết vây hãm giảm dần sức lực. Dù cho lúc đó tập đoàn cứ điểm có bị chìm trong lớp bùn của lòng chảo thì vẫn cứ sống được vì vẫn có lương ăn thả dù xuống.

**Jean Pouget**

Tướng NAVARRE Với Trận Điện Biên Phủ

## **Chương 10 (Đoạn kết)**

Hội nghị Geneve sẽ họp vào cuối tháng 4 làm cho những người được biết tin này có thêm lý do hy vọng. Chưa thể đoán được kết quả hội nghị sẽ như thế nào, nhưng điều dễ hiểu là những cuộc thảo luận có thể sẽ kéo dài. Một thoả thuận nhanh chóng về ngừng bắn không phải là ảo tưởng, nhất là nếu các hoạt động quân sự của Pháp tiến triển.

Tóm lại, điều cốt yếu là phải cố giữ hơn một tháng nữa. Mục tiêu này không vượt quá tầm tay.

Castries là Langlais, Pazzis, Bigeard cùng ngồi xem xét lại tổ chức phòng ngự.

Pazzis đã được cử giữ chức tham mưu trưởng Binh đoàn tác chiến Tây Bắc. Ban tham mưu là một cơ quan ôm đồm mọi công việc nặng nhọc: tác chiến, quân lực, tình báo, tiếp tế, điều hành mọi hoạt động phối hợp với các binh chủng và các cơ quan bạn: pháo binh, thông tin, quân nhu, y tế.

Vai trò của tham mưu trưởng không sáng chói nhưng có tính quyết định.

Lalande vẫn là chỉ huy trưởng toàn bộ cụm cứ điểm Isabelle phân khu Nam. Hiện nay phân khu này đang bị cô lập. Chuyên liên lạc đường bộ cuối cùng với phân khu Trung tâm là vào ngày 30 tháng 3.

Vadot đã chỉ huy bán lữ đoàn lê dương số 13 sau khi Gaucher chết trận. Hiện nay Vadot phụ trách toàn bộ cụm cứ điểm Claudine. Về bình tĩnh “rất lê dương” và một số đức tính khác khiến cho ông có được sự nổi tiếng vững chắc. Lính lê dương thường hỏi ý kiến Vadot nhiều hơn là xin chỉ thị ban tham mưu của Langlais. Còn Langlais thì lại dành phần lớn thời gian quan tâm đến lực lượng dù. Tuy nhiên không có sự trực tiếp giữa ban chỉ huy lê dương và ban chỉ huy lính dù. Hơn nữa họ còn bổ sung cho nhau.

Phân khu Trung tâm do Langlais chỉ huy là phân khu bị tiến công chủ yếu. Phân khu này gồm ba trung tâm đề kháng: mặt Đông có cụm cứ điểm Eliane do Bréchnignac chỉ huy; mặt Tây Bắc có những cứ điểm Huguette đứng đầu là Clémenon; cuối cùng là cụm cứ điểm Claudine ở Tây Nam, vây quanh và bảo vệ cho trung tâm tập đoàn cứ điểm gồm có: Sở chỉ huy, cụm pháo binh, nhà vòm để xe tăng, các cơ quan thông tin liên lạc, các xưởng sửa chữa vũ khí thiết bị, các tổ máy phát điện, kho đạn, kho lương thực dự trữ, kho xăng v.v...

Cụm pháo đặt ở Isabelle thuộc phân khu Nam, mặc dù bị pháo Việt Minh bắn phá không ngừng, vẫn là một trong những thành phần thiết yếu bảo vệ khu Trung tâm. Cụm pháo này có nhiệm vụ bắn cản, bảo vệ cho tất cả các điểm tựa chung quanh sở chỉ huy Binh đoàn tác chiến Tây Bắc.

Trong cuộc cải tổ lại tổ chức phòng ngự lần này, Castries quyết định trực tiếp nắm Bigeard bằng cách giao cho Bigeard chỉ huy các lực lượng “can thiệp” theo lệnh của Castries.

“Can thiệp” là một từ cổ lỗ sĩ trong từ vựng quân sự lâu đời, nay được tráng thêm lớp men mới. Trên danh nghĩa nguyên tắc, lực lượng “can thiệp” tức là những lực lượng dự bị, gồm có: các đơn vị cơ động, các đơn vị lính lê dương, lính dù, là những đơn vị thường “tiến hành chiến tranh” trong khi những đơn vị khác làm công việc “bình định”, đóng quân tại chỗ.

Bigeard được cử giữ chức chỉ huy “các lực lượng can thiệp” nhưng trong tay không có lực lượng nào để “can thiệp” cứu ứng cho các cứ điểm bị tiến đánh. Binh đoàn đổ bộ đường không số 2 của Langlais và mười xe tăng của Hervouet trước kia nằm trong “lực lượng can thiệp” đều đã bị đánh tan từ lâu. Tất cả những đơn vị còn lại quay sang đóng giữ các cứ điểm đang bị tiến đánh, không còn sức nào, lực nào để cơ động đi “can thiệp” nữa.

Để thành lập những lực lượng dự bị mới làm nhiệm vụ “can thiệp”, Bigeard phải tiến hành đi thu gom. Ông đến từng cụm cứ điểm lệnh cho ban chỉ huy ở đó tùy theo khả năng có thể phải rút ra một hoặc hai đại đội để đóng góp vào lực lượng can thiệp. Ông cũng giữ những toán quân được lệnh rút lui để

làm lực lượng dự bị sẵn sàng ứng cứu cho bất cứ điểm tựa nào trong tập đoàn cứ điểm bị tiến đánh. Thông thường, lực lượng can thiệp là những đơn vị xung kích lính lê dương và lính dù, nhưng đã thổi phồng lên như con ngựa già được nhét rom trong bụng cố chạy thi cho đến hết cuộc đua.

Chỉ huy trưởng lực lượng can thiệp Bigeard đành phải hài lòng với ba hoặc bốn chiếc xe tăng còn nguyên vẹn, tuy quá ít không thể sử dụng làm mũi nhọn đi đầu (là nhiệm vụ đương nhiên), nhưng vẫn có thể tận dụng được hỏa lực để yểm trợ cho bộ binh.

Sở dĩ Castries chọn giải pháp này thực tế là để trao thêm nhiệm vụ cho Langlais mà không ngại Langlais tự ái. Castries vốn có một điểm yếu đối với Langlais một tình cảm bầu bạn khá kỳ lạ giữa một kỵ binh với một bộ binh. Castries có một tình bạn chân thành với Langlais. Chính tôi đã tai nghe mắt thấy Castries bảo vệ Langlais trước mặt tướng Gilles (là người không ưa Langlais chút nào), Castries hiểu, Langlais chỉ cáu kỉnh khi quá mệt mỏi, thần kinh bị kích động. Ngược lại, Bigeard nhờ thể chất mạnh khoẻ vẫn giữ được trấn tĩnh. Hai người bổ sung cho nhau và cùng làm việc trong một ban chỉ huy chung.

Sau khi cải tổ lại tổ chức phòng ngự, Castries tính đến chuyện giành lại một phần sự chủ động tác chiến và cải thiện tình thế ở mặt Đông. Ông điện cho tướng Cogny: “Nếu có thêm một tiểu đoàn, tôi sẽ giành lại Eliane”.

Bigeard thúc đẩy thêm hành động. Ông không bao giờ chịu để mất Eliane. Điểm cao nhỏ bé này không chế Eliane 4 và là một trong ba đỉnh của hình tam giác gồm ba quả đồi phòng ngự, chiếm lĩnh một vị trí có tính sống còn. Những đợt tiến công xung phong của Việt Minh vào điểm cao này thường giáng những đòn mạnh vì quân Việt đã đào được chiến hào ở sát gần cứ điểm. Chiến hào tiếp cận để xuất phát tiến công là một kiểu đánh cổ điển đã biết rõ từ lâu. Nhưng vào thời đại đã có xe tăng thì cách thức đào hào tiến công lại quá chậm, không hợp thời. Nhưng Bigeard không hiểu điều đó, ông vẫn tin tưởng vào hiệu quả của chiến hào và đã áp dụng. Ông cũng cho đào “theo kiểu Việt Minh” một hào giao thông tiếp cận từ Eliane 4, qua bãi “yên

ngựa” nằm giữa hai quả đồi, tới cách vị trí địch khoảng ba mươi mét.

Ngày 9 tháng 4, Castries vừa mới nhận được một đại đội mới toanh thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 2 và đang đợi các đại đội tiếp theo từ Hà Nội gửi tới, đã bật đèn xanh cho Bigeard tiến hành “can thiệp”.

Trước khi xuất phát, Bigeard chọn hai phó chỉ huy tiểu đoàn là trung úy Trapp và trung úy Lepage, mỗi người nắm khoảng một trăm lính dù vừa Pháp vừa Việt trộn lẫn với nhau. Bigeard được ưu tiên sử dụng tất cả lực lượng pháo, liên lạc trực tiếp với hai đại đội, cối 120 và tất cả các khẩu cối 81 báo điêm ném bom với các máy bay trợ chiến ngay từ lúc mặt trời mọc đã lượn trên vòm trời Điện Biên Phủ. Tất cả các vũ khí có thể bắn tới Eliane 1 đều nhằm sẵn và sẵn sàng nhả đạn khi có lệnh.

Ngày 10 tháng 4, đích thân Bigeard từ lúc trời chưa sáng đã có mặt trên đỉnh Eliane 4, đối mặt với mục tiêu. Bigeard nói: “Đây là chiếc ghế bành của nhạc trưởng”. Ông cho đặt tới bay máy điện đàm ở chung quanh ghế. Chỉ cần giơ tay là nắm được một chiếc micro và có thể gọi hết máy này đến máy khác để truyền lệnh.

Kế hoạch tiến công được tính toán chi ly đến từng phút. Từng người đều đã được phân công rõ trách nhiệm, nhưng “nhạc trưởng” Bigeard muốn có mặt tại đây để phối hợp mọi hành động, để “bắt nhịp”, tăng giảm nhịp điệu tùy theo cảm hứng của mình.

Cuộc phản kích bắt đầu đúng 5 giờ 30 phút sáng bằng một loạt pháo bắn chuẩn bị. Những khẩu đội pháo 10 ở phân khu Trung tâm và tám nòng pháo ở Isabelle thuộc phân khu Nam đều nhịp nhàng dội xuống Eliane 1 mà Việt Minh đang chiếm giữ. Những khẩu pháo 155 không bắn thẳng được vì hầm pháo nông, không có chỗ cho pháo giật lùi khi đạn nổ. Constantin chỉ huy pháo liền cho những khẩu đội 155 bắn tới những căn cứ hỏa lực của Việt Minh cách đó 1.500 mét. Cối 120 giã giò vào núi Giã và núi Hối đầu.

6 giờ đúng. “Nhạc trưởng” cho ngừng pháo, cối. Trên trời xuất hiện những máy bay trợ chiến.

Từ chiếc gậy nhạc trưởng, Bigeard hạ lệnh cho trung úy Trapp:



- Hervé của Bruno, chơi đi!

- Bruno của Hervé, báo cáo nghe rõ?

Pháo ngừng bật một lát đủ để cho binh lính Việt Minh vừa mới nhô đầu khỏi chiến hào thì lính của trung úy ập tới. Việt Minh vẫn còn ở trong chiến hào nhưng do bị tiến công bất ngờ nên việc tổ chức chống trả có phần lộn xộn. Đó là lúc Bigeard tung thêm đơn vị của Lepage vào cuộc chiến. Cùng đi với đại đội này còn có một đội công binh và một đội lính trang bị súng phun lửa quét cháy mặt đồi.

Phản ứng của Việt Minh rất mãnh liệt, biểu lộ sự tức giận và cả sự bực mình vì thế nên thiếu bình tĩnh. Những loạt pháo và cả máy bay Hellcat của hải quân bay tới ném bom phá được cửa mở vào đội ngũ dày đặc của bộ đội Việt Minh.

Dù sao, phía Pháp cũng đã bị nhiều thương vong. Trước khi trời tối, Bigeard đã phải cho các đại đội tiến công của Trapp và Lepage rút, thay bằng những đại đội mới, vừa mới nhảy dù xuống của Bréchignac, do hai đại úy Charles và Minaud chỉ huy.

Đến đêm, cuộc phản kích của Việt Minh lại càng quyết liệt. Ba tiểu đoàn liên tiếp từng đợt xông lên Eliane 1. Đến nửa đêm, cả Charles và Minaud đều bị thương nặng. Lính dù thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn dù thuộc địa số 1 phải tự động chiến đấu trong hồ cá nhân hoặc tụ tập thành từng nhóm nhỏ. Việt Minh lại tăng thêm quân chiến đấu.

Tại Eliane 4, Bigeard đã thu gom các đại đội dự trữ tại các trung tâm để thành lập lực lượng phản kích mới. Tiểu đoàn dù lê dương số 1 góp Martin và Brandon, mỗi người mang theo năm mươi lính, tổng cộng là một trăm người. Đây là những đơn vị xuất phát đầu tiên, họ vừa đi vừa hát.

Tiến theo hai đại đội này là lính dù người Việt của tiểu đoàn dù số 5 do Bottella chỉ huy, cuối cùng là đại đội 7 thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 2. Đây là đơn vị vừa mới nhảy dù xuống Điện Biên Phủ được hai mươi bốn giờ. Đại úy chỉ huy Delafond bị chết ngay khi mới tới. Trung úy Lecour Grandmaison được cử lên thay. Cả Delafond lẫn Grandmaison đều chưa biết

gì về Điện Biên Phủ. Họ chỉ mới được nhìn thấy trận đánh giành lại Eliane 1 vào buổi sáng và nghe thấy những tiếng hát của những đơn vị vừa mới xuất trận đang lao vào cuộc chiến đấu. Khi trèo lên đỉnh đồi Eliane 1, họ mới chỉ là những quan sát viên.

Hai đại đội của Bréchnignac sau một đêm chiến đấu chỉ còn lại tám mươi người sống sót. Đất trên đồi đã hàng trăm lần bị hàng ngàn đạn pháo cày xới tan hoang. Binh lính đã phải đào hố cá nhân để trú ẩn trong đám đất nát vụn như tro. Những đạn cối 120 cắm sâu vào lớp đất mềm nhuyễn này rồi mới nổ làm sập cả vách chiến hào. Phải dùng xẻng xúc nhanh đất để cứu những người bị lấp vùi phía dưới.

Suốt hai mươi ngày, hai đại đội của tiểu đoàn dù lê dương và tiểu đoàn dù thuộc địa cố giữ mỏm đồi đáng nguyên rủa này. Cứ bốn mươi tám giờ lại phải một lần thay quân. Những cuộc thay quân này đều phải tiến hành vào ban đêm dưới đạn cối của Việt Minh bắn liên tục và rất chính xác.

Clédic nói với Périou:

- Việt Minh nghe được những cuộc nói chuyện của chúng ta qua máy vô tuyến điện thoại nên biết rõ thời điểm và hành trình thay quân.
- Dĩ nhiên, ngày mai ta sẽ nói chuyện với nhau bằng tiếng Bretagne của xứ sở quê hương.

Cả hai người đều sinh ra ở Bretagne, miền Bắc nước Pháp.

Từ đó trở đi, những cuộc thay quân của tiểu đoàn 2 trung đoàn dù thuộc địa số 1 không xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Riêng Bréchnignac khi nghe qua điện đài thứ ngôn ngữ khác lạ cứ tưởng là Việt Minh vừa mới thành lập một tờ điện báo mới báo tin bằng một thứ ngôn ngữ nào đó của châu Á chưa ai trong phía Pháp hiểu được.

Trong khi tạm ngừng tiến đánh các mỏm đồi phía Đông bảo vệ phân khu Trung tâm, Việt Minh vẫn đẩy mạnh nỗ lực nhằm tiêu diệt các cụm cứ điểm mang tên Huguette bảo vệ đường băng sân bay. Huguette 6 là một con mồi đầu tiên bị tiêu diệt bởi chiến thuật mới của Việt Minh.

Cứ điểm này được xây dựng ngay trên cánh đồng ở phía đầu đường băng,

theo hình ngôi sao có ba cánh không đều nhau.

Từ ngày 8 tháng 4, cứ điểm Huguette 6 được giao cho một đại đội thuộc tiểu đoàn 5 lính bản xứ người Việt trấn giữ. Hằng ngày, đám lính Bảo an này phải chống chọi từng giờ với việc bộ đội Việt Minh đào hào lần dần nhằm thắt chặt việc bao vây bóp nghẹt cứ điểm. Đã thế, lính Bảo an còn phải liên tục chiến đấu để giữ một con đường nối liền với khu Trung tâm ở phía Nam là con đường tiếp tế duy nhất. Đám lính tiếp tế cho Huguette 6 thường hành quân ban đêm để tránh đụng độ với địch. Mở đầu là một toán lính lê dương đi mở đường. Nối theo sau là đám dân phu rách rưới, khốn khổ vác trên vai những hòm đạn, hòm đồ hộp thực phẩm và gánh theo cả những thùng đựng nước bởi vì trên đám đất dặt cứ điểm Huguette 6 không có suối, không có giếng, chỉ còn bùn bả sau trận mưa làm ngập chiến hào.

Nhưng đến đêm 14 rạng 15 tháng 4 thì chiến hào Việt Minh đào lần đã gặp nhau ở phía Nam như những ngón tay của hai bàn tay bóp chặt lấy gáy con mồi, lính lê dương phải huy động tới ba đại đội chiến đấu. Cho tới lúc rạng sáng mới mở được đường cho đám dân phu mang đồ tiếp tế đến cho Huguette 6. Lúc xuất phát trong đám phu có 35 người gánh nước, khi tới đồn chỉ còn bảy người và năm thùng nước. Lính trong đồn đành phải chia nhau dè sẻn, mỗi ngày mỗi người chỉ được phân phát một cá nước trong lúc trời rất nóng nực.

Đêm 16 rạng 17 tháng 4 lại phải huy động tới hai tiểu đoàn, chiến đấu suốt mười tiếng đồng hồ mới mở được con đường tiếp tế để đưa tới Huguette 6 sáu hòm đạn và vài thùng nước.

Langlais tới gặp chỉ huy trưởng Castries báo cáo:

- Trong tuần lễ Thánh vừa qua, chỉ riêng việc tiếp tế cho Huguette 6 đã làm chúng ta thương vong một số quân ngang với số tổn thất trong những trận chiến đấu giành giật Eliane 1.

Lúc này Castries vừa mới được thăng cấp thiếu tướng. Ông ngồi im trên ghế, lộ rõ vẻ mệt mỏi vì cuộc chiến đấu triền miên. Tướng quân cảm thấy rất rõ binh lính đang bị tiêu hao, năng lực ngày càng kiệt cạn. Ông nhận thức được

rằng mình không có quyền tiếp tục cố gắng mãi việc giữ Huguette 6 suốt đêm này qua đêm khác nếu muốn cầm cự tới mức giới hạn cho phép. Ông quyết định rút bỏ Huguette 6 vào đêm mai.

Bigeard được lệnh huy động toàn bộ lực lượng dự trữ của tập đoàn cứ điểm, các đơn vị lính dù lê dương, lính xung kích của Turret đồng thời rút bớt cả một số trung đội bộ binh lê dương ở các cứ điểm khác để mở một hành lang an toàn cho lính trên đồn Huguette 6 rút về khu Trung tâm. Cần phải hành động gấp. Binh lính Huguette 6 chỉ còn mười phút để phá hủy các thiết bị công kênh, nặng nề như điện đài và súng lớn. Lợi dụng đám sương mù trắng bạc chẳng biết có phải hơi sương thiên nhiên, hay là khói bốc lên từ các chất nổ, đám lính còn sống sót trong cứ điểm Huguette 6 nép mình bò dưới giao thông hào chỉ cách Việt Minh khoảng ba mươi mét, rút dần ra cửa đồn phía Nam. Theo lệnh của chỉ huy, đám lính rút lui bắn từng loạt đạn ngắn, ném từng chùm lựu đạn về phía Việt Minh rồi tháo chạy. Trong tổng số 120 binh sĩ chỉ còn lại khoảng sáu mươi vận động viên, máu me bùn đất đầy người vượt được cự ly 1500 mét để chạy vào trú ẩn tại cứ điểm Huguette 2, miệng thở hổn hển. Lúc đó là 8 giờ sáng ngày lễ Phục sinh.

Cũng trong ngày hôm đó, đại úy Chevalier chỉ huy đại đội 4 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 được lệnh dẫn quân thay phiên cho đại đội thuộc trung đoàn bộ binh lê dương số 2 đang trấn giữ tại cứ điểm Huguette 1. Vào lúc chập tối, toàn đại đội từng người một đi theo hàng dọc bắt đầu xuất phát. Từ Huguette 2, họ đi khoảng 100 mét dưới hào giao thông dự định nối liền với sân bay nhưng đang đào dở chừng thì vấp phải chiến hào Việt Minh cắt ngang. Khoảng 9 giờ tối thì trung đội lê dương đi đầu vấp phải công sự của Việt Minh.

Lính Việt Minh đã cấu trúc một điểm tựa thật sự ở ngang đường, có cả lô cốt súng tự động nối liền với nhau bằng các hào giao thông. Chevalier phải cho quân dừng lại, chờ trời sáng rõ mới gọi điện cho tất cả lực lượng pháo cối ở tập đoàn cứ điểm và cả máy bay ném bom bắn phá dọn đường. Đến 10 giờ sáng đơn vị của Chevalier mới nhích được từng thước đất để tới Huguette 1

đang bị vây lấn.

Nhưng đến khi đơn vị cũ vừa rời khỏi Huguette 1 sau khi bàn giao lại cho Chevalier thì Việt Minh lại khép chặt vòng vây sau khi tạm thời bị phá vỡ trong chốc lát. Đội lính lê dương của Chevalier tới đóng tại Huguette 1 được bốn ngày thì im bật, không thấy Chevalier gọi điện liên lạc với sở chỉ huy trung tâm như thường lệ. Chỉ tới sáng sớm ngày 23 tháng 4, mọi người mới biết Huguette đã bị đánh chiếm mà không nghe thấy một tiếng súng nào. Một lính lê dương chạy thoát từ Huguette 1, mặt mũi hốc hác, người đầy bụi đất kể lại tình hình. Nhưng do anh ta nói những điều rất lạ tai nên phải dẫn lên tận sở chỉ huy trung tâm của tướng De Castries.

Đến đây, có lẽ kịp hoàn hồn, người lính này mới kể lại mạch lạc câu chuyện cho chính tướng Castries nghe. Cứ điểm Huguette 1 đã bị đánh chiếm một cách hoàn toàn khác lạ, không giống như các điểm tựa khác đã từng bị tiến công. Lần này, Việt Minh đã đào một đường hầm dưới mặt đất, xuyên qua các lớp rào kẽm gai và các ụ súng.

Từ mấy hôm trước binh lính của Chevalier có nghe rõ những tiếng động do đào hầm ngầm từ dưới đất vọng lên nhưng không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Nếu biết trước thì vẫn có thể ngăn chặn được dễ dàng như lấy một ngón tay để bịt một vớ nước đang chảy. Nhưng họ đã không làm như vậy. Dần dà sức ép ngày càng tăng trong lúc binh lính trong cứ điểm cũng ngày càng mệt mỏi kiệt sức vì đã hai mươi bốn giờ qua, các thứ tiếp tế, tăng viện cho đồn đều bị Việt Minh chặn lại, chỉ cách cứ điểm khoảng một trăm mét mà không thể nào vượt qua được. Đúng nửa đêm hôm đó, đất dưới sàn như sụt xuống. Bộ đội Việt Minh từ dưới đất chui lên toả đi khắp nơi trong khi lính lê dương trong cứ điểm bị tê liệt hoàn toàn ngay tại chỗ vì quá bất ngờ và hoảng sợ, lún dần trong lớp bùn đất. Trong những giây phút cuối cùng, anh lính sống sót này còn nhìn thấy đại úy Chevalier đứng trên nắp hầm đốc thúc khoảng mười lính lê dương chống cự, và chính người lính lê dương này đã tận mắt nhìn thấy đại úy chỉ huy của mình từ từ sụt xuống đất như chìm trong cát chuyển động, dưới lớp sóng người của bộ đội Việt Minh đang chạy vào đồn

và toả đi khắp mọi nơi.

Anh lính sống sót được đưa đến trạm xá quân y điều trị. Tướng Castries triệu tập Langlais và Bigeard tới hội ý.

Cuộc họp sáng 25 tháng 4 tại sở chỉ huy cũng khác thường so với những cuộc họp trước. Tướng Castries và các sĩ quan cấp tá của ông đã trải qua những giờ phút rất gay go, những tình thế rất khó khăn, những cơn mệt mỏi rất lớn, nhưng giờ đây việc Huguette 1 bị đánh chiếm lại đang là một sự kiện mới đáng lo ngại và đồng nguy cơ tiêu vong. Việt Minh đang áp dụng những chiến thuật mới, lần đầu tiên thử nghiệm và thành công, nhưng rồi sẽ trở thành một chiến thuật cổ điển vì sẽ được áp dụng từ từ như một mầm cây nhoi lên giữa hai kẽ đá, không gì có thể cưỡng lại được.

Huguette 5 hiện cũng đang bị vây lấn và có thể cũng sẽ bị bóp nghẹt như Huguette 1.

Một lý do nữa cũng làm cho tướng Castries lo ngại, đó là vấn đề tiếp tế. Tập đoàn cứ điếm đang chờ đạn dược từng ngày và chỉ có lương thực dự trữ khoảng hai ngày một đợt. Việc để mất Huguette 1 đã thu hẹp đáng kể diện tích thả dù và ít nhất một nửa kiện hàng thả xuống từ nay sẽ rơi vào tay Việt Minh. Bigeard lên tiếng:

- Phải cố tranh thủ một cú “đo ván”.

Castries nói:

- Thế thì phải cố giành lại Huguette 1.

Các vị sĩ quan trung tá, đại tá đều nhăn mặt.

Trước khi điếm lại số lương thực dự trữ, họ đã điếm đại số quân. Một cuộc phản kích bao giờ cũng phải trả giá rất đắt. Muốn cầm cự lâu dài thì phải dè sẻn binh lực. Vả lại, phản kích với những phương tiện nào bây giờ? Chỉ còn lại hai xe tăng có thể hoạt động được. Tất cả các đơn vị lính dù và lính bộ binh lê dương đều đã bị sút mẻ, tiêu hao mòn mỏi vì một cuộc chống cự quá lâu dài. Họ vẫn còn có thể bám giữ trận địa, phòng ngự tại chỗ, nhưng thiếu lực lượng dự bị để làm đà thúc đẩy xung phong phản kích, vài tiểu đoàn dù lê dương số 2 là đơn vị cuối cùng vừa mới nhảy xuống. Khi tướng Castries

quyết định thử tổ chức một lần nữa, không ai nói gì thêm. Mọi người đều cho rằng, Bigeard vừa được thăng cấp trung tá và là chỉ huy các lực lượng ứng cứu sẽ đứng ra tổ chức cuộc phản kích này. Nhưng Bigeard tự nguyện nhường quyền cho thiếu tá Liesenfeld, chỉ huy tiểu đoàn dù lê dương số 2 vừa mới tới.

Lúc trung tá Bigeard kết thúc cuộc hội ý và truyền đạt chỉ thị phản kích cho các trung úy chỉ huy bốn đại đội lính dù lê dương thì đã 11 giờ 25 phút. Đúng 11 giờ rưỡi, các cỡ pháo bắt đầu bắn chuẩn bị. Cuộc tiến công bắt đầu đúng giữa trưa, dưới sự yểm trợ của máy bay. Tiểu đoàn dù lê dương số 2 từ lâu đã được truyền tụng là “không bao giờ bị xếp thứ nhì trước bất cứ ai” đúng là một trong những đơn vị xuất sắc nhất. Ngày 23 tháng 4 tiểu đoàn này hãy còn là một đơn vị mới toanh. Các trung úy và đại úy chỉ huy các đơn vị trong tiểu đoàn đều tốt nghiệp cùng một trường đào tạo như các sĩ quan của Bigeard và Turret.

Các binh lính đều được tôi luyện như những lính chiến của Guiraud. Bốn đại đội do bốn trung úy chỉ huy đã lao vào trận đánh đúng thời điểm nóng nực nhất trong ngày, trong lúc tập đoàn cứ điếm vẫn im lìm như đang ngủ trưa. Đến 15 giờ, trong lúc Bigeard cũng đang ngủ trưa trong sở chỉ huy thì tướng Castries cho người đánh thức dậy và báo tin: “Tôi có cảm giác như cuộc phản kích thiếu sức bật”. Bigeard vội chạy tới Huguette 2 gặp tiểu đoàn trưởng Liesenfeld hỏi tình hình chiến đấu. Liesenfeld bình thản trả lời: “Cuộc tiến quân đang bị chững lại. Tôi không nhận được tin tức gì của các đơn vị dưới quyền”.

Thì ra, tiểu đoàn không phối hợp chiến đấu tốt.

Hai đại đội bí chặn đứng khi chỉ còn cách Huguette 1 khoảng năm mươi mét. Vào buổi trưa khi đại đội do Petre chỉ huy vừa vượt qua đường băng hạ cánh thì đại đội trưởng Petre bị thương nặng. Vài phút sau đại đội phó cũng bị chết. Trung đội trưởng Ysquierdo lên thay trong lúc toàn đại đội bị chặn lại. Phía bên kia đường băng ở khoảng cách chưa đầy năm mươi mét là những chiến hào Việt Minh, được cấu trúc với đầy đủ các công trình phòng ngự do

một tiểu đoàn chiếm lĩnh. Hai đại đội lê dương cố tiến công nhưng không đủ sức đánh phải bám chặt lấy trận địa, náu mình trong những hố bom. Từ phía chiến hào Việt Minh, mũi chiếc máy bay vận tải cỡ lớn bị bắn rơi ngày 13 tháng 4 đang được Việt Minh sử dụng như một ô súng trọng liên bố trí rất tốt để bàn quét vào các hố bom có lính lê dương ẩn náu.

Ở mặt phía Nam, hai đại đội khác của tiểu đoàn dù lê dương cũng không làm được gì hơn để mở đường tiến.

Bigeard đành chấp nhận thất bại: Huguette đã bị mất hẳn rồi. Vậy thì đành tiếp tục chống giữ không có Huguette 1. Ngày 25 tháng 4, Bigeard báo cáo tình hình với Castries. Tại vị trí trung tâm chỉ còn có 3.620 lính chiến đấu trong đó có 1.300 lính dù hỗn hợp Pháp - Việt, 500 lính dù lê dương, 700 lính bộ binh lê dương, 500 lính Thái, 300 lính Ma-rốc, 200 lính Angiêri. Bản thống kê này chỉ bao gồm lính trực tiếp chiến đấu, không tính đến lính pháo yểm trợ đang phục vụ 18 khẩu còn hoạt động được trong tổng số 24 khẩu, cũng không kể đến lính xe tăng đang sử dụng ba hoặc bốn chiếc xe còn sử dụng được. Nếu gộp tất cả cũng chỉ còn khoảng từ 4.000 đến 5.000 binh lính trong tổng số 16.000 binh lính đã lần lượt đóng tại tập đoàn cứ điểm nhưng không có đường ra. Ngoài những binh lính đã chết trận, còn có từ hai đến ba ngàn lính bị thương. Cũng chưa tính đến chết trận tại các điểm tựa chưa có thống kê chính xác có thể tới mấy ngàn. Rồi cuối cùng là những lính đào ngũ, những lính đang sống chui rúc tại các “hố chuột” dọc sông Nậm Rốm. Nếu gộp tất cả lại thì tổng cộng vẫn là 16.000 binh sĩ.

Tướng Castries không chỉ nhìn vào các con số ông không muốn nghĩ tới nỗi mệt nhọc của những con người đang kiệt sức vì đã chiến đấu liên tục tới nay đã bốn mươi năm ngày căng thẳng, không được nghỉ ngơi thư giãn. Trong khi đó những tin tức bên ngoài không mang lại nguồn động viên nào. Kế hoạch Vautourt của Mỹ nhằm cứu nguy cho Điện Biên Phủ, Castries hoàn toàn không được biết và Navarre cũng không muốn báo cho Castries biết.

Vào giờ phút này không còn trông mong gì được về sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương. Hy vọng về một nền hoà bình đang nảy nở tại Geneve đã cắt



đứt mọi sự can thiệp từ bên ngoài.

Từ phía Lào, cuộc hành quân Condor mà báo chí bình luận là sẽ giải vây cho Điện Biên Phủ đang tiến triển bình thường. Dẫn đầu cuộc hành quân là tiểu đoàn dù số 1 lính Lào đã đến thung lũng nhỏ cách Mường Khoa ba mươi kilômét và cách Điện Biên Phủ ba ngày đường. Nhưng, tướng De Castries cho rằng kế hoạch Condor chỉ như một bàn tay cứu người chết đuối ngoài tầm với, không thể tiếp nhận được những binh lính từ Điện Biên Phủ rút chạy khỏi thảm họa. Nhưng ông vẫn giữ kín không nói với ai, trừ đại tá Pazzis là tham mưu trưởng, về ý định chọc thủng vòng vây Bộ chỉ huy tại Hà Nội đã chỉ thị cho tướng De Castries nghiên cứu kỹ kế hoạch mang tên Albatros này. Đây là một hành động vô nghĩa, một hành động tuyệt vọng một cách tự sát để tránh chết ngay tại chỗ.

Chỉ còn lại có Hội nghị Geneve. Điều kỳ diệu có thể sẽ đến từ Geneve. Những nhà ngoại giao đầu tiên tới dự hội nghị đã bắt đầu đến ở những toà biệt thự thanh bình chung quanh hồ, và còn có cả mùa mưa nữa. Phải cố giữ đến mùa mưa. Những cơn dông đã bắt đầu xuất hiện mỗi ngày một nhiều, càng ngày càng mạnh. Bùn lầy đang ngập ngụa khắp các chiến hào.

Vài giờ trước đợt tổng tiến công của Việt Minh, tướng De Castries và các đại tá vẫn chưa nghĩ là sẽ bại trận và còn nổi nóng đối với những kẻ hoài nghi, dao động.

Castries viết điện gửi Cogny: “Số phận Binh đoàn tác chiến Tây Bắc sẽ định đoạt trước ngày 10 tháng 5 tùy theo việc huấn luyện nhảy dù tăng viện”.

Chương cuối cùng

Đã đến ngày 1 tháng 5, ngày đầu tiên của tháng Trinh nữ và của những bông hồng, ngày Quốc tế lao động, ngày hội của cuộc đời. Ở châu Âu, ngày 1 tháng 5 đem lại lời hứa của niềm hy vọng, mang đến tia nắng ấm đầu tiên của mặt trời tuổi trẻ, làm nẩy nở những mầm non của cuộc sống.

Còn đối với những người lính đang trấn giữ Điện Biên Phủ, ngày 1 tháng 5 năm 1954 mặt trời vẫn già cỗi từ hàng tỉ năm ánh sáng, đang làm ngọt ngọt những người lính đội mũ sắt. Tại nghĩa trang của tập đoàn cứ điểm đã bỏ

hoang từ ngày bị vây chặt phải chôn xác chết ngay tại chỗ ở bất cứ nơi nào vì không thể đưa ra chỗ tập trung, cỏ dại vẫn cứ mọc đã nở hoa màu trắng và xanh. Trên đồi A1, nơi đặt cứ điểm Eliane 2, ngay cạnh lối đi độc đạo có một hàng cây phượng vĩ to cao vẫn còn đứng vững, mặc dù những cành trước kia có chim sáo làm tổ nay găm đầy mảnh đạn, những chùm hoa màu đỏ thắm cũng đã bắt đầu nở. Chỉ có những dãy đồi là hoàn toàn trụi cây cỏ nom như những chiếc đầu trọc bị bom đạn cháy đen. Trong đồi, những binh lính chui rúc như sâu bọ vẫn đang chắt chối để được sống sót. Trên cánh đồng, những vết loang lổ như bệnh phong ghi lại những chứng tích các điểm tựa đã bị mất.

Cuộc sống tại Eliane 2 cũng chẳng hơn gì chị em sinh đôi với nó là Eliane 1. Binh lính vẫn phải đối mặt với bộ đội Việt Minh rất linh hoạt đang tích cực cải tạo trận địa, rình bắn tỉa những người lính gác mìn hoặc đăng trí. Trong những ngày gần đây, ngày nào ở Điện Biên Phủ cũng có mưa. Nước mưa làm cho những giao thông hào dài tổng cộng 450 kilômét phủ đầy bùn đặc quánh. Vài ngày nữa, có thể một tuần hoặc vài tuần nữa, mưa sẽ chặn đứng các hoạt động tiến công. Có tin, ông Phạm Văn Đồng, Phó thủ tướng của Việt nam Dân chủ Cộng hoà đã lên đường đi dự Hội nghị Geneve, có rẽ qua Bắc Kinh và Matxcova. Vấn đề hoà bình sẽ được đưa ra thảo luận cùng trong lúc diễn ra những trận mưa lớn. Tuy nhiên, nếu đến giờ phút ngừng bắn vẫn giữ được lòng chảo Điện Biên Phủ thì xứ Thái đã bị mọt ruỗng nhưng then cửa vào Lào vẫn được khoá chặt.

Năm giờ chiều ngày 1 tháng 5, pháo Việt Minh lại bắt đầu bắn chuẩn bị cho những cuộc tiến công... Sáng ngày 2 tháng 5, qua kênh vô tuyến mật Z.13, trung tá Seguin Pazzis từ sở chỉ huy Điện Biên Phủ báo cáo trực tiếp bằng miệng về Tổng hành dinh Hà Nội vì không còn thời gian viết và chuyển thành mật mã nữa: “Khu vực Trung tâm đã bị mất Eliane 1, Dominique 3, Huguette 5. Ở phân khu Nam, Isabelle 5 cũng đã bị mất nhưng đang tổ chức phản công để giành lại. Tất cả các điểm tựa đều bị Việt Minh tiến đánh với quân số áp đảo. Tất cả pháo binh địch đều tập trung bắn vào các cụm pháo

và cối của quân ta. Không còn một đơn, vị dụ bị nào nữa. Chúng tôi đang ngăn chặn Việt Minh bằng cách đào các đường hào giữa các điểm tựa với trận địa Việt Minh ở mặt phía Tây. Tướng Castries đề nghị thêm một tiểu đoàn tăng viện nữa nhảy dù xuống ngay trong đêm mai”.

Nhưng ở Hà Nội, tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 đang phải chờ suốt một tháng nay mà chưa cất cánh được. Chúng tôi (tức Jean Pouget, sĩ quan tùy tùng của tướng Navarre và số sĩ quan văn phòng đến phút cuối cùng đã phải dốc hết cho chiến trường Điện Biên Phủ), đang chờ đợi nhưng không sốt ruột. Những người chuẩn bị lên đường đi Điện Biên Phủ như chúng tôi đang tập trung tại các sân bay vùng châu thổ sông Hồng. Ban ngày, bộ tư lệnh chiến trường đồng bằng sử dụng chúng tôi vào việc càn quét ngăn những xóm làng đang bị Việt Minh thâm nhập. Đến đêm, chúng tôi lại tập trung canh gác chung quanh những chiếc máy bay trong bãi đậu, chờ đến phiên cất cánh, ngược mắt nhìn những chiếc Dakota đang chở các đơn vị khác lên đường đi Điện Biên Phủ trước chúng tôi. Những lính dù tự nguyện (tức chưa có bằng tốt nghiệp nhảy dù) đến sân bay bằng xe tải. Trên sân bay, các huấn luyện viên nhảy dù đeo dù vào người giúp họ. Từng người một, những thân hình méo mó, biến dạng vì đeo dù nhảy, ba lô ở cả trước ngực và sau lưng, lần lượt leo lên máy bay, ngồi vào những hàng ghế dài bằng sắt, trong khoảng tối om và nóng ruột chờ đợi. Phải may mắn lắm mới có thể nhảy được ngay trong chuyến bay đầu tiên. Đã nhiều lần, máy bay chưa tới được vùng trời Điện Biên Phủ đã phải quay trở về, hoặc đã bay tới Điện Biên Phủ, lượn vài vòng trên trời rồi lại quay về với toàn bộ số quân vì không nhảy xuống được. Và thế là lại phải chờ đợi thêm một ngày nữa. Hai trung úy Walter và Poinsignon đã mất ba ngày bay từ Paris đến Hà Nội, nhưng phải chờ mười ngày đêm mới có thể tới Điện Biên Phủ.

Ngày chủ nhật, mùng 2 tháng 5 năm 1954, chúng tôi được tự do. Từ lúc mới rạng đông, mọi người đã cởi bộ quân phục rằn ri nguy trang bằng vải cứng quyện chặt lớp mồ hôi, thay bằng chiếc quần ủi thẳng nếp và chiếc áo sơ mi vải mỏng. Các hạ sĩ quan kiểm tra lại giấy phép ra ngoài doanh trại.

Tôi cùng dự với lính dù người Việt buổi cầu kinh tại một nhà thờ ở Gia Lâm. Trong khi chờ đến giờ ăn trưa, tôi đến văn phòng hậu cứ của tiểu đoàn đặt trong một toà nhà xây theo kiểu cũ của thuộc địa Pháp, trong giờ phút này vẫn còn giữ được luồng hơi mát mẻ của ban đêm. Tôi vốn yêu thích sự tĩnh mịch, vắng vẻ. Vòm trời xanh ngắt, rất cao, những cơn dông thường chỉ xuất hiện vào buổi chiều. ánh sáng từ khe cửa chớp lọt vào phòng làm việc thật trong lành, mang màu sắc của không khí Provence, miền Nam nước Pháp.

Khi trung úy sĩ quan bước vào phòng cũng là lúc tôi vừa mới ngẩng đầu lên khỏi trang thư đang viết gửi cho một người bạn thân ở rất xa.

Trung úy không để cho tôi kịp trở về từ Hà Nội mà báo tin luôn:

- Báo cáo đại úy. Tôi vừa nhận được điện từ ban tham mưu. Tối nay, tiểu đoàn sẽ nhảy xuống Điện Biên Phủ.

Mọi việc chuẩn bị được hoàn tất trước giờ ăn trưa. Đại đội 2 xuất phát đầu tiên. Đại đội của tôi có thể lên đường ngay trong đêm nay hoặc đêm mai. Để kịp báo tin cho các sĩ quan đang được phép ra khỏi doanh trại, liên lạc phải chạy tới các tiệm cà phê, cửa hàng ăn, nhà ở của các linh mục tuyên úy; quán rượu ở ngoại ô và những ổ gai điểm công khai hoặc bí mật. Việc tập hợp điểm danh trong quân phục nhảy dù được báo trước vào lúc 17 giờ. Như vậy tôi vẫn còn 5 tiếng đồng hồ nữa để “giết thời giờ”. Tôi đến ăn trưa tại nhà ăn của Ban tham mưu tiền phương, gồm một nhóm các sĩ quan tham mưu từ Tổng hành dinh tại Sài Gòn được biệt phái ra Hà Nội để liên lạc chặt chẽ hơn với chiến trường Điện Biên Phủ. Ở nhà ăn này, thức ăn ngon, khăn trải bàn sạch sẽ và được tự do nói chuyện thoải mái.

Từ ngày 13 tháng 3, tướng Bodet là phó của Tổng chỉ huy Navarre ở luôn tại Hà Nội làm việc cùng với các sĩ quan biệt phái tới Tổng hành dinh tiền phương. Ông cũng ăn với các sĩ quan cấp dưới tại nhà ăn chung đặt tại một biệt thự tiện nghi trong khu hành chính. Tôi là người bước vào phòng ăn đầu tiên. Trong lúc chờ đợi, tôi chơi một ván bài, không phải để cầu may vì tôi không mê tin dị đoan mà chỉ để giải trí.

Thiếu tá Jacquelot dẫn đầu một nhóm sĩ quan vừa tới. Ông là người có thâm

niên cao nhất và cũng là người đứng đầu cơ quan Tổng hành dinh tiền phương, vóc dáng đẹp với đôi mắt kính trên gò mũi quý tộc lộ rõ vẻ trí thức, nói năng lịch sự với mọi người.

Trung úy Ferrandi phụ trách phòng tình báo quân sự đã làm việc nhiều năm tại Cục quân báo ở Sài Gòn. Mặc dù là một sĩ quan sơ cấp nhưng do làm việc lâu năm trong ngành, hiểu biết rộng, nên Ferrandi được mọi người đặc biệt coi trọng. Anh hiểu rõ Việt Minh về tất cả mọi điều cần biết và có thể còn hơn thế nữa. Anh đã từng bỏ ra nhiều giờ ngồi cặm cụi nghiên cứu tính cách từng nhân vật chủ chốt ở phía bên kia, sục tìm quá khứ, soi mói tâm hồn họ. Anh sống độc thân ở Sài Gòn nhưng có một người “con gái” Việt luôn ở bên cạnh, cho anh ăn cơm cùng với nước mắm và thỉnh thoảng lại thắp hương trên bàn thờ có pho tượng Phật bằng đồng, cầu mong cho Việt Minh... thắng trận.

Chúng tôi bắt đầu ngồi vào bàn ăn khi tướng Bodet tới. Cặp mắt ông thâm quầng vì thiếu ngủ, trên cằm và má lõm chồm những mảng râu chưa cạo nhẵn. Thực đơn đã được tay đầu bếp người Hoa sắp xếp cẩn thận, đúng là một bữa ăn ngày chủ nhật, có thịt bê bọc bột mì là món ăn rất hiếm ở Đông Dương, gà giò nấu với kem, cơm trộn mỡ béo, rau xà lách, pho mát và nhiều món đệm. Ferrandi ngồi trước một đĩa thịt gà trống nấu với rượu nhỏ vẫn còn gây ấn tượng vì đã ăn cơm bằng đũa. Nhưng anh ăn có vẻ không ngon lành, nét mặt vàng vố vì những ngày phục vụ quá lâu, cặp mắt đen vẫn sáng. Giờ đây, tôi đã quên hình ảnh của những nhân vật khác cùng ăn với tôi hôm đó nhưng vẫn còn nhớ câu chuyện trao đổi giữa Jacquelot, Ferrandi và tướng Bodet. Từ năm mươi ngày nay, ba người này đã theo dõi tình hình Điện Biên Phủ từng giờ một. Trong đêm cuối cùng, họ cũng đã như ngồi cạnh bên cạnh giường kẻ hấp hối và câu chuyện giữa họ với nhau dĩ nhiên là bàn đến chuyện làm lễ tang.

Tướng Bodet nói:

- Tướng Navarre báo tin sẽ tới sân bay Bạch Mai vào hồi 16 giờ. Tôi sẽ ra đón.

Người hầu bàn mang tới một chiếc khay tròn, trên có đặt một đĩa kem to màu trắng, có trộn những miếng thịt gà. Tôi vừa mới ăn xong món thịt bê bọc bột và cơn đau dạ dày từ nhiều giờ trước vẫn không ngừng hành hạ tôi. Trong khi đó, Jacquelot vừa xiên đĩa vào món ăn, vừa nói như để trả lời tướng Bodet:

- Tôi đã soạn xong bản báo cáo tóm tắt tình hình đêm qua và sáng nay tại Điện Biên Phủ để trình lên ngài Tổng chỉ huy.

- Cuộc phản kích ở Isabelle thế nào?

- Báo cáo cuối cùng cho biết, quân ta đã tới chiếm lại Isabelle 5 nhưng không giữ được. Lalande đã cho lệnh rút.

Anh hầu bàn rõ ràng là ưu ái tôi. Anh khẽ mời tôi dùng món thịt gà nấu kem. Cơn đau dạ dày tràn lên đến họng. Nếu ăn nhiều thịt nữa quả là vượt quá sức. Dù sao, tôi cũng thử can đảm nhắm nháp món thịt vừa đưa đến. Tôi có cảm giác nó vừa dai vừa tanh như chất keo Arập. Tôi phải che giấu ác cảm đối với món thịt gà nấu kem bằng cách giả vờ chăm chú vào câu chuyện và nó cũng chẳng còn làm tôi khỏe khoắn hơn món thịt gà. Tướng Bodet tiếp tục nhận xét về trận phản kích ở Isabelle 5:

- Thật tai hại. Bản thân tôi cũng thấy không còn hy vọng gì nữa. Castries và binh lính của ông ta đã chống cự vượt sự mong đợi của chúng ta, chúng ta không thể mong mỗi điều gì hơn. Thế là hết rồi: Điện Biên Phủ sẽ chết gục trong đêm nay hoặc ngày mai.

Jacquelot nuốt vội một miếng thịt gà to tướng rồi nói ngay không cần lấy lại hơi thở:

- Có thể, con thuyền của chúng ta sẽ chết chìm giữa lúc đã nhìn thấy bến. Chỉ vài ngày nữa, Hội nghị Geneve sẽ tranh luận về vấn đề Đông Dương. Và cũng sẽ có mưa ở vùng thượng du.

Tướng Bodet hỏi băng quơ, không hướng về ai trong bàn ăn:

- Các ông có biết ý định đối phó của tướng Cogny như thế nào không?

Rượu vang Angiêri là loại rượu ít bị ảnh hưởng bởi khí hậu Đông Dương nhất. Ferrandi nhắm nháp một cốc lớn đầy ắp rượu vang Angiêri rồi điếm

tâm thêm tách nước trà hoa nhài Việt nam. Tình báo chính là lĩnh vực của Ferrandi. Anh trả lời bằng một giọng đều đều, không có vẻ hứng thú:

- Sáng hôm nay không nhìn thấy Tư lệnh chiến trường Bắc bộ Cogny. Cũng như mọi ngày ông thường tiếp các nhà báo Lucien Bodard và Max Clos trong phòng làm việc.

Môi dưới của tướng Bodet như rung lên. Ông ra hiệu cho người hầu bàn thu dọn đĩa ăn rồi châm một điếu thuốc lá. Ferrandi ngừng một lát rồi nói tiếp:

- Tôi có thể khẳng định là tướng Cogny đang trình bày với các nhà báo về các kế hoạch giải vây cho Điện Biên Phủ xuất phát từ đồng bằng, có hy vọng thành công nếu không bị ngăn cản.

Jacquelot nhún vai nói chen vào:

- Khi chúng tôi nghiên cứu kế hoạch này, tướng Cogny là người đầu tiên cho rằng việc chiếm đóng Thái Nguyên hoàn toàn không có hiệu quả để cắt đứt đường vận chuyển tiếp tế cho Việt Minh ở Điện Biên Phủ. Còn việc chiếm đóng Yên Bái thì lại không đủ phương tiện để tiến hành.

Tướng Bodet nhận xét:

- Đối với giới báo chí, tướng Cogny muốn bắt chước De Lattre de Tassigny, nhưng ông không có tầm cỡ và khả năng như De Lattre.

Jacquelot lại chen vào:

- Xin phép tướng quân cho tôi được tự do bộc lộ. Tôi thấy rằng, cả tướng Navarre lẫn tướng Cogny đều có mặt yếu gây nên tội. Cogny là người trực tiếp điều hành cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ đã thiếu trách nhiệm. Ông là đội trưởng đội bóng, dẫn quân ra sân đấu mà lại nói trước là “hỏng rồi” thì còn hy vọng gì thắng nữa. “Hỏng rồi” là câu phát biểu của tướng Cogny từ ngày 13 tháng 3, khi Việt Minh mới bắt đầu mở chiến dịch tiến công. Tôi nghĩ, đáng lẽ phải thay đội trưởng đội bóng...

Tướng Bodet nói:

- Tướng Navarre phải rất lâu mới hết niềm tin đối với tướng Cogny, vì tướng Cogny đã trở hết tài để mê hoặc tướng Navarre, phải mãi đến ngày 31 tháng 3 tướng Navarre mới mở mắt ra. Nhưng ông lại cho rằng không nên thay

ngựa giữa dòng, trong lúc đó chính con ngựa lại đang làm đồ xe.

Đột nhiên, tôi thấy nghẹn họng. Không biết có phải do món gà nấu kem làm cho tôi buồn nôn hay không. Bệnh đau dạ dày không giải thích được mọi chuyện. Tôi nhìn chiếc đồng hồ đeo tay, làm ra vẻ như một anh chàng trót quên một cuộc hẹn hò, và nói:

- Đã hai giờ mười lăm rồi. Xin phép tướng quân cho tôi được cáo lui. Tôi có cuộc họp vào lúc hai giờ rưỡi.

- Cứ tự nhiên. Nhưng đến bữa tối lại đến đây với chúng tôi nhé!

- Dạ, không thể được ạ. Tôi vẫn còn mắc bận.

- Thế thì sáng mai vậy!

- Sáng mai, tôi sẽ ăn tại Điện Biên Phủ.

Tôi đã đứng khỏi ghế. Chung quanh bàn ăn, mọi gương mặt như sững sờ. Tướng Bodet cũng đứng dậy, giận dữ nói:

- Sao cậu không nói gì cả?

Ông rời khỏi bàn, bước ra cửa, cơn giận dữ càng bốc cao:

- Thật ngớ ngẩn! Một chính phủ không vững chắc, những tướng lĩnh không tin tưởng, vì thế mà bọn này đêm nào cũng nhảy, từng thẳng một xuống đúng mõm con quái vật!

Tướng quân rời khỏi phòng như chạy vội. Tôi cũng bước ra ngoài, nhìn thấy một chiếc xe xích lô, người đạp đang uể oải ngồi chờ khách. Tôi bước lên xe đi qua những đại lộ rợp bóng mát và vắng người vì đang là giờ nghỉ trưa, đi về khu trường dòng là nơi đang được dùng làm địa điểm để tập hợp toàn đại đội vào buổi chiều hôm nay.

Nhưng đêm hôm đó, chúng tôi vẫn chưa nhảy xuống Điện Biên Phủ vì thiếu máy bay. Chỉ có một đại đội của Edme là được xuất phát. Đêm hôm đó cũng chưa có chuyện gì xảy ra tại Điện Biên Phủ, chỉ có sấm chớp báo hiệu dông tố cùng với tiếng nổ của pháo mặt đất và pháo cao xạ. Lại tranh thủ được vài giờ nữa. Chúng tôi còn phải chờ suốt ngày hôm sau. Lại được tự do đi chơi phố, la cà trên đường phố Paul Bert (Tràng Tiền), tới các tiệm cà phê, hoặc các tiệm nhảy. Thuê vài giờ thân xác thơm tho của một cô gái nào đó trong



tiệm Panier Fleuri (giỏ hoa). Quân số đại đội 3 của tôi có 135 binh sĩ thuộc tiểu đoàn dù thuộc địa số 1. Sau khi đi chơi phố, chúng tôi trở về nơi tập trung. Chờ đợi hàng giờ tại sân bay, giữa nền đất tráng ximăng là chỗ để dù, ba lô, vũ khí xếp ngay ngắn từng hàng như những chiếc ghế trong nhà thờ. Gian nhà vòm lợp tôn và sắt vang vọng những tiếng nói của chúng tôi như trong gian chính giữa của nhà thờ, nơi hành lễ. Tôi nằm dài trong một góc nhà, giả vờ ngủ. Bên ngoài cơn dông đang ập xuống thành phố. Chúng tôi được những xe ô tô cam nhông phủ bạt đưa đến tận chỗ máy bay đậu để tránh bị ướt. Chúng tôi không nhìn thấy ai bộc lộ thái độ như những người đang còn sống, trừ những nhân viên phi hành phụ trách việc thả dù không nói một câu nào và những phi công tránh né không nhìn chúng tôi.

Máy bay lượn rất cao trên thung lũng lòng chảo. Trong khoảng máy bay tắt cả đèn điện đều bị tắt. Chỉ còn một luồng ánh sáng màu xanh nhạt hắt ra từ những bảng điều khiển trong buồng lái, soi chiếu gương mặt tổ lái. Chúng tôi đứng trong khoảng thành hàng dọc, người này đằng sau người khác. Qua cửa mở để chuẩn bị nhảy dù, tôi ngắm nhìn Điện Biên Phủ, chỉ thấy một hình chữ thập màu đỏ sáng rực trên nền đen, đánh dấu bãi nhảy và hướng thả dù. Khu vực nhảy dài khoảng mười giây đồng hồ bay. Đợt thứ nhất có mười người nhảy với điều kiện là người thứ nhất không chân chừ do dự.

Máy bay nhào xuống đất với độ cao khoảng 300 mét vừa tầm nhảy dù, hướng theo đường dọc của hình chữ thập. Người hướng dẫn đặt tay lên vai tôi. Đó là một dấu hiệu chuẩn bị sẵn sàng. Anh nhắc tôi:

- Hãy cẩn thận quan sát, khi nào thấy dấu hiệu đầu chữ T ở ngay dưới máy bay lúc đó mới nhảy. Đừng để ý đến tín hiệu bật đèn xanh trong khoang lái, vì bọn phi công không có kinh nghiệm bằng chúng tôi đâu.

Cùng trong lúc đó, tất cả các loại súng phòng không của Việt Minh bố trí chung quanh thung lũng lòng chảo đồng loạt nhắm đạn. Để có thể thả dù đúng địa điểm, máy bay vẫn cứ phải giữ nguyên hướng bay. Những luồng đạn vút lên cao về phía chúng tôi. Ánh đèn xanh trong khoang máy bay cùng một lúc với tiếng chuông reo. Nhìn xuống đất, vạch đỏ hình chữ thập trôi dần về phía

trước đã ở ngay dưới mũi máy bay theo chiều thẳng đứng.

Đáng lẽ phải hô khẩu hiệu “Go” rất ngắn gọn theo điều lệnh nhằm thúc giục lính dù nhảy xuống ngay lập tức thì người hướng dẫn lại nói với tôi bằng một giọng như nói chuyện:

- Nhảy xuống đi, thưa đại úy!

Tôi lao ra khỏi cửa máy bay, trôi lơ lửng trong luồng không khí ấm áp, không cảm thấy đau dạ dày mà ngược lại thấy rất dễ chịu. Tôi muốn được kéo dài tình trạng này tới hàng ngàn giây đồng hồ để tận hưởng cảm giác bồng bênh tràn ngập tâm hồn như làn gió đang thổi phồng cánh dù trong trắng của tôi, khiến tôi tự hào vì đã chế ngự được sự sợ hãi và hưởng thụ được sự vượt vể của trời đêm trên da thịt. Tôi đã chạm đất mà không nhìn thấy đất. Chung quanh chỉ có những tiếng nổ của đạn pháo rục ánh lửa lung linh. Tôi lăn một vòng trên địa hình gồ ghề rồi cởi bỏ dù, tìm ngay thấy sở chỉ huy không khó khăn lắm.

Lúc này đã quá nửa đêm. Đại tá Langlais đang ngồi ở tận cuối gian hầm, đằng sau một cái bàn gỗ, trên đặt lộn xộn đủ mọi thứ như một quầy hàng trong chợ: những chiếc cốc uống nước đủ mọi kiểu, một ấm cà phê, hai chai rượu đã cạn, những mẫu giấy lau miệng, những đồ hộp thức ăn đã mở tung, một bánh sô-cô-la và một khẩu súng ngắn.

Người ông gầy gò, rất gầy, để lộ cả xương sườn cũng như vẻ mặt hốc hác. Giọng nói, ánh mắt, thái độ, cử chỉ đều biểu lộ sự kiệt sức và cả suy nhược thần kinh.

Tôi nhận ra ngay vóc dáng lực sĩ của Bigeard. Ông đang đứng sát vách hầm, nói chuyện qua một máy bộ đàm. Bigeard không thay đổi mấy tuy có gầy đi chút ít. Ông nói với tôi:

- Đợi đến sáng rõ thì tập hợp đại đội của anh lại. Rồi đi sang Eliane 3. Anh chỉ huy việc phòng ngự ở Eliane 3 nhưng cũng phải sẵn sàng để tham gia phản kích giành lại Eliane 2. Trong lúc chờ sáng, hãy ngủ đi một lát.

Tôi không ngủ mà thảo luận các chi tiết nhiệm vụ với các sĩ quan tham mưu. Khoảng hơn hai giờ sáng tôi đến gian hầm lớn, nơi đặt bộ tư lệnh Binh đoàn

tác chiến Tây Bắc, gọi tắt là GONO.

Đại tá Seguin Pazzis tiếp đón tôi với vẻ lịch sự vốn có và nụ cười hóm hỉnh. Mặc dù vẻ ngoài như vậy, ông vẫn giữ ở bên trong tính kiêu hãnh của một con ngựa chiến thuần chủng so với các đồng cấp trong đội quân thuộc địa. Tôi biết ông từ lâu, hồi ông đang làm huấn luyện viên giảng dạy cho chúng tôi tại trường Cao đẳng quân sự Saint Cyr. Ở đây ông không đi đôi ủng Saumur bóng nhoáng nữa mà là đi đất, những ngón chân quý tộc dính đầy bùn bám chặt lấy nền đất dính và trơn. Ông chỉ tay lên bản đồ, mô tả vắn tắt cho tôi tình hình mặt trận. Từ góc hầm một loa phóng thanh đang lên tiếng rè rè. Có ai đó từ đầu bên kia đang gọi:

- Yêu cầu tăng viện gấp. Tôi nhắc lại là tình hình rất phức tạp. Chúng tôi bị tiến công đồng loạt từ khắp mọi phía. Việt Minh đã bám chân được ở nhiều nơi. Tăng viện gấp. Hết!

Có tiếng trả lời lạnh lùng vang lên trong loa:

- Rõ rồi. Tôi sẽ làm mọi việc cần thiết.

Pazzis nói với tôi:

- Đó là Huguette 4 đấy. Chúng tôi đã đoán trước cuộc tiến công này. Trong cứ điểm có một đại đội dù, do Luciani chỉ huy, với tám chục lính dù lê dương và vài lính Ma-rốc.

Tướng Castries bước vào hầm. Dưới ánh sáng bóng đèn điện treo trên trần, nom ông già đi tới mười tuổi so với hồi tháng 3 năm nay. Những nét hốc hác trên mặt ghi rõ ông bị mất ngủ và căng thẳng thần kinh, đi lại phải chống gậy, nhưng là một chiếc gậy của các tay chơi cá ngựa mà ông vung vẩy theo kiểu trưởng giả học làm sang. Ông chống tay lên đầu gậy để rút chân ra khỏi bùn và nói với tôi:

- Thế nào? Cậu cũng lên đây cơ à?

Rồi ông quay luôn sang phía đại tá Pazzis, hất hàm về phía loa phóng thanh nói:

- Huguette 4 đấy phải không?

- Vâng, thưa tướng quân. Việt Minh đã chọc thủng được lớp phòng ngự mặt

phía Bắc.

- Pháo binh đâu?

- Pháo đã bắn rất trúng. Nhưng các cỗ pháo đặt ở Isabelle cũng đang bị Việt Minh bắn trả ác liệt.

- Bigeard biết chưa?

- Đã. Nhưng không còn lực lượng dự bị nữa. Chỉ có một trung đội lính Maroc đang cố đến tăng viện cho cứ điểm.

Tướng Castries quay sang nhìn tôi, như muốn tôi là người làm chứng vì tôi là người từ phía trên, ở Hà Nội, tôi phải biết ý định của cấp trên. Ông nói:

- Cậu thấy không? Nhưng còn ở Hà Nội thì thế nào? Họ nghĩ rằng chúng tôi còn có thể giữ được bao lâu nữa.

Quả thật, tôi chẳng hiểu biết gì về những ý định của Bộ tổng chỉ huy và những điều tôi biết về số phận của Điện Biên Phủ, tôi không thể nói ra với tướng De Castries được. Nhiều sĩ quan đã kéo đến đang chờ tôi trả lời. Tôi nói:

- “Họ” nghĩ rằng chỉ cần chúng ta giữ được vài ngày nữa thôi cũng đủ. Việt Minh gặp tổn thất lớn sẽ bỏ cuộc..

Tôi nhận rõ vẻ bi quan trong đám người đứng nghe. Hy vọng Việt Minh bỏ cuộc đã được cấp trên làm lóe sáng lên từ sáu tháng nay rồi, mọi người đều mong mỗi từng ngày nhưng Việt Minh chưa bao giờ có vẻ đứt hơi. Tôi vội nói tiếp:

- So với ngày 13 tháng 3, tình hình hiện nay có nhiều điểm khác trước. Những trận mưa đang cản trở hoạt động, làm chậm lại cuộc tiến công của Việt Minh (tôi nhìn thấy vài người gật đầu, có vẻ tán thành). Nhưng cuộc thảo luận đang diễn ra tại Geneve. Một hiệp định ngừng bắn có thể được ký kết vài ngày nữa, thậm chí vài giờ nữa.

Lần này, tôi nhìn thấy mọi cặp mắt đều bộc lộ vẻ đồng ý. Tướng Castries nói:

- Geneve ư? Ừ! Phải (ông nhắc lại như muốn nhận thức rõ). Geneve? Cũng có thể...

Trong loa phóng thanh lại vang lên tiếng gọi bằng một giọng cất cao, nói rất nhanh, lộ rõ vẻ kinh hoàng như muốn giấu đi nỗi sợ hãi.

- Huguette 4 gọi đây. Đại úy Luciani đã bị thương vào đầu. Chúng tôi chỉ còn khoảng một chục người đang bảo vệ sở chỉ huy. Chúng tôi chờ viện binh. Quân tăng viện đâu? Việt Minh đang tiến công... Tôi đã nghe rõ tiếng Việt Minh đang tiến vào chiến hào. Về phía tôi... Quân Việt đây rồi? Ôi? Iii?

Người đang nói là một trung úy thuộc trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 4. Câu sau cùng anh nói như kêu thét, thật sự là một tiếng kêu lúc sắp chết làm tất cả chúng tôi đều bật dậy, đứng thẳng người.

Tiếng loa im bặt. Một lát sau mới lại vang lên tiếng nói của anh lính phụ trách điện đài của sở chỉ huy trung tâm gọi bắt liên lạc với Huguette 4 một cách máy móc như là để làm tròn nhiệm vụ:

- Huguette 4 đâu, Huguette 4 đâu? GONO gọi đây! Nghe rõ trả lời. Nghe rõ trả lời...

Tướng Castries lại nói với tôi:

- Cậu nhìn thấy chưa? Một cứ điểm vừa sụp đổ. Không làm gì được nữa. Miếng da lừa đang co lại.

Luồng ánh sáng đầu tiên của ban ngày có vẻ xám xịt và bần. Tôi đã tìm gặp được rất nhanh những binh lính thuộc đại đội của tôi trong các hố hào xung quanh sở chỉ huy trung tâm. Thiếu một trung đội vì hai máy bay đã phải quay về nửa chừng. Tôi tập hợp quân và tiến hành điếm danh trong các chiến hào của tiểu đoàn dù thuộc địa số 8 tại cứ điểm Epervier. Trời vẫn mưa. Những giọt nước mưa ấm và nhầy nhụa như giọt mồ hôi.

Để tới được Eliane 3 chúng tôi phải đi mất từ năm đến sáu tiếng đồng hồ theo những hào giao thông chật hẹp lầy lội, có đoạn nước ngập tới bụng.

Việt Minh đang theo dõi cuộc hành quân của chúng tôi bằng ống nhòm. Thỉnh thoảng chúng tôi lại nhận được một loạt đạn pháo bắn vào đường hào và cả đạn trọng liên bắn đi từ mỏm núi trọc mà Việt Minh đã chiếm được.

Trong các hầm trú ẩn của Eliane 3 còn đọng lại tới ba trăm lính bị thương,

nằm chật các hầm hố.

Lính của đại đội tôi đứng trong chiến hào nhìn những chiếc dù thả lạt đang rơi xuống trận địa Việt Minh. Một cơn dông ập xuống lúc nửa đêm. Nước từ nóc hầm tràn xuống như suối chảy. Nhìn ra ngoài trời tối mù mịt không thấy gì cả. Sáng thứ tư ngày 4 tháng 5, mưa vẫn tiếp tục rơi. Một trận mưa chậm rãi, không giận dữ nhưng kéo dài như vô tận. Bất chấp cơn dông và đạn pháo cao xạ, đêm qua không quân vẫn tiếp tục thả dù tăng viện. Thêm 74 binh lính được đưa đến Eliane 3 cùng với trung úy Julien.

Đại úy Penduff cũng dẫn theo một phần trung đội của tiểu đoàn bộ. Một liên lạc viên chạy đến đưa cho tôi một mệnh lệnh do Bigeard ký tên: “Đến ngay Elian 2 (trên đồi A1) thay quân cho tiểu đoàn thuộc bán lữ đoàn lê dương 13. Anh được chỉ định chỉ huy cử điểm với hai đại đội thuộc tiểu đoàn dù thuộc địa số 1”. Đồng thời, ngay lúc đó cũng xuất hiện một đài đội lính Ma-rốc do đại úy Nicod đến thay đại đội của tôi, làm nhiệm vụ trấn giữ Eliane 3.

Tôi đi theo đường hào giao thông dẫn lên đỉnh đồi, đi rất chậm vì bùn dính đến tận đùi, mỗi bước tiến lên đều phải lấy sức. Lúc tôi tới cây phượng vĩ cổ thụ ở chân đồi thì đã 11 giờ trưa. Dù sao tôi cũng vượt được những thước đất cuối cùng bằng cách chạy được vào vị trí chỉ huy: thở hổn hển, đứng lúc một loạt đạn cối ập xuống. Đại úy Coutant đón tôi bằng một nụ cười và nói:

- Tại Eliane 2 (trên đồi A1) này, không lúc nào ngừng bắn cả.

Anh có một bộ mặt tròn, trầm lặng của một người bố, hoàn toàn khác với những bộ mặt vênh váo của lính lê dương thường mô tả trên báo chí, phim ảnh và trong những bài viết của Editn Piaf.

Anh từ Tổng hành dinh đặt tại Sài Gòn ra công tác ngắn hạn ngoài này, với thời gian được ấn định là 48 giờ là tới Điện Biên Phủ vào ngày 12 tháng 3 trong chuyến bay cuối cùng vì hôm sau đã là trận đánh. Anh không thể quay về được nữa, đành nhận chức vụ chỉ huy tiểu đoàn bộ binh số 1... Phó của anh là đại úy Georges, người nhỏ bé, cũng là một sĩ quan cùng bay với anh trong chuyến bay cuối cùng Hà Nội - Điện Biên Phủ.

Tôi đi chậm chạp một vòng chung quanh điểm tựa. Các chiến hào và công

trình phòng ngự đều đổ nát như những di tích hoang tàn. Mái hầm, vách trần, các lỗ châu mai đều phải gia cố thêm bằng các vật liệu chấp vá hỗn độn như: Giường sắt, tủ sắt lấy ở cơ quan hậu cần, những nòng pháo bị hỏng sản xuất từ Tiệp Khắc, Trung Quốc, Mỹ, những thùng và bi đồng nhồi đất. Một chiếc quần loang lỗ màu ngụy trang chứa đầy cát trong hai ống, đặt thêm lên trên bờ chiến hào; lỗ châu mai nằm giữa đống quần với hai ống dang ra hai bên nom như những bắp đùi của một xác chết.

Đại úy Edma nhảy xuống trước tôi hai mươi bốn giờ đang chỉ huy đội trấn giữ mặt Đông và Nam, là góc bất lợi nhất cứ điềm vì chiến hào Việt Minh chỉ cách chúng tôi chưa đầy 5 mét. Đỉnh đồi hãy còn xác chết xe tăng Bazeille bị bắn hỏng bằng một quả đạn Bazooka ngày 1 tháng 4, được coi như một vật đánh giấu. Thân xe tăng đã chìm khá sâu trong lớp đất nhưng tháp pháo vẫn còn xoay chuyển được. Chiếc xe tăng này được dùng làm lô cốt bọc thép.

Khắp nơi, mùi xác chết bốc lên nồng nặc.

Những người lính lê dương cuối cùng được chúng tôi tới thay thế đã rút hết khỏi cứ điềm. Để chuẩn khỏi nơi này thật nhanh, họ đã vọt lên bờ hào để chạy. Đến khi nghe thấy tiếng pháo cối nổ ở đầu nòng họ mới nằm rạp xuống đất bùn để tránh đạn. Sau loạt đạn, họ lại vùng lên để chạy tiếp.

Đại đội trưởng Coutant cũng đã chuẩn bị xong ba lô. Nhưng anh chân chừ nán lại và nói với tôi:

- Tôi sẽ ở lại đây đêm nay với anh để bàn giao tình hình.

Nhưng Coutant không nói gì với tôi về việc bộ đội Việt Minh đang đào một đường hầm ngầm ngay phía dưới, vì hai ngày hôm nay không nghe thấy tiếng động nữa. Các chuyên gia cho rằng với đường hầm bên dưới cứ điềm Eliane 2 này, Việt Minh có thể đặt từ hai đến ba tấn thuốc nổ. Coutant chớp mắt ngủ trong khi tôi thức canh chừng. Đến đêm, chợt thấy như bộ đội Việt Minh đang có mặt ở chung quanh chúng tôi? Trong khung cảnh tĩnh mịch của ban đêm, nghe rõ những tiếng gặm nhấm như đang nghiền đồ gỗ trong căn nhà thanh bình. Những tiếng cuốc đất nạo đất, moi đất mỗi lúc một gần.

Chúng tôi bắn vu vơ những phát đạn ra phía chung quanh.

Coutant đã thức giấc nói:

- Về khoản tiếp tế thì tình hình này mỗi đêm phải có tới 3.000 quả lựu đạn mới đủ.

Trong đám rễ cây phượng vĩ cổ thụ có một lô cốt ngầm rất vững chắc, nằm sâu dưới mặt đất, bảo vệ cho con đường tiếp vận lộ thiên nối liền Eliane 3 với Eliane 2 và là sợi dây liên lạc duy nhất giữa hai cứ điểm. Rõ ràng Việt Minh muốn phá hủy cái lô cốt này. Bộ đội Việt Minh đã đào một đường hào dài và sâu, từ chân sườn đồi ở mặt phía Tây, nhích dần lên tới đỉnh. Đã hai chục lần, lính lê dương trên đồi phải ra sức chiến đấu để lấp đầu đoạn hào này nhưng Việt Minh vẫn tiếp tục đào lấn và hiện nay đầu hào chỉ cách lô cốt của chúng tôi khoảng 10 mét, vừa tầm để lính Việt Minh ôm bộc phá từ chiến hào vọt lên...

Khoảng 10 giờ sáng, chúng tôi nghe thấy Đài phát thanh Hà Nội báo tin đoàn đại biểu Việt Minh đã tới thành phố Geneve. Coutant đã ra đi trước khi tôi có thể mời anh một cả nước quả đóng hộp. Chúng tôi cũng chưa kịp ăn sáng, tranh thủ ban ngày, tôi dành nhiều giờ đi kiểm tra tình hình điểm tựa.

Không nhìn thấy một binh lính Việt Minh nào cả nhưng thỉnh thoảng chúng tôi lại nhận được một loạt đạn súng bắn thẳng nhâm vào các lỗ châu mai hoặc một chùm đạn cối dội xuống đầu khi chúng tôi đi lại trong cứ điểm. Cứ điểm vẫn kiên cố nhưng thiếu ít nhất là một đại đội để giữ vững. Tôi chỉ có hai đại đội thuộc tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 dàn ra chung quanh như một vành đai mỏng có nhiều điểm yếu. Khi tôi quay về vị trí chỉ huy đặt ở sườn đồi, trời đã tạnh mưa. Thời tiết dần dần được cải thiện, pháo địch bắn có vẻ “hoà nhã” hơn. Trên vòm trời xanh ngắt, những chiếc dù trắng đang rơi xuống. Trong bầu không khí hãy còn ẩm ướt, những đỉnh núi hiện lên rất rõ nét, nom như sát gần. Đại úy Edme ngồi sưởi nắng ở cửa hầm. Lúc nhảy dù, anh bị sái chân, hiện nay bàn chân đang còn phải quấn chặt trong vải băng bó. Nhìn thấy tôi, anh đứng dậy, ngắm nhìn cảnh vật khá lâu rồi nói:

- Kể ra nếu trời không mưa thì cũng không đến nỗi tôi tệ lắm. Cảnh vật tươi



đẹp, trên đỉnh đồi không có bùn.

Chúng tôi có cảm giác như còn đóng quân ở đây lâu. Nhưng đến 5 giờ chiều, pháo lại bắn rất dữ dội. Ngay loạt đầu có tới hàng trăm quả đạn rơi xuống rồi tiếng nổ rền cứ kéo dài như đoàn tàu chạy nhanh trên chiếc cầu sắt. Đạn bắn tới từ khắp các điểm ở phía chân trời. Một cụm cối 120 mm bắn từ phía sau núi trọc có thể nghe rõ tiếng nổ đầu nòng.

Những quả đạn phóng đi từ những cỗ pháo không giạt nhằm thẳng vào các lô cốt, lần lượt phá hủy từng lỗ châu mai và làm đổ sập những vật gia cố bằng bê tông nhồi đất và những bao cát.

Những chiến hào tiếp cận tràn đầy bộ đội Việt Minh tiến theo một hàng dọc. Tôi nghe tiếng trung tá Bréchnignac gọi qua máy vô tuyến:

- Tối nay đến lượt các cậu đây. Dùng tung hết lực lượng ra ngay, trước hết hãy tập trung pháo bắn trả. Mọi việc sau đó là dựa theo lệnh chiến đấu của anh. Và rồi sau đó có lẽ các anh sẽ có thêm một đại đội tăng viện.

Phụ trách chỉnh hướng cho pháo là Robin, đã có mặt tại Eliane 2 từ ba tuần nay, có thể còn sớm hơn nữa. Với một cái bảng gỗ, chiếc compa, thước kẻ, máy tính, anh sử dụng rất chính xác các thiết bị trong tay, tính toán và dọn đường cho pháo bắn theo yêu cầu. Tôi chỉ thị cho Robin hướng dẫn pháo bắn chặn ngay sát những lớp rào phòng ngự ở mặt Tây Nam cứ điểm. Bộ đội Việt Minh xung phong ngay từ lúc trời còn sáng. Khi tiếng pháo chuẩn bị vừa ngừng nhưng dư âm vẫn còn vang thì đã thấy hàng ngàn bộ đội từ dưới đất vùng lên xông thẳng vào những lớp rào kẽm gai. Tôi ra hiệu cho Robin. Robin nói một câu qua máy rồi mở thật to loa phóng thanh. Từ loa phóng thanh, tôi nghe rõ tiếng một sĩ quan ở sở chỉ huy trung tâm ra lệnh cho các khẩu pháo đồng loạt bắn chặn. Đến 7 giờ tối, trời đã đen kịt như ban đêm.

Đồng thời ở Điện Biên Phủ cũng bắt đầu bắn pháo sáng tạo nên một ban ngày nhân tạo. Bộ đội Việt Minh vẫn tiếp tục xung phong từng đợt, cách nhau mỗi đợt khoảng nửa giờ hoặc bốn mươi năm phút.

Khoảng gần 11 giờ đêm, quả mìn lớn đã nổ.

Trước tiên, tôi cảm thấy một luồng sóng chấn động lan đi từ phía sườn đồi,

đất rung chuyển, rồi một tiếng nổ lớn át cả mọi tiếng động khác. Sau tiếng nổ, dư âm còn vang vọng vài giây trong lòng đất.

Đỉnh đồi bị vỡ như đã bị lật mất mũ đội. Các vị trí của đại đội 2 không còn nữa. Từ lỗ hổng này Việt Minh vọt lên chiếm các điểm ở miệng khe trên đỉnh đồi. Phải ít lâu sau, tôi mới nhận thức được tình hình. Ở mặt phía Tây, Julien vẫn còn chặn địch. Ở mặt Nam, một trung đội dưới sự chỉ huy của thiếu úy Paul vẫn còn tại chỗ. Ở mặt Bắc, Nectoux vẫn giữ vững. Chúng tôi đã phản kích ở mặt phía Đông với một trung đội của đại đội 3.

Khi tôi quay về hầm chỉ huy đã 3 giờ sáng. Tôi gọi về sở chỉ huy trung tâm; không thấy trả lời.

Nhưng qua loa phóng thanh tôi nghe thấy tiếng trung tá Bréchnignac đang nói với các đại đội. Đến lượt Elian 4 cũng đã bị tiến công. Tôi gọi về sở chỉ huy binh đoàn lê dương nói chuyện với thiếu tá Vadot:

- Eliane 2 nói đây! Việt Minh đã ngừng tiến công. Pháo bắn thưa thớt. Tôi chỉ còn 35 lính đủ sức chiến đấu. Vài băng đạn súng máy và một quả lựu đạn. Nếu có thêm một đại đội tăng viện, tôi có thể đương đầu được với đợt tiến công sắp tới.

- Này, anh bạn! Nên biết điều một chút. Tôi đào đâu ra một đại đội đưa cho anh bây giờ. Không còn gì hết.

- Trong tình huống như thế này. Tôi xin phép được cùng với số binh lính còn lại chọc vòng vây, rút sang Eliane 3.

- Ô. Không được. Các anh phải giữ nguyên vị trí. Trước hết, anh là lính dù, anh phải chiến đấu đến cùng, ít nhất cũng đến khi trời sáng.

- Rõ! Đối với tôi thì cũng là xong rồi.

Tôi bắn ba phát đạn các-bin vào cỗ máy thu phát. Bên ngoài, cảnh vật vẫn hiện rõ dưới pháo sáng. Đỉnh đồi A1 nơi đặt cứ điểm Eliane 2 vẫn còn bốc khói, cứ mỗi phút lại nhận được một hoặc hai quả đạn pháo bắn cầm chừng. Những binh lính còn sống sót của đại đội dù thuộc địa số 3 ngồi túm tụm với nhau, ba người hoặc bốn người một hố. Giờ phút kích động vì cuộc chiến đã chấm dứt. Bây giờ mọi người đều lộ rõ vẻ kiệt sức, trông rỗng, bị đánh gục.

Tôi ngồi trên bờ đất mềm của miệng hố vừa bị mìn nổ, như miệng núi lửa, nhìn những đóm lửa tung lên từ những quả đạn pháo bắn vào khu Trung tâm và các vị trí pháo binh. Trên sườn đồi mặt phía Đông, tôi nhìn thấy những chiến hào Việt Minh cách chỗ tôi khoảng năm mươi mét. Từ dưới chiến hào, Việt Minh vọt lên rất đông đi theo hàng dọc trên bờ hào rồi toả đi rất nhanh trên mặt đất, từng tổ ba hoặc bốn người. Tôi có cảm giác hình như đã mở chốt quả lựu đạn, chỉ chờ cơ hội tốt nhất thì sử dụng.

Việt Minh rất đông. Tôi chỉ còn khoảng ba hoặc bốn chục binh lính nhưng không còn đạn. Không chần chừ, tôi ra lệnh cho trung úy Fesselet rút về khu vực trung tâm với tất cả những ai còn đi được. Có lẽ đến mai sẽ tổ chức được những đại đội phản kích từ những đám binh lính thoát khỏi vòng vây.

Trung úy Julien ở lại bên cạnh tôi. Với chúng tôi không còn gì để làm nữa. Chúng tôi chạy đến các vị trí ở mặt phía Bắc do Nectoux trấn giữ. Các chiến hào đều vắng lặng. Tất cả đều đã bị chết trận, trừ một vài người bị thương đã bị Việt Minh mang đi.

Tôi cảm thấy bàn tay phải giữ chặt quả lựu đạn tê cóng như bị chuột rút. Quả lựu đạn đã rút chốt an toàn. Tôi đã nghĩ đến chuyện mở những ngón tay. Rồi đếm đến năm. Dễ thôi. Tôi bắt đầu đếm đến ba thì ném quả lựu đạn về phía đám bộ đội đang xông đến cách tôi khoảng 5 mét.

Lúc tôi tỉnh dậy thì thấy có một gương mặt cúi xuống, nói với tôi một cách hiền từ:

- Anh đã bị Quân đội nhân dân Việt nam bắt làm tù binh. Đừng sợ. Đối với các anh chiến tranh đã chấm dứt. Anh sẽ được chăm sóc tốt do chính sách khoan hồng của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong lúc hai người lính dẫn tôi về trại tù binh, tôi ngược nhìn lên vòm trời. Mặt trời chưa lên tới đỉnh. Đến 11 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5 thì tất cả các vị trí ở phía Đông sông Nậm Rôm đều bị đánh chiếm. Sau khi mất Eliane 2 được coi như chiếc chìa khoá của toàn bộ hệ thống (trên đồi A1) cuộc chiến đầu phòng ngự ở Điện Biên Phủ đã bị sụp đổ.

Tại các cứ điểm Isabelle phía Nam Mường Thanh còn có tới 2.000 quả đạn

pháo, nhưng chỉ có một khẩu pháo có thể sử dụng được.

Từ hai hoặc ba ngày trước, Castries, Langlais, Bigeard đã nghĩ đến một kế hoạch rút lui mang mật danh Albatros. Đó là mưu đồ thực hiện vào phút cuối cùng, cố chạy sang Lào. Ba người bàn kín với nhau y như một âm mưu vụng trộm.

Bréchnac, Turret, Bottella, Guiraud đều là người trong cuộc. Còn những người khác đang cùng với đám binh lính bị thương bám giữ trận địa thì không biết gì cả vì họ sẽ phải ở lại. Nhưng mãi đến ngày 7 tháng 5, từ Castries đến Langlais và Bigeard đều không ai dám khởi sự, thực hiện kế hoạch này. Lần cuối cùng họ gặp nhau để bàn về những cơ may của cuộc tháo chạy là vào lúc buổi trưa. Bigeard có thể xuất phát lúc nửa đêm rút theo hướng Tây Nam, lủi vào vùng rừng núi để thoát thân. Nhưng Langlais không đảm bảo có đủ sức để đi bộ hai tiếng đồng hồ mà không gục ngã.

Đến quá trưa thì họ đã bị đánh bại. Khu trung tâm chỉ còn lại một mẩu đất cuối cùng khoảng 500 m<sup>2</sup> nằm lọt thỏm giữa dòng sông và cứ điểm Claudine 4, Huguette 2 và Junon, trong đó còn có tới từ 3.000 đến 4.000 lính bị thương, khoảng 3.000 đến 4.000 lính đào ngũ đang chui rúc tại các hầm hố như đàn chuột. Lính chiến đấu thật sự chỉ còn lại 1.000 đã kiệt sức, rối loạn và không còn đạn dược.

Castries liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Đã 16 giờ 15 phút. Ở Sài Gòn và Hà Nội lúc này đã hết giờ nghỉ trưa. Ông cầm ống nói, bảo nhân viên phụ trách điện đài:

- Cho tôi nói chuyện với Hà Nội.

Trong lúc này không còn một cứ điểm nào có thể tổ chức phòng ngự được nữa. Đợt xung phong sắp tới của Việt Minh có thể đánh thẳng vào khu Trung tâm. Tiếng chuông reo. Nhân viên phụ trách điện đài nói:

- Báo cáo thiếu tướng, đã liên lạc với Hà Nội. Xin tướng quân cứ nói chậm chạp để nghe cho rõ.

Cơn dông ập xuống thung lũng nhỏ, nơi đặt trại tù binh số 1, đã chấm dứt. Bầu không khí hiện nay khá mát. Ngồi trong trại, chúng tôi nghe rõ tiếng

dòng sông chảy ào ào do nước lũ và cả tiếng gáy của ông già người Tày say thuốc Lào đang nằm ngủ trong lán dùng làm nơi tạm giữ tù binh. Anh lính tù binh Ysquierdo đọc to bản thông báo cuối cùng về trận Điện Biên Phủ vừa được phát tới tay các tù binh:

- Vào hồi 5 giờ chiều nay, ngày 7 tháng 5 năm 1954...

-----  
**Hết**

**Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)**